

NGUYỄN HỮU KIỆT dịch

Những Bí Ẩn của Cuộc Đời





NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



NHỮNG BÍ ẨN CUỘC ĐỜI

Dịch giả: Nguyễn Hữu Kiệt

GPXB số 277-2008/CXB/82-43/VHTT

QĐXB số 1414/QĐ-VHTT

In ấn và phát hành tại Nhdà sách Quang Minh

416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM Việt Nam

NGUYỄN HỮU KIỆT dịch
NGUYỄN MINH TIẾN hiệu đính

TỦ SÁCH HUYỀN MÔN

NHỮNG BÍ ẨN CUỘC ĐỜI

Theo tài liệu ***Many Mansions (1950)***

của ***Gina Cerminara***

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI GIỚI THIỆU

Trải qua dòng lịch sử, nhân loại đã thực hiện được nhiều kỳ công vĩ đại, nhưng con người vẫn phải bóp trán suy nghĩ để tìm hiểu ý nghĩa và nguyên nhân của sự đau khổ diễn ra từ khi chào đời cho đến lúc xuống mồ. Con người vẫn luôn hy vọng có một ngày nào đó sẽ tìm ra được những câu giải đáp thỏa đáng cho những điều bí ẩn và khó khăn trong bài toán về cuộc đời. Tuy nhiên, cho đến nay thì việc dựa vào những thành tựu của khoa học để làm được điều này vẫn còn là điều quá xa xôi, trong khi nhiều hiện tượng mà khoa học hoàn toàn không giải thích được lại có vẻ như đang mang đến cho con người những đáp án mà họ mong đợi.

Ông Edgar Cayce là một trong số những hiện tượng như thế. Không ai có thể giải thích được vì sao ông lại có được những giác quan thần bí và có thể sử dụng những khả năng đó vào nhiều mục đích vô cùng thực tế. Thông qua sự nhận biết và trình bày của ông, những định luật về

luân hồi và nhân quả, mà từ trước đến nay vẫn bị nhiều người xem như những điều mơ hồ khó hiểu và không thể chứng minh cụ thể, thì nay có vẻ như đã được giải thích một cách rất rõ ràng.

Tường thuật những câu chuyện về ông Edgar Cayce trong tập sách này, chúng tôi không có ý khẳng định một điều gì, mà chỉ hy vọng sẽ mang đến cho độc giả những giây phút giải trí thư giãn và đồng thời cũng có đôi điều suy gẫm để làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

CHƯƠNG 1

MỘT TRIỂN VỌNG ĐÁNG MỪNG

Một nhà hiền triết đã mô tả về ý nghĩa của một đời người chỉ trong một câu ngắn gọn: "*Con người sinh ra chỉ để đau khổ và cuối cùng chết đi.*"

Nói về sự đau khổ của cuộc đời, ngày nay hẳn không còn ai phải hoài nghi hay tranh cãi. Người ta thường chỉ không đồng ý với nhau trong việc nhận định về những đau khổ đó và nên đối phó với chúng như thế nào mà thôi.

Cách đây hơn 25 thế kỷ, người đầu tiên đã nhận thức và mô tả hết sức cụ thể về những đau khổ của đời người là một người Ấn Độ. Ngài đã chỉ rõ mọi nguyên nhân cội nguồn của đau khổ và vạch ra con đường thoát khổ, được hàng triệu triệu người trên khắp thế giới noi theo từ đó đến nay và mỗi người đều đạt được những sự lợi ích tinh thần nhất định, từ những phút giây thanh thản trong đời sống thường nhật cho đến những trạng thái giải thoát toàn diện thoát khỏi mọi khổ đau.

Lịch sử ghi nhận sự kiện đản sinh của bậc vĩ nhân đó với tên gọi Thái Tử Sĩ Đạt Ta, và về sau được tôn xưng là Đức Phật, với ý nghĩa là bậc Toàn Giác.

Phụ vương của Sĩ Đạt Ta là một vị vua có thế lực lớn ở miền Bắc Ấn Độ thời đó. Người quyết định truyền ngôi cho thái tử nên đã giữ chặt thái tử trong cung, không cho thái tử nhìn thấy những cảnh lầm than, đau khổ của người đời.

Thái Tử sống từ nhỏ trong cung cấm. Đến lúc trưởng thành, vua cha cưới cho thái tử một vị công chúa nhan sắc tuyệt trần. Từ nhỏ đến lớn, thái tử chưa hề bước chân ra khỏi bốn vách thành bao bọc quanh hoàng cung. Khi thái tử có được một hoàng nam, người thấy nhàm chán cảnh cung điện và muốn biết có những gì ở cuộc sống bên ngoài cung điện. Người mới xin phép vua cha xuất thành du ngoạn. Lần đầu tiên thái tử được nhìn thấy cảnh thành phố tấp nập, dân cư đông đảo và đời sống thực tế bên ngoài cung điện.

Sau khi du ngoạn bên ngoài bốn cửa thành, thái tử nhìn thấy những cảnh tượng làm cho người chú ý. Đó là cảnh một người già, một người bệnh tật và một xác chết. Thái tử lần đầu tiên thấy được những cảnh này, vô cùng xúc động, bèn hỏi tên đánh xe đi theo ngài: “Tại sao lại có những cảnh đau khổ như thế?”

Khi được biết rằng đó là những điều vẫn xảy ra với tất cả mọi người, không ai tránh khỏi, Thái tử vô cùng buồn bực, đến nỗi Ngài không còn ham thích gì cuộc sống xa hoa.

Khi trở về cung, ngài bắt đầu nuôi ý định xuất ly, từ bỏ tất cả mọi sản nghiệp, gia đình vợ con để xuất gia tầm đạo, tìm một phương cách để cứu vớt nhân loại và chúng sinh thoát khỏi sự lầm than đau khổ.

Ý nguyện của ngài không được sự chuẩn thuận của vua cha. Vì thế, ngài đã phải đang đêm vượt thành để ra đi tầm đạo. Sau nhiều năm khổ công tìm kiếm và tu tập, tham thiền quán tưởng, ngài đạt được trạng thái giác ngộ, trở thành một bậc toàn trí toàn giác, xứng đáng với danh hiệu Phật-đà, nghĩa là Bậc tỉnh giác. Sau đó ngài mới truyền dạy đạo giải thoát cho thế gian, chỉ cho tất cả mọi người thấy được con đường thoát khổ.

Chúng ta là những người trần gian phàm tục, không ai có thể làm giống như đức Phật Thích Ca, nghĩa là nhất thời dứt bỏ tất cả sự giàu sang, quyền thế, danh vọng, tình yêu và hạnh phúc gia đình để theo đuổi một mục đích quá cao xa như việc đi tìm chân lý và tìm hiểu ý nghĩa chân thật nhất của cuộc đời! Tuy nhiên, mỗi người trong chúng ta đều phải trải qua những hình thức khổ đau nhất định trong cuộc đời mình và hẳn đã có lúc phải tự hỏi:

- Tại sao con người phải chịu đau khổ? Và ta có thể làm gì để thoát khổ?

Cách giải thích về những "*tội lỗi bẩm sinh*" mà con người phải nhận lấy ngay từ lúc sinh ra dường như không thuyết phục đối với nhiều người. Họ thấy không có lý do gì để người ta phải chịu đựng khổ đau chỉ vì những điều mà họ hoàn toàn không tự mình thực hiện! Nhưng nếu cho rằng có những điều chính ta đã thực hiện trong quá khứ để dẫn đến sự khổ hiện nay nhưng ta hoàn toàn không nhớ biết chỉ vì si mê thì nhiều người cũng không tin nhận được, vì họ cho rằng không có sự chứng minh cụ thể nào cả!

Những nhà văn có óc không tưởng đã phác họa về một thời kỳ trong tương lai mà bốn nỗi khổ của đức Phật nêu ra sẽ có hai điều không còn nữa, đó là bệnh tật và già yếu. Nhưng mặc dầu khoa học hiện đại đã có rất nhiều những phát minh đột phá, người ta vẫn chưa bao giờ chạm tới ngưỡng cửa của sự chấm dứt hoàn toàn bệnh tật hoặc làm cho con người không còn chịu tiến trình lão hóa. Cứ mỗi khi tìm được phương pháp điều trị cho một căn bệnh nan y nào đó, thì dường như là ngay lập tức sẽ thấy xuất hiện một căn bệnh mới, còn bất trị hơn cả căn bệnh trước đó! Và như thế lúc nào con người cũng phải luôn đứng trước những thách thức không thể vượt qua của bệnh tật. Còn nói đến

tiến trình già yếu thì càng không thấy có triển vọng gì tốt đẹp! May mắn lắm thì người ta cũng chỉ hy vọng tìm ra một phương thuốc nào đó làm cho con người có thể trẻ hóa được chừng năm mười năm tuổi cũng đã là phi thường lắm rồi, đừng nói chi đến việc "cải lão hoàn đồng"!

Nhưng cho dù có vượt qua được sự bệnh tật và già yếu, con người hầu như cũng không thể tìm ra phương pháp giải quyết vấn đề mà con người vẫn xem là kẻ thù lớn nhất: Đó là sự chết! Ranh giới giữa sống và chết bao giờ cũng hết sức mong manh, và con người chưa hiểu biết được bao nhiêu về vấn đề này nên có thể nói là hoàn toàn bất lực trong việc tác động vào nó. Cho dù người ta có thể làm ra những cỗ máy khổng lồ đủ sức san bằng cả một hòn núi nhỏ, thì họ cũng không thấy có chút hy vọng gì có thể làm cho một con chuột nhắt bé tí đã chết có thể sống lại dù chỉ trong chốc lát!

Trong khi chờ đợi một cách vô vọng những tiến bộ của con người theo hướng này, và trong khi sự cải tạo thế giới trên một bình diện hợp lý hơn vẫn còn chưa đem đến cho nhân loại sức khỏe, sự anh ổn và hạnh phúc, thì chúng ta vẫn luôn phải đương đầu với muôn ngàn sự bấp bênh trong đời sống, những mối nguy cơ, tai họa và đau khổ luôn rập rình đe dọa sự hạnh phúc và bình an trong tâm hồn chúng ta! Những tai họa

thiên nhiên như hỏa hoạn, bão lụt, dịch bệnh, động đất... kèm theo với những cuộc chiến tranh do chính con người gây ra luôn sẵn sàng cướp đi đời sống an ổn của bất cứ ai trong chúng ta. Đó chỉ là mới kể qua một vài sự tác động xấu từ bên ngoài, còn nói về những yếu tố bên trong, tức là phần nội tâm, thì con người lại luôn sẵn có vô số những sự yếu đuối, bất toàn, như lòng ích kỷ, ganh ghét, tham lam, thù hận, si mê .v..v... đều là những nguồn gốc sinh ra sự đau khổ cho chính bản thân mỗi người và cho những người chung quanh.

Trong những giây phút vui tươi ít ỏi của cuộc đời, khi chúng ta cảm thấy trong lòng vui vẻ hân hoan vì tiếng nhạc réo rắt du dương, hay khi nhìn thấy cảnh sắc muôn màu của lúc bình minh, chúng ta thường cảm thấy rằng trong vũ trụ tự nhiên hẳn luôn sẵn có sự an vui và ẩn giấu một ý nghĩa sâu xa thâm trầm nào đó, khác hơn là những nỗi khổ đau mà ta phải thường xuyên gánh chịu. Tuy nhiên, khi chúng ta quay trở về cõi đời thực tế với những sự va chạm phũ phàng, những thất vọng não nề cay đắng, thì chúng ta không khỏi nêu ra nhiều câu hỏi như là:

- Ý nghĩa và mục đích của cuộc đời này là gì?

- Ta là ai?

- Tại sao ta sinh ra ở đây?

- Rồi ta sẽ đi về đâu?

- Tại sao ta phải chịu đau khổ?

- Có những mối quan hệ gì giữa ta và những người khác quanh ta?

- Giữa con người với cái sức mạnh vô hình huyền bí trong cõi thiên nhiên bao phủ cuộc đời chúng ta có mối liên hệ như thế nào chăng?

Những câu hỏi căn bản đó, nhân loại đã từng nêu ra từ những thời đại quá khứ xa xăm. Nhưng ngày nào người ta vẫn chưa tìm ra được câu giải đáp thì tất cả những giải pháp tạm thời để làm dịu bớt sự đau khổ, dầu là những phương tiện vật chất hay tinh thần, đều chỉ có ý nghĩa vô cùng hạn chế và không thể giúp cho ta có được hạnh phúc thực sự. Ngày nào mà vấn đề đau khổ của nhân loại về cơ bản vẫn chưa được giải quyết, thì có thể nói là những nỗ lực của con vẫn chưa giải quyết được gì cả, vì tất cả mọi thành tựu vật chất hay tinh thần xét cho cùng cũng không có ý nghĩa gì khi mà người ta phải luôn oằn vai dưới gánh nặng khổ đau. Ngày nào mà trên thế gian còn có một sinh vật nhỏ mọn tầm thường nhất đang quằn quại trong đau khổ mà người ta chưa giải thích được nguyên nhân, thì xem như người ta chưa thực sự giải thích được điều gì cả, và quan niệm triết lý của nhân loại về cuộc đời vẫn còn là thiếu sót, bất toàn.

Từ những thời đại cổ xưa nhất, loài người đã từng nêu ra những câu hỏi trên. Và càng suy ngẫm thì họ càng cảm thấy rằng những sự tranh đấu vất vả và đau khổ của con người không hẳn là vô ích và vô nghĩa như người ta có thể lầm tưởng. Bởi vì, trong khi những ý nghĩa vật chất nhìn thấy được là hoàn toàn không có giá trị chân thật, thì sự đào luyện và tiến hóa về tinh thần nhờ trải qua những kinh nghiệm khổ đau vẫn luôn là một điều có thật. Từ đó, người ta cảm thấy nhất định phải một sự liên quan giữa con người với thế giới tâm linh hay phần tinh thần phi vật thể. Chính từ những cảm nhận mơ hồ đầu tiên này mà người ta bắt đầu tin vào sự hiện diện vô hình của những đấng thần minh trong những khu rừng thẳm hoặc trên đồi cao, nơi gốc đa đầu làng hoặc giữa đồng hoang vắng vẻ... Cũng từ đó, người ta tin rằng mỗi sinh vật, từ con người cho đến loài cầm thú, đều có một linh hồn, và rằng linh hồn đó tuy phải chịu những đau khổ cùng với thể xác, nhưng vẫn sẽ tồn tại sau khi chết trong một hình thức phi vật chất và tiếp tục có một đời sống riêng của nó. Mặc dù những niềm tin như thế hầu hết đều là vô căn cứ, nhưng nó lại thực sự xuất phát từ những cảm nhận rất thật của con người trong suốt quá trình chiêm nghiệm về đời sống. Vì thế, những niềm tin này hầu như đã đồng thời xuất hiện ở khắp nơi trên trái đất, bất chấp mọi sự khác biệt về chủng tộc, địa lý...

Khi sự suy nghiệm của con người về vấn đề này đã trải qua được những quãng thời gian rất dài thì những lý thuyết khác nhau dần dần được phát sinh. Hoặc có người cho rằng ngoài cõi trần gian đau khổ này mà loài người đang sống trong sự hỗn tạp pha lẫn cả điều lành và điều dữ, điều thiện và điều ác, hẳn phải còn có một cảnh giới vô hình nào đó để là nơi thưởng phạt công minh đối với những hành động thiện ác của con người ở thế gian. Và xuất phát từ niềm tin đó mà người ta đã tin rằng có những cảnh thiên đàng hay địa ngục. Tùy theo sự tưởng tượng, hình dung khác nhau ở từng nơi mà người ta dựng nên những đấng cầm cân nảy mực khác nhau, hoặc miêu tả những cảnh thiên đàng và địa ngục khác nhau, nhưng tựu trung vẫn giống nhau ở điểm là khuyến thiện trừ ác và sự công bằng tuyệt đối của sự phán xét vô hình đó.

Những điều tin tưởng và giải thích như trên đã từng được nêu ra rất nhiều. Có những cách giải thích hãy còn giản dị thô sơ, chất phác, nhưng cũng có những cách giải thích tinh tế, sâu sắc hơn, và cũng có những cách giải thích được mọi người cho là hợp lý, thuyết phục. Và chính nhờ sự tin tưởng vào những giải thích được chấp nhận đó mà con người vẫn có thể tiếp tục sống và đương đầu với những nỗi khó khăn, đau khổ giữa cuộc đời, vì sự thật là nếu không có những niềm

tin đó thì cho dù con người có can đảm đến đâu cũng không thể nào vượt qua được những cơn khủng hoảng. Có người tin tưởng ở Đức *Mahomet*, có người tin tưởng ở Đức Phật, hoặc Chúa *Jesus*, hay Đức *Krishna*, hoặc một hình tượng tôn giáo nào khác nữa...

Có nhiều người tin rằng đời người có thể giải thích bằng một lý do duy nhất, đó là ý nghĩa của sự sống. Một số người khác không cần bận tâm tìm biết lý do gì cả, mà chỉ tận hưởng sự vui sướng, khoái lạc trong hiện tại. Đối với những người sinh trưởng trong nền giáo dục và tín ngưỡng đạo Gia Tô, thì sự giải thích về đời người và những sự đau khổ của cuộc đời thường là như thế này:

- Con người có một linh hồn và linh hồn vốn bất diệt; sự đau khổ là một thử thách đưa đến cho chúng ta, thiên đàng hay địa ngục là những điều thưởng phạt tùy theo cách hành động và cư xử của chúng ta trên thế gian.

Những người chấp nhận sự giải thích đó không hề nói rằng họ có đủ bằng chứng; vì đó chỉ là sự giải thích mà họ được hấp thụ từ cha mẹ và từ các giáo sĩ; và chính những vị này cũng đã hấp thụ từ những bậc phụ huynh và các giáo sĩ trong thế hệ của họ, rồi cứ như thế đi ngược dòng thời gian cho đến khi người ta tìm thấy nguyên ủy mọi sự nằm trong một quyển sách gọi

là Kinh Thánh (Bible), và một người đã thiết lập, củng cố niềm tin ấy tên là *Jesus*.

Hầu hết mọi người đều đồng ý rằng bộ sách này thật là hay tuyệt, và Đức Jesus, cho dù là một con người hay thực sự là con của Chúa Trời, vẫn phải xem là một nhân vật phi thường. Tuy nhiên, kể từ thời kỳ Phục Hưng (*Renaissance*) cho đến nay, người Tây phương ngày càng trở nên hoài nghi đối với những tín điều dựa trên niềm tin không được xác tín, dẫu cho đó là tin vào một quyển sách hay một con người. Bất cứ tín điều nào không thể chứng minh được bằng các phương tiện khoa học đều gây ra một sự hoài nghi mỗi lúc một tăng thêm.

Nhà thiên văn học *Ptolemy* (*Ptolémée*)[1] nói rằng *mặt trời xoay quanh trái đất*; và đó là điều mà Hội Thánh Gia Tô đã chấp nhận và truyền dạy. Tuy nhiên, nhà Thiên văn *Copernic*[2] đã phát minh ra những khí cụ thiên văn học để chứng minh điều ngược lại, rằng chính *trái đất xoay chung quanh mặt trời*!

---

[1]Ông tên thật là Claudius Ptolemaeus, sống vào khoảng thế kỷ 2 ở Alexandria, Ai Cập. Ông là nhà thiên văn học đầu tiên đề xướng lý thuyết về vũ trụ lấy trái đất làm trung tâm điểm và mặt trời, mặt trăng cũng như các tinh tú đều quay chung quanh trái đất. Lý thuyết sai lầm này tồn tại mãi đến thế kỷ 16.

[2]Tức Nicolaus Copernicus (1473-1543), nhà thiên văn học nổi tiếng người Ba Lan, đã đề ra lý thuyết về vũ trụ lấy mặt trời làm trung tâm điểm.

Triết gia *Aristote* nói rằng nếu người ta làm rơi cùng lúc hai vật có trọng lượng khác nhau từ trên cao, vật nặng hơn sẽ rơi xuống đất trước, và Hội Thánh đã hoàn toàn chấp nhận nền triết học cùng sự phát minh khoa học của *Aristote*. Tuy thế, với một cuộc thí nghiệm giản dị từ trên đài nghiêng ở thành phố Pise, Galileo[1] đã chứng minh rằng hai vật có trọng lượng khác nhau vẫn có thể rơi xuống đất cùng lúc nếu chúng có thể tích khác biệt tương ứng.

Trong Kinh Thánh có nhiều đoạn cho rằng trái đất vốn là một mặt phẳng rộng; tuy nhiên *Christophe Colomb* và *Magellan* cùng nhiều nhà thám hiểm khác nữa của thế kỷ XV đã làm đảo ngược giả thuyết trên đây bằng những chuyến du hành trên mặt biển, khởi hành từ một điểm và đi thẳng theo hướng đông nhưng cuối cùng lại đến được điểm khởi đầu, chứng tỏ rằng họ đã đi theo một đường tròn.

Những sự chứng minh trên đây cùng nhiều chứng minh khác nữa đã dần dần chứng tỏ rằng những giả thuyết dựa trên niềm tin vô căn cứ từ thời xưa không chắc gì là đúng. Do đó đã nảy sinh quan niệm khoa học và óc hoài nghi phán đoán của người thời nay.

---

[1] Galileo (1564-1642), nhà vật lý và thiên văn học Ý, đã chứng minh rằng quan điểm của Aristote về vật rơi tự do là sai lầm. Ông cũng là người bị Giáo hội La Mã buộc tội vì ủng hộ quan điểm của Copernicus, vốn đi ngược lại sự truyền dạy của Giáo hội.

Tuy nhiên, có một thực tế là trong sự tranh đấu để sống còn con người không thể tránh khỏi sự đau khổ. Sự đau khổ này, dường như người ta không tìm ra lý do nào để giải thích ngoài việc phải thừa nhận là nó không có mục đích gì cả! Lẽ nào người ta lại không thể có một cuộc sống không phải chịu đau khổ? Và những gì ta biết về sự chết cho đến nay vẫn chỉ là "một sự tan rã của những phân tử hóa học vật chất", ngoài ra ta không còn biết gì hơn nữa.

Như vậy, với khuynh hướng khoa học, người ta đã thay thế niềm tin vào Kinh Thánh hay các vị giáo chủ bằng niềm tin vào năm giác quan và các thiết bị khoa học!

Với những ống kính hiển vi, viễn vọng kính, quang tuyến X, máy radar và những phát minh tối tân khác, khoa học đã nới rộng tầm hoạt động của năm giác quan đến mức vượt xa trước đây, nhưng người ta vẫn dựa vào sự nhận xét bằng năm giác quan, tức thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác và xúc giác như là nền tảng của mọi lý luận khoa học.

Tuy nhiên, trải qua vài chục năm gần đây, người ta đã trở nên phức tạp hơn và hoài nghi hơn đối với những điều họ hiểu biết hoặc tưởng rằng mình đã hiểu biết. Những khí cụ khoa học mà người ta phát minh ra đã chỉ cho họ thấy một cách mỉa mai rằng những giác

quan của con người thật vô cùng thiếu sót, bất toàn và không thể giúp chúng ta hiểu biết vũ trụ một cách thật sự đầy đủ, chính xác. Những luồng sóng Hertz,[1] chất phóng quang, nguyên tử lực... đó là chỉ mới kể có một vài hiện tượng khoa học của thời buổi hiện đại, đã chứng minh một cách rõ ràng rằng chung quanh chúng ta có những luồng âm ba rung động và những mãnh lực vô hình; và những phân tử nhỏ bé nhất của vật chất đều là những kho chứa đựng năng lực, hàm súc tiềm tàng một sức mạnh kinh khủng mà con người trước đây không thể tưởng tượng nổi.

Chúng ta biết rằng những giác quan như tai, mắt... mà chúng ta dùng để tiếp xúc với ngoại giới, cũng ví như những cửa sổ nhỏ hẹp của căn nhà bé nhỏ là xác thân của chúng ta. Sự nhạy cảm của con mắt chúng ta đối với ánh sáng giúp chúng ta tiếp nhận chỉ có một phần nhỏ những luồng âm ba rung động của ánh sáng. Sự thụ cảm của lỗ tai ta đối với âm thanh chỉ giúp ta tiếp nhận một biên độ vô cùng nhỏ hẹp trong biển âm thanh rộng lớn của vũ trụ. Nhiều loại thú cầm, chim muông, côn trùng, sâu bọ có những thị giác, thính giác và khứu giác khác hẳn loài người; bởi đó vũ trụ của

[1] Hertz: đơn vị đo tần số được gọi theo tên của nhà vật lý người Đức Heinrich Rudolf Hertz, có nghĩa là chu kỳ trong một giây đồng hồ. Một kilohertz (kHz) có nghĩa là một ngàn chu kỳ trong một giây, megaherzt (MHz) là một triệu chu kỳ trong một giây và gigaherzt (GHz) là một tỷ chu kỳ trong một giây.

chúng bao hàm nhiều sự vật mà chúng ta từ lâu không nhận biết hoặc không thể nhận xét rõ. Thật đáng ngạc nhiên khi con người vốn tự hào về trí thông minh đứng đầu trong muôn loài nhưng lại thua kém một số loài cầm thú, chim muông và sâu bọ về năng lực của giác quan để biết về vũ trụ bên ngoài. Hơn nữa, vì phải phụ thuộc vào những công cụ, phương tiện khoa học mà chính trí óc siêu việt thông minh của họ đã phát minh, nên con người không thể tự mình nhận biết và quan sát mọi sự vật trong vũ trụ mênh mông rộng lớn.

Hãy tưởng tượng rằng chúng ta có thể nới rộng tầm hoạt động và nhận biết của giác quan đến mức nhạy cảm hơn đối với ánh sáng và âm thanh, dẫu rằng chỉ hơn mức bình thường một phần nào thôi. Phải chăng khi ấy ta sẽ nhận biết được nhiều sự vật mà trước kia ta không hề nghe, không hề thấy?

Hoặc nếu có một người nào đó bẩm sinh đã có được những giác quan phi thường, với một tầm nhận biết rộng lớn hơn, phải chăng điều tất nhiên là người này sẽ có thể nghe thấy, nhận biết những sự vật mà chúng ta không thấy, không nghe? Với một mức độ khác biệt nào đó, phải chăng người ấy có thể nghe, thấy và nhận biết vượt qua cả những khoảng không gian xa xôi, tương tự như máy vô tuyến truyền thanh hoặc truyền hình?

Đứng trước thế giới mênh mông vô tận với biết bao điều còn bí ẩn mà những khí cụ khoa học tối tân của thế kỷ hai mươi đã hé mở cho chúng ta nhận biết phần nào, thì người ta buộc phải nhìn nhận khả năng xảy ra những điều nói trên. Và nếu nhìn ngược dòng lịch sử loài người, chúng ta sẽ thấy đã từng có nhiều trường hợp đặc biệt được ghi chép về những khả năng nhận biết phi thường của một số người. Một trong số những người đó là ông *Swedenborg*,[1] nhà bác học trứ danh của thế kỷ 18. Ông này có được một năng lực nhận biết rất phi thường. Người ta đều biết rõ một chuyện về năng lực phi thường của ông, vì chuyện này được rất nhiều người chứng kiến, trong số đó có cả nhà triết học *Emmanuel Kant*.

Một buổi chiều vào khoảng sáu giờ, ông *Swedenborg* đang ngồi dùng cơm với vài người bạn ở thành phố *Gothenburg*, bỗng nhiên ông giật mình và nói rằng một cơn hỏa hoạn lớn đang xảy ra ở *Stockholm* là chỗ ông ở, cách đó độ năm trăm cây số. Sau đó một lát, ông tuyên bố rằng ngọn lửa đã thiêu hủy ngôi nhà của một người láng giềng và hăm dọa cháy lan đến ngôi nhà của ông. Đến tám giờ, cũng chiều hôm đó, ông cho biết, với một giọng nói đã trấn tĩnh, rằng ngọn lửa đã được dập tắt ở khoảng cách nhà ông độ vài ba gian nhà khác.

[1] Emanuel Swedenborg (1688-1772), nhà khoa học người Thụy Điển, cũng là triết gia và một nhà thần học.

Hai ngày sau, những lời của ông *Swedenborg* đã được xác nhận bằng những bài tường thuật về cuộc hỏa hoạn bộc phát đúng vào lúc ông giật mình và có cảm giác đầu tiên về cơn tai biến này!

Đây không phải là trường hợp duy nhất, tiểu sử của nhiều nhân vật tên tuổi cũng ghi chép hàng trăm trường hợp tương tự, trong số đó có những người nổi tiếng như *Mark Twain*, *Abraham Lincoln*, *St. Saens*.v.v... Trong vài trường hợp, chính những người thân quyến của họ đã có lúc nhìn thấy thình lình những hình ảnh lạ lùng về những sự việc xảy ra ở cách rất xa, hoặc sẽ xảy ra trong nhiều tháng hay nhiều năm về sau, với đầy đủ chi tiết.

Nói về trường hợp ông *Swedenborg* thì năng khiếu thần nhãn của ông từ đó trở nên một thứ giác quan mạnh mẽ phi thường và liên tục. Nhưng trong phần nhiều những trường hợp khác, năng khiếu đó dường như chỉ biểu lộ trong một lúc nhất định khi đương sự tạm thời rơi vào một trạng thái xuất thần.

Người Tây phương thường có khuynh hướng đón nhận những sự việc kể trên với một thái độ hoài nghi và thậm chí với ít nhiều cử chỉ khinh thường. Tuy nhiên, nay đã đến lúc mà người ta không thể nhìn vào những hiện tượng đó một cách khinh rẻ như thế được nữa. Đối

với những người có một tinh thần cởi mở, sẵn sàng tìm hiểu những hiện tượng lạ lùng, đối với những người thông hiểu các trào lưu khoa học và những nhu cầu của thế hệ, thì bất cứ sự việc gì có liên hệ đến những khả năng lạ lùng huyền bí của con người đều có tánh cách lý thú và có một tầm quan trọng nhất định.

Trong số những nhà thông thái có tầm kiến thức rộng rãi và thừa nhận rằng những hiện tượng thần bí, siêu nhiên đáng được nghiên cứu bằng phương pháp khoa học, cũng như đã ra công sưu tầm về những hiện tượng đó, có bác sĩ *J. B. Rhine*,[1] giáo sư trường Đại Học *Duke*. Từ năm 1930, tiến sĩ *Rhine* và những người cộng sự đã nghiên cứu sâu về những hiện tượng thần giao cách cảm và năng khiếu thần nhãn trong con người.

Bằng những cuộc thí nghiệm được kiểm soát chặt chẽ và tuân theo một phương pháp khoa học đặc biệt, tiến sĩ *Rhine* đã khám phá được một điều là trong phòng thí nghiệm, có nhiều người đã biểu lộ những khả năng cảm xúc bằng giác quan một cách phi thường. Người ta có thể tìm thấy những chi tiết về phương pháp thí nghiệm và những kết quả sưu tầm của tiến sĩ *Rhine* trong quyển sách nhan đề “*The Reach of the Mind*”

[1] Joseph Banks Rhine (1895-1980), nhà tâm lý học người Mỹ, sinh tại Waterloo, thuộc bang Pennsylvania, tốt nghiệp các trường Đại học Chicago, Harvard và Duke. Ông là giáo sư dạy môn tâm lý học ở trường Đại học Duke từ năm 1928 đến năm 1950.

(*Tầm hoạt động của trí não*" do chính ông xuất bản năm 1947 tại Hoa Kỳ.

Những nhà sưu tầm khác như *Warcollier* ở Pháp, *Kotik* ở Nga và *Tichner* ở Đức, với những phương pháp thí nghiệm tương tự, cũng đã đi đến những kết luận giống như của tiến sĩ *J. B. Rhine*.

Những bằng chứng khoa học hiển nhiên đã giải tỏa mọi điều nghi ngờ về tính chất có thật của những hiện tượng thần giao cách cảm và năng khiếu thần nhãn của con người. Tuy thế, cho đến nay khoa học chỉ mới chứng minh được rằng hiện tượng thần nhãn là một điều có thật, còn việc nó hoạt động ra sao và phát sinh từ những yếu tố nào thì người ta hoàn toàn không biết gì cả. Vì thế, người ta vẫn chưa thể vận dụng được năng khiếu đó trên địa hạt thực tế.

Thử tưởng tượng, nếu con người có thể tạo ra được cái năng khiếu phi thường đó, thì nó sẽ giúp ta nhìn thấy được những gì xảy ra trong không gian mà không cần sử dụng đến cặp mắt thường. Khi đó, con người sẽ có được một phương thức mới cực kỳ hiệu quả để thu hoạch những điều hiểu biết về vũ trụ.

Trải qua nhiều thế kỷ, con người đã làm được nhiều công trình lớn lao. Sự khôn ngoan khéo léo đã giúp ta chinh phục một phần nào không gian và tác động rất

nhiều vào thế giới vật chất. Nhưng dù có được sự khôn ngoan khéo léo đó, xét cho cùng thì chúng ta vẫn là một sinh vật yếu đuối và bất toàn. Mặc dầu có được những thành công nhất định trên địa hạt vật chất, con người vẫn còn phải bất lực trên rất nhiều lãnh vực. Mặc dầu đã thu hoạch được những kết quả nhất định trên các lãnh vực nghệ thuật, văn hóa và khoa học, con người vẫn chưa tìm ra ý nghĩa và mục đích của sự đau khổ mà mỗi người đều phải chịu đựng từ khi sinh ra cho đến lúc từ giã cõi đời.

Trong thời gian qua, con người đã tìm ra những bí mật về năng lượng nguyên tử, điều đó là một bước đột phá trong việc kiểm soát thế giới vật chất. Nhưng có lẽ phải nhờ vào chính những sự khám phá gần đây về khả năng cảm xúc bằng giác quan siêu đẳng của con người và những mối liên quan lạ kỳ giữa ý thức và tiềm thức, con người mới có thể tiến sâu hơn nữa vào lãnh vực nội tâm của chính mình.

Sau nhiều thế kỷ dọ dẫm tìm tòi, có lẽ sau cùng người ta sẽ tìm ra những câu giải đáp thỏa đáng cho những điều bí ẩn quan trọng của đời người, chẳng hạn như những lý do vì sao con người sinh ra ở thế gian và mục đích cùng ý nghĩa của sự đau khổ mà con người phải chịu đựng là gì.

CHƯƠNG 2

DÙNG THẦN NHÃN ĐỂ KHÁM BỆNH

Thật là một điều lý thú khi biết rằng năng khiếu thần nhãn có thể giúp ta làm được những điều phi thường. Nhưng càng lý thú hơn nữa khi ta được biết rằng trong thời đại này có một người đã dùng năng khiếu thần nhãn một cách hữu ích trên địa hạt sưu tầm cũng như trên phương diện thực tế. Người ấy là ông *Edgar Cayce*. Trong những năm cuối đời ông *Cayce,* người ta gọi ông là "*con người phi thường ở Virginia Beach*". Đó là một danh hiệu có phần cường điệu, vì tuy có hàng trăm người đã được ông chữa khỏi bệnh trong những điều kiện thật lạ lùng, nhưng ông không phải là một người làm "*phép lạ*", hiểu theo ý nghĩa thông thường của từ ngữ này.

Không hề có chuyện đặt bàn tay truyền điện hay làm cho bệnh nhân quăng nạng gỗ sau khi sờ nhẹ vào

vạt áo. Những sự "*nhiệm mầu*" của ông *Cayce* chỉ là sự khám đúng căn bệnh, mà thường là những bệnh nhân ở cách xa ông đến hàng ngàn cây số! Ngoài ra, năng khiếu thần nhãn của ông chỉ hoàn toàn khai mở trong giấc ngủ thôi miên, đó là một điều đáng được sự chú ý của những nhà chữa bệnh theo khoa tâm lý, thường dùng giấc ngủ thôi miên để chữa bệnh hoặc làm phương tiện nghiên cứu tiềm thức con người.

Một trong những thí dụ đáng kể nhất về cách xử dụng thần nhãn của ông *Cayce* là trong trường hợp sau đây:

Một người con gái ở *Selma*, thuộc tiểu bang *Alabama*, Hoa Kỳ, thình lình bị mất trí và được đưa vào một nhà thương điên. Người anh cô ta kinh hoảng, bèn nhờ cậy ông *Cayce* giúp đỡ. Ông *Cayce* nằm trên giường, thở vài hơi dài và sâu, đoạn ông ngủ thiếp đi. Kế đó, ông chịu sự dẫn dụ thôi miên của một người. Người đó bảo ông nhìn vào thể xác của người thiếu nữ và khám bệnh cho cô ấy. Sau một lúc im lặng, ông *Cayce* bắt đầu nói, cũng giống như bất kỳ người nào khác trong trạng thái thôi miên, khi nhận được yêu cầu của người dẫn dụ. Tuy nhiên, có điều khác hơn những người chịu thôi miên là ông *Cayce* bắt đầu diễn tả tình trạng thể chất của người bệnh, dường như cặp mắt ông có quang

tuyến X. Ông cho biết rằng người con gái ấy có một cái răng cấm mọc ngược và ép vào một mạch máu thông lên bộ não. Ông bảo phải nhổ cái răng ấy để mạch máu kia được giải tỏa thì bệnh nhân sẽ trở lại trạng thái bình thường.

Theo sự chỉ dẫn đó của ông *Cayce*, người ta mới xem trong miệng người con gái thì thấy quả có một cái răng cấm mọc ngược. Sau khi được đưa đến nha sĩ để nhổ cái răng ấy đi thì người con gái liền hết bệnh điên.

Một thí dụ khác rất lạ lùng là: Có một thiếu phụ ở tỉnh *Kentucky* bên Hoa Kỳ sinh ra một đứa con thiếu tháng. Đứa trẻ ấy ốm đau èo uột luôn. Khi được bốn tháng, nó bị chứng động kinh rất nặng, đến nỗi ba vị bác sĩ săn sóc cho nó, trong đó có người cha của đứa trẻ, đều lo ngại rằng nó sẽ không qua khỏi ngày hôm ấy. Người mẹ đứa trẻ đã tuyệt vọng, bèn đến nhờ ông *Cayce* khám bệnh cho nó.

Sau khi rơi vào trạng thái thôi miên, ông *Cayce* bảo đem cho nó uống một liều thuốc *belladona* (*atropine*) và kèm theo sau đó, cho uống một loại thuốc trừ độc. Những vị bác sĩ khác đều phản đối cách chữa bệnh này, vì *belladona* là một loại thuốc cực độc. Nhưng bà mẹ đứa trẻ tin tưởng vào ông và nhất định tự mình đưa thuốc ấy cho con bà uống. Ngay tức khắc, chứng động

kinh dứt hẳn. Sau khi cho đứa trẻ uống thêm một liều thuốc trừ độc, đứa trẻ duỗi thẳng tay chân và ngủ một giấc ngon lành. Nó đã được cứu sống và khỏi bệnh.

Những thí dụ trên đây, cùng với hàng trăm thí dụ khác, không phải là những trường hợp chữa khỏi bệnh bằng "*đức tin*". Những trường hợp mà người bệnh được chữa khỏi cấp thời như những trường hợp kể trên chỉ là một số ít. Trong hầu hết những trường hợp khác thì người bệnh được điều trị một cách cụ thể, có khi lâu dài, và cách điều trị gồm có thuốc men, phẫu thuật, kiêng cữ món ăn, dùng nhiều sinh tố, chữa trị bằng điện, xoa bóp hay tự kỷ ám thị.v..v... Người thực hiện các biện pháp điều trị đó là các bác sĩ chuyên khoa, còn ông *Cayce* chỉ đóng vai người chẩn đoán - theo cách của ông - và đưa ra các chỉ dẫn điều trị.

Những trường hợp khám bệnh bằng thần nhãn của ông *Cayce* đều được ghi chép trong những hồ sơ và được giữ gìn cẩn thận. Tất cả có đến ba chục ngàn hồ sơ được cất giữ ở *Virginia Beach*, và sẵn sàng được dùng làm tài liệu cho những ai muốn khảo cứu sưu tầm. Những hồ sơ đó gồm có những tờ biên bản ghi lại chi tiết các cuộc khám bệnh bằng thần nhãn, có ngày tháng rõ ràng; những thư thỉnh cầu của bệnh nhân ở xa hoặc của thân quyến người bệnh; những bức thư bày tỏ sự biết ơn của những bệnh nhân được chữa khỏi

ở khắp nơi trên thế giới; những giấy chứng nhận của các bác sĩ; và những bản tốc ký chép lại lời nói của ông *Cayce* thốt ra trong trạng thái bị thôi miên.

Những tập hồ sơ này là một kho văn kiện và tài liệu vĩ đại để chứng minh sự thật về hiện tượng thần nhãn (*clairvoyance*).

Ông *Cayce* sinh năm 1877 tại *Hopkinsville*, miền tây nam của tiểu bang *Kentucky*, Hoa Kỳ. Ông sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo và không được học hành đến nơi đến chốn. Ông theo học trường làng đến hết bậc tiểu học, và mặc dầu trong thuở thiếu thời, ông đã tỏ ý muốn trở nên một giáo sĩ, nhưng hoàn cảnh không cho phép ông tiếp tục theo đuổi sự học vấn.

Đời sống ở nông trại không thích hợp với ông; ông bèn chuyển đến sống ở tỉnh thành. Trước hết, ông làm nhân viên phụ trách một cửa hàng bán sách; sau đó ông làm nhân viên một hãng bảo hiểm.

Năm ông hai mươi mốt tuổi, một việc xảy đến bất ngờ làm thay đổi cuộc đời ông. Ông bị tắt tiếng nói vì một chứng bệnh yết hầu. Mọi sự chạy chữa đều vô hiệu quả, và không một vị bác sĩ nào có thể chữa cho ông khỏi bệnh. Do hậu quả này của căn bệnh, ông không thể tiếp tục hành nghề nhân viên bảo hiểm, ông bèn trở về nhà cha mẹ.

Ông sống ở đó gần một năm, không có việc gì làm cả và chứng bệnh của ông dường như không còn hy vọng chạy chữa. Sau cùng, ông quyết định theo học nghề chụp ảnh, vì nghề này không cần phải dùng đến giọng nói.

Trong khi ông đang tập sự nghề chụp ảnh, một nhà thôi miên đạo diễn tên là *Hart* đi ngang qua *Hopkinsville* và biểu diễn tại hí viện của thành phố. Nhà thôi miên *Hart* khi nghe nói ông *Cayce* bị chứng bệnh tắt tiếng, liền đề nghị chữa bệnh cho ông bằng khoa thôi miên.

Ông *Cayce* vui vẻ nhận lời. Trong trạng thái thôi miên, ông *Cayce* tuân theo mệnh lệnh của ông *Hart* và nói chuyện được như bình thường, nhưng khi vừa thức tỉnh thì ông lại bị tắt tiếng như trước.

Trong những giấc thôi miên kế đó, nhà thôi miên bèn dẫn dụ cho ông nghe rằng sau khi thức tỉnh, ông sẽ có thể nói chuyện được như thường. Phương pháp này gọi là "*ám thị thôi miên*", tuy rằng rất hiệu nghiệm và đã từng giúp nhiều người thắng được những thói quen xấu như hút thuốc quá độ chẳng hạn, nhưng lại không có kết quả đối với chứng bệnh của ông *Cayce*.

Vì ông *Hart* phải chuyển sang một tỉnh khác theo chương trình đã định nên không thể tiếp tục những cuộc

chữa trị thử nghiệm với ông *Cayce* được nữa, nhưng có một người tên là *Layne* ở cùng một địa phương, đã theo dõi cuộc chữa bệnh cho ông *Cayce* một cách thích thú, liền đề nghị ông *Cayce* để cho ông ta thử điều trị.

Ông *Cayce* vì muốn được khỏi bệnh bằng bất cứ phương pháp điều trị nào, liền chấp nhận. Ông *Layne* mới nảy ra một sáng kiến mới, là dẫn dụ cho ông *Cayce* trong trạng thái thôi miên, hãy tự diễn tả căn bệnh của mình. Thật lạ thay, ông *Cayce* tuân theo lời dẫn dụ đó và mô tả về căn bệnh của chính mình. Bằng một giọng nói bình thường, trong khi ông chịu sự dẫn dụ thôi miên của ông *Layne*, ông *Cayce* bắt đầu diễn tả trạng thái của những sợi dây thanh trong cuống họng của ông. Ông nói:

- A! Chúng ta có thể nhìn thấy cái thể xác này! Vào lúc bình thường, nó không thể nói được vì những cơ thịt dưới cuống họng bị liệt bại một phần, do một sự căng thẳng thần kinh gây nên. Chứng bệnh này nguyên nhân là do một trạng thái tâm lý gây ra và ảnh hưởng đến phần thể chất. Muốn chữa hết bệnh, phải dùng cách dẫn dụ để làm vận chuyển sự lưu thông máu huyết ở bộ phận bị đau, trong khi người bệnh còn nằm trong trạng thái thôi miên.

Ông Layne liền dẫn dụ cho ông *Cayce* rằng sự lưu thông máu huyết của ông sẽ tăng thêm một cách mạnh

mẽ ở chỗ cuống họng bị đau và bệnh trạng của ông sẽ thuyên giảm. Dần dần, phần trên của bộ ngực và cuống họng của ông *Cayce* thay đổi màu sắc, chuyển từ màu hồng nhạt sang màu đỏ thắm. Sau đó hai mươi phút, vẫn trong trạng thái thôi miên, ông *Cayce* ho lên mấy tiếng để lấy giọng và nói:

- Tốt lắm, căn bệnh đã dứt. Ông hãy dẫn dụ rằng sự lưu thông máu huyết sẽ trở lại bình thường và thể xác này hãy thức tỉnh.

Ông *Layne* liền làm y theo lời. Ông *Cayce* thức tỉnh và nói chuyện bình thường lần đầu tiên kể từ hơn một năm qua.

Trong những tháng sau đó, thỉnh thoảng căn bệnh lại tái phát đôi lần. Mỗi lần như thế, ông *Layne* lại dẫn dụ bằng cách thôi miên cho máu huyết lưu thông nơi cuống họng, và chứng bệnh lại dứt.

Câu chuyện của ông *Cayce* có lẽ đã chấm dứt với bấy nhiêu đó, nếu ông *Layne* không nhìn thấy những triển vọng sâu xa của trường hợp đặc biệt này, và tìm cách khai thác trên địa hạt thực tế. Lịch sử của khoa thôi miên là điều quen thuộc đối với ông và ông đã từng biết những trường hợp tương tự đặt dưới sự điều trị của ông *De Puysegur* ở Pháp. Ông này là vị kế nghiệp

cho bác sĩ *Mesmer*,[1] người đã khám phá ra khoa nhân điện học.

Ông *Layne* nghĩ rằng, nếu ông *Cayce* có thể nhìn thấy xác thể của mình và tự khám bệnh lấy, thì điều tất nhiên là ông ấy sẽ có thể nhìn thấy thể xác của những người khác và khám bệnh cho họ.

Ông *Layne* bèn thí nghiệm điều này với chính ông, vì trong thời gian gần đó ông đang bị chứng đau dạ dày.

Cuộc thí nghiệm đã thành công mỹ mãn. Trong trạng thái thôi miên, ông *Cayce* mô tả trạng thái bên trong cơ thể ông *Layne* và đề nghị một vài phép điều trị. Ông *Layne* lấy làm vui mừng vô hạn, sự khám nghiệm của ông *Cayce* hoàn toàn đúng với những triệu chứng mà chính ông cũng đã nhận thấy và cũng phù hợp với sự khám nghiệm của nhiều vị bác sĩ khác. Cách điều trị của ông *Cayce* đưa ra gồm có việc áp dụng chế độ ăn uống thích hợp, kiêng cữ một số món ăn, sử dụng thuốc men và những phép tập thể dục chưa từng đem áp dụng cho trường hợp của ông từ trước.

---

[1] Franz Anton Mesmer (1734-1815), bác sĩ người Áo, tốt nghiệp trường Đại học Vienne và là người đề xướng thuật khả năng chữa bệnh bằng phương pháp thôi miên. Ông khám phá và mô tả một năng lực bí ẩn của con người giống như từ trường, về sau được gọi là nhân điện và đã được một số chuyên gia ứng dụng trong việc chữa bệnh.

Ông *Layne* bèn áp dụng theo cách điều trị ấy và chỉ trong vòng ba tuần ông nhận thấy rằng bệnh trạng của ông đã thuyên giảm rất nhiều.

Những sự kiện trên đây làm cho ông *Cayce* lưỡng lự phân vân không ít. Nhưng ông *Layne* lấy làm vô cùng hứng khởi và quyết định thử xem phép điều trị này có thể chữa khỏi bệnh cho những người khác hay không?

Hồi mới lên mười tuổi, ông *Cayce* đã bắt đầu đọc bộ Kinh Thánh (*Bible*) và đọc đi đọc lại hằng năm từ đầu đến cuối bộ sách ấy. Ông có ý nghĩ muốn trở nên một nhà chữa bệnh để cứu giúp các bệnh nhân đau khổ, cũng như các vị môn đồ của đấng *Christ* xưa kia. Về sau, ông có tham vọng trở nên một nhà truyền giáo như đã nói ở trên, nhưng hoàn cảnh của ông đã không cho phép. Và đến bây giờ thình lình ông nhận thấy cơ hội làm thầy chữa bệnh cho thiên hạ tự nhiên xuất hiện với ông. Nhưng ông còn băn khoăn lo ngại không dám nắm lấy cơ hội ấy, vì ông sợ rằng nếu trong trạng thái thôi miên ông lỡ nói một điều gì có hại và nguy hiểm cho tánh mạng kẻ khác thì sao?

Nhưng ông *Layne* liền bảo đảm rằng ông đừng sợ gì cả; chính ông *Layne* đã có hiểu biết khá nhiều về y học để có thể ngăn chặn những phép điều trị nào xét ra có hại cho bệnh nhân.

Ông *Cayce* bèn suy nghĩ rất lâu để quyết định một đường lối hành động. Sau cùng, ông bằng lòng giúp đỡ cho những người bệnh nào muốn được điều trị theo phương pháp của ông, nhưng ông nói trước một cách dứt khoát rằng đó chỉ là những cuộc thí nghiệm, và ông không đòi hỏi tiền thù lao chi cả.

Kế đó, ông *Layne* mới bắt đầu chép bằng tốc ký những lời mà ông *Cayce* thốt ra trong trạng thái thôi miên và gọi đó là biên bản, hay phúc trình những cuộc "*Khám bệnh bằng thần nhãn*".

Điều rất lạ lùng trong những cuộc khám bệnh của ông *Cayce*, được thực hiện ngoài những giờ hành nghề nhiếp ảnh, là ông đã dùng những danh từ rất chuẩn xác về khoa sinh lý học và cơ thể học, mặc dầu trong lúc thức tỉnh ông không hề biết một chút gì về ngành y học và cũng không hề đọc các sách về y khoa. Điều càng lạ lùng hơn nữa đối với ông *Cayce* là những bệnh nhân do ông điều trị đều được thuyên giảm rất nhiều. Trường hợp của ông *Layne* không đủ thuyết phục ông, vì ông cho rằng có lẽ sự tưởng tượng đã làm cho ông *Layne* tưởng rằng mình khỏi bệnh. Về phần ông *Cayce*, việc ông đã thu hồi lại được giọng nói không thể cho là sự tưởng tượng, nhưng đó có thể chỉ là một sự ngẫu nhiên tình cờ.

Những sự nghi ngờ đó luôn ám ảnh ông trong những năm đầu khi ông mới bắt tay vào việc khám bệnh bằng thần nhãn, đã dần dần được giải tỏa trước sự kiện hiển nhiên là những bệnh nhân do ông điều trị đều được khỏi bệnh, thậm chí đến cả những trường hợp được xem là nan y và vô phương cứu chữa.

Dần dần, khả năng khám bệnh phi thường của ông *Cayce* được đồn đãi ra khắp mọi nơi. Một ngày kia, ông nhận được điện thoại của vị cựu Thanh tra Giáo dục thành phố *Hopkinsville*, mời ông đến chữa cho cô con gái của ông ta mới lên năm tuổi và đau ốm đã ba năm nay.

Bé gái này bị chứng cảm cúm vào năm hai tuổi và từ đó đến nay bị mất trí khôn. Những vị bác sĩ chuyên môn mà cha mẹ em đã mời đến khám bệnh cho em đều bó tay, không làm sao cứu em khỏi bệnh. Gần đây, em lại bị chứng động kinh ngày càng dữ dội thêm, và một vị bác sĩ chuyên môn đã tuyên bố rằng đó là một chứng bệnh thuộc về bộ não, không thể chữa khỏi.

Cha mẹ em đã tuyệt vọng, và đưa em về nhà để chờ ngày em trút hơi thở cuối cùng. Khi đó, một người bạn mới nói chuyện với cha mẹ em về ông *Cayce* và năng lực nhiệm mầu của ông. Khi ông *Cayce* nghe nói về trường hợp của cô gái nhỏ này, ông bằng lòng đi đến tận nơi để khám bệnh cho em ấy. Vì tình hình tài chánh của ông

không được dồi dào lắm, nên ông phải nhận tiền lộ phí của gia đình bệnh nhân cung cấp. Đó là lần đầu tiên mà ông nhận một món tiền về công việc chữa bệnh để giúp đỡ kẻ khác.

Ông bèn lên đường, tuy rằng với một sự băn khoăn khó nghĩ trong lòng. Khi cô gái nhỏ được đưa đến trước mặt ông, ông càng cảm thấy một cách thấm thía sự mỉa mai cái vai trò của ông, một kẻ xuất thân từ gia đình nông dân tầm thường và không biết một chút gì về y học lại dám tự hào có thể chạy chữa cho một đứa trẻ mà những nhà chuyên môn giỏi nhất trong ngành y khoa đã phải bó tay không chữa nổi!

Ông cảm thấy hơi run rẩy khi ông nằm trên chiếc *sofa* trong phòng khách nhà ông thanh tra, và ngủ thiếp đi. Tuy nhiên, trong giấc ngủ thôi miên đó, ông không còn băn khoăn nghi ngại về chính mình nữa. Ông *Layne* có mặt ở một bên để dẫn dụ cho ông, và ghi chép bằng tốc ký những lời ông thốt ra như thường lệ.

Với một sự bình tĩnh và tự tin mà ông vẫn thường biểu lộ trong những cuộc khám bệnh trước đây, ông *Cayce* bắt đầu mô tả bệnh trạng của đứa trẻ. Ông cho biết rằng trước khi bị cảm cúm, em bé ấy đã bị té ngã từ trong xe văng xuống đất, và vi trùng bệnh cúm đã xâm nhập vào chỗ thương tích do tai nạn gây ra, điều này gây nên chứng động kinh. Ông cho biết thêm rằng,

sự điều trị thích nghi bằng phép nắn xương sẽ có thể làm giảm bớt áp lực và giúp cho em nhỏ được bình phục trở lại như thường.

Bà mẹ em bé xác nhận việc em bị ngã từ trong xe văng ra ngoài, nhưng vì không thấy có thương tích, nên bà không hề nghĩ rằng việc ngã xe lại có ảnh hưởng đến bệnh trạng của em bây giờ.

Ông *Layne* bèn áp dụng cách điều trị cho em theo lời dặn của ông *Cayce* và trong vòng ba tuần, em nhỏ đã hết chứng động kinh. Tình trạng trí não của em cũng khá hơn nhiều: em nói được tên của con búp bê, món đồ chơi thích nhất của em mà em vẫn chơi trước khi bị bệnh; sau đó em gọi tên của cha em và mẹ em lần đầu tiên kể từ nhiều năm nay.

Sau ba tháng, hai ông bà chủ nhà tuyên bố rằng cô con gái nhỏ của họ đã hoàn toàn bình phục và đang cố gắng vớt vát lại thời gian đã mất trong những năm đen tối vừa qua.

Những sự việc xảy ra như trường hợp này đã đem đến cho ông *Cayce* một niềm tin rằng ông không hề sai lầm khi đem sử dụng khả năng lạ lùng của ông để giúp đỡ thế gian.

Danh tiếng của ông ngày càng lan xa. Báo giới đã bắt đầu quan tâm và đến phỏng vấn rồi đưa tin về

ông. Kể từ đó, hằng ngày ông đều nhận được những cú điện thoại và điện tín của những bệnh nhân tuyệt vọng khẩn cầu ông chữa bệnh cho họ. Chính vì nhu cầu khám bệnh ngày càng mở rộng mà ông đã bắt đầu thử nghiệm rồi nhận thấy rằng mình có thể khám bệnh xuyên qua không gian, khi ở cách xa bệnh nhân đến hàng mấy trăm dặm đường, miễn là trong khi đi vào trạng thái thôi miên có người nói cho ông biết tên tuổi và địa chỉ rõ ràng của bệnh nhân.

Ông *Cayce* thường bắt đầu các cuộc khám bệnh từ xa bằng vài lời bình phẩm về thời tiết và hoàn cảnh địa phương nơi bệnh nhân ở, với một giọng nói thì thầm đại khái như:

- Ở đây sáng nay gió thổi mạnh quá!

- Đây là *Winthertur* ở Thụy Sĩ. À! Con sông này đẹp quá!

- Ồ! Người ấy đang đi, ông ta đi thang máy để đi xuống lầu!

- À! Những bộ áo *pyjama* này đẹp quá!

- A! Bà mẹ đang cầu nguyện ở phòng bên! v.v...

Những sự mô tả đó về sau luôn được xác nhận là đúng, lại càng giúp một bằng chứng xác thực về năng khiếu thần nhãn của ông *Cayce*.

Dầu rằng bệnh nhân ở cách xa hay ở gần một bên ông trong cùng một gian phòng, thì ông cũng dùng một phương pháp giống nhau không có gì thay đổi. Ông chỉ cần cởi giày, lên nằm trên giường một cách hoàn toàn thoải mái và nghỉ ngơi. Qua nhiều lần thực nghiệm, ông nhận thấy rằng cần phải nằm quay đầu về hướng bắc, chân về hướng nam. Ngoài một chỗ nằm và một cái gối dưới đầu, ông không cần dùng thêm một món gì khác!

Những cuộc khám bệnh có thể diễn ra ban ngày cũng như ban đêm, và bóng tối hay ánh sáng đều không có ảnh hưởng gì khác nhau. Vài phút sau khi nằm yên chỗ, ông liền ngủ thiếp đi. Khi đó, ông *Layne*, hoặc đôi khi là vợ ông *Cayce*, hoặc bất kỳ một người nào khác mà ông tin cậy và giao phó trách nhiệm này, mới đưa ra cho ông những lời dẫn dụ thích nghi. Câu dẫn dụ thông thường là:

- Bây giờ, ông sẽ thấy trước mặt ông (tên họ người bệnh), ở tại (địa chỉ tên đường, thành phố, xứ..) Ông sẽ khám nghiệm thân thể người ấy một cách chăm chú và cẩn thận, và ông sẽ nói cho tôi biết bệnh trạng cùng nguyên nhân của chứng bệnh là như thế nào. Ông cũng sẽ nói cách điều trị ra sao để chữa bệnh cho người ấy. Và ông sẽ đáp lại những câu hỏi của tôi đưa ra...

Vài phút sau, ông *Cayce* bắt đầu nói, và ông *Layne* hoặc cô thư ký *Gladys Davis* ghi chép lại bằng tốc ký những lời nói của ông. Sau đó, bản chép tốc ký được đem đánh máy lại rõ ràng để lưu giữ. Trong phần nhiều trường hợp, một bản sao được trao cho người bệnh hoặc thân nhân, hoặc người đỡ đầu hay vị bác sĩ điều trị, còn một bản sao bằng giấy màu vàng thì được lưu giữ trong hồ sơ về bệnh nhân.

Lời đồn đãi truyền khẩu và những bài tường thuật trên báo chí về năng khiếu thần nhãn của ông *Cayce* không bao lâu đã hấp dẫn sự chú ý của những tay thương gia có óc trục lợi. Một nhà buôn lớn trong ngành bông vải đề nghị trả cho ông *Cayce* mỗi ngày một trăm đô-la, liên tiếp trong hai tuần để nhờ ông "*xem*" giá thị trường bông vải hằng ngày. Mặc dầu lúc ấy ông đang cần tiền, nhưng ông vẫn dứt khoát từ chối. Có những người khác muốn nhờ ông chỉ giùm những chỗ chôn giấu kho tàng, hoặc cho biết con ngựa nào về nhất trong một cuộc đua để họ đặt cược trúng giải.

Có nhiều lần, ông *Cayce* đã chịu nghe theo lời thiên hạ thỉnh cầu và làm thử những chuyện kể trên để rút kinh nghiệm và cũng để xem kết quả ra sao. Nhiều lần ông đã thành công và nói đúng kết quả của những cuộc đua cá ngựa; nhưng cũng có nhiều lần ông nói sai! Và những lần như thế, sau khi thức tỉnh ông luôn cảm thấy mệt mỏi, bực dọc và bất mãn về mình!

Có một lần, người ta thuyết phục được ông hãy thử thời vận và dùng thần nhãn để khám phá các mỏ dầu hỏa ở tiểu bang *Texas*, nhưng ông không thu được kết quả gì đáng kể và đã hoàn toàn thất bại!

Sau cùng, ông nhận thấy rằng ông chỉ có thể sử dụng năng khiếu thần nhãn của mình một cách hữu hiệu và chắc chắn vào mục đích chữa bệnh cho nhân loại, và chỉ vì mục đích duy nhất đó mà thôi chứ không bao giờ nên dùng thần nhãn để giúp cho ai hay cho chính mình trong việc kiếm tiền và sinh lợi! Thậm chí đến những sự quảng cáo ồ ạt để cầu danh, ông cũng đều dửng dưng không quan tâm đến.

Năm 1922, ông Chủ bút tờ báo *Denver Post* nghe tiếng ông *Cayce* và đã mời ông đến *Denver*. Sau khi đã dự kiến một buổi khám bệnh có kết quả hiển nhiên, ông ta liền đề nghị với ông *Cayce* một việc sau đây:

Ông ta sẽ trả cho ông *Cayce* mỗi ngày một ngàn đô-la và tự mình đảm nhiệm công việc tổ chức những cuộc trình diễn lưu động trong khắp nước, nếu ông *Cayce* bằng lòng đổi tên họ và khoác lấy một cái tên Ấn Độ, ăn mặc và bịt khăn theo lối Đông phương, và khám bệnh trong trạng thái thôi miên sau một tấm màn che khuất để tránh những cặp mắt tò mò.

Nhưng ông *Cayce* quyết liệt từ chối.

Ông *David Kahn*, Giám Đốc Công ty Vô tuyến truyền hình ở *Brunswich*, và là bạn cũ của ông *Cayce*, trong những cuộc nói chuyện riêng tư, đã quảng cáo về việc làm của ông *Cayce* trong các giới bạn bè và các giới kinh doanh thương mãi; nhưng khi ông đề nghị mở một chương trình quảng cáo đại qui mô về công việc của ông *Cayce* trên đài truyền hình thì ông *Cayce* liền từ chối một cách quyết liệt.

Trong cuộc đời ông, ông không bao giờ chấp nhận cho ai làm bất cứ một sự quảng cáo nào về sự khám bệnh hay về những cuộc diễn thuyết công cộng của ông. Trong các cuộc đàm thoại với những người không được biết ông nhiều, ông không bao giờ nói về năng khiếu đặc biệt của mình, nếu người ta không hỏi ông về vấn đề đó. Có nhiều người ở cùng một tỉnh nhưng không hề biết gì về ông, ngoài việc ông làm nghề nhiếp ảnh. Ông sống với một niềm tin tưởng chắc chắn rằng ông chỉ là một công cụ để giúp đỡ và đem lại sức khỏe cho những kẻ ốm đau khổ sở, và ông không bao giờ nên làm cho thiên hạ chú ý đến mình.

Trong những năm đầu, ông *Cayce* vẫn tiếp tục hành nghề nhiếp ảnh, và luôn từ chối không nhận tiền thù lao về những cuộc khám bệnh của ông. Về sau, khi số người bệnh đến nhờ ông chạy chữa càng ngày càng đông, làm cho ông không thể nào tiếp tục hành nghề nhiếp ảnh được nữa, ông mới thấy mình có lý do để

nhận tiền thù lao, vì ông còn phải đùm bọc và nuôi dưỡng gia đình. Tuy thế, đối với những người nghèo không đủ sức trả tiền, ông vẫn khám bệnh không lấy tiền.

Không bao giờ ông *Cayce* đòi hỏi hoặc bắt buộc bệnh nhân phải trả tiền thù lao. Những bản sao các thư từ của ông hiện còn được cất giữ trong các tập hồ sơ ở *Virginia Beach*, nơi ông đến cư ngụ từ năm 1927, là những bằng chứng hùng biện cho lòng hy sinh, vô kỷ của ông. Mặc dầu trong những bức văn thư ấy có rất nhiều sự thiếu sót về văn phạm, cách chấm câu và cách hành văn, nhưng nó biểu lộ một cách sâu xa lòng mong muốn giúp đỡ và làm giảm bớt những nỗi đau khổ của nhân loại.

Trong những năm đầu tiên thực hiện việc khám bệnh, ông *Cayce* luôn luôn bị giày vò bởi sự hoài nghi. Có đôi khi, trong những cuộc khám bệnh, ông *Cayce* lặng thinh không nói gì trong giấc ngủ thôi miên. Có lẽ trong những lúc đó, năng khiếu thần nhãn của ông bị ảnh hưởng bởi tình trạng sức khỏe hoặc trạng thái bất an của tâm hồn. Mặc dầu lúc thường, ông là một người dịu dàng và hiền lành, nhưng ông cũng có những lúc nóng giận thình lình; và hoàn cảnh gia đình buộc phải có nhiều lo âu về tài chánh. Một tâm trạng như thế lẽ tất nhiên là có thể làm tê liệt mất năng khiếu của ông.

Trong những trường hợp khám bệnh không có kết quả, người ta phải đình lại một lúc khác để đợi cho tình trạng sức khỏe và tâm lý của ông được bình phục trở lại, khi đó cuộc khám bệnh sẽ đem lại kết quả mong muốn.

Nhưng ông *Cayce* cũng bị xúc động một cách sâu xa nếu có bệnh nhân nào tỏ vẻ bất mãn vì cuộc khám bệnh không nói đúng theo bệnh trạng của họ, hoặc sự điều trị không có hiệu quả như họ mong muốn. Trong những trường hợp đó, ông *Cayce* xin lỗi một cách rất khiêm tốn trong những bức thơ dài, và giải thích rằng ông không hề tự hào là thần y có thể chữa khỏi bá bệnh; rằng có một phần chi tiết mà ông không được biết rõ, điều này làm cho những cuộc khám bệnh của ông trở nên kém hiệu lực và bất toàn; và đôi khi ông không nhìn thấy được rõ ràng mọi sự, như một cái máy thu thanh bắt sóng cũng có khi mạnh khi yếu, chứ không phải lúc nào cũng cho âm thanh một cách hoàn hảo. Và cuối thơ, ông kết luận:

- Mục đích duy nhất của chúng tôi là giúp đỡ ông. Nếu tôi đã thất bại, thì tôi xin vui lòng trả tiền lại cho ông.

Ông gửi kèm theo trong thơ một ngân phiếu hoàn nguyên số tiền mà ông đã nhận được cho vị thân chủ.

Thỉnh thoảng, sau nhiều tháng, chính những người thân chủ đó trở lại cho ông hay rằng một cuộc khám bệnh riêng về sau đã xác nhận những gì ông đã nói từ lúc đầu, mà họ đã nghi ngờ là không đúng như bệnh trạng của họ.

Cũng có đôi khi ông *Cayce* nhận thấy rằng những bệnh nhân đã than phiền về sự chữa bệnh không lành, chỉ vì họ đã cẩu thả không chịu áp dụng đúng theo cách điều trị của ông đưa ra, chẳng hạn như họ quên ăn uống kiêng cữ, hoặc không chịu uống thuốc đúng liều, hoặc xao lãng về phần tu dưỡng tinh thần mà ông đã bắt buộc họ phải noi theo.

Dầu sao ông cũng biết rằng những cuộc khám bệnh của ông không phải là tuyệt đối chính xác trong mọi trường hợp. Nhưng với thời gian qua, những cuộc khám bệnh của ông càng ngày càng trở nên rõ ràng và đúng đắn hơn trước, vì kinh nghiệm đã giúp cho ông biết cách sử dụng năng khiếu một cách hữu hiệu hơn. Những sự thất bại hoặc sai biệt xảy ra một đôi khi đã được bù đắp bởi những sự chữa lành bệnh một cách mầu nhiệm.

Một vị linh mục Thiên Chúa giáo người Canada đã được chữa khỏi bệnh động kinh; một người học trò trường tỉnh ở *Dayton* thuộc tiểu bang *Ohio* đã được

chữa khỏi bệnh đau khớp xương; ở *New York*, một viên nha sĩ đã được chữa khỏi trong hai tuần chứng bệnh nhức đầu kinh niên đã trải qua nhiều năm; một thiếu niên ở *Philadelphia* mắc chứng bệnh đau mắt có cườm, là một chứng bệnh được xem là nan y, đã được bình phục khi một vị bác sĩ chữa trị theo lời chỉ thị của ông *Cayce*.

Chính những trường hợp chữa khỏi bệnh kể trên đã xảy ra rất nhiều lần làm cho ông *Cayce* bình nhật vốn là một người khiêm tốn, do dự, và cẩn thận rất mực, đã phải tin tưởng vào năng khiếu của chính ông, mặc dầu thỉnh thoảng vẫn có những sự khó khăn và một vài sai biệt nhỏ nhặt không đáng kể; và ông có thể tin rằng đó là một cái thiên tư đặc biệt của trời phú cho ông.

Năm 1942, do báo chí đua nhau nói về thân thế và sự nghiệp của ông *Cayce*, tên tuổi của ông đã vang dội khắp nơi ở Hoa Kỳ. Kết quả là có hàng triệu bức thư của người khắp bốn phương được gởi đến nhờ ông chữa bệnh, trong số đó có nhiều trường hợp rất đau thương và vô cùng khẩn cấp.

Ông *Cayce* không bao giờ từ chối việc chạy chữa cho một bệnh nhân nào và không bao giờ ruồng bỏ một ai, đành phải định ngày khám bệnh cho từng người, và có người phải được ông hẹn trước đến mười tám tháng mới đến phiên khám bệnh.

Thay vì chỉ khám bệnh hai hay ba lần trong mỗi ngày, có khi ông đã khám bệnh đến tám lần, bốn lần vào buổi sáng và bốn lần vào buổi chiều. Làm việc trong giấc ngủ có vẻ dường như là một công việc thoải mái dễ dàng, nhưng sự thật ông *Cayce* đã phải mất rất nhiều sinh lực và sự căng thẳng gây nên bởi sự làm việc quá sức đó đã ảnh hưởng đến sức khỏe của ông: Ông từ trần vào ngày 3 tháng giêng năm 1945, hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi.

Cuộc đời của ông *Edgar Cayce* đã chấm dứt, nhưng danh tiếng của ông không bao giờ mất. Nếu một người trở nên bất tử và lưu danh thiên cổ do những công trình phụng sự nhân loại thì người ta có thể nói rằng ông *Cayce* đã trở nên bất tử theo cách đó.

CHƯƠNG 3

NHỮNG BÍ ẨN CỦA ĐỜI NGƯỜI

Trong khoảng hai mươi năm làm việc chữa bệnh để cứu giúp mọi người, ông *Cayce* đã cứu chữa cho hàng mấy chục ngàn bệnh nhân, và điều này xác nhận sự thật về năng khiếu thần nhãn của ông. Với năng khiếu thần nhãn này, ông *Cayce* có thể nhìn thấu suốt tận trong nội tạng của người bệnh, những bộ phận ẩn giấu trong cơ thể con người mà thông thường người ta không nhìn thấy được.

Trong nhiều năm sau, người ta mới bắt đầu nghĩ rằng nếu thần nhãn có thể soi thấu vào bên trong cơ thể con người, thì chắc nó cũng có thể chuyển hướng ra bên ngoài vũ trụ để nhìn thấy những mối liên quan giữa con người và vũ trụ, và tìm sự giải đáp cho những vấn đề bí ẩn của đời người. Việc đó đã xảy ra trong trường hợp sau đây.

Ông *Arthur Lammers*, chủ nhân một nhà in lớn ở *Dayton*, thuộc miền tây nam tiểu bang *Ohio*, có nghe

một người cộng sự nói chuyện về ông *Cayce*. Ông lấy làm thích thú và tò mò đến nỗi lên đường đi đến tận nơi để quan sát công việc của ông *Cayce* ở *Selma*, tiểu bang *Alabama*, là nơi ông *Cayce* đang trú ngụ.

Sau khi quan sát những cuộc khám bệnh của ông *Cayce* trong nhiều ngày liên tiếp, ông *Lammers* mới nhìn nhận sự thật về năng khiếu thần nhãn của ông này. Ông *Lammers* là một người thông minh và có kiến thức rộng. Ông bèn nghĩ rằng, nếu một người có nhãn quang nhìn thấy những sự vật ẩn giấu đối với cặp mắt phàm, thì người ấy chắc hẳn có thể làm sáng tỏ những vấn đề rộng lớn hơn thuộc về vũ trụ và nhân sinh, chứ không phải chỉ nhìn thấy có sự hoạt động của lá gan hay bộ máy tiêu hóa của người bệnh mà thôi. Chẳng hạn như những vấn đề: Trong tất cả mọi ngành triết học và tôn giáo thì ngành nào gần nhất với chân lý? Mục đích của đời người là gì? Giả thuyết cho rằng linh hồn con người bất diệt có đúng hay không? Nếu là đúng, sau khi chết, con người sẽ đi về đâu?

Liệu thần nhãn của ông *Cayce* có thể đem đến sự giải đáp cho những vấn đề ấy hay chăng? Ông *Cayce* không hề biết một chút gì về những vấn đề ấy. Những vấn đề trừu trượng về linh hồn và mục đích của cuộc đời, v.v... chưa từng thoáng qua trong bộ óc chất phác của ông. Ông chỉ chấp nhận một cách mặc nhiên những

giáo lý mà người ta giảng cho ông ở nhà thờ; mọi sự thảo luận hoặc so sánh những giáo lý đó với triết học, khoa học và các tôn giáo khác đều là hoàn toàn xa lạ đối với ông.

Sở dĩ ông đã chịu sự dẫn dụ trong những giấc ngủ thôi miên là do lòng mong muốn giúp đỡ những kẻ bệnh tật đau khổ. Ông *Lammers* là người đầu tiên nghĩ đến việc dùng thần nhãn vào những mục đích khác hơn là chữa bệnh cho nhân loại, và điều này càng làm tăng thêm lòng hứng khởi của ông *Cayce*.

Trong những giấc thôi miên, ngoại trừ một vài trường hợp ngoại lệ rất hiếm, ông luôn trả lời và giải đáp đúng những câu hỏi được nêu ra. Vậy thì không có lý do gì mà ông không thể giải đáp luôn cả những câu hỏi của ông *Lammers* về các vấn đề vũ trụ nhân sinh khác hơn là vấn đề chữa bệnh.

Ông *Lammers* vì bận công việc kinh doanh không thể kéo dài thời gian ở *Selma* nên đề nghị ông *Cayce* hãy về ở tại nhà ông ở *Dayton* trong vài tuần. Ông *Cayce* bằng lòng với ý nghĩ rằng có lẽ đấng thiêng liêng muốn kêu gọi ông vào những công việc phụng sự khác nữa.

Gần đây ông *Lammers* có chú ý đến khoa chiêm tinh. Ông nghĩ rằng nếu khoa chiêm tinh là đúng đắn thì nó có thể là một ngành khoa học nối liền con người

với vũ trụ, và giúp chúng ta có thể hiểu được rõ ràng hơn về vũ trụ. Ông bèn có ý định bắt đầu thí nghiệm thần nhãn của ông *Cayce* về khoa này.

Một ngày vào tháng mười năm 1923, khi ông *Cayce* nằm trong giấc ngủ thôi miên trong một gian phòng khách sạn *Phillips* ở *Dayton*, thì người ta dẫn dụ cho ông hãy lấy một lá số chiêm tinh cho ông *Lammers*. Tuân theo như thường lệ những lời dẫn dụ mà ông nhận được, ông *Cayce* bèn đưa ra những chi tiết về lá số của ông *Lammers* bằng một vài câu vắn tắt. Và sau cùng, cũng một lối hành văn ngắn ngủi, vắn tắt như thế, ông nói ra một câu lạ lùng:

- Thuở xưa, người này là một tu sĩ.

Câu nói tuy vắn tắt, nhưng đối với ông *Lammers* là người đã từng đọc nhiều và đã từng quen thuộc với những lý thuyết quan trọng về nhân sinh và định mệnh con người thì câu nói ấy làm cho ông giựt mình chẳng khác nào như bị điện giật! Phải chăng câu ấy có nghĩa là thần nhãn của ông *Cayce* đã xác nhận như một sự thật hiển nhiên cái giả thuyết cổ xưa về vấn đề luân hồi?

Thay vì làm thỏa mãn sự tò mò của ông *Lammers*, cuộc khám nghiệm đó lại càng làm cho ông tọc mạch muốn biết thêm nhiều điều khác.

Khi ông *Cayce* thức tỉnh, ông thấy ông *Lammers* đang bàn luận sôi nổi với cô thư ký *Linden Shroyer* về những lời nói của ông vừa rồi. Ông *Lammers* tuyên bố rằng, nếu người ta có thể chứng minh thuyết luân hồi là có thật, thì điều đó sẽ làm đảo lộn và thay đổi tất cả những quan niệm đã có từ trước về triết học, tôn giáo, và tâm lý học! Nếu ông *Cayce* tiếp tục thí nghiệm về điều này thì những cuộc quan sát của ông sẽ có thể tiết lộ cho ta thấy rõ ràng lý thuyết luân hồi thực sự diễn ra như thế nào. Chẳng hạn như mối liên hệ giữa luân hồi và khoa chiêm tinh là như thế nào? Và từ đó người ta có thể biết thêm nhiều điều về linh hồn, về định mệnh, và về đời sống con người.

Ông *Lammers* bèn khẩn khoản yêu cầu ông *Cayce* quan sát thêm về vấn đề này. Mặc dầu ông *Cayce* lấy làm lưỡng lự phân vân, nhưng ông vẫn nhận lời tiếp tục những cuộc thí nghiệm.

Những câu hỏi của ông *Lammers* đưa ra đã được giải đáp một cách đúng đắn và với đầy đủ chi tiết về những tiền kiếp của ông, cùng những vấn đề bí ẩn của đời người mà từ lâu ông đã khảo cứu, tìm tòi.

Theo kết quả những cuộc quan sát đó, khoa chiêm tinh có chứa đựng một phần nào sự thật. Linh hồn con người trải qua nhiều kiếp sống và được tiến hóa thông

qua những cơ hội học hỏi kinh nghiệm từ đời sống. Con người thâu thập kinh nghiệm trong cuộc sống và tích lũy nó trong tâm thức, rồi mang theo những điều đó vào những kiếp sống tiếp theo sau đó. Khoa chiêm tinh dựa vào những mối quan hệ giữa con người với vũ trụ để nhận biết được những chuyển biến quan trọng trong đời người. Tuy nhiên, khoa chiêm tinh mà người ta được biết và thực hành trong thời buổi hiện tại chỉ đúng một phần nào thôi, chứ không hoàn toàn đúng, bởi vì có nhiều yếu tố ẩn tàng mà người ta chưa khám phá được một cách trọn vẹn.

Những điều đó thật là lạ lùng đối với ông *Cayce*, nhưng sự tò mò khiến ông cứ tiếp tục những cuộc quan sát thử nghiệm mà ông *Lammers* yêu cầu. Rồi sau đó những người tham gia tổ chức nghĩ rằng những gì họ muốn biết về tiền kiếp có thể sẽ được đầy đủ hơn nếu họ đừng đòi hỏi lấy một "*lá số*" chi tiết, và nếu ông *Cayce* nhận một sự dẫn dụ thích nghi hơn. Vì thế, người ta mới đề nghị rằng trong giấc thôi miên ông *Cayce* hãy tự đưa ra một cách thức dẫn dụ thích nghi hơn đối với ông. Và đây là cách dẫn dụ mà ông *Cayce* đã đưa ra:

- Ông sẽ đứng trước mặt (tên của một người nào đó), sinh ngày... tại... Ông sẽ nói cho biết thân thế và sự nghiệp của người này và vai trò của ông ta trong cuộc đời là như thế nào, cùng những khuynh hướng và khả

năng của ông ta trong kiếp sống hiện tại này. Ông cũng cho biết những tiền kiếp của ông ta với những chi tiết về tên tuổi, quê quán và thời kỳ nào đã trải qua những tiền kiếp đó. Và ông cũng cho biết luôn những nguyên nhân nào trong mỗi kiếp đã giúp đỡ hoặc làm trì trệ sự tiến hóa tâm linh của người này.

Từ đó, những cuộc quán sát bắt đầu chuyển hướng nhằm vào những tiền kiếp của đương sự. Những cuộc quan sát đặc biệt này được gọi là những cuộc "*soi kiếp*", để phân biệt với những cuộc khám bệnh, chỉ nhằm quan sát cơ thể của bệnh nhân nhằm mục đích chữa bệnh mà thôi.

Đối với hai loại quan sát kể trên, ông *Cayce* đều áp dụng một phương pháp giống như nhau, trừ một chi tiết này: Mỗi khi ông *Cayce* tuần sự soi kiếp cho nhiều người liên tiếp thì ông bắt đầu cảm thấy chóng mặt dữ dội!

Chính ông cũng đã tự khám nghiệm mình để tìm nguyên nhân của sự chóng mặt, thì ông nhận thấy rằng cần phải đổi hướng nằm quay đầu về hướng bắc, chân về hướng nam trong những cuộc soi kiếp. Còn lý do vì sao cần phải thay đổi như thế thì ông không giải thích được, mà chỉ cảm thấy như vậy là thuận dòng "*nhân điện*" trong người ông.

Những cuộc soi kiếp cho chính ông *Cayce* tiết lộ rằng cách đây nhiều thế kỷ ông đã từng làm một vị tăng lữ bậc cao ở các đền cổ bên Ai Cập và có nhiều năng lực thần thông, nhưng ông đã bị vấp ngã vì tánh kiêu căng và thói ưa sắc dục. Trong một tiền kiếp ở Ba Tư, ông làm một y sĩ. Trong một kiếp khác, có lần ông bị thương trong một trận chiến trên sa mạc và bị bỏ nằm lại trên bãi cát, vì những người đồng đội tưởng rằng ông đã chết. Nằm một mình, không có nước uống, không lương thực và không một mái che, ông đã chịu khổ rất nhiều suốt ba ngày ba đêm, đến nỗi ông đã làm một cố gắng rất lớn để xuất thần ra khỏi thể xác. Ông đã xuất thần được và chính nhờ việc ấy một phần nào mà ngày nay ông có khả năng tự thoát ly ra khỏi những giới hạn của thể xác. Tất cả những đức tánh và thói xấu của ông hiện thời đều được cân nhắc đúng đắn và đều có thể truy nguyên ra ở những kinh nghiệm trong các kiếp trước.

Cuộc đời hiện tại luôn là một thử thách lớn cho bất cứ ai. Ông *Cayce* đã có cơ hội phụng sự nhân loại một cách vị tha để cứu chuộc những lỗi lầm trong quá khứ là thói kiêu căng, đắm mê vật chất và ưa thích sắc dục. Ông *Lammers* nghĩ rằng những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* có một tầm quan trọng rất lớn, và vì thế người ta cần thực hiện những cuộc sưu tầm rộng lớn hơn về vấn đề này.

Ông liền đề nghị ông *Cayce* hãy đem gia quyến từ *Selma* về ở *Dayton* và tình nguyện đài thọ mọi khoản tổn phí về sinh hoạt cho cả gia đình ông, gồm bà *Cayce*, hai người con trai và cô thư ký *Gladys Davis*. Cô này từ đó đã trở nên một người thân tín trong gia đình ông. Cả gia đình đều bằng lòng chấp thuận.

Khi họ được cho biết về những gì xảy ra thì họ đều có sự phản ứng giống như của ông *Cayce* là: lúc đầu họ còn ngạc nhiên và nghi ngại, kế đó họ càng trở nên tò mò muốn biết sự thật và sau cùng họ đều lấy làm thích thú cho đến say mê.

Ông *Cayce* bèn soi kiếp cho mỗi người trong gia đình ông. Trong mỗi trường hợp, tâm tính của mỗi người đều được diễn tả một cách công khai và ông cho biết rằng mỗi thói hư tật xấu cũng như mỗi đức tánh đều có nguyên nhân sâu xa từ trong tiền kiếp. Trong cuộc soi kiếp cho một người con trai, ông nói:

- Trong bốn tiền kiếp, con là một nhà khảo cứu khoa học; con đã trở nên có óc duy vật, ích kỷ và vụ lợi.

Khi soi kiếp cho người con trai kia, ông nói:

- Con có tánh rất nóng nảy; thói xấu đó đã gây cho con nhiều bất lợi trong những tiền kiếp ở Ai Cập và ở Anh quốc. Kiếp này con nên tập lấy sự tự chủ và tánh kiên nhẫn.

Những sự diễn tả tánh tình đó đều hoàn toàn đúng đắn và chân thật, dầu cho đương sự là những người thân thích hay những người lạ như ông *Lammers*, cô *Linden Shroyer* hoặc những người bạn của ông *Lammers*, và điều đó càng làm cho ông này thêm phần hứng khởi và tin tưởng.

Nhưng ông *Cayce* cảm thấy thắc mắc về những điều tiết lộ đó, đến nỗi ông đâm ra nghi ngờ về chính ông và ông đã tự xét lương tâm mình một cách nghiêm khắc. Sau cùng ông đi đến kết luận rằng ông có thể tin cậy nơi năng khiếu thần nhãn của mình, bằng những cuộc khám bệnh và soi kiếp, ông đã làm một công việc phụng sự chính đáng và thiêng liêng chứ không phải là một điều tà vạy.

Nhưng những tiết lộ của ông lại là những điều quá mới lạ và dường như... "*phản đạo*". Làm sao ông có thể tin chắc rằng đó là những điều đúng với sự thật? Sự băn khoăn của ông có thể hiểu được dễ dàng vì ông vốn sinh trưởng trong một gia đình Cơ đốc giáo khắt khe và chính thống. Ông không hề được biết một chút gì về những giáo lý của các tôn giáo lớn trên thế giới. Trong lúc này, ông vẫn không biết gì về phần nhiều những điểm tương đồng giữa đạo Cơ đốc với những tôn giáo khác, và ông chưa từng có dịp thưởng thức cái ánh sáng đạo lý tỏa chiếu từ những ngọn đèn khác hơn là

ngọn đèn Cơ đốc của mình. Ông hoàn toàn dốt về giáo lý căn bản của Ấn giáo và Phật giáo nói về vấn đề luân hồi.

Hơn nữa, chính danh từ này đối với ông cũng không được hấp dẫn cho lắm, vì ở phương Tây thời ấy người ta thường có một quan niệm sai lầm về thuyết luân hồi. Chính những cuộc soi kiếp đã giải tỏa mọi sự nghi ngờ cho ông *Cayce*. Trong những cuộc quan sát về các tiền kiếp, ông *Cayce* được biết rằng luân hồi không chỉ đơn giản là sự đầu thai trở lại làm thú vật, và càng không phải là một điều mê tín dị đoan. Đó là một giáo lý có căn bản vững vàng về phương diện tôn giáo và triết học. Có hàng triệu người trí thức ở Ấn Độ và ở các xứ Phật giáo tin tưởng vào thuyết ấy một cách sáng suốt và lấy đó làm nền tảng cho mọi sự ứng xử trong đời sống hằng ngày của họ.

Tự nhiên là có nhiều môn phái ở Ấn Độ và ở các nước Á châu cũng chủ trương thuyết *Thoái bộ luân hồi*, cho rằng con người tội lỗi tái sinh làm kiếp thú, nhưng đó chỉ là một chủ trương sai lầm phiến diện về thuyết luân hồi. Vài tôn giáo cũng có những quan niệm lệch lạc về thuyết này, nhưng ta không nên để cho những sự hiểu lầm và thiên lệch đó khép chặt trí óc của ta đối với một chân lý căn bản và trọng đại.

Ông *Lammers* có thể bổ túc những điều được tiết lộ trong những cuộc soi kiếp. Ông giải thích rằng luân hồi có nghĩa là khả năng tiến hóa liên tục về tâm linh dành cho mọi sinh vật: sự tiến hóa của tâm thức con người trải qua nhiều kiếp sống, khi thì làm đàn ông, khi thì làm đàn bà; khi thì làm thường dân, khi thì làm vua chúa; kiếp này đầu thai làm giống dân này, kiếp kia làm một giống dân khác.v.v... nhưng với sự tu dưỡng hướng thiện thì sẽ luôn vươn lên mãi cho đến khi tâm thức đạt tới sự toàn thiện.

Tâm thức con người khi biết hướng thiện qua từng kiếp sống cũng ví như một nghệ sĩ sân khấu đóng nhiều vai trò khác nhau và mặc những bộ y phục khác nhau từ đêm này qua đêm khác, nhưng vẫn luôn trau giồi và phát triển tài nghệ, kinh nghiệm nghề nghiệp của mình.

Nhiều bậc hiền triết và các nhà thông thái, trí thức của Âu Tây cũng chấp nhận thuyết luân hồi và đã viết nhiều sách vở về vấn đề này, trong số đó có *Pythagore, Platon, Plotin, Giordano Bruno, Goethe, Whitman, Emerson*, và *Schopenhauer*.

Về vấn đề này, ông *Cayce* bày tỏ ý kiến:

- Những điều đó hiển nhiên là đúng sự thật rồi; nhưng còn giáo lý của đạo Cơ Đốc thì sao? Nếu tôi chấp

nhận thuyết luân hồi thì phải chăng điều đó có nghĩa là tôi phủ nhận đấng *Christ* và giáo lý của Ngài?

Ông *Lammers* đáp:

- Không phải vậy đâu. Ta hãy xét lại giáo lý căn bản của đấng *Christ* thì rõ. Một luật gia trong số những người *Pharisiens* đã đưa câu hỏi đó cho đấng *Christ*, và Ngài đáp rằng: "Ngươi hãy kính yêu Chúa ngươi một cách hết lòng và hết cả tâm hồn. Và ngươi hãy thương yêu kẻ đồng loại của ngươi cũng như ngươi vậy. Hai điều răn đó là tất cả giáo luật và lời dạy của các nhà tiên tri." (*Mathieu* 22:35-40.) Những lời dạy giản dị và sâu xa về tình bác ái đó có khác gì với lời dạy về sự tiến hóa qua tu dưỡng trong thuyết luân hồi? Và nó có khác gì với những giáo lý của bất cứ tôn giáo nào trên thế giới? Đức Phật đã dạy: "Đừng làm hại kẻ khác nếu không muốn kẻ khác làm hại mình." (Kinh Pháp cú, kệ số 129, 130) Và những Thánh kinh của Ấn giáo cũng dạy rằng: "Ngươi đừng làm điều gì cho người khác mà ngươi không muốn người khác làm cho ngươi." Ấn giáo cũng như Phật Giáo, đều không thấy có sự khác biệt, dị đồng giữa sự bác ái và sự tiến hóa tâm linh trong luân hồi. Những tôn giáo ấy chỉ nhấn mạnh ở luân hồi nhiều hơn mà thôi, chứ không cho rằng hai điều ấy tương phản nhau.

Nhưng ông *Cayce* vẫn chưa chịu thuyết phục. Năm lên mười tuổi, người ta đã cho ông đọc bộ Kinh Thánh (*Bible*) và ông rất lấy làm say mê. Từ đó, ông nhất định đọc lại bộ sách ấy mỗi năm một lần, suốt đời ông. Trong những năm ấy, ông không hề thấy một lần nào trong sách đó có nói về luân hồi. Vậy thì tại sao bộ Kinh Thánh, và điều quan trọng hơn nữa, là đấng *Christ* lại không hề nói đến vấn đề này? Ông *Lammers* nghĩ rằng:

- Có lẽ đấng *Christ* có nói về vấn đề luân hồi. Trước hết, ta nên nhớ rằng đấng *Christ* đã truyền dạy cho các vị môn đồ nhiều giáo lý mà Ngài không đem giảng dạy cho quần chúng. Và dầu cho Ngài có dạy thuyết luân hồi cho một số đông người, ta đừng quên rằng trải qua nhiều thế kỷ, phần chánh giáo của Ngài đã chịu nhiều sự biến thiên dời đổi do những sự diễn đạt của người đời và do sự phiên dịch qua nhiều thứ tiếng. Bởi vậy, có thể rằng nhiều giáo lý nguyên thủy của Ngài đã bị thất truyền.

Tuy nhiên, ở một vài đoạn trong Thánh Kinh, người ta thấy có sự ngụ ý về vấn đề luân hồi. Đấng *Christ* có lần nói với các môn đồ rằng Thánh *Jean-Baptiste* là *Elie* tái sinh (*Mathieu* 17:12-13). Ngài không dùng chữ luân hồi tái sinh, nhưng Ngài đã nói một cách rõ

ràng không úp mở, rằng: "*Elie đã trở lại...*" Và khi đó các môn đồ hiểu rằng Ngài đang nói với họ về Thánh *Jean-Baptiste*. Trong một đoạn khác, các môn đồ hỏi Ngài về một người mù: "Bạch thầy, ai đã gây tội lỗi? Chính người này hay là cha mẹ y đã phạm tội, khiến cho y sinh ra đã bị mù?"

Nhiều đoạn khác trong Thánh Kinh cũng ám chỉ, hoặc hàm chứa ý nghĩa về sự luân hồi. Ta hãy đọc trong thiên *Apocalypse*, chương 13, câu thứ 10: "Kẻ nào cầm tù kẻ khác sẽ bị kẻ khác cầm tù; kẻ nào sử dụng gươm đao sẽ chết vì gươm đao." Câu ấy ngụ ý rằng có một định luật quả báo tác động từ kiếp này sang kiếp khác. Có điều chắc chắn là phe chính thống của Cơ Đốc giáo đã dần dần góp nhặt và tu chỉnh những phần giáo lý của đấng *Christ* không có nói về vấn đề luân hồi; nhưng làm sao người ta có thể chắc rằng sự diễn đạt và chọn lọc của phe chính thống đối với những giáo lý nguyên thủy là hoàn toàn vô tư và không thiên lệch?

Nghiên cứu tiểu sử các vị cố đạo Gia Tô thời cổ, người ta thấy rằng có nhiều vị trong số đó đã nhìn nhận thuyết luân hồi trong những tác phẩm của họ, và đã công khai giảng dạy thuyết ấy, như *Origene, Jutin*, Thánh *Jerome, Clement d'Alexandrie, Plotin* và nhiều vị khác nữa. Những vị này đã từng sống vào thời kỳ gần với thời đại của đấng *Christ*. Phải chăng các vị ấy

đã biết và truyền bá những phần giáo lý bí truyền có từ nghìn xưa, mà đấng *Christ* chỉ dạy riêng cho mười hai vị tông đồ thân tín của Ngài mà thôi?

Theo ông *Lammers* thì đức giám mục *Mercier* tuy không tin tưởng nơi thuyết luân hồi nhưng đã tuyên bố rằng thuyết ấy không trái với những giáo điều căn bản của đạo Gia Tô. Những điều kể trên đã giải tỏa bớt những nỗi thắc mắc băn khoăn của ông *Cayce*, vì ông luôn sợ rằng ông đã dùng những năng lực lạ lùng của mình một cách trái đạo, tức là đi ngược với tôn giáo của ông.

Ngoài ra, ông cũng còn có một vài điểm thắc mắc nghi ngờ khác về năng lực của mình, nhưng điều này lại có một cơ sở khoa học. Một thí dụ là làm sao giải thích sự gia tăng dân số quá lớn trên thế giới hiện nay nếu người ta cho rằng tất cả linh hồn đều đã sống trên mặt đất? Vậy thì số sai biệt tăng thêm đó ở đâu mà ra?

Tất cả gia đình ông *Cayce*, cùng ông *Lammers*, các cô thư ký *Gladys Davis* và *Linden Shroyer* đều thường họp mặt trong phòng khách để thảo luận về những vấn đề ấy. Khi tất cả mọi người đều cạn ý kiến, thì người ta mới nhớ đến sự quan sát bằng năng khiếu thần nhãn của ông *Cayce* để tìm ra sự giải đáp; và khi những cuộc quan sát đó có những điều đáng ngờ vực, thì họ tham khảo tài liệu ở các sách trong thư viện quốc gia.

Nói về vấn đề gia tăng dân số trên thế giới thì tìm ra một lời giải thích cũng không phải khó. Một người trong nhóm cho rằng, dầu sao chúng ta cũng không biết chắc rằng quả thật có sự gia tăng dân số hay không? Những cuộc khảo cứu gần đây có đề cập đến những nền văn minh cổ xưa ở Ai Cập, và ở châu *Atlantide* nay đã biệt tích. Ở nhiều nơi như Mexico, Ai Cập và một phần của Đông phương, những di tích khảo cổ đã xác nhận rằng có nhiều nền văn minh lớn cổ xưa đã từng xuất hiện trên những vùng lãnh thổ rộng lớn, mà ngày nay chỉ còn là những bãi sa mạc hoang vắng. Như thế, người ta có thể hình dung được rằng ở vào những thời kỳ khác nhau trong lịch sử, có những lúc mà dân số trồi sụt không đồng đều, nhưng chưa hẳn đã có sự thay đổi tổng số các sinh linh trong vũ trụ. Có thể rằng có hàng triệu tâm thức vẫn trôi giạt trong cõi vô hình, trong những thời kỳ mà hoàn cảnh không tạo ra đủ điều kiện cho họ đầu thai làm người.

Tuy ông *Cayce* vẫn chưa hết hoài nghi, nhưng ông đã hài lòng về sự giải thích hợp lý như trên. Nhưng còn vấn đề châu *Atlantide* cũng là một vấn đề nan giải khác nữa. Làm sao chúng ta có thể biết rằng châu *Atlantide* là có thật? Hay đó chẳng qua chỉ là một chuyện hoang đường?

Những cuộc quan sát bằng thần nhãn của ông *Cayce* đã đưa ra câu giải đáp cho vấn đề ấy một cách tường tận tỉ mỉ và với rất nhiều chi tiết. Nhà triết học *Platon* là người đầu tiên ở phương Tây đã tường thuật về sự hiện hữu trước đây của châu *Atlantide*, nay đã chìm dưới đáy Đại Tây Dương. Và mặc dầu quần chúng ngày nay không còn chú ý đến, nhưng những nhà địa chất học cũng đã từng quan tâm về vấn đề này. Họ vẫn không đồng ý với nhau, người thì phủ nhận, kẻ thì quả quyết về sự hiện diện của châu *Atlantide*. Dầu sao, một số lớn sách vở của những tác giả uyên bác đã nói đến vấn đề này và đã đưa ra rất nhiều bằng chứng lịch sử, văn hóa và khoa học, bổ túc cho nhau để chứng minh vấn đề.

Ông *Cayce* đã đọc một quyển sách nhan đề "*Châu Atlantide, một thế giới thời kỳ tiền sử*" của tác giả *Ignatius Donnelly*, và rất ngạc nhiên mà nhận thấy rằng những cuộc quan sát của ông đã mô tả đúng y như những bằng chứng căn bản nêu trong quyển sách ấy.

Những cuộc thảo luận và khảo cứu tài liệu ở các sách vở về lịch sử, khoa học, tôn giáo, đạo lý cổ truyền, về châu *Atlantide* và về khía cạnh tâm lý của khoa thôi miên, là những vấn đề được nêu ra trong các cuộc quan sát bằng thần nhãn, đã giúp cho ông *Cayce* dần dần có

được một tầm kiến thức rộng rãi về văn hóa và lịch sử mà ông vẫn thiếu sót do trình độ học vấn.

Dần dần, ông bớt sợ hãi và thắc mắc về những điều mà ông thốt ra trong giấc ngủ thôi miên, ông cảm thấy rằng những điều ấy có thể chứa đựng một phần nào sự thật. Với một sự tò mò xen lẫn với óc phê phán, ông bắt đầu phân tách những cuộc quan sát trong trạng thái thôi miên để kiểm soát nó một cách hoàn hảo hơn.

Trước hết, ông nhận thấy rằng những cuộc quan sát ấy đều có sự mạch lạc và liên quan chặt chẽ với nhau. Không bao giờ một cuộc quan sát này lại cho kết quả tương phản với một cuộc quan sát khác, dầu là cách nhau bao lâu cũng vậy. Vì thế, một người có thể được ông quan sát lần thứ nhì nhiều tháng hoặc nhiều năm sau lần thứ nhất nhưng những tài liệu ghi nhận kết quả đều ăn khớp với nhau và nối tiếp theo nhau một cách đúng đắn, chẳng khác nào người ta lật ra một quyển sách ở chỗ trang đã được làm dấu để đọc tiếp theo đoạn sách đã bỏ dở trong lần đọc trước.

Phần nhiều những cuộc "*soi kiếp*" giúp đưa ra được những tài liệu tổng quát về những thời kỳ cổ xưa, như ở Ai Cập và châu *Atlantide*. Khi người ta đem đối chiếu những cuộc soi kiếp đó với nhau, thì thấy rằng những chi tiết rời rạc và thiếu sót đã bổ khuyết cho nhau

và trở nên hoàn chỉnh hơn. Do đó, mỗi cuộc soi kiếp thường lặp lại một phần những gì đã được nói ra trong lần trước, rồi thêm vào một số chi tiết mới cho toàn thể câu chuyện.

Không những các cuộc soi kiếp đều cho kết quả phù hợp với nhau, mà còn xác nhận lẫn nhau trên nhiều điểm về những sự việc được ghi chép trong lịch sử, dầu cho đó là những sự việc bí ẩn thuộc về phần ngoại sử. Thí dụ, một trong những cuộc soi kiếp nói rằng một người kia trong tiền kiếp đã từng làm người "*phóng ghế*". Ông *Cayce* không hề biết "*phóng ghế*" nghĩa là gì. Chỉ khi tra cứu tự điển, ông mới thấy rằng danh từ đó chỉ cho một phong tục cổ xưa của dân miền Bắc Mỹ. Người ta trói chặt những mụ phù thủy trên những chiếc ghế đẩu và cầm chân ghế chổng ngược đầu để nhận chìm họ xuống ao nước lạnh, gọi là "*phóng ghế*".

Một thí dụ khác là trong cuộc soi kiếp cho một người thanh niên, ông *Cayce* nói rằng trong một kiếp trước anh ta đã sống ở Pháp. Tại đây, anh ta đã gặp gỡ và làm bạn với nhà bác học Mỹ *Robert Fulton* và đã giúp đỡ người này trong sự thực hiện một vài phát minh khoa học.

Ông *Cayce* biết rõ *Robert Fulton* nhưng không tin rằng ông này đã từng sống ở bên ngoài nước Mỹ. Sau

khi tra cứu một quyển tự điển về tiểu sử các danh nhân, ông mới biết rằng ông *Fulton* quả thật đã có ở bên Pháp nhiều năm, và đã được nhiều người quen biết giúp đỡ và khuyến khích trong các hoạt động của ông.

Ngoài những sự xác nhận lịch sử lạ lùng nói trên về những tiền kiếp, còn có rất nhiều bằng chứng khác về kiếp hiện tại. Ông *Cayce* biết rằng những sự phân tách tâm lý trong những cuộc soi kiếp của ông đều đúng, không những đối với ông và những người trong gia đình, mà cũng đúng đối với những người hoàn toàn xa lạ. Trong những cuộc soi kiếp cũng như trong những cuộc khám bệnh, dầu cho đương sự có quen biết với ông hay không, điều đó không quan hệ gì cả. Họ có thể là những người hoàn toàn xa lạ, hoặc ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Nếu ông có được đầy đủ tên họ, ngày sinh và nơi sinh của những người ấy, ông có thể diễn tả một cách đúng đắn những hoàn cảnh hiện tại cùng những điều bí ẩn trong tâm tính của họ. Ông cũng nói luôn cả những đức tính, năng lực cùng những khuyết điểm của họ, và truy nguyên ra tất cả những điều đó ở các tiền kiếp.

Những cuộc soi kiếp cũng đúng dưới một khía cạnh khác. Ông *Cayce* có thể kiểm điểm lại những điều mà cuộc soi kiếp đã tiết lộ về tánh chất và khả năng nghề

nghiệp tương lai của những đứa trẻ. Một cuộc soi kiếp vào ngày sinh của một đứa trẻ tại *Norfolk* cho biết rằng sau này nó sẽ là một đứa trẻ bướng bỉnh, cứng đầu và khó dạy. Khi nó lớn lên, những tính nết đó càng ngày càng biểu lộ một cách rõ rệt, và cha mẹ nó cũng không thể làm cách nào để sửa đổi được.

Một trường hợp lý thú hơn nữa là của một đứa trẻ khác mà cuộc soi kiếp cho biết rằng về sau có thể trở nên một y sĩ có tài. Những thói xấu mà cuộc soi kiếp cho biết trước cũng đã bắt đầu biểu lộ sớm, cùng lúc với sự thích thú đặc biệt về ngành y học. Vào năm tám tuổi, nó đã bắt đầu mổ xác những con thú đã chết để xem cơ thể bên trong con thú như thế nào. Chưa đầy mười tuổi, nó đã xem một cách say mê những bộ sách tự điển y khoa, và năm mười hai tuổi, nó nói rõ với cha mẹ rằng nó rất muốn vào trường Đại học *John Hopkins* để theo ngành y khoa. Cha của đứa trẻ là một nhà kinh doanh ở *New York*; mẹ nó là một nữ diễn viên. Lúc đầu, cha mẹ đứa bé đều phản đối ý định theo học y khoa và khuyên nó hãy bỏ ý định ấy. Nhưng đứa trẻ vẫn cương quyết giữ lập trường và sau cùng đã thắng mọi trở lực. Hiện nay nó đang học lớp dự bị về khoa Sinh hóa tại một trường Đại học lớn ở miền đông Hoa Kỳ.

Trường hợp này chứng tỏ một lần nữa về năng khiếu thần nhãn thật sự của ông *Cayce*, vì ông đã nhìn thấy

kiếp trước của đứa trẻ và chắc chắn rằng những khả năng đặc biệt của nó sẽ biểu lộ ra ở kiếp này.

Những thí dụ kể trên cho thấy rằng những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* có một giá trị rất lớn trong việc tiên đoán tương lai, không những của những đứa trẻ sơ sinh mà còn cho cả những người lớn. Một cô thư ký điện tín viên ở Bưu điện thành phố *New York* vô cùng ngạc nhiên về những bức điện tín với những lỗi sai lệch một cách lạ lùng mà cô thường xuyên mắc phải nhiều lần khi gửi đi. Khi được nghe biết về ông *Cayce*, cô liền quyết định nhờ ông soi kiếp cho cô. Nhờ đó, cô biết rằng cô sẽ mất thì giờ vô ích khi theo đuổi nghề điện tín viên, và tốt hơn cô nên học ngành vẽ quảng cáo, vì trong nhiều kiếp trước cô đã là một nghệ sĩ có tài trong ngành này. Cô ấy từ trước chưa hề có ý nghĩ sẽ theo đuổi một ngành nghệ thuật nào, dầu là hội họa hay bất cứ ngành nào khác. Nhưng cô ấy có đủ niềm tin vào đề nghị của ông *Cayce* nên đã ghi tên học thử ở một lớp hội họa. Cô vô cùng ngạc nhiên khi thấy mình rất có năng khiếu và đã thành công mau chóng trong ngành hội họa, đồng thời cô cũng cải thiện rất nhiều cả về nhân cách.

Với thời gian trôi qua, ông *Cayce* càng nhận thấy rằng những cuộc soi kiếp của ông đã giúp ích cho rất nhiều người. Ông càng vững lòng tin hơn trước khi

thấy rằng công việc của ông làm là chánh đáng vì tạo ra được những kết quả tốt đẹp. Có nhiều người được hướng dẫn theo những nghề nghiệp thích hợp hơn; những người khác nhận được những lời chỉ dẫn có thể giúp họ san bằng nhiều sự khó khăn trong đời sống gia đình; những người khác nữa đã tìm cách tự biết mình và tập hòa mình một cách thích nghi với đời sống xã hội.

Những điều nói trên đã dần dần thuyết phục ông *Cayce* về tính cách chân thật và xác đáng của những cuộc soi kiếp bằng thần nhãn cũng như sự giải thích mà nó đưa ra về số phận con người hay ý nghĩa của cuộc đời. Nhưng điều làm cho ông tin tưởng hơn hết là tinh thần Gia Tô giáo tiềm tàng trong những điều mà cuộc soi kiếp đã tiết lộ cho ông biết; và hơn nữa, cái tinh thần Gia Tô giáo đó lại được đưa ra một cách dễ dàng và thích nghi trong khuôn khổ của thuyết luân hồi.

Một cuộc soi kiếp ít khi nào mà không nêu ra một đoạn trong Kinh Thánh hay một điều giảng dạy của đấng *Christ*. Những câu dẫn chứng thông thường nhất là những lời dạy của đấng *Christ* như sau:

- Ngươi gặt hái những gì ngươi đã gieo.

Và:

- Hãy làm cho kẻ khác những gì ngươi muốn kẻ khác làm cho ngươi.

Đôi khi đó là những câu chú thích theo đúng nguyên văn hoặc phác họa thêm ít nhiều tư tưởng theo nguyên văn, chẳng hạn như:

- Ngươi chớ lầm lạc: Không ai có thể kiêu ngạo với Chúa Trời! Vì ai gieo giống nào sẽ gặt giống nấy.

Và:

- Con người luôn luôn là cái hậu quả của chính mình. Ngươi hãy làm điều lành cho những kẻ đã phỉ báng nhục mạ ngươi, rồi ngươi sẽ cứu chuộc được những tội lỗi mà chính ngươi đã gây ra cho kẻ khác.

Những lời dẫn chứng kể trên là để răn dạy những người bị bệnh tật đau khổ, do hậu quả của những điều tội lỗi mà họ đã gây ra trong một kiếp trước.

Khi sự hứng khởi nồng nhiệt lúc ban đầu đã lắng dịu, thì nhóm người chung quanh ông *Cayce* mới bắt đầu đặt những câu hỏi về những điều đã tiết lộ trong các cuộc soi kiếp của chính họ. Trước hết, họ muốn biết tại sao có một vài thời kỳ trong lịch sử luôn luôn tái diễn trở đi trở lại trong các cuộc soi kiếp. Vì sao nhiều người lại có chung một bối cảnh lịch sử giống

như nhau? Nói tóm lại, những điều diễn tả trong các cuộc soi kiếp hình như đều rập theo một khuôn khổ. Các cuộc soi kiếp thường nêu ra một loạt các thời kỳ như Thời đại *Atlantide*, Đế quốc La Mã, Thời kỳ Thánh chiến (*Croisades*) và lúc khởi đầu thời kỳ khai mở thuộc địa ở Bắc Mỹ. Một loạt khác gồm có Châu *Atlantide*, Ai Cập, La Mã, nước Pháp thời vua *Louis* 14, 15 và 16, và cuộc nội chiến ly khai (*Secession*) ở Hoa Kỳ. Lẽ tự nhiên, cũng còn có những trường hợp khác, gồm có Trung Hoa, Ấn Độ, Miến Điện, *Pérou*, Bắc Âu, Phi Châu, Trung Mỹ, Ý, Tây Ban Nha, Nhật Bản và nhiều xứ khác...

Nhưng phần nhiều các cuộc soi kiếp đều noi theo một khuôn khổ lịch sử như nhau. Theo ông *Cayce*, lý do của sự kiện trên là vì những tâm thức thuộc về một thời kỳ lịch sử nhất định, về sau thường ra đời cùng lúc ở một thời kỳ khác. Trong những thế kỷ ở khoảng giữa, thì những tâm thức khác lại tái sinh theo cách tuần tự. Sự luân phiên tái sinh thành từng nhóm như vậy là do sự tương đồng về nghiệp lực, cũng giống như sự thay phiên của những toán thợ có cùng một phận sự trong một công xưởng.

Vì thế, ông *Cayce* tin rằng phần nhiều những tâm thức đang tái sinh trên thế gian hiện nay đều đã cùng sống với nhau trong những thời kỳ quá khứ.

Ngoài ra, những chúng sinh nào đã từng có những mối liên hệ gia đình, bè bạn hoặc đồng lý tưởng với nhau, có thể đã cùng có những nhân duyên với nhau trong những kiếp trước.

Một câu hỏi khác được nêu ra:

- Những nhận xét đó dựa vào đâu mà có?

Câu trả lời là: Khi ông *Cayce* rơi vào trạng thái thôi miên, ông có khả năng đưa ra những nhận xét đó dựa vào hai yếu tố. Một là trạng thái vô thức của người đang được soi kiếp. Trạng thái vô thức này lưu giữ ký ức của tất cả những kinh nghiệm mà đương sự đã trải qua, không những trong kiếp này mà cũng gồm cả những kinh nghiệm trong những kiếp trước. Những ký ức thuộc về kiếp trước được che khuất, ẩn tàng trong phần sâu kín nhất của tiềm thức, gọi là tàng thức, nằm ngoài vòng hiểu biết và thực nghiệm của khoa tâm lý học hiện đại. Tàng thức của một người là lãnh vực có thể được thăm dò bằng ý thức của người khác, khác với trạng thái ý thức, vốn luôn có những đề kháng đối với mọi sự thăm dò từ bên ngoài, tương tự như trong một thành phố lớn, người ta có thể đi từ nơi này đến nơi kia bằng những đường ngầm dễ dàng hơn những phương tiện khác ở trên mặt đất.

Vì thế, trong trạng thái thôi miên, ông *Cayce* có thể nhìn sâu vào tàng thức của đương sự một cách trực

tiếp. Sự giải thích này có thể được chấp nhận một cách dễ dàng; nó phù hợp, ít nhất là phần nào, với những phát minh của khoa phân giải tâm lý (*Psychanalyse*) về cuộc đời và về trạng thái vô thức.

Nhưng còn yếu tố thứ hai đã giúp ông *Cayce* đưa ra các nhận xét thì dường như rất lạ lùng. Những cuộc soi kiếp gọi đó là những "*ký ức của không gian*" (Clichés Akashiques). Như thường lệ, mỗi khi nói đến một danh từ lạ và khó hiểu, ông *Cayce* đánh vần từng chữ trong trạng thái thôi miên của ông như *akasha*: danh từ; *akashique*: tính từ. Nói tóm tắt, ông *Cayce* giải thích danh từ ấy như sau: "Akasha là danh từ dùng để chỉ một trạng thái vật chất tối sơ và căn bản của vũ trụ. Loại vật chất ấy có tác dụng như một kiểu băng từ tính trên đó ghi nhận một cách rõ ràng không bao giờ mất những âm thanh, ánh sáng, cùng mọi hành vi, tư tưởng của con người và tất cả mọi sự kiện đã từng xảy ra trong vũ trụ.

Chính nhờ có sự lưu giữ trong kiểu "ký ức không gian" đó mà những ai có năng khiếu thần nhãn có thể nhìn ngược về dĩ vãng như đọc một quyển sách mở ra từng trang trước mặt họ, dầu cho những sự việc xảy ra đã cách xa bao nhiêu thời gian trong quá khứ. Loại vật chất *akasha* có chức năng tương tự như một máy ghi hình vĩ đại của vũ trụ. Khả năng nhìn thấy ký ức của thiên nhiên dựa trên loại "máy ghi hình" đó vốn

tiềm tàng ở tất cả mọi người, nhưng sự bộc lộ của nó tùy thuộc vào mức độ nhạy cảm của mỗi người, và cũng tùy nơi việc chúng ta có thể tự đặt mình vào một trạng thái thụ cảm thích nghi đến mức nào, cũng giống như khi ta bắt đúng tần số vô tuyến trên máy thu thanh để nghe âm nhạc vậy.

Trong những lúc thức tỉnh, ông *Cayce* không thể đặt mình vào trạng thái thụ cảm thích nghi để "bắt đúng tần số" như nói trên, nhưng trong trạng thái giấc ngủ thôi miên thì ông có thể làm được điều ấy.

Trong tất cả những điều bí ẩn mà ông *Cayce* đã thốt ra trong trạng thái thôi miên thì đó là điều mà ông cho là lạ lùng nhất. Tuy thế, đáp lại những câu hỏi hoài nghi về vấn đề này, ông luôn trả lời giống như nhau, có khi thì dùng những danh từ giống nhau, có khi thì thêm vào những chi tiết phụ thuộc. Có nhiều khi, ông nói thêm rằng những sự ghi nhận trên chất *akasha* cũng có thể gọi là "*ký ức của vũ trụ*". Ông *Cayce* cũng đưa ra những sự giải thích đã có từ nhiều thế kỷ trước về chất *akasha*. Nền triết học cổ Ấn Độ đã từng nói rằng căn bản của vật chất vốn là hư không; vật chất là sự kết tinh của một sức mạnh gọi là sinh lực; và cũng nói về sự chuyển di tư tưởng bằng phương pháp thần giao cách cảm; và những điều này gần đây đã được khoa học Âu Tây xác nhận.

Vậy tại sao chúng ta không có một thái độ cởi mở để chấp nhận ít nhất là tiềm năng của chất *akasha*, cũng là một quan niệm khác của triết học Ấn? Sự giải thích bằng trạng thái vô thức có thể chấp nhận được trong việc soi kiếp cho những người khác, nhưng làm sao giải thích hiện tượng ông *Cayce* đã nói rất nhiều chi tiết đầy đủ, tuôn tràn như suối chảy trong những cuộc quan sát sưu tầm về những thời đại cổ xưa ở châu *Atlantide*, Ai Cập, và thời kỳ đầu Công nguyên? Có thể nào ông đã góp nhặt tài liệu trong tiềm thức của những người đã từng sống vào những thời kỳ đó chăng, mặc dầu họ không phải là những người đến nhờ ông soi kiếp? Hay ông *Cayce* đã khám phá ra những điều đó trong ký ức của lịch sử, được ẩn giấu, tiềm tàng và giữ gìn nguyên vẹn trong những cõi vô hình huyền bí của vũ trụ?

Sau cùng ông *Cayce* đã chấp nhận quan niệm về chất *akasha*, không phải vì ông có một bằng chứng tuyệt đối về điều ấy, mà bởi vì nó đã được xác nhận trong những cuộc quan sát bằng thần nhãn; và những cuộc quan sát của ông về tất cả mọi vấn đề từ trước đến nay đều đúng đắn và hoàn toàn đáng tin cậy.

Có lẽ việc dùng thần nhãn để nhìn thấy những sự việc đã xảy ra trong quá khứ cũng có thể được giải thích bằng những cách khác; và cũng có lẽ trong tương

lai, một nhà bác học hiện đại nào đó có thể chứng minh sự thật về chất *akasha*, và điều này rốt cuộc cũng không phải bí mật lạ lùng gì hơn những hiện tượng đã có, chẳng hạn như sóng vô tuyến hay tính chất phóng quang của chất *radium*; như nguyên tử lực hoặc trí nhớ của bộ óc con người và sự truyền cảm của hệ thần kinh.

Dầu sao, những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* và sự đúng đắn một cách lạ lùng của nó là một sự thật hiển nhiên. Trong khoảng hai mươi hai năm trường, bắt đầu từ năm 1923 trở đi, là năm mà ông *Cayce* bắt đầu soi kiếp và khám bệnh bằng thần nhãn, cho đến năm 1945 là năm ông từ trần, ông đã soi kiếp cho khoảng hai ngàn năm trăm người.

Cũng như những cuộc khám bệnh bằng thần nhãn, những cuộc soi kiếp đều được ghi chép trong các tập hồ sơ và được giữ gìn cẩn thận. Nhiều thư từ văn kiện đã chứng minh cho sự đúng đắn của nhiều cuộc soi kiếp, mỗi khi có đủ bằng chứng xác nhận về sự đúng đắn của những điều đã tiết lộ.

Những ai muốn tìm biết sự thật về những điều này còn có thể chất vấn nhiều người hiện nay đang còn sống và đã từng được ông *Cayce* soi kiếp. Như vậy, nếu chúng ta có thể tin tưởng nơi tính cách chân thật của những tập hồ sơ văn kiện lạ lùng đó và sự giải đáp của

nó về những bài toán bí hiểm của cuộc đời, thì ta đã có trong tay một số tài liệu khổng lồ và hiếm có về vấn đề này.

Trước hết chúng ta có một số bằng chứng cụ thể hiển nhiên về thuyết luân hồi, là một nguyên tắc tồn tại căn bản trong vũ trụ. Và nếu tất cả những yếu tố kể trên cũng chưa đủ để hoàn toàn thuyết phục chúng ta, thì ít nhất nó cũng đáng để cho ta chú ý vì mục đích khảo cứu và sưu tầm khoa học.

Có biết bao cuộc phát minh lớn lao vĩ đại mà ban đầu cũng chỉ căn cứ trên những giả thuyết lạ lùng và khó tin. Khi người ta hỏi nhà bác học *Einstein* bằng cách nào ông ta đã phát minh ra thuyết tương đối, ông đáp:

- Tôi chỉ thử đặt một nghi vấn về một định lý.

Ngoài ra, chúng ta còn có một số tài liệu rất dồi dào về tâm lý, y lý và triết lý, đem đến cho ta một tầm kiến thức rộng rãi và khác hẳn về cuộc đời.

Trong khoảng hai mươi hai năm đó, có biết bao nhiêu người đau khổ tuyệt vọng đã tìm đến ông *Cayce* và đã được ông săn sóc giúp đỡ do sự hiểu biết thâm sâu và năng khiếu thần nhãn của ông. Họ bị đủ thứ đau khổ bệnh tật về thể xác lẫn tinh thần, và tất cả đều muốn tìm sự giải đáp cho những câu hỏi sau đây:

- Tại sao sự đau khổ này lại đến cho tôi?

- Nguyên nhân vì đâu mà tôi phải chịu sự đau khổ này?

Không phải tất cả những trường hợp đó đều là nguy cấp hay tuyệt vọng. Có nhiều người xem ra thì những kiếp trước của họ cũng tầm thường như kiếp này, và không có gì đặc biệt. Nhưng, dầu cho sự đau khổ của họ nặng hay nhẹ, các cuộc soi kiếp đã chỉ cho thấy rằng cái thân phận và hoàn cảnh hiện thời của họ là kết quả của bao nhiêu nhân và quả nối tiếp lẫn nhau như những cái khoen của một sợi dây xích và bắt đầu từ vô thủy.

Tất cả đều đã được chỉ cho thấy rằng những bệnh tật, thống khổ của họ bây giờ đều có nguyên nhân xa hay gần, do sự tác động của một định luật căn bản gọi là luật nhân quả. Những gì họ đã nghe và học hỏi đã làm cho họ thay đổi cuộc đời; sự hiểu biết thâm sâu về bài học nhân quả đã giúp cho họ một nguồn an ủi cũng như tìm thấy sự thăng bằng và an tĩnh của tâm hồn.

Nếu người ta chấp nhận tánh cách chân thật của những cuộc soi kiếp đó, người ta cũng còn phải nhìn nhận sự kiện là nó đã làm đảo lộn trí óc và quan niệm của hầu hết mọi người về cuộc đời. Tầm quan trọng của sự việc kể trên không phải là đem đến cho ta một

giả thuyết mới, vì đó là một lý thuyết rất cổ xưa và đã từng là một điều tín ngưỡng của nhiều dân tộc rải rác ở nhiều lục địa trên quả địa cầu. Nhưng những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* có một tầm quan trọng vì hai điều sau đây:

Thứ nhất, đây là lần đầu tiên ở Âu Mỹ người ta có được những bản phúc trình đúng đắn, mạch lạc, rõ ràng và đáng tin cậy về những kiếp trước của một số đông người.

Thứ hai, đây là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, những bản phúc trình đó được ghi chép và sắp xếp thành hồ sơ có ngăn nắp, trật tự, để cho mọi người đều có thể tra cứu, sưu tầm.

Ngoài ra, những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* đã hợp nhất triết lý Đông phương với những giáo lý Gia Tô, và làm cho cả hai nền triết lý Đông Tây càng thêm phần sống động. Nhờ đó, chúng ta đã có một sự tổng hợp rất cần thiết giữa hai quan điểm triết học khác nhau của Đông phương và Tây phương.

Những cuộc soi kiếp bằng thần nhãn của ông *Cayce* cũng đã tổng hợp khoa học và tôn giáo bằng cách chỉ cho ta thấy rằng cảnh giới tinh thần chịu sự tác động của luật nhân quả một cách đúng đắn cũng giống như thế giới vật chất. Nó cho ta thấy rằng sự đau khổ của

con người không phải là do một sự rủi ro tình cờ như nhiều người lầm tưởng, mà là do những tư tưởng và hành động sai lầm trong quá khứ.

Nó cũng chỉ ra rằng những sự sai biệt và bất đồng giữa thân thế, hoàn cảnh và khả năng của người đời không phải là do ý muốn độc đoán của Thượng Đế hay là do ảnh hưởng hoàn toàn của sự di truyền, mà chỉ là kết quả của những hành vi và cung cách ứng xử của mỗi người trong những kiếp trước. Mọi sự đắng cay, thất bại, buồn rầu đều có một ý nghĩa và mục đích rèn luyện chúng ta trên con đường hướng thiện; những bệnh tật tai ương xảy đến cho ta đều có một nguyên nhân sâu xa về tinh thần. Và tất cả những sự quằn quại đau khổ đều là những bài học quí giá mà nếu chúng ta biết cách nhận lấy trong trường học lớn của thế gian thì trong tương lai nó sẽ đưa chúng ta đi đến mục đích minh triết và toàn thiện.

CHƯƠNG 4

VÀI LOẠI QUẢ BÁO VỀ THỂ XÁC

Những người tàn tật, đui què, câm điếc, những người bị các chứng bệnh nan y, đó là những thí dụ rõ rệt nhất về sự đau khổ của người đời. Đứng trước những cảnh đau khổ đó, chúng ta cảm thấy khơi dậy một lòng trắc ẩn sâu xa và thấm thía. Khi một trong những cảnh khổ đó xảy đến cho ta, hoặc khi chúng ta gặp phải những cảnh ngộ đắng cay, trái ý, chúng ta thường đâm ra hoài nghi về ý nghĩa thực sự của cuộc đời. Chúng ta thường tự hỏi:

- Tại sao tôi phải chịu sự đau khổ này? Tại sao những cảnh khổ này lại xảy đến cho tôi?

Anh *Dennis* là một người hiền lành và đức hạnh hơn người. Anh đã bị mất hết gia tài sản nghiệp và tất cả những đứa con anh cũng đều chết cả. Anh chịu đựng những cảnh khổ đó một cách kiên nhẫn và không hề

phàn nàn rên siết. Nhưng khi anh bị một chứng bệnh kỳ quái làm cho toàn thân nổi lên những mụt nhọt lở loét, ghê tởm, thì anh bắt đầu nguyền rủa Thượng Đế và lần đầu tiên anh kêu thét lên trong cơn tuyệt vọng vì không biết được nguyên do những sự đau khổ đã xảy đến cho mình:

- Ai có thể nói cho tôi biết những nguyên nhân ấy, rồi tôi sẽ im lặng và an phận. Tôi đã gây nên những tội lỗi gì?

Khi nói rằng nguyên nhân sự đau khổ là do những hành động sai lầm, tội lỗi đã gây ra trước đây thì người thời nay thường cho đó là một điều dị đoan, di sản của những tôn giáo cổ xưa đã lỗi thời. Ít người chịu suy nghĩ và nhìn nhận điều đó.

Tuy vậy, theo những cuộc soi kiếp của ông *Cayce*, thì tội lỗi và đau khổ đi liền với nhau như bóng với hình, và giữa nhân với quả vốn có một sự liên quan chặt chẽ.

Để hiểu rõ quan niệm trên, vốn là nền tảng cho những cuộc soi kiếp của ông *Cayce*, ta cần tìm hiểu ý nghĩa của danh từ *karma*, là danh từ duy nhất giải thích ý nghĩa vấn đề nhân quả. *Karma* là một danh từ Phạn ngữ, có nghĩa là *hành động*. Nhưng theo ý nghĩa triết học, thì nó được định nghĩa là *nghiệp*, hay nghiệp quả, và được hiểu như là luật nhân quả, là một định

luật có tác dụng chi phối mọi sự việc xảy ra trong vũ trụ.

Ông *Emerson* là người đã từng hấp thụ và tin tưởng nền triết học Ấn Độ, đã gọi đó là luật thừa trừ. Đấng *Christ* cũng đã nói về luật ấy một cách gọn gàng giản dị trong câu:

- Ngươi sẽ gặt những gì ngươi đã gieo.

Định lý khoa học của *Newton* nói rằng:

- Mỗi hành động đều gây nên một phản ứng tương đương và ngược chiều, áp dụng trên cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần.

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* làm cho người ta thích thú say mê vì nó khám phá ra tận nguồn gốc của những bệnh tật đau khổ trong kiếp hiện tại, truy nguyên ra từ những hành động trong những kiếp quá khứ, và làm sáng tỏ một cách rõ ràng cái quan niệm trừu tượng về nhân quả. Một sự nghiên cứu tỉ mỉ về những trường hợp đã quan sát cho biết rằng có nhiều loại quả báo khác nhau.

Một trong những loại đó có thể gọi là quả báo tương tác, nghĩa là một hành động gây tổn thương cho kẻ khác, kết quả cũng sẽ tác động ngược lại đối với người thực hiện một cách tương ứng.

Trong những tập hồ sơ của ông *Cayce*, có nhiều thí dụ về loại quả báo này. Có một trường hợp được ghi chép lại như sau:

Một vị giáo sư dạy nhạc, lúc mới sinh ra đã bị mù, có nghe nói về ông *Cayce* trong một chương trình phát thanh "*Những sự mầu nhiệm*". Ông ta bèn đến nhờ ông *Cayce* khám bệnh, và sau một thời gian chạy chữa theo sự chỉ dẫn của ông *Cayce*, ông ta cảm thấy khá nhiều. Ba tháng sau, ông ta đã thuyên giảm được mười phần trăm về con mắt bên trái, mà các nhà chuyên môn về bệnh đau mắt cho là đã hoàn toàn hỏng.

Kế đó, một cuộc soi kiếp cho thấy rõ ràng tất cả bốn tiền kiếp của ông ta: Kiếp thứ nhất ở Bắc Mỹ hồi vào thời kỳ cuộc nội chiến ly khai (*Secession*); kiếp thứ nhì ở Pháp hồi thời kỳ Thánh chiến (*Croisades*); kiếp thứ ba ở Ba Tư vào khoảng một ngàn năm trước Tây lịch; và kiếp thứ tư ở châu *Atlantide* trước khi xảy ra cuộc Đại hồng thủy. Chính trong kiếp thứ ba ở Ba Tư, ông ta đã gây nên cái nhân xấu ác giờ được báo ứng bằng sự mù mắt của ông ta trong kiếp này. Hồi đó, ông ta là thành viên của một bộ lạc dã man có tục lấy dùi sắt nhọn nung đỏ chọc vào mắt những tù binh, và chính ông ta là đao phủ trực tiếp xử tội các tù nhân bằng cách đó!

Một thí dụ thứ hai đáng được ghi nhớ là trường hợp của một thiếu nữ làm nghề sửa móng tay, bị chứng liệt bại cả hai chân từ khi mới lên một tuổi. Cô này không thể đi đứng gì được nếu không dùng nạng chống và những dụng cụ nối xương nhân tạo. Một cuộc soi kiếp tiết lộ rằng nguyên nhân của bệnh trạng cô bây giờ là do một tiền kiếp ở châu *Atlantide*. Trong kiếp đó, cô đã dùng những phép thuật tà đạo để làm cho kẻ khác bị yếu mềm cả tay chân, trở nên bất lực và chịu để cho cô sai khiến. Bởi vậy trong kiếp này cô phải chịu quả báo về sự tổn thương mà cô đã gây ra cho kẻ khác.

Một thí dụ thứ ba về loại quả báo tương tác được ghi lại như sau:

Một người phụ nữ bốn mươi tuổi từ nhỏ đã bị một chứng bệnh kỳ lạ. Mỗi khi cô ăn một vài thức ăn như bánh mì, hoặc chất ngũ cốc, thì nhảy mũi dữ dội như bị chứng sổ mũi hoặc cảm cúm. Khi cô dùng đến một vài thứ vật dụng, nhất là đồ bằng da hay bằng nhựa dẻo (*plastique*) thì lại cảm thấy đau nhói dữ dội ở hông bên trái.

Cô đã đi khám bệnh với nhiều bác sĩ, nhưng không có kết quả, và cho biết rằng cô chỉ thấy giảm bớt trong những cuộc chữa bệnh bằng thôi miên lúc hai mươi lăm tuổi. Sự thuyên giảm đó kéo dài được sáu năm, nhưng rồi triệu chứng cũ lại tái phát.

Cô đến nhờ ông *Cayce* chữa bệnh. Cuộc soi kiếp cho cô tiết lộ rằng trong một tiền kiếp cô đã từng làm nghề bào chế thuốc, đã dùng nhiều chất hóa học để gây tổn thương cho kẻ khác. Bởi đó cô phải chịu sự đau đớn thể xác bởi những chất hóa học trong kiếp này. Cô cũng đã từng dùng một chất độc để làm cho kẻ khác bị nghẹt thở, và do đó mà ngày nay cô thường bị nhiễm độc bởi một vài chất kim khí, chất nhựa dẻo và những đồ da thuộc bằng chất hóa học...

Một loại quả báo thứ nhì thuộc phạm vi vật chất có thể gọi là quả báo về thể xác, theo đó thì sự lạm dụng thân thể trong một kiếp sẽ gây nên quả báo tương ứng trong một kiếp về sau. Đây là một thí dụ:

Một người đàn ông ba mươi lăm tuổi, từ thuở nhỏ đã bị chứng đau ruột và bộ máy tiêu hóa. Ông ta phải ăn uống kiêng cữ gắt gao và chỉ dùng được một vài loại thức ăn giản dị mà thôi. Và mặc dầu như thế, ông ta cũng tiêu hóa các bữa ăn một cách rất khó khăn, sau nhiều giờ vất vả và mệt nhọc.

Chứng bệnh này gây cho ông ta rất nhiều điều bất tiện, và gây trở ngại không ít trong đời sống xã hội. Cuộc soi kiếp của ông *Cayce* tiết lộ cho biết nguyên nhân của bệnh trạng này là trong một tiền kiếp dưới triều vua *Louis* XIII bên Pháp, ông ta từng làm hầu cận của nhà vua. Ông thừa hành công việc một cách

tận tâm và chu đáo, nhưng lại có tật tham ăn và ăn uống quá độ. Trong một kiếp trước nữa, khi ông ta làm y sĩ dưới triều vua nước Ba Tư, ông cũng thường xuyên ăn uống không có tiết độ. Như thế trong hai kiếp, ông đã phạm lỗi về tâm lý là lạm dụng sự ăn uống để tìm khoái lạc cho cơ thể. Điều này làm đảo lộn sự quân bình trong trạng thái tâm lý của ông ta, và gây ra quả báo tương ứng trong kiếp hiện tại. Quả báo về xác thân làm cho ông ta bị đau yếu bộ máy tiêu hóa, và bắt buộc ông ta phải hạn chế sự ăn uống trong kiếp này.

Một loại quả báo thứ ba về xác thân mà người ta thường thấy trong những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* có thể gọi là *quả báo tượng trưng*. Đây là một loại quả báo rất lạ kỳ và thú vị nhất trong các loại quả báo về thể xác. Một trường hợp thuộc loại quả báo này được kể ra như sau:

Ông *Cayce* có soi kiếp cho một người thanh niên bị bệnh thiếu máu từ thuở nhỏ. Anh ta là con của một vị bác sĩ, vì thế đã được săn sóc thuốc thang và chạy chữa đủ cách, nhưng vẫn vô hiệu quả. Một chứng bệnh nan y như thế hẳn là phải có một nguyên nhân rất sâu xa.

Một cuộc soi kiếp cho biết rằng trong một tiền kiếp ở xứ *Peru*, đã năm kiếp về trước, người này là một vị tướng đem quân chiếm đoạt xứ ấy một cách bạo tàn. Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* nói:

- Cuộc chiến tranh đó đã làm cho bao nhiêu đầu rơi máu chảy, gây nên một thảm họa lưu huyết rất lớn. Bởi đó, trong kiếp hiện tại này, anh ta phải bị bệnh mất máu, không sao chạy chữa.

Chúng ta sẽ hiểu rõ ý nghĩa của sự việc này hơn nếu so sánh với trường hợp quả báo về thể xác, vì tội lỗi của người này không phải do sự lạm dụng một bộ phận nào trong cơ thể của anh ta. Đây cũng không phải là một trường hợp quả báo tương tác, vì nếu như thế thì người thanh niên này có lẽ đã là nạn nhân của một cuộc tàn sát hung bạo. Trái lại, ở đây chúng ta thấy nghiệp quả báo ứng vào chính thể xác của y: nó trở thành một công cụ cho y dùng để nhận lãnh quả báo. Bệnh mất máu làm cho cơ thể anh ta phải yếu đuối suy nhược kéo dài suốt một đời, chính là một cách trả nợ nặng nề đau đớn hơn và có một ý nghĩa sâu sắc hơn là một cái chết tức thời vì đao kiếm trên bãi chiến trường. Người này đã làm đổ máu cả một dân tộc để thỏa mãn tham vọng chinh phục đất đai. Trong kiếp này, sự yếu đuối bất lực do bệnh thiếu máu gây nên làm cho anh ta phải chịu quả báo một cách tượng trưng, nhưng vẫn là tương ứng với hành vi trước đây của anh ta.

Điều này có vẻ như hoang đường nếu chúng ta không quen với những quan niệm tương tự cùng loại,

qua sự phát minh gần đây về những sự tương quan giữa tinh thần và thể xác theo khoa *Tâm bệnh học* (*Psychosomatique*).

Trước đây không lâu, người ta vẫn tưởng rằng tất cả mọi chứng bệnh đều do những nguyên nhân về sinh lý. Những sự tiến bộ của khoa chữa bệnh bằng tinh thần (*Psychiatrie*) đã chỉ rằng ít nhất có một số bệnh trạng mà nguyên nhân là do những xáo trộn tinh thần hoặc xúc động tình cảm gây nên. Từ sự khám phá này, mới nảy sinh ra một ngành y học mới gọi là khoa *Tâm bệnh học* (*Psychosomatique*, do hai danh từ Hy Lạp: *psyche* là tinh thần và *soma* là thể xác). Khoa học này cũng đã đạt được những kết quả hiển nhiên không thể chối cãi về sự liên quan giữa thể xác và tinh thần.

Khoa *Tâm bệnh học* đã chứng minh rằng những sự căng thẳng về tình cảm nếu không biểu lộ được bằng lời nói hay hành động, thường sẽ tự biểu lộ nơi thể xác một cách tượng trưng bởi một loại "*tiếng nói của cơ thể*". Thí dụ, nếu người bệnh không nuốt được một cách trôi chảy trong bữa ăn mà người ta không tìm thấy có một nguyên nhân nào thuộc về cơ thể, thì đó có thể là do có một sự kiện tâm lý trong đời của bệnh nhân mà y "*không thể nuốt được*". Sự buồn nôn, nếu không phải là do bệnh tật của cơ thể sinh ra, có nghĩa là người bệnh còn mang trong lòng một mối hận nào đó trong

đời sống tình cảm của anh ta mà lúc nào cũng muốn "*nôn mửa ra*".

Dường như có một sự tương quan chặt chẽ giữa "*tiếng nói của cơ thể*" theo khoa *Tâm bệnh học* với điều mà ta vừa gọi là "*quả báo tượng trưng*". Trong các trường hợp sau này, dường như đương sự có một ý thức sâu xa thâm trầm về sự tội lỗi của mình, và ý thức đó biểu lộ ra nơi một bộ phận trong cơ thể. Sự chọn lựa một bộ phận nào sẽ tùy nơi cái ý nghĩa tượng trưng của bộ phận ấy. Dưới đây là một vài thí dụ điển hình trong số rất nhiều trường hợp *quả báo tượng trưng* mà người ta tìm thấy trong các tập hồ sơ của ông *Cayce*.

Một người bị chứng bệnh suyễn kinh niên, trong lúc soi kiếp được nghe ông *Cayce* nói rằng:

- Anh đã từng đè nén, áp bức kẻ khác, lẽ tự nhiên, nhân quả báo ứng, có lúc anh phải cảm thấy nghẹn ngào khó thở, cũng như chính anh bị kẻ khác đè nén và áp bức vậy.

Một người điếc nhận được lời cảnh cáo rằng:

- Anh đừng bịt tai làm ngơ trước sự đau khổ của những người cầu xin anh giúp đỡ.

Cuộc soi kiếp cho biết người điếc này là một người dòng dõi quí tộc dưới thời Cách mạng Pháp, nhưng

thường ngoảnh mặt làm ngơ trước những tiếng rên siết và những cảnh lầm than khốn khổ của người đương thời.

Một người bị chứng bệnh lao tủy sống, được cho biết rằng:

- Ông đã từng gây nhiều chướng ngại khó khăn cho kẻ khác. Nên bây giờ ông phải chịu những khó khăn chướng ngại đó trong thân thể của chính mình.

Một người bị chứng bệnh rút gân, làm cho hai chân bị teo bắp thịt, càng ngày càng nhỏ dần, được cho biết rằng:

- Đây không chỉ là bệnh rút gân và teo bắp thịt mà thôi; đó là hậu quả của những gì mà anh đã làm cho kẻ khác trong những kiếp trước.

Trường hợp lạ lùng nhất về *quả báo tượng trưng* trong các tập hồ sơ *Cayce* là trường hợp của một đứa trẻ mười một tuổi, có tật đái dầm từ khi lên hai tuổi. Trường hợp này được kể ra một cách đầy đủ chi tiết hơn, vì tính cách đặc biệt của sự điều trị cho em bé ấy.

Người thiếu niên này thuở nhỏ rất hiền lành, được cha mẹ nuôi nấng dễ dàng cho đến khi người mẹ sinh thêm một đứa em gái. Từ khi đó, nó bắt đầu đái dầm trên giường trong giấc ngủ. Nó đái dầm như vậy mỗi đêm. Cha mẹ nghĩ rằng có lẽ nó cảm thấy sắp sửa bị bỏ

rơi khi người mẹ sinh thêm một em nhỏ nữa, nên tiềm thức của nó khiến cho nó tái diễn những thói quen của tuổi sơ sinh để làm cho cha mẹ phải chú ý và săn sóc nó như thuở trước. Cha mẹ y bèn hết sức cố gắng để bày tỏ cho nó biết rằng tình thương của cha mẹ vẫn không thay đổi vì đứa em gái nhỏ mới sinh, và nó vẫn được thương yêu săn sóc như trước, nhưng vẫn không kết quả.

Khi đứa trẻ lên ba tuổi, cha mẹ nó bèn nhờ một vị bác sĩ chuyên môn về bệnh thần kinh chạy chữa. Sau một năm thuốc thang điều trị, nó vẫn không thuyên giảm chút nào, và cha mẹ nó đành phải chịu vậy. Suốt năm năm trường, nó vẫn tiếp tục đái dầm mỗi đêm. Cha mẹ nó chạy đủ thầy và thử đủ mọi cách điều trị nhưng bệnh vẫn không sao chữa khỏi. Đứa trẻ vẫn đái dầm như vậy cho đến năm tám tuổi. Một lần nữa cha mẹ em lại chạy chữa với một bác sĩ khác, và cuộc điều trị kéo dài suốt hai năm, nhưng vẫn không hiệu quả.

Khi đứa trẻ lên mười tuổi, thấy rằng việc điều trị vẫn không có kết quả gì, cha mẹ em mới thôi và đành chịu bỏ cuộc.

Khi đứa trẻ lên mười một tuổi tuổi, cha mẹ em nghe nói về khả năng chữa bệnh của ông *Cayce*. Người cha bèn đến nhờ ông *Cayce* khám bệnh về trường hợp lạ kỳ của đứa con trai mình.

Ông *Cayce* bèn dùng thần nhãn để soi kiếp cho đứa trẻ thì thấy rằng trong kiếp trước nó là một giáo sĩ đạo Gia Tô trong thời xử án những kẻ theo tà giáo. Công việc của người này là trị tội những mụ đồng bóng, phù thủy bằng cách trói họ trên những chiếc ghế đẩu, rồi cầm chân ghế chổng ngược đầu để nhận chìm họ xuống ao nước lạnh.

Sau khi đã tìm ra cái lý do nhân quả nói trên, cuộc soi kiếp cho biết bệnh ấy có hy vọng chữa khỏi. Cha mẹ đứa trẻ được cho biết là hãy áp dụng phương pháp ám thị cho y trong giấc ngủ, và sự ám thị này phải thuộc về tinh thần chứ không phải về xác thể.

Vài hôm sau, khi về đến nhà, ban đêm người mẹ bèn đến ngồi bên cạnh giường con trai bà. Đợi đến lúc em đã ngủ mê, bà mới bắt đầu nói bằng một giọng trầm trầm và chậm rãi những lời này:

- Con là một người hiền lành tốt bụng. Con sẽ làm cho nhiều người được sung sướng. Con sẽ giúp đỡ tất cả những người con gặp trên đường đời của con. Con rất hiền lương và tốt bụng.

Bà lặp đi lặp lại câu ấy nhiều lần, và thay đổi với những danh từ khác nhau, tuy rằng với bấy nhiêu ý tưởng đó trong chừng mười phút trở lại, trong khi con bà đang ngủ mê.

Đêm đó, lần đầu tiên từ chín năm nay, đứa trẻ không đái dầm như mọi khi. Trong nhiều tháng, bà mẹ vẫn kiên trì theo đuổi phương pháp ám thị đó và cũng vẫn dùng bấy nhiêu lời tương tự. Đứa trẻ không đái dầm một lần nào trong suốt mấy tháng đó.

Dần dần, bà mẹ thấy rằng bà chỉ cần ám thị ba ngày một lần, rồi sau đó mỗi tuần một lần cũng đủ; và sau cùng, sự ám thị cũng không còn cần thiết nữa: Con bà đã hoàn toàn khỏi bệnh.

Trường hợp này có nhiều điểm lý thú. Trước hết là cuộc ám thị vừa áp dụng lần đầu tiên đã làm dứt hẳn một chứng bệnh kinh niên trong chín năm. Và nếu người mẹ không phải là một người đàn bà có học thức và đức hạnh, thì có lẽ người ta đã cho rằng đó là chuyện nói thừa; nhưng bà là một nữ luật sư ở Tòa Án, bà không phải là một người tin nhảm hay dị đoan mê tín, và không có tâm địa bất lương.

Điểm thứ hai là trong sự ám thị đó, bà mẹ không hề bảo con là đừng đái dầm. Sự ám thị đó không nhằm vào cái ý thức về thể xác, mà nhắm vào cái ý thức tâm linh của người thiếu niên. Nói một cách khác, sự ám thị nhắm vào cái ý thức về sự tội lỗi mà nó đã làm trong kiếp trước, được biểu lộ một cách tượng trưng trong thể xác của nó do đường tiểu tiện. Trong kiếp trước, nó đã nhận chìm người khác xuống ao nước lạnh, hoặc

chịu trách nhiệm về hành động tàn ác đó; nên trong kiếp này, nó cảm thấy trong chỗ kín đáo, u ẩn của tiềm thức, rằng nó phải trả cái nghiệp ác đó, và cái quả báo đã ứng hiện vào xác thân của nó một cách tượng trưng. Mặc dầu trong kiếp này nó không làm hại ai, nhưng một lớp kín đáo trong tiềm thức làm cho nó nghi ngờ về sự tốt lành của mình, vì nó còn mang nặng trong lòng cái dấu ấn về sự trừng phạt nặng nề đau khổ mà nó đã gây ra cho kẻ khác trong kiếp trước. Sự ám thị của bà mẹ đã thúc động đến cái lớp kín đáo u ẩn đặc biệt đó, làm cho nó hiểu rằng sự tội lỗi của nó có thể xóa bỏ được bằng những hành động và cử chỉ hiền lương, tốt lành, và bởi đó, cái quả báo tượng trưng kia sẽ không còn là cần thiết nữa.

Từ đó người thiếu niên đã bắt đầu sống một cuộc đời mới. Anh ta được mọi người thương mến, là một người học trò tốt và tỏ ra có khả năng lãnh đạo. Tâm tình, tính chất của anh ta đã thay đổi. Trong một cuộc giảo nghiệm về khả năng tại Viện Đào tạo nhân cách *Johnson O'Connor*, anh ta đã được xếp vào hàng những người có triển vọng thành công trong sự giao tế xã hội.

Người mẹ cho rằng sự thay đổi cá tính của anh ta một phần nhờ sự điều trị thần kinh, và một phần nhờ cuộc khám bệnh bằng thần nhãn của ông *Cayce*.

Hiện nay, vào năm mười tám tuổi, theo ý kiến của cha mẹ thiếu niên này, thì người anh ta có một đức tính căn bản là rộng rãi khoan dung đối với mọi người. Đối với những thói hư tật xấu của người đời, anh ta đều tìm cách bào chữa và tìm ra một sự giải thích về tâm lý để khoan dung và tha thứ cho họ. Dường như tánh độc ác, khắc nghiệt của anh ta trong kiếp trước, mà chứng bệnh đái dầm là một hình phạt tượng trưng, đã được biến đổi thành một đức tánh khoan dung nhân hậu trong kiếp này. Nhờ đó, cán cân nhân quả đã lập lại sự thăng bằng, và căn bệnh quả báo của anh ta cũng dứt tuyệt.

Nếu chúng ta xét lại những trường hợp nhân quả báo ứng kể trên, chúng ta có thể thấy rõ một vài nguyên tắc tác động chung của luật nhân quả.

Trong những cuộc quan sát và soi kiếp của ông *Cayce*, ông đã chỉ cho ta thấy rằng mọi hành động trong quá khứ đều gây nên một nghiệp quả hiển nhiên và cụ thể trong hiện tại. Nhưng cái nghiệp quả đó không phải lúc nào cũng báo ứng một cách thật ăn khớp với cái nguyên nhân đã gây ra, theo kiểu như vay thế nào trả thế ấy.

Thí dụ như trường hợp người nhạc sư bị mù mắt. Kiếp trước ông ta đã dùng dùi sắt nhọn nướng đỏ chọc vào mắt kẻ tù binh; nhưng kiếp này ông ta không sinh

làm dân của một bộ lạc dã man để rồi bị bắt làm tù binh của một bộ lạc thù địch tàn bạo, dùng dùi sắt nướng đỏ chọc vào mắt ông ta giống như vậy. Ông ta sinh ra đã bị mù lòa, và sinh trưởng trong một xã hội văn minh tân tiến của thế kỷ hai mươi. Những sự việc xảy ra trong kiếp này của ông ta không hoàn toàn giống hệt như sự việc đã xảy ra trong kiếp trước.

Thí dụ trên và nhiều thí dụ khác cùng một loại có thể cho phép chúng ta đi đến kết luận chung rằng: Luật nhân quả là một định luật tâm lý, nó tác động trước hết là trên địa hạt tâm lý. Những hoàn cảnh vật chất chỉ là một phương tiện để đạt tới cái mục đích tâm lý đó mà thôi. Vì thế, sự báo ứng của nghiệp quả trên bình diện vật chất không hẳn phải là đúng khớp với cái nguyên nhân đã gây ra từ trước, mà chỉ là đúng theo một cách tượng trưng, dựa vào yếu tố nhận thức tâm lý là chính. Trên bình diện tâm lý, nghiệp quả báo ứng mới thật là tương ứng và trọn vẹn.

Một nguyên tắc đại cương khác dường như căn cứ trên vấn đề khí cụ của nghiệp quả. Trong các tập hồ sơ của ông *Cayce*, người ta không hề thấy có trường hợp nào mà sự đau khổ trong kiếp hiện tại lại gây ra bởi một nạn nhân cũ của đương sự trong kiếp trước, và đã gặp lại người ấy trong kiếp này. Trong trường hợp của vị nhạc sư mù từ lúc mới sinh: Không có điều gì chỉ rằng cha mẹ ông ta vốn là những nạn nhân cũ trong

kiếp trước, nay đầu thai lại để hành phạt ông ta. Cô thiếu nữ làm nghề sửa móng tay bị bệnh liệt bại hai chân từ thuở nhỏ không phải là bị trả thù bởi những nạn nhân cũ của cô trước kia ở châu *Atlantide*...

Nói tóm lại, quả báo xảy đến thường là không phải do nạn nhân đương sự gây ra, mà có thể do những người khác, những người này chỉ là những công cụ của nghiệp quả, cũng như những người tay sai đi đòi nợ, để cho đương sự thông qua đó mà trả những món nợ cũ. Và những người "*tay sai*" này cũng chỉ hành động một cách vô ý thức, chứ không biết gì cả về cái vai trò "*thiên lôi*" hay "*hung thần*" của mình, tức là cái vai trò làm công cụ của nghiệp quả.

CHƯƠNG 5

QUẢ BÁO CỦA SỰ CHẾ NHẠO

Theo giáo lý của đạo Gia Tô thì tánh kiêu ngạo là một trong bảy tội lớn nhất của con người. Cũng như tất cả những tín điều khác của đạo Gia Tô, điều này rất lý thú, nhưng dường như hơi cách xa những vấn đề thực tế về sự đau khổ của nhân loại. Tuy nhiên, nếu chúng ta chấp nhận những bằng chứng trong các cuộc soi kiếp của ông *Cayce*, thì sự kiêu ngạo có thể tạo nên nghiệp quả đau đớn xác thân, nhất là khi nó biểu lộ bằng sự chế giễu hay sự khinh bỉ. Một cái cười độc ác hay những lời nói gièm pha, chỉ trích, chê bai, dường như gây một cái nhân tương đương với một hành động bạo tàn, và sẽ mang đến quả báo tương ứng là người chế nhạo sẽ bị một thứ bệnh tật, tai ương, đau khổ không kém người bị anh ta chế giễu!

Những hồ sơ của ông *Cayce* có ghi chép bảy trường hợp mà những bệnh tật đau khổ nặng nề có thể truy nguyên ra từ những hành động chế nhạo nói trên. Có điều hơi lạ là sáu trường hợp trong số đó xảy ra trước hết ở La Mã, trong thời kỳ khủng bố đạo Gia Tô. Về điểm này, một lần nữa chúng ta lại thấy những nhóm người sống trong cùng một thời kỳ lịch sử thường tái sinh cùng lúc vào một thời kỳ khác. Trong số đó có ba trường hợp về bệnh liệt bại.

Trường hợp thứ nhất là của một người đàn bà bốn mươi lăm tuổi, có ba người con. Chồng bà làm một nghề tự do. Năm ba mươi tuổi, bà bị liệt bại cả hai chân và không thể đi đứng vận động gì được cả. Từ đó, bà phải ngồi trên một chiếc xe lăn và phải có người giúp đỡ mỗi khi muốn cử động.

Cuộc soi kiếp cho biết nguyên nhân bệnh trạng của bà là một tiền kiếp dưới thời kỳ đế quốc La Mã. Hồi đó, bà là một người trong dòng dõi quí tộc của triều vua *Néron* và trực tiếp tham gia việc khủng bố những người theo đạo Gia Tô. Trong cuộc soi kiếp, ông Cayce nói:

- Người này đã cười khi thấy những người khác bị hành hình trên vũ đài, và bây giờ người này phải chịu cảnh đau khổ tương tự như của những người ấy!

Trường hợp thứ hai, có lẽ là trường hợp đau khổ nhất trong tập hồ sơ *Cayce*, là của một người đàn bà ba mươi bốn tuổi, bị liệt bại từ năm lên sáu tuổi, làm cho bà bị què chân và xiêu vẹo xương sống. Người cha chẳng những rất thản nhiên với bệnh trạng của bà, mà còn lấy hết tiền bạc của bà dành dụm được trước đó. Số phận của bà càng hẩm hiu hơn nữa vì hai cuộc tình duyên đau khổ. Người yêu đầu tiên bị tử trận trong cuộc Thế chiến thứ nhất. Sau đó bà đính hôn với một người đàn ông khác, nhưng người này lại bị đau nặng và khi vừa khỏi bệnh thì liền cưới ngay cô nữ y tá đã săn sóc anh ta trong bệnh viện! Ngoài ra những đau khổ về thể xác và tình cảm trên đây, còn thêm nào là những cảnh tượng gây gổ trong gia đình giữa cha mẹ, một đời sống cô độc thiếu thốn ở thôn quê, và một lần té ngã trên những bậc thang bằng đá, làm cho bà phải nằm liệt giường và bị thêm một tật khác ở xương sống: người ta không thể tưởng tượng một cuộc đời đau khổ hơn nữa!

Nguyên nhân của tình trạng này thuộc hai kiếp về trước ở đế quốc La Mã. Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* cho biết:

- Người này thuộc về dòng dõi nhà vua *Palatius*, và thường đến vũ đài xem những cuộc đấu võ bắt buộc giữa các tội nhân, hoặc giữa một tội nhân với một con

thú dữ. Sự đau khổ hiện thời phần lớn là vì người này đã cười cợt một cách khinh bỉ trước sự yếu đuối bất lực của những tù nhân bị thú dữ xé xác trên vũ đài!

Trường hợp thứ ba là của một nhà sản xuất phim ảnh, bị chứng liệt bại từ khi lên mười bảy tuổi, và hiện thời hãy còn có tật ở chân. Nguyên nhân cũng là vào thời kỳ chống đạo Gia Tô ở đế quốc La Mã. Khi soi kiếp, ông *Cayce* cho biết:

- Người này thuở xưa làm lính đao phủ của nhà vua, và đã cười cợt chế nhạo những kẻ tỏ ra sợ sệt hoặc những người bị ngã quỵ trên vũ đài dưới ngọn đao hành tội của anh ta. Anh ta đã gây tội ác không chỉ vì phải làm phận sự của người đao phủ, mà còn vì đã khinh bỉ chế nhạo những người theo một lý tưởng tôn giáo. Trong kiếp này, anh ta phải mang một thể xác tàn tật để trải qua những kinh nghiệm đau khổ mà các nạn nhân xưa kia của anh ta đã chịu đựng.

Dưới đây là bốn trường hợp lý thú mà sự chế nhạo lại bị những quả báo khác hơn là bệnh liệt bại.

Trường hợp thứ nhất là trường hợp của một thiếu nữ bị chứng lao xương. Trong kiếp trước đây, cô có mặt trong nhóm người đầu tiên đến khai thác thuộc địa ở Bắc Mỹ. Tuy nhiên, bệnh trạng của cô được truy nguyên ra từ một kiếp trước nữa ở La Mã. Hồi đó, cô

thuộc dòng quí tộc dưới triều vua *Néron*, và hay mua vui bằng cách đến xem những cảnh hành tội tín đồ đạo Gia Tô trên các vũ đài. Cảnh tượng một thiếu phụ bị móng vuốt sư tử cào rách một bên hông đã làm cho đương sự vô cùng vui thích và cười đùa một cách khoái trá!

Trường hợp thứ hai là một thiếu nữ mới mười tám tuổi, lẽ ra đã có một vẻ đẹp quyến rũ nếu không bị béo phì! Các bác sĩ y khoa nói rằng đó là do một tuyến nội tiết hoạt động quá độ. Cuộc khám bệnh bằng thần nhãn của ông *Cayce* cũng xác nhận có sự sai lệch trong sự hoạt động của tuyến nội tiết; nhưng một cuộc soi kiếp sau đó tiết lộ rằng chứng bệnh của cô ta có một nguyên nhân sâu xa hơn, là một chứng bệnh về nhân quả. Hai kiếp trở về trước, cô là một lực sĩ ở thành La Mã, nổi tiếng trong môn điền kinh và có vẻ đẹp cân đối của thân hình lực lưỡng. Nhưng người này hay chế nhạo những lực sĩ khác nặng cân hơn và thua kém y về sự khéo léo lanh lẹ cũng như không có sự cân đối vóc dáng.

Trường hợp thứ ba là của một thanh niên hai mươi mốt tuổi, theo đạo Gia Tô. Cha mẹ anh ta muốn cho anh sau này trở nên một giáo sĩ; nhưng anh ta thấy rằng điều đó không hợp với sở thích của mình. Anh ta bèn từ chối không chịu nghe theo. Thế rồi anh ta

phát hiện ra mình mắc phải bệnh đồng tính luyến ái. Anh ta bèn đến nhờ ông *Cayce* soi kiếp, và được biết rằng trong tiền kiếp dưới một triều vua ở nước Pháp anh đã từng là một họa sĩ chuyên về lối vẽ hoạt kê hài hước. Bằng một nét bút sắc sảo và linh động, người này thường hay vẽ những cảnh luyến ái giữa những người đồng tính với nhau để làm trò cười cho thiên hạ. Cuộc soi kiếp kết luận như sau:

- Anh chớ lên án kẻ khác nếu anh không muốn bị lên án. Anh cười người khác bao nhiêu, anh sẽ phải bị người cười bấy nhiêu, và anh lên án kẻ khác về điều gì, thì chính anh sẽ mắc phải điều đó!

Trường hợp thứ tư là một thiếu niên bị tai nạn xe hơi hồi mười sáu tuổi, làm cho anh ta bị đứt tiện ngang tủy xương sống. Các bác sĩ chuyên môn đều nói rằng anh ta sẽ không thể sống được, nhưng rốt cuộc anh vẫn sống sót. Anh ta bị bại liệt hoàn toàn cả nửa thân mình, từ đốt xương sống thứ năm trở xuống và kể từ khi đó không thể rời khỏi chiếc xe lăn. Lúc anh ta được ba mươi ba tuổi, nghĩa là mười bảy năm sau khi tai nạn xảy ra, mẹ anh ta đến nhờ ông *Cayce* soi kiếp cho con mình. Cuộc soi kiếp cho biết rõ hai tiền kiếp: Một kiếp vào thời Cách mạng ở Bắc Mỹ, khi đó người này phục vụ trong quân đội và tỏ ra là một sĩ quan ưu tú và can đảm. Do kinh nghiệm trong kiếp đó mà kiếp

này anh ta có được những đức tính kỷ luật, trật tự, yêu đời và khả năng quyền biến. Trong kiếp trước nữa ở La Mã vào đầu Công nguyên, người này đã tạo ra cái nhân của thảm trạng hiện tại. Hồi đó anh ta là một người lính trong đạo binh La Mã và lấy làm khoái trá mà nhìn thấy sự đau khổ của những người theo đạo Gia Tô bị hành hình ở pháp trường. Anh ta đã từng thi đấu trên vũ đài, và về sau anh ta thường nhìn xem những địch thủ của mình chống chọi với các con thú dữ. Anh ta đã nhìn thấy rất nhiều cảnh tượng tàn ác, gây sự đau khổ chết chóc, nhưng không chút động lòng. Kết quả là trong kiếp này anh ta phải tự mình chịu đựng sự đau khổ, và cũng phải tập chịu đựng một cách thản nhiên nhưng với một mục đích khác hẳn.

Có điều lý thú là trong những trường hợp kể trên, gồm có ba người bị liệt bại từ nhỏ, một người bị bệnh lao xương, một người béo phì, một người có bệnh đồng tính luyến ái, một người giập tủy xương sống, tất cả là bảy người nhưng không có trường hợp nào là bệnh di truyền!

Trong mỗi trường hợp, bệnh trạng chỉ xuất hiện sau khi đương sự đã sinh ra đời, ở vào khoảng giữa năm lên một và năm ba mươi sáu tuổi. Trong một trường hợp, bệnh tật do tai nạn xe hơi gây ra. Nhưng dầu thế nào, phía sau cái nguyên nhân hiển hiện vẫn còn ẩn

khuất một nguyên nhân sâu xa hơn. Khi chúng ta nhìn thấy trong một tai nạn xe cộ, có người bị thiệt mạng, có người lại sống sót, có người bị thương tích nặng nề, có người lại không bị một vết trầy da... chúng ta thường xem những điều đó như một sự may rủi, tình cờ. Nhưng nếu ta xét những trường hợp kể trên thì thấy rằng dường như có sự tác động của một sức mạnh vô hình, dầu rằng trong sự hỗn loạn của một tai nạn xảy ra bất thình lình. Và như thế những quả báo xảy đến cho mỗi người đều đúng luật công bình, không mảy may sơ sót.

Mới nghe qua những trường hợp kể trên, người ta thấy rằng dường như những quả báo xảy đến có vẻ quá nặng nề đối với một việc không quan trọng như là một tiếng cười nhạo, nhưng nếu chúng ta suy xét kỹ thì sẽ thấy quả thật có sự công bằng. Một người đùa cợt nhạo báng trước sự đau khổ của kẻ khác tức là kết án người này về những hoàn cảnh đau khổ của họ mà không hề cảm thông được cái nguyên nhân ẩn tàng. Người ấy khinh bỉ quyền tự do của người khác, dầu cho đó là sự tự do lỗi lầm mà mỗi người đều phải trải qua để rút ra những bài học kinh nghiệm tự thân. Người ấy chà đạp, dày xéo cái nhân cách, cái giá trị và tính cách thiêng liêng của mỗi con người, dầu rằng con người ấy có bị rơi vào sự đốn hèn, sa đọa hay lố bịch đi chăng nữa. Ngoài ra, người ấy còn rơi vào sự tự tôn khi cho rằng mình cao quý hơn kẻ mà mình đang chế giễu đùa cợt.

Trong sự chế giễu đùa cợt, có một hình thức tự tôn rất bỉ ổi làm cho đương sự cách biệt rất xa với lòng nhân ái, với tình thương bao la đối với nhân loại và vạn vật.

Những điều kể trên làm cho ta phải nhớ đến những giáo lý răn dạy người đời, được chứa đựng trong một quyển sách về đạo lý cổ truyền. Chúng ta bắt đầu nhận thấy rằng thật là hữu phước thay cho người nào thoát khỏi được cái thói xấu hay nhạo báng đùa cợt. Tác giả bộ Thánh Thi đã tỏ ra có một bản năng sáng suốt khi ghi lại những lời này:

- Tôi sẽ thắng dây cương ở đôi môi của tôi để khỏi phải gây tội lỗi vì cái lưỡi.

- Ngươi chớ xét đoán kẻ khác nếu ngươi không muốn bị người khác xét đoán! Vì ngươi sẽ bị kết án cũng như ngươi đã kết án kẻ khác vậy.

Đức Jesus cũng nói rằng:

- Kẻ nào mắng người khác là “đồ ngu” sẽ bị thiêu đốt dưới ngọn lửa địa ngục!

Xét về những trường hợp mà sự chế nhạo đùa cợt bị mang lấy quả báo vô cùng thảm khốc như đã kể trên, thì lời nói của đức Jesus hẳn là có một ý nghĩa sâu xa thâm trầm về phương diện tâm lý vậy.

CHƯƠNG 6

VÀI SUY NGHĨ VỀ LUẬT NHÂN QUẢ

Những tập hồ sơ của ông *Cayce* trình bày cho ta thấy biết bao nhiêu những sự đau khổ của người đời, có thể phân tách ra thành nhiều loại, đau khổ bệnh tật về thể xác lẫn tinh thần. Những hồ sơ đó làm nổi bật những khía cạnh báo ứng của luật nhân quả, bởi vì những người đến nhờ ông *Cayce* giúp đỡ, trước hết thường là những người đau khổ vì bệnh tật.

Một người đầy đủ sức khỏe không có lý do tìm đến bác sĩ; và một người sung sướng ít khi thấy cần phải tìm hiểu về mục đích rốt ráo và ý nghĩa của cuộc đời. Chính vì thế mà phần lớn những cuộc quan sát bằng thần nhãn của ông *Cayce* được thực hiện cho những người đang chịu đau khổ vì những bệnh tật khó khăn, hoặc có khi là những sự đau khổ tinh thần rất lớn mà không có một vị y sĩ, một nhà tâm lý, hay một vị mục sư nào có thể tìm ra cách giải quyết.

Nhưng những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cũng cho thấy giá trị của sự đau khổ trên phương diện luân lý và tinh thần. Nhờ thấy rõ nguyên nhân sự đau khổ nên nó không còn là một điều khủng khiếp và đáng sợ đối với chúng ta. Trái lại, những cuộc soi kiếp đó đã khuyến khích, an ủi, giúp nguồn cảm hứng và xoa dịu những tâm hồn đau khổ một cách sâu sắc. Người ta không còn khao khát tránh né đau khổ, mà hiểu được rằng đó là những kết quả tất nhiên phải chịu đựng do những việc làm xấu ác của chính mình trong quá khứ. Và điều đó ngay lập tức làm thay đổi quan niệm ứng xử cũng như tâm tính, nhân cách của họ để hướng đến sự hiền thiện.

Tuy nhiên, những tập hồ sơ *Cayce* không phải chỉ gồm có những trường hợp chữa bệnh và giúp đỡ những kẻ bệnh tật khốn khó mà thôi. Trong những chương sau, chúng ta sẽ thấy sự tác dụng của Luật nhân quả trong việc rèn luyện khả năng, đức tính, thiên tài... và những bẩm tính cùng tư chất đủ loại trong con người, làm căn bản cho sự khám phá những tài năng ẩn tàng cũng như vấn đề hướng thiện, giúp cho mỗi người tìm thấy được con đường chân chính để noi theo trong cuộc đời.

Một hoàn cảnh tốt và một thân thể kiện toàn là do những nghiệp quả tốt đưa đến. Nhưng những cuộc

soi kiếp thường không giải thích về nguyên nhân của những quả báo tốt lành, vì người ta cho rằng không phải những người được yên lành sung sướng, mà chỉ có những trường hợp đau khổ mới đáng được chú ý. Những người được soi kiếp cũng đồng quan niệm với cái khuynh hướng chung của mọi người, là một số phận tốt lành hạnh phúc không cần phải giải thích lý do; mọi người đều cho rằng mình có quyền được hưởng một số phận yên lành tốt đẹp. Chỉ khi nào bị điêu linh khốn khổ, tai họa dập dồn, thì người ta mới bắt đầu tự hỏi tại sao họ lại bị như thế!

Một thân hình tốt đẹp cũng là do nghiệp quả tốt mang đến. Những cuộc soi kiếp thỉnh thoảng cũng cho biết rằng một thân hình cân đối xinh đẹp trong kiếp này là kết quả của sự săn sóc giữ gìn thân thể trong kiếp trước. Nhưng trong một cuộc soi kiếp, ông *Cayce* có đưa ra một trường hợp lý thú về sắc đẹp do một lý do nghiệp quả khác hẳn. Đó là trường hợp của một người mẫu có sắc đẹp nổi tiếng ở *New York*. Cô có hai bàn tay tuyệt đẹp, và được các hãng buôn mời chụp ảnh làm mẫu để quảng cáo cho những món hàng trang sức như thuốc nhuộm móng tay, dầu thơm, và đồ nữ trang...

Quả báo tốt lành khiến cho cô có sắc đẹp trong kiếp này được truy nguyên từ một kiếp trước trong một tu viện ở Anh quốc. Trong tu viện, cô dành trọn cuộc đời

và dùng hai bàn tay để làm những công việc hèn mọn và thấp kém nhất với một tinh thần phụng sự và hoàn toàn hiến dâng. Cái chí nguyện tâm linh ấy đã đem đến cho cô trong kiếp này một thân hình mỹ lệ với hai bàn tay đẹp đẽ khác thường. Đây là một triển vọng đáng khuyến khích cho những ai mong muốn có sắc đẹp!

Những quả báo đau khổ xảy đến cho ta có lẽ gây cho ta một ấn tượng sâu xa thấm thía hơn là những quả báo tốt lành, nhất là nó lại càng thấm thía hơn và cần thiết hơn vào thời buổi hỗn loạn và suy đồi hiện nay. Người thời nay trí khôn đã mở rộng, khoa học càng ngày càng phát triển, cuộc sống tinh thần cần dựa trên một nền tảng thông minh có thể làm thỏa mãn được lý trí. Một phép xử thế đúng đắn, hợp với lẽ đạo là cần thiết để đem đến cho con người một đời sống hạnh phúc, an vui và giải thoát. Người ta sẽ nhận thấy tầm quan trọng lớn lao của điều này khi hiểu rõ hơn về luật nhân quả và luân hồi.

Vì thế, giáo lý minh triết cổ truyền đem đến cho ta một phương thuốc thần hiệu để chữa khỏi chứng bệnh liệt nhược tinh thần của nhiều giáo phái hiện nay. Có lẽ những sự hành phạt đau khổ của luật nhân quả mà chúng tôi trình bày trong quyển sách này sẽ không làm nản lòng những ai chấp nhận thuyết luân hồi; trái lại

nó còn đem đến cho họ niềm hy vọng, một sự yêu đời và một đức tin mới mẻ căn cứ trên sự tin tưởng ở sự công bằng và khách quan tuyệt đối của nhân quả, luôn chi phối tất cả mọi sự việc trên thế gian.

Những thí dụ kể trên có lẽ sẽ làm cho người ta phải dè dặt, cẩn thận hơn trong những hành động và cử chỉ của đời sống hằng ngày. Khi ta biết rằng sự tàn nhẫn độc ác có thể gây nên quả báo đui mù tàn tật, bệnh mất máu, bệnh suyễn hay bệnh liệt bại; sự hoang dâm có thể gây nên chứng bệnh động kinh (*Epilepsie*); sự áp chế đè nén kẻ khác có thể đem đến bệnh liệt bại... thì những điều đó có thể làm cho chúng ta dễ quay đầu hướng thiện và cố gắng sống một đời sống tốt lành hơn.

Ngoài ra, những trường hợp kể trên đem đến sự giải thích về tình trạng thê thảm của hàng triệu người đang đau khổ vì đủ loại bệnh tật trên thế gian. Chúng ta không thường xuyên nhìn thấy được những kẻ tật nguyền, què quặt, đui mù, câm điếc, điên khùng, những người bị các chứng bệnh nan y, liệt bại, động kinh, cùi phong, những người cụt tay cụt chân vì tai nạn hay vì chiến tranh.v.v... vì những người xấu số đáng thương ấy luôn ẩn trú trong nhà, hoặc nằm yên trong các bệnh viện. Chúng ta chỉ tình cờ gặp họ một đôi khi ở ngoài đường phố, và không biết rõ tổng số những người bệnh tật đau khổ ấy lên đến bao nhiêu! Nhưng nếu ta

lưu tâm một chút, ta sẽ biết ngay về sự tồn tại của họ trên thế gian này, với một thành phần rất đông đảo và những số phận hết sức thảm thương.

Sự giải thích thông thường của các giáo sĩ đạo Gia Tô về những thảm trạng đau thương ấy là: "Đó là ý muốn của Chúa Trời!" Nhưng thật khó mà dung hòa cái ý niệm một đấng Cha Lành đầy lòng bác ái mà lại tạo ra những cảnh đau khổ lầm than đó cho những đứa con vô tội của Ngài! Về điểm này, người ta lại nói rằng ý muốn của Chúa Trời là một điều không thể cân nhắc suy lường, và càng không thể hiểu được! Nhưng rốt cuộc thì sự giải thích ấy không thể giải quyết được sự mâu thuẫn nói trên.

Thuyết luân hồi nhân quả đã đưa ra sự giải thích cho vấn đề bí ẩn đó bằng cách chỉ rõ rằng sự vật diễn ra trong vũ trụ không bao giờ do sự ngẫu nhiên tình cờ, mà là do tác động của một định luật tự nhiên rất công bằng và hợp lý. Đó là một định luật căn bản trong vũ trụ, theo đó thì những người đau khổ bệnh tật vốn là do những nguyên nhân xấu ác mà chính họ đã gây ra trong quá khứ, và bây giờ họ phải gánh lấy hậu quả. Không một ai phải chịu những cảnh lầm than khốn đốn nếu đó không phải là do những nguyên nhân xa hoặc gần mà họ đã tạo ra trong quá khứ.

Người Tây phương không thể chấp nhận quan niệm về luân hồi một cách dễ dàng vì nó có vẻ khó tin và không thể được chứng minh một cách khoa học, nghĩa là không có gì làm bằng chứng. Tuy nhiên, trong đời sống có biết bao nhiêu những chuyện khó tin mà chúng ta không hề nghĩ đến! Từ một cái trứng bé nhỏ chui ra một con nòng nọc, lội dưới nước như một con cá, rồi lớn dần và rụng đuôi để trở thành con ếch! Một con sâu kết một cái kén bằng tơ và sau đó ít lâu sẽ từ trong cái kén chui ra và trở thành một con bướm màu sắc sặc sỡ. Đó chỉ là một vài thí dụ lạ lùng để chỉ cho ta thấy rằng sự sống của một sinh vật có thể thay hình đổi dạng nhiều lần liên tiếp mà vẫn không mất cái cá tính riêng của nó; và chúng ta luôn chấp nhận những điều ấy một cách tự nhiên.

Nếu suy nghĩ kỹ, có lẽ ta sẽ thấy rằng những thí dụ đó cũng không khác gì việc tâm thức con người có thể tái sinh nhiều lần để có sự sống trong những thể xác khác nhau mà vẫn giữ nguyên vẹn cá tính của nó.

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* mà nếu ta có thể chấp nhận được về phương diện tâm lý và luân lý sẽ giúp cho ta giải tỏa được nhiều sự hoài nghi. Những tài liệu lạ lùng đó là bằng chứng để giúp ta có một tầm hiểu biết sâu xa và đầy đủ hơn. Có lẽ nó sẽ giúp

ta thấy rằng, ngoài những kiếp sống tầm thường, khó khăn và gò bó của chúng ta trong thế giới nhỏ hẹp này, còn có một tầm sinh hoạt rộng lớn bao la hơn nữa, và nếu chấp nhận sự nhìn sâu vào đời sống tâm linh, ta sẽ thấy rằng cuộc đời còn có những ý nghĩa sâu xa thâm trầm hơn những gì ta đã có thể tưởng tượng từ trước đến nay.

CHƯƠNG 7

QUẢ BÁO KHÔNG TỨC THÌ

Một điều lạ lùng mà ta có thể nhận thấy trong những trường hợp quả báo về xác thân như đã kể trên, là những quả báo chỉ xuất hiện một hay nhiều kiếp sau khi cái nhân đã được tạo ra. Người ta tự hỏi, tại sao lại có sự chậm trễ đó, tại sao nghiệp quả không báo ứng ngay tức khắc như một quả banh dội lại ngay sau khi được ném vào tường?

Dường như câu hỏi đó có nhiều cách giải đáp. Một là sau khi đã gây nhân tạo nghiệp, cần phải đợi đến khi có một hoàn cảnh thuận tiện cho cái nhân kia kết lại thành quả. Có khi phải đợi qua nhiều thế kỷ mới hội đủ các điều kiện. Trong khoảng thời gian đó, tất nhiên là mỗi người đều có được những cơ hội để cải thiện tâm tính, tu dưỡng tinh thần, và nhờ đó có thể giúp cho quả báo trở nên giảm nhẹ hơn.

Người ta tìm thấy một thí dụ về loại quả báo không tức thì này trong những tập hồ sơ *Cayce* về những tâm

thức trước kia đã từng sinh ra ở châu *Atlantide*. Khoa học chưa bao giờ có thể xác nhận hay phủ nhận sự hiện diện của châu *Atlantide* vĩ đại và cổ xưa nay đã chìm dưới đáy Đại Tây Dương, mặc dầu người ta có đủ lý do để tin vào sự kiện ấy trước rất nhiều bằng chứng lịch sử, khoa học và văn hóa.

Một tài liệu lịch sử quan trọng là bộ sách "*Crisias và Timeus*" của *Platon*. Trong đó, tác giả tường thuật những điều ông đã nghe nói về châu *Atlantide*.

Một trong những bằng chứng khoa học thường được nêu ra là sự khám phá của các nhà bác học, nhân dịp một sợi dây cáp ngầm dưới Đại Tây Dương bị đứt và chìm xuống đáy biển ở một độ sâu ba ngàn thước. Khi sợi dây cáp được vớt lên, thì nó dính theo những mẫu phún thạch (*lava*). Khi người ta phân tích những mẫu phún thạch này thì thấy rằng ngày xưa chúng đã từng đông đặc lại trên đất liền trước khi chìm xuống đáy biển.

Trong những bằng chứng văn hóa đáng kể nhất thì trước hết là những huyền thoại về cuộc đại hồng thủy. Người ta không chỉ gặp những huyền thoại này trong bộ Kinh Thánh (*Bible*), mà còn cả trong những truyện thần thoại tôn giáo và lịch sử của hầu hết những dân tộc cổ xưa trên thế giới.

Kế đó là những điểm tương đồng giữa những ngôn ngữ, văn tự và kiến trúc của Ai Cập và Trung Mỹ, ở vào một thời kỳ mà người ta không thấy có những phương tiện giao thông giữa hai lục địa châu Mỹ và châu Phi.

Tất cả những bằng chứng kể trên có thể giúp cho người ta tin tưởng vào sự hiện diện của châu *Atlantide*, dù vẫn chưa đủ để đưa đến một kết luận chắc chắn. Nhưng nếu ta tin vào kết quả những cuộc soi kiếp của ông *Cayce*, thì châu *Atlantide* đã từng hiện hữu một cách hiển nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa.

Theo ông *Cayce*, một vài gian phòng bí mật hãy còn khóa chặt trong Đại Kim tự tháp ở Ai Cập, một ngày kia sẽ có thể tiết lộ cho chúng ta một kho tài liệu đầy đủ về lịch sử và nền văn minh của châu *Atlantide*. Ông *Cayce* cho biết rằng, những tài liệu đó được chôn giấu trong Kim tự tháp bởi những người dân *Atlante* ngày xưa di cư qua Ai Cập trong cuộc thiên tai địa chấn lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng đã nhận chìm châu *Atlantide* xuống đáy biển vào khoảng chín ngàn năm trăm năm trước Tây lịch.

Ông *Cayce* cũng nói rằng, đảo *Bimini* ở ngoài khơi tiểu bang *Florida* (Hoa Kỳ), nguyên là đỉnh một ngọn núi cao ở châu *Atlantide* ngày xưa. Ông cũng cho biết rằng tại nơi đó, người ta có thể tìm thấy dưới đáy biển

một ngôi đền cổ của dân *Atlante*. Mái bầu của ngôi đền được xây cất với những tấm kiếng thủy tinh theo một kiểu kiến trúc đặc biệt để thâu ánh nắng mặt trời.

Những cuộc soi kiếp cũng cho biết dân *Atlante* ngày xưa đã từng đạt tới một trình độ khoa học tiến bộ hơn cả chúng ta ngày nay. Họ đã từng phát triển đến một mức độ rất cao trong các ngành điện khí, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình, những phương tiện di chuyển trên không trung, tàu ngầm, cùng phương pháp sử dụng năng lượng mặt trời và năng lượng nguyên tử. Họ đã từng phát minh những kỹ thuật dùng nhiệt lượng để thắp sáng và vận chuyển tiến bộ hơn chúng ta ngày nay.

Điều đáng ghi nhớ là những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* thường lặp đi lặp lại nhiều lần rằng dân *Atlante* ngày xưa bị họa diệt vong vì họ đã lạm dụng những sức mạnh kinh khủng mà họ chế ngự được. Họ dùng điện lực, khoa thôi miên và sức mạnh của tư tưởng để đàn áp, chế ngự kẻ khác, hoặc sai khiến người khác làm việc như những nô lệ, hoặc để cưỡng hiếp phụ nữ và thỏa mãn sắc dục.

Những sự lạm dụng quyền năng và những hành vi trái đạo kể trên không thể cứu chuộc được một cách đầy đủ và trọn vẹn cho dù những kẻ phạm lỗi ấy đã phải trải qua nhiều thời kỳ đớn đau khổ nhục để bù

đắp, trong những thời kỳ mà khoa học chưa được phát triển và người ta chưa có những kiến thức sâu rộng về khoa tâm lý hoặc khoa huyền môn. Sự thử thách hữu hiệu nhất để biết một người đã thắng được thói ăn uống vô tiết độ hay chưa là đặt trước mặt anh ta những món cao lương mỹ vị, để xem anh ta có biết tự chủ hay không? Người ta không thể biết được một người đã hoàn toàn tự chủ về sắc dục hay chưa, nếu người ấy chưa gặp phải sự thử thách và bị cám dỗ mà vẫn không động lòng như thánh *Antoine* ngày xưa, lòng vẫn thanh tịnh giữa những giai nhân tuyệt sắc, đáng yêu! Cũng vậy, những kẻ tội lỗi đã từng lạm dụng những quyền năng phi thường và mầu nhiệm nhờ sự phát triển khoa học của châu *Atlantide* thuở xưa, chưa hẳn đã thực sự từ bỏ thói ích kỷ tham tàn và thay đổi tâm tính, nếu họ chưa gặp những hoàn cảnh tương tự của một thời kỳ phát triển khoa học và kỹ thuật như thời đại này để thử thách xem họ có biết dùng những phương tiện đó với một tinh thần xây dựng, hay là với mục đích ích kỷ hại nhân như thuở trước.

Sự tiến bộ theo từng chu kỳ của lịch sử đã làm cho thế kỷ hai mươi trở nên một thời kỳ phát triển khoa học như vừa nói trên. Vì thế, những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* tiết lộ rằng có rất nhiều người dân *Atlantide* thời cổ nay đã tái sinh vào thời kỳ hiện tại.

Những tiến bộ về kỹ thuật và khoa học của thời đại này có thể hiểu theo hai cách. Trước hết, đó là kết quả những kinh nghiệm về phát minh khoa học mà những người dân Atlantide đã mang theo từ những tiền kiếp quá khứ xa xăm của họ ở châu *Atlantide* ngày xưa. Thứ hai, thời kỳ này có thể xem là giai đoạn thử thách cho những con người đã từng phạm tội đó, để bộc lộ rõ trong suốt thời gian qua họ đã thâu thập được những đức tính gì khả dĩ giúp cho họ chống lại sự cám dỗ do thói ích kỷ và tàn bạo còn rơi rớt lại của thế hệ văn minh khoa học vật chất.

Vì thế, có vẻ như yếu tố căn bản quyết định vấn đề quả báo không tức thì là việc những ai đã gây nghiệp quả xấu phải chờ đến khi tái sinh vào một thời kỳ thuận tiện, hội đủ những điều kiện để quả báo xấu của họ thực sự chín muồi.

Vấn đề này hình như cũng có liên quan đến sự tiến bộ từng chu kỳ của lịch sử và sự luân phiên của những tâm thức tương đồng trong việc tái sinh cùng lúc vào những thời kỳ thích hợp. Những trào lưu chủng tộc và các sắc dân trên địa cầu dường như cũng tái sinh trở lại thế gian theo từng giai đoạn, ví như những luồng sóng dập dồn nối nhau từng chu kỳ, theo định luật tuần hoàn của vũ trụ.

Tuy nhiên, có nhiều đoạn ghi nhận trong các cuộc soi kiếp của ông *Cayce* chỉ ra rằng sự tái sinh của các nhóm thiểu số trong những nhóm lớn đó, và thậm chí trường hợp của từng cá nhân trong các nhóm ấy, không phải do một sự tiền định hoặc theo từng khuôn mẫu hay chu kỳ nhất định. Trường hợp của mỗi một tâm thức cũng như từng nhóm tâm thức có nghiệp lực tương đồng không phải bao giờ cũng tái sinh một cách đều đặn như một sự việc đã định sẵn. Điều này còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác tác động từ bên ngoài (các duyên) cũng như những thay đổi bên trong của từng tâm thức riêng biệt.

Về điểm này, cũng như trên những lãnh vực khác của sự sống trong vũ trụ, con người vốn luôn có quyền tự do ý chí, và mỗi cá nhân hay một nhóm người đều luôn có quyền tự do chọn lựa những điều kiện liên quan đến sự tái sinh của mình, nếu họ có đủ sáng suốt. Nhận xét này gợi lên một sự phức tạp mới nữa: Nếu một tâm thức muốn phát triển những đức tính hay công hạnh nào đó, tâm thức ấy cần có sự chọn lựa một thời điểm tái sinh thích hợp, với những điều kiện thích hợp Và sự tu dưỡng của cá nhân mỗi tâm thức cũng là điều kiện góp phần vào việc tâm thức ấy có phải tức thời nhận lãnh những quả báo xấu mà mình đã tạo ra hay không.

Những sự kiện kể trên là những yếu tố góp phần giải thích hiện tượng quả báo không tức thì sự tu dưỡng tinh thần là một yếu tố quan trọng luôn phải được xét đến, bởi nó vừa mang tính chủ quan của mỗi cá nhân, vừa tạo ra những tác động khách quan khiến cho mọi hoàn cảnh đều có thể thay đổi. Với sự tu dưỡng tinh thần, người ta có thể chịu đựng những quả báo xấu khi chúng xảy đến và xem đó như những cơ hội để rèn luyện, tu dưỡng, nhằm hoàn thiện tinh thần hơn nữa. Mặc dù không thể tránh khỏi việc nhận lãnh những quả báo xấu do lỗi lầm đã mắc phải trong quá khứ, nhưng một người biết tu dưỡng có thể xem đó chính là cơ hội để thâu thập, rèn luyện những đức tính cần thiết để tiếp tục đương đầu với quả báo khác nữa khi nó tuần tự xảy đến trong cuộc luân hồi.

Nhiều người bệnh tật khi được ông *Cayce* soi kiếp và được cho biết rằng nguồn gốc bệnh trạng của họ được truy nguyên ra từ nhiều kiếp trước, đều lấy làm tò mò muốn biết lý do của sự kéo dài như thế. Những người muốn làm sáng tỏ vấn đề này bằng một cuộc soi kiếp thứ nhì, đều nhận được câu trả lời giống như của cô thiếu nữ què mà chúng tôi đã kể chuyện trong chương 5. Cô này hỏi:

- Tại sao đến kiếp này tôi mới phải trả nghiệp quả mà tôi đã gây ra từ thời đế quốc La Mã?

Cô ấy được trả lời như sau:

- Bởi vì không có đủ những điều kiện thích hợp để quả báo của cô chín muồi vào một thời điểm sớm hơn.

Như vậy, khi một quả báo xấu không đến sớm hơn, đó là vì có những nguyên do chủ quan bên trong lẫn những điều kiện khách quan bên ngoài. Trong trường hợp này cũng như nhiều trường hợp bệnh tật khác, một sự nghiên cứu tỉ mỉ về những kiếp trung gian thường cho thấy rằng đương sự đã có những chuyển hóa tốt đẹp hơn qua sự tu dưỡng, hoặc biết tận dụng nhiều cơ hội để phát triển thêm những đức tính và có sự tiến hóa về mặt tinh thần. Chính vì thế mà những điều kiện nhân duyên thuận lợi cho sự chín muồi của một quả báo xấu đã không được tạo ra.

Thí dụ, nếu chúng ta xét lại trường hợp của người thiếu niên mười sáu tuổi, bị thương nặng trong vụ tai nạn xe hơi như đã kể trên, chúng ta thấy rằng nguyên nhân của nghiệp quả này là do anh ta đã gieo từ thời kỳ đế quốc La Mã. Tuy nhiên, trong một kiếp trước đây khi tái sinh vào thời kỳ Cách mạng ở Bắc Mỹ, anh ta cho thấy có sự phát triển nhiều đức tính như lòng can đảm, yêu đời và khả năng khai thác khía cạnh tốt của mọi hoàn cảnh. Những đức tính đó hoàn toàn không phải tự nhiên có được, mà nó biểu lộ sự nỗ lực

của các nhân trong sự vươn lên hoàn thiện chính mình. Và điều đó không phải gì khác hơn mà chính là một trong những hình thức tu dưỡng tinh thần. Nhờ đó mà những điều kiện thích hợp cho sự chín muồi của một quả báo xấu đã bị ngăn chặn.

Một thí dụ sau đây có thể giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn về vấn đề này. Một người vay tiền của ngân hàng để kinh doanh. Anh ta không thể trả hết số nợ đó trong vài ngày hay một tuần lễ, hoặc một tháng ngay sau khi vay. Việc kinh doanh của anh ta cần có thời gian, và vì thế sự trả nợ cũng phải có một thời gian, kỳ hạn nhất định. Những món nợ nghiệp quả cũng tương tự như thế, cần có một kỳ hạn nhất định trước khi chín muồi và biểu hiện thành những sự kiện tốt hay xấu trong đời người.

Đó là những lý do khách quan cũng như chủ quan có thể giải thích cho việc người ta thường không nhận lãnh những quả báo xấu một cách tức thì.

Nếu một ngày kia thuyết luân hồi được tất cả mọi người thừa nhận, và nếu quan niệm về nhân quả được quần chúng Tây phương cũng như Đông phương hiểu rõ, ít nhất là trên nguyên tắc đại cương, thì chắc chắn vấn đề quả báo không tức thì sẽ có ý nghĩa răn đe hữu hiệu đối với rất nhiều người! Cái ý tưởng rằng một hành động độc ác nào đó trong quá khứ rồi chắc chắn

sẽ dẫn đến những quả báo phải chịu đui mù, tàn tật trong một kiếp tương lai xa hay gần sẽ là một bản án treo làm cho người ta phải cảm thấy lo sợ, cân nhắc mỗi khi sắp phạm vào một sự lỗi lầm. Đối với những người nhạy cảm và có đức tin mạnh mẽ thì một món nợ nhân quả không được biết rõ cũng ví như một lưỡi gươm của *Damoclès* treo lủng lẳng phía trên và chực chờ rơi xuống đầu họ bất cứ lúc nào, và điều đó có tác dụng giúp họ luôn phải biết lo sửa mình tu dưỡng thay vì sống buông trôi theo lạc thú.

Đối với một số người thì thuyết nghiệp quả có thể chỉ là một sự dọa dẫm mơ hồ và hoàn toàn không có cơ sở khoa học, cũng như hình tượng quỷ Satan và lửa hỏa ngục đã từng là một mối đe dọa làm nhiều người sợ hãi trong nhiều thế hệ đã qua! Để chống lại cái khuynh hướng sợ sệt mơ hồ đó, họ đi đến việc phủ nhận toàn bộ vấn đề quả báo, cũng như phong trào Khoa học Công giáo (*Science Christienne*) đã từng phủ nhận mọi tội lỗi, sự lầm lạc... Tuy nhiên, sự phủ nhận vật chất thế gian cũng như vấn đề tội lỗi và quả báo không có ý nghĩa giải quyết vấn đề! Điều nên làm của chúng ta không phải là giấu giếm sự thật, như con chim đà điểu vùi đầu xuống cát để giấu mình, mà là phải thấu hiểu được sự thật để biết tự chế phục mình và xây dựng cuộc đời này theo những lý tưởng hay khuynh hướng tâm linh cao cả.

Sự phủ nhận nhân quả chẳng khác nào không thừa nhận những món nợ mà mình phải trả hay những bài học mà mình cần phải học hỏi, và đó là một thái độ bất lương. Kẻ nào muốn gạt gẫm hay trốn tránh trách nhiệm, dầu đó là những trách nhiệm vật chất hay tinh thần, đều không thể gây cho người khác lòng mến phục.

Thói thường, khi người ta không thích một điều gì, người ta hay lý luận một cách khôn khéo để phủ nhận điều ấy. Đó cũng là một sự trốn tránh trách nhiệm. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là mọi sự lý luận hay dẫn dụ (*suggestion*) đều là vô ích. Trái lại, sự dẫn dụ có thể rất hữu ích để chữa những bệnh trạng thuộc về tâm lý. Chúng ta đã thấy trường hợp lý thú của đứa trẻ bị chứng bệnh đái dầm và phương pháp dẫn dụ để đánh tan mặc cảm tội lỗi hằn sâu trong tiềm thức, đã chữa cho em ấy được khỏi bệnh.

Nếu các nhà tâm lý học muốn chữa những chứng bệnh về mặc cảm tội lỗi thì phương pháp điều trị tốt nhất là làm cho bệnh nhân thành thật nhìn nhận những tội lỗi đã gây ra; bày tỏ một ý muốn chân thành muốn chuộc lỗi, và sau cùng phải bày tỏ sự cương quyết làm việc tốt và hướng thiện, nghĩa là theo hướng ngược lại với tội lỗi đã gây ra. Như vậy, quả báo sẽ dần dần giảm nhẹ cho đến tiêu tan, và bệnh sẽ thuyên giảm.

Nếu chúng ta chấp nhận thuyết luân hồi thì ta phải nhìn nhận rằng nhân loại chưa có được sự tiến hóa cao về phương diện tâm linh, vì thế mà con người còn phải chịu những quả báo xấu trong nhiều kiếp sống tương lai. Nhưng ta không nên quá băn khoăn lo sợ vì điều đó. Tục ngữ phương Tây có câu: "Mỗi ngày chỉ chịu đựng vừa đủ sự khổ nhọc của nó!" (*A chaque jour suffit sa peine*.) Câu này ngụ ý là ta nên sống mỗi ngày một cách bình tĩnh, chấp nhận mọi sự việc mà không cần phải băn khoăn lo lắng. Chẳng những là mỗi ngày mà mỗi kiếp sống cũng vậy; dầu cho ta có bị những khó khăn đau khổ như thế nào, ta cũng phải sống trọn đời sống của mình với một niềm tin tưởng chắc chắn rằng những gì xảy đến cho ta là rất công bình, và ta luôn có đủ sức chịu đựng mọi điều xảy đến. Không gì có thể xem là quá sức chịu đựng của ta trong đời sống cả.

Hơn nữa, dầu cho ta có tin vào luật nhân quả hay không, ta cũng phải thừa nhận rằng tương lai là một cái gì mà ta không thể biết được một cách chắc chắn. Và nếu ta tin rằng những tai họa xảy đến cho ta là do lẽ nhân quả báo ứng chứ không phải do sự ngẫu nhiên tình cờ hay ý muốn của một đấng toàn năng, thì những nỗi băn khoăn sợ sệt của ta sẽ tự nó tan biến, vì lý do giản dị là quả báo luôn xảy đến cho ta theo một định luật công bằng tuyệt đối.

Con người thường hay sợ sệt những tai họa sẽ đến, nhưng nếu biết rằng sự việc luôn xảy đến một cách công bằng thì ta sẽ chẳng có gì phải lo sợ hay trốn tránh. Ngược lại, mỗi tai họa còn có thể là một cơ hội để mang đến cho ta một bài học hay và mở rộng tầm kiến thức cũng như rèn luyện và tu dưỡng tinh thần. Như vậy, rõ ràng đó không phải là một điều đáng sợ.

Một người lương thiện nếu biết mình mắc nợ thì phải cố gắng lo việc trả nợ; anh ta sẽ làm việc một cách siêng năng chăm chỉ để có thể trả hết món nợ vào đúng kỳ hạn, nhưng hoàn toàn không cần thiết phải lo lắng sợ sệt về việc ngày trả nợ sẽ đến. Người ấy chỉ cần đem hết tinh thần, sức lực, cố gắng làm việc để có thể trả dứt nợ nần, vì đó mới là sự nỗ lực đúng hướng nhất.

Vì tầm ý thức của chúng ta có giới hạn nên chúng ta không thể biết được rằng mình đã mắc phải bao nhiêu món nợ quả báo trong những tiền kiếp thuộc về quá khứ xa xăm. Nhưng dù vậy, chúng ta cần phải có thái độ thẳng thắn của một người lương thiện, chấp nhận những món nợ của ta với một thiện chí và chân thành muốn trả nợ. Sự chấp nhận luật nhân quả và tin tưởng vào sự công bằng tuyệt đối của nó chính là thái độ tích cực nhất của chúng ta đối với mọi quả báo xảy đến.

Khi có thể đặt niềm tin vào sự tác động công bằng của luật nhân quả thì chắc chắn ta không thấy có bất cứ điều gì cần phải sợ sệt cả. Những ai gieo gió sẽ phải gặt bão, và nếu nỗ lực làm thiện thì sẽ được hưởng những quả báo tốt đẹp. Chỉ có thế thôi!

CHƯƠNG 8

QUẢ BÁO ĐỐI VỚI SỨC KHỎE

Có nhiều người nhận hiểu rất sai lầm về luật nhân quả. Họ cho rằng theo luật nhân quả thì mọi sự đều đã được định sẵn từ trước, và điều này làm cho họ có một thái độ thụ động, lười biếng, mất cả chí tiến thủ và việc gì cũng đổ thừa cho số mạng.

Khi hiểu nhân quả theo cách này, họ chỉ thấy được một phần của vấn đề mà không nhận hiểu được một cách toàn diện. Ngay cả đối với những người dân Ấn Độ hoặc một số nước ở phương Đông, tuy có sự tin tưởng vào luật nhân quả từ nhiều ngàn năm qua, nhưng cũng không ít người có sự nhận hiểu và thái độ sai lầm như nói trên.

Quả thật là một khi nghiệp quả đã chín muồi và được thể hiện thành một sự kiện cụ thể thì chúng ta hầu như không còn làm gì được nữa đối với quả báo

xấu đó. Một người sinh ra đã bị mù do quả báo của một hành vi xấu trong quá khứ, thì hiện tại có vẻ như anh ta không làm được gì ngoài việc chấp nhận sự mù lòa đó. Tuy nhiên, cách hiểu như thế là hết sức phiến diện, vì đã cắt ngang chuỗi tiến trình nhân quả và chỉ xem xét một phần trong toàn bộ tiến trình đó. Sự thật là, nếu một hành vi trong quá khứ đã mang đến kết quả trong hiện tại, thì điều tất nhiên là mọi tư tưởng, hành vi trong hiện tại cũng tiếp tục mang đến những kết quả tương ứng trong tương lại. Hơn nữa, quả báo của một hành vi, như chúng ta sẽ thấy, không phải bao giờ cũng thuộc loại không tức thì như đã nói trong chương trước. Có rất nhiều loại quả báo có thể xảy đến ngay tức thì, hoặc ít ra cũng là ngay trong kiếp sống hiện tại, mà xưa nay người ta vẫn thường gọi là "quả báo nhãn tiền".

Như vậy, việc ta chấp nhận một quả báo xấu theo cách nào cũng là một nhân tố góp phần tạo ra kết quả mà ta phải nhận lãnh trong tương lai gần hoặc xa. Trong ví dụ nói trên, nếu người bị mù lòa đó luôn than thân trách phận hoặc oán ghét cha mẹ đã sinh ra mình với thân phận mù lòa, thì chắc chắn anh ta phải chịu nhiều khổ đau ngay trong kiếp sống hiện tại và cũng tạo ra cái nhân đau khổ cho kiếp sống tương lai. Ngược lại, nếu anh ta nhận thức rằng sự mù lòa của mình là

biểu hiện cho thấy một hành vi xấu ác đã mắc phải trong quá khứ, thì anh ta sẽ khởi lên một sự hối lỗi, sẽ cố gắng hướng đến những tư tưởng và hành vi tốt lành, giúp đỡ người khác. Với ý thức đó, anh ta sẽ chấp nhận sự mù lòa một cách thoải mái hơn, và cũng có những đóng góp tích cực hơn cho đời sống. Điều này tất yếu sẽ mang đến cho anh ta kết quả tốt đẹp hơn trong những kiếp sống tương lai.

Nếu chúng ta chấp nhận quan niệm về nhân quả, thì thái độ của chúng ta đối với mọi sự việc xảy ra trong đời sống sẽ là sự tin tưởng, chấp nhận hiện tại và nỗ lực hướng thiện để xây dựng tương lai.

Như vậy, chúng ta không khỏi đặt ra câu hỏi rằng: Chúng ta nên chấp nhận những quả báo xảy đến cho ta đến mức độ nào? Hay nói cách khác, nếu một người tin rằng căn bệnh của mình là do quả báo xấu thì liệu người ấy có nên cố gắng tìm cách chạy chữa? Hay là phải chấp nhận bệnh trạng như nó đang diễn ra?

Vấn đề này thường được nêu ra trong những trường hợp quả báo về thân xác gây nên những bệnh tật làm bệnh nhân đau khổ. Về vấn đề này, những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* đều rất lý thú vì nó đem đến lời giải đáp cho những sự tranh luận về thuyết luân hồi. Những câu hỏi sau đây thường được nêu ra:

- Đối với những người đau khổ vì một chứng bệnh, nếu tin rằng đó là do quả báo thì phải điều trị như thế nào?

- Có hy vọng chữa khỏi bệnh tật hay không nếu đó là do nhân quả?

Những cuộc soi kiếp được ghi lại trong các tập hồ sơ của ông *Cayce* đều khuyên người ta không nên có một thái độ hoàn toàn thụ động trong việc đón nhận quả. Ông *Cayce* thường lặp đi lặp lại câu nói này với bệnh nhân trong trạng thái bị thôi miên của ông:

- Đó là nghiệp quả của anh (hay chị). Và bây giờ, đây là những gì mà anh (hay chị) phải cố gắng làm để thay đổi sự việc.

Trong những tập hồ sơ đó, có điều đáng chú ý là trong tất cả mọi trường hợp về bệnh tật, tuy được giải thích là do nhân quả, nhưng luôn luôn đều có những lời khuyên về cách điều trị cụ thể.

Trong nhiều trường hợp bệnh tật do quả báo, cuộc soi kiếp cho biết đều có hy vọng chữa khỏi. Trong những trường hợp mà nghiệp quả nặng nề hơn, cuộc soi kiếp nói rõ rằng tuy không có hy vọng được hoàn toàn chữa khỏi, nhưng bệnh có thể được thuyên giảm nhờ sự cố gắng tích cực đúng hướng; và kế đó là sự mô tả những phương pháp điều trị, kèm theo những yêu cầu về sự tu tâm dưỡng tánh.

Dưới đây là trường hợp lý thú của một người thợ điện ba mươi bốn tuổi, bị một chứng bệnh đau mắt cườm rất nặng, không thể chữa khỏi. Trong suốt ba năm, anh ta không làm việc gì được; mắt anh ta nhìn kém đến nỗi không thể đọc hay viết; thậm chí khi thử đi vài bước thì anh ta thường bị vấp ngã. Anh ta đã phải điều trị tại bệnh viện, trong khi vợ anh làm công trong một cửa hàng lớn để nuôi cả gia đình, với một đứa con chỉ vừa được năm tuổi.

Trong một cuộc soi kiếp của ông *Cayce*, anh ta được cho biết đó là một chứng bệnh do quả báo, nhưng không nên tuyệt vọng. Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* nói:

- À! Theo chỗ chúng tôi thấy thì bệnh trạng tuy rất nặng nhưng anh chớ nên tuyệt vọng, vì sự cứu chữa đã sắp đến.

Sau đó, ông diễn tả căn bệnh bằng những danh từ y học rất chuẩn xác. Kế đó, ông *Cayce* tiếp tục nói về những khả năng hồi phục tiềm tàng trong người bệnh nhân; ông nói qua vài điều để chỉ rằng nguyên do chứng bệnh này là một quả báo xấu. Tiếp theo đó, ông khuyên bệnh nhân hãy thay đổi tâm tính và dẹp bỏ mọi điều oán ghét, thù hận, mọi tư tưởng xấu ác. Cuộc soi kiếp kết thúc bằng một phương pháp điều trị tỉ mỉ từng chi tiết.

Khoảng một năm sau, chính bệnh nhân ấy viết thư yêu cầu ông *Cayce* dành cho một cuộc soi kiếp thứ nhì. Anh ta cho biết rằng đã áp dụng cách điều trị do ông hướng dẫn một cách đúng đắn và đã thấy khá hơn. Sự thuyên giảm đó kéo dài được bốn tháng, nhưng sau đó bệnh lại tái phát và sức khỏe anh ta giảm sút.

Trong thực tế, dường như anh ta chỉ áp dụng phép điều trị về phương diện vật chất mà không chú ý đến phương diện tinh thần, vì cuộc soi kiếp lần thứ hai đã cảnh cáo anh ta một cách rõ ràng như sau:

- Tôi thấy rằng anh đã có nhiều tiến bộ về vật chất, nhưng còn có rất nhiều điều phải sửa chữa về mặt tinh thần.

Sau đó, ông đưa ra những phân tích và chỉ dẫn cụ thể. Như đã nói ở trên, ông đề nghị người bệnh phải thay đổi thái độ ứng xử trong cuộc đời, trong mọi hoàn cảnh, phải biết yêu thương và giúp đỡ đối với người đồng loại. Ông cũng giải thích, tuy bệnh có được thuyên giảm một phần nào nhờ sự áp dụng những phương pháp điều trị về thể chất, nhưng nếu người bệnh lấy đó làm tự mãn và không chịu thay đổi thái độ về mặt tinh thần; vẫn nuôi lòng thù hận, ích kỷ, độc ác bất công và ganh ghét đối với mọi người khác; hoặc nếu anh ta vẫn nuôi trong lòng những gì ngược lại với những đức tính

nhẫn nhục, khoan dung, bác ái, thiện cảm, nhân từ... thì bệnh trạng của anh ta sẽ không có hy vọng chữa khỏi.

Ông phân tích: Người này thật ra muốn khỏi bệnh vì mục đích gì? Phải chăng là để thỏa mãn những dục vọng của thể xác? Hay là để làm tăng trưởng thêm lòng ích kỷ của mình? Nếu như thế, thì tốt hơn là anh ta hãy cứ giữ nguyên tình trạng bệnh tật hiện thời. Nếu anh ta có sự thay đổi bên trong tâm tính về thái độ ứng xử với mọi người, và nếu anh ta biểu lộ sự thay đổi đó trong lời nói và hành động, đồng thời áp dụng cách điều trị đúng như phương pháp đã nêu ra, thì bệnh của anh ta sẽ có thể thuyên giảm.

Nhưng ông Cayce nhấn mạnh rằng trước hết cần phải có một sự thay đổi tánh tình, tâm trạng và mục đích, quan điểm sống. Tất cả những phương thức điều trị mà anh ta đã áp dụng chỉ có thể đem đến một sự khỏi bệnh hoàn toàn khi nào chính bản thân anh ta biết nhận rõ lỗi lầm và có một quyết tâm sửa đổi, nỗ lực chuyển hóa hướng thiện, làm thay đổi triệt để ngay từ những khuynh hướng xấu đang hiện hữu trong tâm hồn. Ngoài khả năng khỏi bệnh theo hướng này, ông Cayce cũng cho biết là không còn bất cứ cách nào khác để bàn thêm. Điều đó có nghĩa là mọi việc chỉ thay đổi khi bản thân người bệnh biết tự sửa đổi. Ông đã chấm

dứt cuộc khám bệnh sau khi đưa ra nhận xét cuối cùng này.

Người ta nhận thấy trong những nội dung được ghi lại trên đây rằng hy vọng được khỏi bệnh tùy thuộc hoàn toàn vào sự thay đổi trong tâm hồn và thái độ, quan điểm của bệnh nhân đối với cuộc đời. "*Anh muốn khỏi bệnh với mục đích gì?*" Đó là một câu hỏi rõ ràng với một sự dò xét nghiêm khắc. Phải chăng là để thỏa mãn những dục vọng của thể xác? Hay là để làm tăng trưởng lòng ích kỷ? Nếu đúng như thế thì tốt hơn anh hãy tiếp tục chịu đựng tình trạng cũ!

Trải qua trên hai mươi lăm ngàn cuộc soi kiếp, ông *Cayce* không một lần nào từ chối giúp đỡ ý kiến để bệnh nhân có khả năng tự điều trị, cho dầu trước đây anh ta đã phạm vào tội lỗi xấu xa nặng nề đến mức nào. Nhưng cũng giống như trong trường hợp kể trên, ông thường nhấn mạnh rằng bệnh tật hay những nỗi đau khổ có thể được xem như một cơ hội giáo dục, vì nó khiến cho người ta phải suy ngẫm về những tội lỗi của mình và quay về nẻo chính, bởi vì bao giờ cũng vậy, ông luôn nhấn mạnh rằng những hành vi, tư tưởng tội lỗi, tà vạy đã gây nên quả báo bệnh tật cần phải được sửa đổi.

Người bệnh phải cố gắng bằng nhiều cách để cải thiện tâm tính của mình; nhưng đồng thời cũng phải

áp dụng nhiều phương thức thực hành tu dưỡng để rèn luyện và sửa đổi sự yếu kém bên trong tâm hồn. Những khả năng hồi phục tự nhiên và những cách điều trị của khoa học hiện đại đều có thể mang lại một sự thuyên giảm tạm thời, nhưng không thể chữa khỏi bệnh hoàn toàn, và điều này là hợp lý khi xét từ góc độ nhân quả.

Nói tóm lại, trong hầu hết các trường hợp, sự khỏi bệnh thường xuất phát từ những chuyển biến, cải hóa về mặt tâm linh, nghĩa là phải đến từ trong nội tâm của người bệnh. Nếu chỉ dựa vào những tác động khách quan từ bên ngoài thì kết quả chắc chắn sẽ không được lâu bền.

Trường hợp sau đây của một người mù, rút trong số hàng trăm trường hợp mù lòa trong các tập hồ sơ của ông *Cayce*, có thể xem là tiêu biểu cho nhận xét nói trên. Đây là những gì được ghi trong biên bản cuộc khám bệnh:

"Đây là một bệnh do quả báo. Sự áp dụng các lý tưởng đạo đức tâm linh trong cách xử thế hằng ngày đã đem đến một sự thay đổi lớn trong cuộc đời bệnh nhân. Tuy lúc đầu bệnh vẫn không thấy bớt, nhưng tôi nhận thấy rõ rằng cặp mắt bệnh nhân đã dần dần thuyên giảm khi anh ta bắt đầu sửa đổi tâm tánh. Tôi

cũng nhận thấy rằng sự cố gắng đầu tiên phải là thuộc về phạm vi tinh thần và bệnh nhân phải cố gắng biểu lộ lòng nhân từ trong những cử chỉ hằng ngày. Hãy tập ứng xử với sự thiện cảm, tình thân hữu, đức kiên nhẫn, dịu dàng, khoan dung, nhân hậu...”

Trong hai trường hợp kể trên, người ta thấy rằng cuộc soi kiếp nhấn mạnh trước hết ở sự thay đổi tâm tính và chuyển hóa tinh thần, và đó là điều kiện cốt yếu để sửa đổi nghiệp quả về thân xác.

Nếu chúng ta nhớ rằng ý nghĩa của sự quả báo là biểu lộ những hành vi, tư tưởng xấu ác trong quá khứ, hay sự suy thoái về mặt đạo đức, tâm linh, thì chúng ta sẽ hiểu rằng phương pháp điều trị kể trên là lẽ tự nhiên vậy. Cái gọi là tội lỗi trong luật nhân quả không hề mang ý nghĩa dị đoan cổ xưa như là làm trái ý hoặc xúc phạm quỉ thần, cũng không phải theo ý nghĩa của các nhà thần học tin vào một đấng toàn năng thưởng phạt. Tội lỗi ở đây cần được hiểu theo ý nghĩa tâm lý, bao gồm tất cả những gì trái ngược và làm hại đến sự sống trong thiên nhiên. Tội lỗi hiểu theo ý nghĩa này thường là những tư tưởng, hành vi xuất phát từ lòng ích kỷ, khuynh hướng phân biệt giữa người khác với ta, và từ đó luôn tìm cách bảo vệ, vun bồi cho cái bản ngã nhỏ hẹp của mình.

Sự chấp giữ bản ngã đó có thể biểu hiện bằng nhiều hình thức. Nó có thể là sự tàn bạo đối với kẻ khác; hoặc sự lạm dụng cơ thể của chính mình do sự vô tiết độ hay sinh hoạt cẩu thả; hoặc cũng có thể là sự kiêu căng, tự tôn tự đại.

Những lỗi lầm đó sở dĩ có đều là xuất phát từ một nhận thức sai lầm căn bản về sự tồn tại của "bản ngã". Trong thực tế, không có bất cứ một thực thể nào có thể gọi là "bản ngã" hay "cái ta" mà mỗi người luôn gìn giữ và vun đắp. Sự hiện hữu của con người thật ra chỉ là một sự tập hợp của nhiều yếu tố nhân duyên khác nhau và sẽ tan biến khi các điều kiện thuận tiện cho sự tồn tại đó không còn nữa. Chính vì nhận thức nhận thức sai lầm về một "bản ngã" là thật có nên con người cứ mãi mê ôm giữ và tạo tác mọi tội lỗi để bảo vệ và phát triển cái "bản ngã" vốn không có thật đó.

Chỉ cần nhận biết được sai lầm căn bản này, người ta sẽ có thể thay đổi hoàn toàn mọi quan điểm ứng xử trong cuộc sống theo hướng tốt đẹp, hướng thiện. Chúng ta sẽ không còn thấy là "mất đi" khi ban phát, cho tặng những gì mình có, và cũng không thấy là "có được" khi giành lấy những thứ thuộc về người khác. Chỉ theo cách nhận thức mới này, người ta mới có thể hiểu được ý nghĩa của những tư tưởng, hành vi cao

quý, vị tha, nhân ái... Khi đó, những giá trị tinh thần, những niềm vui và hạnh phúc chân thật mới có thể được nhận ra và thực hiện.

Về điểm này, những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* gọi là sự thức tỉnh tinh thần hay quay về nguồn cội. Người ta thấy trong những trường hợp kể trên cũng như trong nhiều trường hợp khác về quả báo thân xác được ghi lại trong tập hồ sơ của ông *Cayce* rằng lời khuyên răn tối hậu để được khỏi bệnh là bệnh nhân hãy cố gắng làm thế nào để loại trừ lòng tham lam ích kỷ và bắt đầu biết quan tâm giúp đỡ người khác.

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* đã dùng những lời lẽ và danh từ khác nhau để diễn đạt các ý tưởng trên. Mặc dù vậy, những ý nghĩa chính mà ông đề cập đến trong tất cả các trường hợp khác nhau đều không đi ra ngoài những điều nói trên.

Nhưng cách biểu lộ tư tưởng của ông, dầu là dưới hình thức nào, cũng không có ảnh hưởng gì đến công việc cứu khổ giúp người mà ông đang theo đuổi. Dưới đây là một thí dụ về sự khuyên răn của ông cho một người bị chứng bệnh lao tủy sống:

- Anh hãy nhớ rằng nguồn gốc bệnh trạng của anh là tự anh gây ra: Nó là một chứng bệnh do quả báo. Phương tiện tốt nhứt là anh hãy tin tưởng vào sự công

bằng của luật nhân quả và đừng bao giờ oán trách số phận, phải biết tự mình thay đổi nghiệp quả bằng cách hướng về điều thiện và nỗ lực giúp đỡ, chia sẻ cùng người khác. Sự chân thành sám hối, ăn năn tội lỗi và quyết chí sửa mình sẽ mang đến những kết quả tốt lành và có thể giúp làm tiêu tan nghiệp quả.

Sự suy gẫm về những điều thiện ác và nỗ lực làm việc phụng sự người khác là những phương pháp thường được nêu ra trong các cuộc soi kiếp của ông *Cayce* để khuyên người bệnh sửa đổi tâm tính và tiến bộ về tinh thần. Nhưng muốn đạt được kết quả thì những phương pháp đó phải được thực hành một cách chân thành chứ không phải là một cách máy móc, gượng ép. Nếu không có một tình thương nhân loại và chúng sinh phát xuất tự đáy lòng, nếu không có một tấm lòng nhân ái, từ bi, thì những phương pháp thực hành nêu trên cũng chỉ là trống rỗng và không có ý nghĩa gì. Chỉ có những sự hồi tâm đúng đắn, một quyết tâm mạnh mẽ trong việc cải tà qui chánh, chuyển hóa tâm tính mới có thể giúp cho nghiệp quả được giảm nhẹ hoặc thay đổi.

Nhưng không phải tất cả mọi người đều dễ dàng đạt đến một trình độ nhận thức đầy đủ hay phát khởi lòng tin sâu xa đủ để có thể nỗ lực tu dưỡng và đạt được tình thương yêu bao la chân thật dành cho muôn loài, muôn

người. Chính tâm yêu thương chân thật đó mới có đủ sức mạnh làm tiêu tan mọi điều tai ách, nghiệp chướng do quả báo đưa đến.

Trong trường hợp người thanh niên bị chứng bệnh lao tủy sống, cuộc soi kiếp dường như cũng cho biết rõ anh ta không đủ sức thực hiện những lời khuyên nói trên. Bởi đó, với sự thẳng thắn của một vị y sĩ biết rõ tiềm lực và khả năng của bệnh nhân và không muốn anh ta hy vọng những điều quá sức mình, ông *Cayce* đã cho anh ta biết rõ:

- Bệnh của anh chỉ có thể giảm bớt phần nào thôi, chứ không thể dứt tuyệt.

Tuy nhiên, cuộc soi kiếp không phải đã kết thúc. Trong trường hợp này và những trường hợp khác nữa, cuộc soi kiếp tiếp tục đưa ra cho bệnh nhân những phương pháp điều trị về phần thể chất, để cho bệnh nhân có thể thực hiện những cố gắng cụ thể trong việc tự chữa trị. Sự kiên nhẫn, bền chí, can đảm và những đức tính khiêm tốn, nhân từ, khoan hậu, mà bệnh nhân cố gắng phát triển và thâu thập được trong thời kỳ đó sẽ cải thiện phần nào về mặt tinh thần, ít nhất là một cách gián tiếp, để làm thay đổi nghiệp quả.

Như vậy, thay vì có một thái độ tiêu cực, thụ động đối với vấn đề trả quả, những cuộc soi kiếp của ông *Cayce*

luôn luôn khuyến khích bệnh nhân hãy có một thái độ tích cực tranh đấu để vượt qua những nỗi chướng ngại đau khổ của mình. Và sự nỗ lực đó luôn hướng đến việc hoàn thiện chính mình về phương diện đạo đức, tâm linh chứ không phải chỉ lo bồi đắp cho thể xác.

Dưới đây là một khía cạnh quan trọng khác của vấn đề chữa bệnh. Trong những cuộc soi kiếp, ông *Cayce* luôn luôn đưa ra những điều khuyên răn các bệnh nhân tùy theo trình độ nhận thức riêng của từng người. Ông không đưa ra những phương pháp điều trị nghiêng hẳn về tinh thần đối với những người không thể hiểu được hoặc đang có những định kiến chống lại những phương pháp đó.

Bác sĩ *Alexis Carrel*, tác giả hai quyển sách nhan đề: "*Con người*" và "*Cuộc hành trình đến thành Lourdes*", cho biết rằng ở *Lourdes* có nhiều người có tinh thần tín ngưỡng rất sâu xa, đã được chữa khỏi ngay tại chỗ về bệnh ung thư và những chứng bệnh nan y khác. Nếu như sự khỏi bệnh ấy quả có thật, thì chắc chắn là việc ấy không thể xảy đến cho những người không có một đức tin và một thái độ tinh thần giống như của những người được khỏi bệnh kể trên.

Sự nghiên cứu nhiều cuộc soi kiếp và khám bệnh của ông *Cayce* chỉ rõ ra rằng ông luôn luôn biết rõ giới

hạn đức tin của từng bệnh nhân. Trong nhiều trường hợp, những cuộc soi kiếp biết rằng một vài bệnh nhân nào đó có thể được chữa khỏi bằng phương pháp dẫn dụ tinh thần. Trong những trường hợp khác cũng cùng một chứng bệnh nhưng bệnh nhân lại không thể chữa khỏi bằng phương pháp đó, hoặc do sự thiếu hiểu biết, hoặc do sự hoài nghi, hoặc vì họ quá thiên về quan niệm vật chất. Đối với những người này, tốt hơn là khuyên họ dùng những phương pháp điều trị thể xác.

Người ta còn nhớ một câu chuyện cổ điển ở Ấn Độ nói về người đệ tử của một vị đạo sĩ. Người đệ tử đã trải qua giai đoạn huấn luyện công phu để có thể chế ngự được vật chất bằng sức mạnh tinh thần. Anh ta là một đệ tử ưu tú và có nhiều khả năng tiến bộ. Khi ấy, anh ta bèn ẩn mình trong rừng sâu, và sau mười năm tập luyện mới trở lại gặp thầy. Vị thầy hỏi:

- Con đã làm gì trong suốt thời gian đó?

Người đệ tử đáp lại với một giọng hơi tự đắc:

- Con đã luyện tập chế ngự tư tưởng để có thể đi trên mặt nước và bây giờ con có thể vượt qua sông như đi trên đất bằng.

Vị thầy nói với một giọng buồn rầu:

- Con ơi! Con đã lãng phí thời giờ một cách vô ích. Con có thể qua sông mà chỉ trả có một xu cho người lái

đò, sao con phải phí nhiều thời gian và công sức đến thế cho việc này?

Câu chuyện này có một ý nghĩa hết sức sâu xa để cho chúng ta suy gẫm. Lẽ dĩ nhiên, sự cố gắng để tự chữa bệnh bằng sức mạnh tinh thần là một nỗ lực đáng khen và giúp ta tự đào luyện tinh thần và ý chí. Khoa học công giáo và những phong trào tôn giáo cùng một loại đã từng phổ biến trước công chúng sự hiểu biết về những quyền năng của tư tưởng, là nguồn gốc nhiều chứng bệnh của người đời, nhưng đồng thời cũng có công năng dùng để chữa bệnh. Tuy nhiên, người ta cần biết rằng có những chứng bệnh mà nguyên nhân không phải là tư tưởng. Có những chứng bệnh có thể được điều trị bằng những phương tiện vật chất một cách hữu hiệu hơn là điều trị bằng tinh thần.

Những quan niệm về y học của ông *Cayce* còn có một khía cạnh khác là những cuộc soi kiếp ông không bao giờ xem bất cứ một phương pháp điều trị nào là có ý nghĩa tinh thần hơn một phương pháp khác. Tất cả những phương pháp điều trị do ông chỉ dẫn đều có một ý nghĩa tinh thần như nhau.

Một người phụ nữ bị chứng bệnh đau lưng rất dữ dội. Bà muốn biết xem nên theo cách điều trị thể xác hay tinh thần. Cuộc khám bệnh của ông *Cayce* giải đáp câu hỏi đó như sau:

- Bệnh trạng của bà phần lớn có thể chữa khỏi bằng tinh thần. Nhưng bà hãy để tự nhiên. Nếu bà thấy đau nhiều, bà hãy theo phép điều trị bằng thuốc men để ứng đáp nhu cầu của thể xác.

Thật ra hai phương pháp điều trị đều không khác gì nhau, vì cùng hướng đến một mục đích. Hai phương pháp ấy không phải tương phản nhau như vài người tưởng lầm. Một ký giả ở *Pittsburg* bị bệnh tê thấp đã mười năm, được khuyên nên điều trị bằng cách tắm nước nóng và dùng tia tử ngoại để làm tăng sự lưu thông máu huyết và bài tiết chất độc trong máu. Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* nói:

- Mọi phương thức chữa bệnh đều có ý nghĩa như nhau. Ai là người chữa khỏi bệnh cho anh? Đó chính là sự hướng thiện của bản thân anh, bởi vì nếu những hành vi tội lỗi của anh trong quá khứ đã mang lại quả báo xấu này thì cũng chính những hành vi tốt đẹp của anh trong hôm nay mới giúp anh có được những kết quả tốt đẹp hơn mà thôi.

Bất cứ phương tiện nào người ta dùng để chữa bệnh, dầu cho đó là thuốc men, máy móc dụng cụ, tắm nước nóng, hay là phương tiện vật chất nào khác, thật ra cũng đều phụ thuộc vào sự chuyển biến tinh thần của người bệnh mới có thể mang lại kết quả tốt đẹp. Rất

nhiều người giàu có và không thiếu bất cứ một phương tiện chăm sóc vật chất nào, nhưng vẫn phải mang bệnh suốt đời và chịu sự hành hạ khổ đau của căn bệnh đó. Đơn giản chỉ vì những hành vi và tư tưởng của họ mới là nguyên nhân chính của bệnh trạng.

CHƯƠNG 9

KÍCH THƯỚC MỚI CỦA KHOA TÂM LÝ

Người ta có thể học được rất nhiều điều qua việc đối mặt và giải quyết những vấn đề khó khăn. Sự giải quyết nhiều vấn đề lý thú thường căn cứ trên một nguyên tắc quan trọng là sự suy luận hợp lý hay suy gẫm sâu sắc. Vấn đề quan trọng nhất trong mọi vấn đề bí ẩn của cuộc đời là bí ẩn về con người: Con người thật ra là ai? Từ đâu đến và sẽ đi về đâu?

Để giải đáp vấn đề này, chúng ta có thể áp dụng một phương pháp khoa học giản dị như sau: Chúng ta đưa cho một người sáu que diêm và bảo anh ta hãy sắp thành bốn hình tam giác đều. Người ấy sẽ lần mò sắp xếp các que diêm theo đủ cách khác nhau, và trải qua một hồi lâu, anh ta cuối cùng cũng đành chịu thua và bỏ cuộc vì quả thật là không có cách nào để thực hiện yêu cầu đó được.

Bài toán bí hiểm này chỉ có thể được giải quyết nếu người ấy bỏ cái đi cái định kiến sẵn có là chỉ xếp các que diêm trên một mặt phẳng, mà thật ra là người đưa ra bài toán không hề yêu cầu. Khi chuyển sang sắp xếp các que diêm theo hình khối trong không gian, ta sẽ có đủ bốn hình tam giác đều theo đúng yêu cầu một cách dễ dàng.

Những vấn đề bí ẩn của đời người lại cũng có phần tương tự như cái mẹo vặt trong bài toán nói trên. Vì chúng ta luôn bị trói buộc vào những định kiến do chính ta đặt ra, bằng những khái niệm và quy tắc, nên ta không thể nào nhận thức thực tại một cách đúng thật như nó đang hiện hữu. Chúng ta tự mình giới hạn sự sống trong những giới hạn tồn tại của vật chất, trong khi sự tồn tại của vật chất thật ra chỉ là một phần trong cái toàn thể là sự sống. Thật ra, nếu suy xét một cách khách quan, ta sẽ thấy rằng sự tồn tại của vật chất tự nó không thể tạo thành sự sống. Giữa một người vừa tắt thở và một người còn đang sống, về cơ bản không khác nhau mấy về thành phần cấu trúc vật chất. Nhưng đó là hai thực thể hoàn toàn khác nhau. Vậy người sống khác với xác chết ở điểm nào? Trả lời được câu hỏi ấy là ta đã bắt đầu hé mở được cánh cửa khép chặt những bí ẩn của cuộc đời.

Người ta thường cho rằng đời người chỉ là cái kiếp sống của thể xác, nên sự sống của một người đương nhiên phải bị giới hạn kể từ khi bắt đầu sinh ra cho đến khi chết là hết. Nhưng nếu xét kỹ ta sẽ nhận ra được rằng con người không phải chỉ là cái thể xác vật chất này, mà cần có một yếu tố khác nữa mới có thể tạo thành sự sống. Yếu tố đó, một số người gọi là linh hồn, một số người khác gọi là tâm thức, nhưng dù gọi tên nó là gì thì cũng phải thừa nhận rằng nó là phần vô hình và chỉ có thể nhận biết bằng trực giác hay suy luận mà thôi.

Những người cố chấp vào kiến thức khoa học hiện đại dường như vẫn chưa chịu chấp nhận sự tồn tại của yếu tố vô hình này, mà cố gán ghép nó cho những hoạt động của bộ não, với những xung điện và hệ thần kinh điều khiển cơ thể, vì họ cho rằng hoạt động này cũng vô hình. Thật ra, những hoạt động của não bộ tuy là vô hình đối với mắt thường, nhưng vẫn hoàn toàn có thể nhận biết được bằng những công cụ khoa học, nên không hề đồng nhất với yếu tố tinh thần mà chúng ta đang đề cập. Hơn nữa, khi thử tạo ra những hoạt động tương tự như của não bộ, người ta vẫn không thể tạo thành cái gọi là sự sống.

Như vậy, liệu phần tinh thần của chúng ta có tồn tại trước khi sinh ra và sẽ tiếp tục tồn tại sau khi ta chết đi

hay chăng? Về mặt tôn giáo, hầu như người ta đã mặc nhiên thừa nhận điều này từ rất xa xưa, được nhận biết bằng vào kinh nghiệm trực tiếp của những người đã khai mở được trí tuệ giác ngộ. Nhưng vì là kinh nghiệm trực tiếp của từng cá nhân, nên người ta không có cách gì chứng minh điều đó với mọi người khác, mà chỉ có thể chỉ ra con đường để giúp người khác cũng đạt đến sự nhận biết tương tự như mình. Điều này cũng giống như một người ăn quả ớt và biết được vị cay của nó, nhưng không thể truyền đạt cái kinh nghiệm đó cho những ai chưa từng ăn quả ớt. Cách duy nhất để có được kinh nghiệm này là phải tự mình ăn quả ớt mà thôi. Và khi mỗi chúng ta chưa có điều kiện để tự mình ăn ớt, thì điều tất nhiên là ta không khỏi phân vân trước sự chọn lựa tin hay không tin vào sự mô tả của những người đã từng ăn nó.

Chính vì vậy mà về mặt khoa học người ta vẫn không khỏi hoài nghi về sự tồn tại của cái gọi là linh hồn hay tâm thức. Nếu có thể tìm ra một cách nào đó để chứng minh sự tồn tại này một cách khoa học, thì có lẽ điều đó sẽ làm đảo lộn tất cả mọi quan niệm của khoa học hiện nay.

Tuy nhiên, khoa học vẫn phải thừa nhận một yếu tố phi vật chất luôn hiện hữu trong tất cả mọi con người, dù rằng họ không biết được là nó có tiếp tục sẽ tồn

tại sau khi chết hay không. Yếu tố đó là phần tâm lý khác biệt của mỗi con người, và được nghiên cứu rất kỹ trong khoa tâm lý học hiện nay.

Trong thời gian gần đây, các nhà tâm lý học đã có nhiều thành tựu trong việc nghiên cứu về cá tính con người, và nhờ những kết quả nghiên cứu công phu đó, người ta đã có nhiều sự vận dụng thực tế vào các vấn đề lao động, hướng nghiệp, công tác xã hội v.v... Tuy thế những cuộc nghiên cứu đó cũng chỉ cho biết một cách rất nông cạn về con người. Chung quy cũng giống như việc loay hoay sắp xếp sáu que diêm trên một mặt phẳng để cố tạo ra bốn hình tam giác.

Nếu người ta chịu buông bỏ những định kiến về giới hạn của đời người, chấp nhận rằng thuyết luân hồi là có thật, rằng con người không phải sau khi chết đi là chấm dứt tất cả, thì điều đó sẽ mở ra một khả năng mới để thăm dò và nhận hiểu về những vấn đề bí ẩn của cuộc đời. Nhờ đó, người ta có thể nhận thấy rằng những tánh tình, cử chỉ, thái độ, đức tánh, hoặc những sự kiện xảy đến cho một con người không chỉ đơn giản là do những điều kiện trong hiện tại quy định. Điều này sẽ giải thích những khác biệt lớn lao của những con người khác nhau ngay từ khi sinh ra, cho dù họ có thể ra đời trong cùng một gia đình, lớn lên trong cùng một hoàn cảnh tương tự như nhau. Điều gì khiến cho

một người sinh ra đã sẵn có lòng nhân hậu, và một người khác luôn nóng nảy, cộc cằn? Điều gì khiến cho một người lớn lên dễ dàng trở thành một thiên tài toán học, trong khi một người khác dù nỗ lực cố gắng bao nhiêu năm mà vẫn không vượt qua được ngưỡng cửa Trung học?

Những người cố chấp vào kiến thức khoa học có thể sẽ phản đối và đặt câu hỏi: "Chúng ta đều là những người đang sống, làm sao có thể khẳng định rằng sự sống vẫn tiếp tục sau khi chết?" Tuy nhiên, với cùng một thái độ khách quan, nghiêm túc và cũng không kém phần khoa học, ta vẫn có thể đặt câu hỏi ngược lại rằng: "Chúng ta đều là những người đang sống, làm sao có thể khẳng định rằng sự sống sẽ không tiếp tục sau khi chết?"

Trong cả hai trường hợp, có thể nói là khả năng quyết đoán đều như nhau, và chỉ có thể kết luận rằng những điều đó chỉ là giả thuyết. Nhưng trong trường hợp của giả thuyết thứ hai, nghĩa là sự sống vẫn còn tiếp tục sau khi chết, chúng ta sẽ nhận được những biện giải hợp lý hơn cho nhiều hiện tượng bí ẩn vẫn luôn diễn ra trước mắt ta trong cuộc đời.

Sự buông bỏ những định kiến giới hạn sẽ giúp chúng ta nhận thức về cuộc đời một cách thông thoáng hơn,

tương tự như người sắp xếp những que diêm kia chịu chấp nhận sử dụng đến kích thước không gian thay vì chỉ giới hạn trên một mặt phẳng. Chưa có một kết luận khoa học nào có thể khẳng định chắc chắn rằng sự sống không tiếp tục sau khi chết, cũng như chưa có một kết luận khoa học nào khẳng định rằng không có sự sống ở các hành tinh khác trong vũ trụ. Khoa học vẫn còn đang trên bước đường tìm kiếm, và chúng ta không thể vì những điều chưa biết mà tự giới hạn mình.

Chúng ta có thể thử dùng một hình ảnh so sánh khác. Như một khối băng khổng lồ trôi trên mặt biển, bao giờ cũng chìm dưới nước đến chín phần và chỉ nổi ở phía trên có một phần thôi. Chúng ta không thể vì việc chỉ nhìn thấy được một phần bên trên mà phủ nhận sự tồn tại của chín phần không nhìn thấy bên dưới nước. Tuy không nhìn thấy, nhưng ta có thể nhận biết sự tồn tại của nó thông qua việc nhìn thấy phần nổi bên trên. Tương tự, tuy chúng ta không nhìn thấy được những tiền kiếp hay sự tiếp nối của đời sống sau khi thể xác chết đi, nhưng có rất nhiều bằng chứng cho thấy mối liên hệ giữa những kiếp sống đã qua và những gì xảy ra trong hiện tại. Nếu không có những mối liên hệ này, ta sẽ không sao giải thích được những sự kiện kỳ lạ vẫn đang xảy ra ngay trong thế kỷ này. Chẳng hạn như sự tái sinh của các vị Lạt-ma Tây Tạng, hay những người

có khả năng nhớ lại đời sống trước đây và nhận biết, gọi tên những người mà trong kiếp sống trước họ đã từng quen biết...

Vì thế, sự chấp nhận thuyết luân hồi sẽ hé mở cho ta thấy được chín phần khối băng chìm sâu dưới nước, còn khoa tâm lý học hiện nay dù đã nghiên cứu một cách vất vả mệt nhọc nhưng chỉ giới hạn trong một phần nhỏ bé nổi lên phía trên, mà họ có thể nhìn thấy!

Những tập hồ sơ của ông *Cayce* còn đưa ra nhiều trường hợp về mối liên hệ vượt thời gian như vừa nói trên, qua đó giải thích về cá tính hiện nay của một người.

Trong một cuộc soi kiếp, ông *Cayce* nói về một người lính *Gaulois* bị tướng La Mã *Annibal* bắt làm tù binh và sai làm nô lệ chèo thuyền ở giữa biển. Người tù binh này bị các tên lính da đen ngược đãi và sau cùng anh ta bị một tên da đen đánh chết. Việc này xảy ra đã từ ba kiếp về trước, nhưng lòng thù hận về hành động tàn ác này đã ăn sâu vào tiềm thức của anh ta trải qua hai mươi hai thế kỷ. Trong kiếp này, anh ta làm một nông dân chuyên việc trồng tỉa ở tiểu bang *Alabama*, Hoa Kỳ. Suốt đời anh ta luôn có một thái độ thù ghét sâu đậm đối với những người da đen, nhưng khi được hỏi thì chính anh ta cũng không sao giải thích được thái độ đó.

Đó là một thí dụ cho thấy người ta chịu ảnh hưởng của những kiếp sống trước đây trong việc thể hiện cá tính của mình. Người ta có thể tìm thấy rất nhiều trường hợp tương tự như thế trong các tập hồ sơ của ông *Cayce*.

Một nhà báo kia biểu lộ trong nhiều năm một tinh thần chống Do Thái mãnh liệt. Một cuộc soi kiếp cho biết rằng thái độ ấy bắt nguồn từ một kiếp trước ở xứ *Palestine*, khi anh ta thuộc về giáo phái *Samaritain*, thường có những cuộc xung đột dữ dội với người Do Thái ở nước láng giềng.

Một người đàn bà ba mươi tám tuổi, độc thân, đã có nhiều mối tình duyên trong đời, nhưng không chịu kết hôn với một người nào vì luôn có một thái độ nghi kỵ đối với đàn ông. Sự dè dặt và nghi kỵ này xuất phát từ một kiếp trước khi bà ta đã từng đau khổ vì bị người chồng bỏ rơi một cách tàn nhẫn.

Một người phụ nữ nọ có một tinh thần tôn giáo rất rộng rãi khoan dung. Khi soi kiếp, ông Cayce cho biết rằng cô có đức tính này là nhờ trong một kiếp trước cô đã từng sống chung với những người thuộc các tôn giáo khác. Trong khi tiếp xúc, cô đã nhận thức được rằng những người "ngoại đạo" cũng biểu lộ nhiều đức tính tốt như can đảm, nhân từ, khoan dung độ lượng... Điều

này đem đến cho cô một ấn tượng mạnh mẽ sâu xa đến nỗi nó đã làm cho cô có một ý thức rõ rệt và bền bỉ về đức tính khoan dung đối với người thuộc những tôn giáo khác hơn mình.

Trái lại, một người làm nghề quảng cáo có óc hoài nghi và không có tín ngưỡng tôn giáo, được biết là kiếp trước đã từng tiếp xúc với nhiều giáo sĩ và nhận thấy có sự khác biệt mâu thuẫn giữa những điều họ thuyết giảng và với hành động của họ. Điều này đã làm anh ta hết sức thất vọng, đến nỗi trong kiếp này anh ta vẫn còn giữ một sự nghi ngờ rất lớn đối với những sự biểu lộ tôn giáo về hình thức bên ngoài.

Những thí dụ kể trên bao gồm ba thái độ khác nhau: thái độ về vấn đề chủng tộc, đối với người khác phái và đối với vấn đề tôn giáo, mà nguyên nhân đều xuất phát từ một kiếp trước.

Các nhà tâm lý học hiện đại đều thừa nhận rằng những thái độ tinh thần của con người vốn được hình thành từ trong tiềm thức rồi mới biểu lộ ra ngoài. Nhưng họ hiểu về tiềm thức chỉ trong giới hạn của kiếp sống này, nghĩa là những ký ức mờ nhạt về thời thơ ấu chẳng hạn. Thuyết luân hồi chỉ nới rộng giới hạn của tiềm thức bao gồm cả những kinh nghiệm đã trải qua từ những kiếp trước, và như thế về nguyên tắc cũng không phải là mâu thuẫn với khoa tâm lý học.

Ngay cả những sở thích khác nhau của mc người cũng có thể có nguyên nhân bắt nguồn từ một trong những tiền kiếp xa xôi. Thí dụ, trong một gia đình có hai người con, nhưng một người yêu thích âm nhạc, một người lại yêu thích những vấn đề liên quan đến máy móc, cơ khí. Sự giải thích thông thường của khoa tâm lý học trong những trường hợp này thường gặp bế tắc vì họ chỉ dừng lại ở những khác biệt trong môi trường sống và những kinh nghiệm trong kiếp sống hiện tại, và điều đó thường không thể dẫn đến những khác biệt quá lớn lao hoặc thậm chí là trái ngược.

Những tập hồ sơ của ông *Cayce* chứa đựng những thí dụ dưới đây về những khuynh hướng đặc biệt của một số người được truy nguyên ra từ nhiều kiếp trước.

Một vị nha sĩ sinh trưởng ở thành phố *New York*, mặc dầu rất hài lòng về công việc và đời sống ở thành thị, nhưng thỉnh thoảng lại thấy muốn sống ở đồng ruộng hoặc trên bờ sông với một khẩu súng đi săn và một cần câu; và cắm trại một mình với một chiếc lều dựng lên giữa bãi sa mạc. Sự thích thú sống gần với thiên nhiên này vốn không phù hợp với tâm tính của một người quen sống ở thị thành, nhất là khi gia đình ông ta đã từng sống ở thành thị trải qua nhiều thế kỷ. Điều này chỉ có thể giải thích được bằng thuyết luân

hồi. Cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cho biết rằng trong một tiền kiếp, người này là một người Đan Mạch di cư sang Bắc Mỹ trong thời kỳ khai thác thuộc địa. Ông ta sống ở *New Jersey*, trong một vùng có nhiều đầm lầy, hồ ao, sông rạch; từng sống với nghề săn bắn, bẫy thú rừng, và buôn bán các loại da thú. Cuộc đời hoạt động giữa chốn rừng rậm, đầm lạch, sông ngòi, đã đem đến cho anh ta một sự thích thú đặc biệt vẫn còn tồn tại đến ngày nay, tuy rằng điều ấy còn phải lệ thuộc vào đời sống hành nghề nha sĩ trong kiếp này.

Có nhiều người cảm thấy yêu mến nồng nàn một xứ sở hay một địa phương xa lạ. Những cuộc soi kiếp truy nguyên ra sự hấp dẫn này ở một kiếp trước của đương sự, trong kiếp đó họ đã từng trải qua một thời kỳ sung sướng và hạnh phúc ở xứ sở ấy. Thí dụ như một người phụ nữ kinh doanh buôn bán lớn ở vùng bờ biển phía đông Hoa Kỳ nhưng luôn có ý muốn di cư xuống ở miền Tây Nam. Sau cùng bà ta di cư thật và hiện nay làm chủ một khách sạn lớn ở tại *New Mexico*. Cuộc soi kiếp cho biết bà đã từng sống trong hai tiền kiếp ở vùng này, và lòng trìu mến của bà đối với xứ ấy vẫn còn tồn tại.

Có bốn người kia, một người cảm thấy yêu mến những vùng hải đảo miền Nam Thái Bình Dương, một người muốn sống ở tiểu bang *New Orleans*, một người

yêu mến xứ Ấn Độ và một người lại thích ở xứ Trung Hoa. Những cuộc soi kiếp cho biết rằng trong kiếp trước, họ đã từng sống ở các xứ ấy, và đó là lý do của sự hấp dẫn nói trên.

Sự thích thú một bộ môn nghệ thuật hay một nghề nghiệp nào cũng có thể là do ở những kinh nghiệm trong các tiền kiếp. Một thiếu phụ kia yêu thích đến say mê môn khiêu vũ và kịch nghệ Hy Lạp, được biết rằng đó là do kinh nghiệm trong một kiếp trước của bà ở Hy Lạp, trong thời kỳ những môn nghệ thuật này phát triển đến cực điểm. Sự thích thú của một thanh niên nọ về hiện tượng thần giao cách cảm được truy nguyên ra từ một kiếp trước ở châu *Atlantide*, trong kiếp đó anh ta đã dạy môn tâm lý học và chuyển di tư tưởng. Cũng do một kinh nghiệm cũ về nghề hoa tiêu và giám đốc ngành vận chuyển ở châu *Atlantide* mà một thiếu nữ nọ cảm thấy rất thích thú nghề phi công và bộ môn kỹ thuật hàng không trong kiếp này.

Một người đàn bà nọ ham thích làm việc công tác xã hội phụng sự các trẻ em tật nguyền khốn khổ, được cho biết rằng kiếp trước y đã từng sống ở xứ *Palestine*, chịu ảnh hưởng giáo lý của đức chúa Jesus và bắt đầu hiến dâng cuộc đời để săn sóc cứu chữa những kẻ tàn tật, bệnh hoạn.

Một vị kỹ sư nọ đảm nhiệm một cơ quan nghiên cứu, và đã từng làm việc nhiều năm trong phong trào phát triển ngành kỹ thuật, kiếp trước vốn là một người *Atlante* chuyên về ngành quản trị khoa học.

Sự tái diễn những kinh nghiệm và khả năng đặc biệt từ những tiền kiếp dường như càng biểu lộ rõ rệt trong cuộc đời của những nhân vật tên tuổi. Chúng tôi không căn cứ điều này trên những cuộc soi kiếp của ông *Cayce*, mà căn cứ trên tiểu sử của những nhân vật ấy. Thí dụ như trường hợp của ông *Heinrich Schliemann*,[1] nhà khảo cổ Đức đã khám phá di tích cổ của thành *Troie* bị chôn sâu trong lòng đất, và nhờ đó đã xác nhận tính cách lịch sử của thiên anh hùng ca "*Iliade*" của *Homère*.

Ông là con của một vị mục sư nghèo, giảng đạo tại một làng ở miền bắc nước Đức nhưng trong lúc thiếu thời ông đã say mê *Iliade*; ông nhất định học tiếng Hy Lạp và truy tầm nơi diễn tả sự tích của thiên anh hùng ca bất hủ này. Trong ba mươi lăm năm, ông *Schliemann* cố gắng dành dụm một số tiền để giúp ông thực hiện công trình khảo cổ này. Ông trở nên một nhà sinh ngữ học ưu tú, nhưng ông lại thích nhất môn sinh ngữ Hy Lạp và tất cả những gì thuộc về xứ sở ngàn năm văn vật này. Về sau, ông dùng những cách hành văn Hy

[1] Heinrich Schliemann, nhà khảo cổ người Đức, sinh năm 1822 và mất năm 1890.

Lạp trong khi nói chuyện và nhà chép tiểu sử của ông thuật lại rằng trong dịp làm lễ rửa tội cho con trai ông, ông đặt quyển anh hùng ca của *Homère* trên đầu con ông và ngâm vang lên những câu thơ bất hủ trong đó trước khi giao nó cho vị linh mục làm phép rửa tội! Điều này chỉ là một trong những cử chỉ biểu lộ rõ nét một lòng hâm mộ và say mê nồng nhiệt nền văn hóa cổ xưa của xứ Hy Lạp. Một sự say mê nồng nhiệt như thế chỉ có thể hiểu được nếu chúng ta thấy rằng đó là do ký ức của ông muốn nhắc nhở và sống lại thời kỳ hạnh phúc đã qua trong dĩ vãng.

Một thí dụ khác cũng rất lý thú là trường hợp của nhà văn *Lafcadio Hearn*.[1] Ông sinh ra trên một hòn đảo Hy Lạp, cha ông là người Ái Nhĩ Lan, mẹ ông là người Hy Lạp. Ông đi phiêu lưu giang hồ từ Hy Lạp sang Anh quốc, Mỹ quốc, đảo *Guadeloupe*, *Martinique*, và sau cùng ông đã tìm thấy "*quê hương tinh thần*" của ông ở xứ Phù Tang (Nhật Bản). Tại đây ông cưới vợ Nhật, đổi tên Nhật, và dạy học ở một trường Nhật. Sự hiểu biết sâu xa về tâm hồn của người Nhật, tài năng lạ lùng của ông trong sự diễn đạt cái tinh hoa của nước Nhật

[1] Lafcadio Tessima Carlos Hearn (1850-1904), là nhà văn Hy Lạp gốc Ireland, là người đóng góp quan trọng trong việc giới thiệu nền văn hóa Nhật Bản với phương Tây. Ông sinh ra trên đảo Levks thuộc Hy Lạp nhưng lớn lên ở Ireland, Anh quốc và Pháp. Năm 19 tuổi, ông di cư đến Hoa Kỳ rồi viết báo ở Cincinnati thuộc bang Ohio và sau đó ở New Orleans thuộc Louisiana.

cho thế giới Âu Tây và diễn đạt tư tưởng Âu Tây cho người Nhật, chỉ có thể không làm cho ta ngạc nhiên nếu thừa nhận rằng đó là do những kinh nghiệm cũ của ông trong một tiền kiếp ở Nhật Bản. Bằng không, đó sẽ là một điều vô cùng khó hiểu!

Trường hợp của ông *T. E. Lawrence*[1] là một thí dụ khác nữa. Ông ta đặc biệt tỏ ra khôn khéo trong việc tiếp xúc với người Ả Rập và đã sống chung với họ như một người Ả Rập. Ông không hề cảm thấy thoải mái dễ chịu ở tại quê hương xứ sở hay trong gia đình ông ở Anh quốc. Ông chán nản mọi sự học ở nhà trường, trừ ra một vài buổi học lịch sử liên quan đến Ả Rập và việc nghiên cứu các tòa lâu đài cùng thành lũy thời Trung Cổ.

Sự thành công đặc biệt của ông trong vai trò chỉ huy quân đội Ả Rập có thể hiểu được như là kết quả của một kiếp trước vào thời Trung Cổ, khi ông là người Ả Rập và là một chiến thuật gia, nhưng không đạt được mục đích trước khi từ trần.

Những khuynh hướng đặc biệt như trên không phải chỉ có ở những nhân vật tên tuổi của lịch sử mà thôi; mỗi người đều có thể nhận thấy ít nhiều khuynh hướng

---

[1] Thomas Edward Lawrence, cũng được gọi là Lawrence of Arabia, sinh năm 1888 và mất năm 1935, là một nhà thám hiểm người Anh, từng tham gia quân đội và cũng là một nhà văn nổi tiếng.

đó ở chính những bạn bè thân quyến của mình. Những nét riêng hay đặc điểm về cá tính, cũng như những sở thích và thái độ đặc biệt của một người là những yếu tố quan trọng trong việc phân tích tâm lý, và những tập hồ sơ *Cayce* đã nêu ra những trường hợp vô cùng lý thú về sự truy tìm nguyên nhân ở những kiếp trước.

Bà vợ của một nhà triệu phú ở miền Tây Hoa Kỳ có một cá tính rất độc tài và chuyên chế. Cuộc soi kiếp cho biết nguyên nhân là vì kiếp trước bà đã từng làm giáo sư ở tiểu bang *Ohio*, và trong những kiếp trước nữa đã từng nắm giữ những chức vụ cao ở *Palestine* và ở Ấn Độ.

Một thanh niên từ thuở nhỏ đã tỏ ra rất thích những cuộc tranh luận đôi co, và có khả năng biện luận một cách rất hùng hồn và xác đáng. Nguyên nhân là trong một kiếp trước anh ta đã từng làm một luật gia và một kiếp trước nữa đã làm quan tòa ở xứ Ba Tư.

Một người đàn bà có khuynh hướng trầm lặng và thần bí. Trong kiếp trước, bà ấy đã từng đứng đầu một tu viện kín vào hồi đầu thế kỷ 19.

Một thanh niên con nhà giàu có nhưng lại có tật chè chén say sưa quá độ đến nỗi gây sự thất vọng và đau khổ cho gia đình. Thói say sưa này được truy nguyên

ra do sự chơi bời phóng túng trong kiếp trước, vào thời kỳ thiên hạ đổ xô nhau đi tìm vàng ở *California*.

Người ta còn thấy hằng trăm trường hợp khác tương tự trong những cuộc soi kiếp của ông *Cayce*. Khoa tâm lý học hiện đại cho rằng sự khác biệt về cá tính giữa hai con người được quyết định trước hết do sự di truyền và sau đó do ảnh hưởng của môi trường chung quanh. Tuy nhiên, nếu nhìn từ góc độ của thuyết nhân quả thì chính sự di truyền và ảnh hưởng của môi trường cũng chính là những kết quả báo ứng của những nguyên nhân đã gây ra từ những kiếp trước.

Đức Phật có dạy: "Tư tưởng làm chủ mọi hành vi. Những gì chúng ta làm đều là kết quả của những điều ta đã suy nghĩ." (Kinh Pháp cú, kệ số 1)

Có nhiều người tuy chấp nhận luật nhân quả nhưng lại hiểu sai về luật này như một công cụ chỉ dùng để trừng phạt và gây đau khổ. Ta nên nhớ rằng danh từ *karma* chỉ có nghĩa là hành động, hay nghiệp, và đó là một danh từ không hàm ý tốt hay xấu. Nghiệp quả không phải bao giờ cũng chỉ cho những quả báo xấu, khiến người ta phải đau đớn, khổ sở khi chịu đựng. Bởi vì mỗi một hành động có thể là tốt hay xấu, ích kỷ hay vị tha... Và nếu cách hành động cư xử của một người là tốt thì điều tất nhiên là người ấy sẽ nhận được những

quả báo tốt lành, được hưởng một cuộc sống có nhiều niềm vui và sức khỏe chẳng hạn. Không có gì ngăn trở tất cả chúng ta đều làm những việc tốt đẹp, hiền thiện để nhận được những nghiệp quả tốt lành; và nếu mọi người đều có thể làm được như thế thì có lẽ cuộc sống trần gian đã ngay lập tức có thể biến thành một cõi thiên đàng, không cần ta phải chờ đợi hay tìm kiếm ở đâu xa.

Chính ở điểm này mà ta có thể nhận ra khá nhiều điều thú vị. Một người do sự tham lam hoặc sân hận đã phạm vào tội lỗi xấu ác, điều tất yếu là anh ta phải nhận lấy những nghiệp quả xấu và trở thành người ngu dốt, thấp hèn hoặc mang nhiều tính xấu... Nhưng chính vì sinh ra làm một người thấp kém hèn hạ hoặc có nhiều tính xấu mà anh ta lại dễ dàng tiếp tục thực hiện thêm nhiều việc xấu ác, để rồi những kiếp sống tương lai chờ đón anh ta lại càng u ám, xấu xa hơn nữa. Ngược lại, nếu một người biết quên mình vì người khác hoặc làm được những việc tốt đẹp, hiền thiện, cứu giúp nhiều người, anh ta sẽ nhận được những quả báo tốt đẹp, sẽ sinh ra làm một người thông minh, giàu có, luôn được sống trong những môi trường thuận lợi, tốt đẹp... và do đó anh ta lại có đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện những điều tốt lành, hiền thiện, và tiếp tục tạo dựng được những kiếp sống tương lai ngày càng tươi sáng hơn.

Có gì là bất công trong khuynh hướng tự nhiên này chăng? Có vẻ như người tốt sẽ ngày càng thêm tốt hơn mà không phải nỗ lực nhiều, vì mọi thứ đều thuận lợi chung quanh anh ta; ngược lại, kẻ xấu ngày càng thêm xấu vì hoàn cảnh chung quanh luôn xô đẩy, lôi cuốn anh ta ngày càng chìm sâu vào tội lỗi, cho dù có một đôi lúc hồi tâm chuyển ý thì dường như cũng khó lòng cưỡng lại được sự sa đọa.

Sự thật thì điều này không có gì là sai trái hay bất công cả. Mỗi người đều có một quyền tự do tuyệt đối trong sự quyết định những hành vi của mình. Điều quan trọng là chúng ta phải có quyết tâm *khởi sự làm điều thiện*, và việc đó không bao giờ là quá muộn. Sự khởi đầu luôn là bước khó khăn nhất, nhưng chính nó sẽ tạo ra nền tảng cho mọi bước tiến về sau của chúng ta.

Chúng ta hãy thử so sánh với những hoàn cảnh đời sống trong xã hội và sẽ thấy nhiều điểm tương đồng với vấn đề vừa nêu trên. Một người giàu có dường như rất dễ dàng có được mức thu nhập trong một ngày bằng với một tháng lương của những người lao công nghèo khó, mà không phải nỗ lực quá nhiều. Vì thế, họ ngày càng trở nên giàu có hơn nữa. Ngược lại, những người nghèo khó dường như lúc nào cũng chịu nỗi lo đói thiếu, công

việc cực nhọc nhưng lại dễ dàng bị mất việc bất cứ lúc nào, cũng như thu nhập hầu như không bao giờ đủ trang trải mọi chi phí sinh hoạt tối thiểu. Sự dư thừa để tích lũy đối với họ chỉ là điều không tưởng.

Nhưng có phải khuynh hướng này là bất công hay chăng? Không phủ nhận một điều là những người giàu có tốt bụng luôn cố gắng để san sẻ những gì mình có với người nghèo, nhưng không có nghĩa là họ có thể đưa cuộc sống của người nghèo lên ngang bằng với họ. Và nếu sự làm giàu của họ là chính đáng thì không ai có thể chê trách họ bởi sự giàu có đó.

Còn đối với người nghèo thì sao? Tất nhiên là sự nghèo khó của họ luôn phải có nguyên nhân. Nếu chỉ giới hạn ở những nguyên nhân thấy được trong hiện tại thì đó có thể là do thất học, không có nghề nghiệp hoặc các tật xấu như nghiện ngập, cờ bạc... Tất nhiên là còn có những nguyên nhân khách quan khác, nhưng chúng ta hãy khoan xét đến. Nếu là do thất học, thì một gia đình nghèo khó cần phải vươn lên đổi đời bằng cách chu toàn cho con cái học hành đến nơi đến chốn, cho dù điều đó có thể là cực kỳ khó khăn đối với họ, nhưng đó lại là phương cách duy nhất để họ vươn lên. Tương tự, nếu là do những thói hư tật xấu thì chỉ có chính họ mới tự cứu lấy mình được bằng cách lìa bỏ chúng...

Cũng vậy, một người đã nhận chịu những quả báo xấu thì ít có điều kiện để làm việc tốt, vì hoàn cảnh, môi trường của họ đã bị xấu đi. Tuy nhiên, dù khó khăn cũng không có nghĩa là không thể làm được. Nếu họ ý thức được rằng những việc thiện đầu tiên bao giờ cũng là khó khăn nhất, họ sẽ có đủ quyết tâm để khởi sự.

Một khi đã khởi sự làm thiện, chúng ta sẽ nhận được những quả báo tốt lành. Và một khi đã có được những quả báo tốt lành, chúng ta sẽ dễ dàng tiếp tục làm thiện. Xoay chuyển được từ khuynh hướng xấu ác sang khuynh hướng làm thiện là một điều cực kỳ khó khăn, nhưng một khi đã quyết tâm thực hiện được thì chúng ta sẽ được tưởng thưởng xứng đáng. Như một người nghèo kia, rất khó khăn mới có thể nuôi người con học qua đại học; nhưng khi người con ấy đã học xong đại học, có việc làm tốt, thu nhập cao, thì anh ta sẽ dễ dàng hơn rất nhiều trong việc tiếp tục cho con mình ăn học thành tài, thậm chí có thể sẽ đạt được những học vị cao hơn nữa.

Vì thế, luật nhân quả bao giờ cũng có một tác động khách quan và công bằng tuyệt đối, như ta soi bóng vào trong gương, hoặc nghe tiếng dội lại từ vách tường. Hình ảnh của ta thế nào thì bóng ta trong gương thế ấy; âm thanh phát ra thế nào thì tiếng vang thế ấy; không thể có sự sai lệch. Một việc làm xấu mang lại

một quả báo xấu; ngược lại, một việc làm tốt mang đến một quả báo tốt. Điều đó là một luật tự nhiên, không do ai phán đoán hay quyết định. Khi hiểu được như thế, ta sẽ có thể vận dụng luật nhân quả để tạo ra một đời sống tốt đẹp bằng cách nỗ lực khởi sự làm điều thiện. Và sẽ không bao giờ là quá muộn đối với mỗi chúng ta để đưa ra quyết định đúng đắn đó.

CHƯƠNG 10

NHỮNG HẠNG NGƯỜI KHÁC NHAU

Trong sự tiếp xúc hằng ngày với những người chung quanh, chúng ta thường có thể phân biệt được nhiều hạng người khác nhau. Có hạng người tánh tình cởi mở, xã giao lịch thiệp; có hạng người dè dặt kín đáo, tánh tình trầm lặng; có hạng người ích kỷ, hạng người vị tha.v.v...

Nhiều nhà tâm lý học đi đến kết luận rằng dựa vào những điểm khác biệt và tương đồng mà con người có thể được sắp xếp, phân chia thành những hạng khác nhau, và đã lập một căn bản khoa học cho việc sắp hạng ấy.

Sự phân hạng thông thường nhất là do *Carl Jung*[1]

[1] Carl Gustav Jung, nhà tâm lý học Thụy Điển sinh ngày 26 tháng 7 năm 1875 và mất ngày 6 tháng 6 năm 1961. Ông là một nhà tâm lý học nổi tiếng, đã sáng lập một trong các trường phái mới của bộ môn tâm lý học. Ông vận dụng và phát triển các kết quả nghiên cứu của Sigmund Freud, rồi sau đó đi theo một hướng riêng của mình. Ông tốt nghiệp y khoa năm 1902 tại các đại học Basel và Zurich, nhưng đồng thời cũng

đưa ra. Ông này phân loại con người thành hai hạng chính là: hạng người hướng nội, có tâm hồn khép chặt (*intraverti*) và hạng người hướng ngoại, có tâm hồn cởi mở (*extraverti*). Hạng người hướng nội tức là hạng người hướng sự chú ý của họ vào bên trong, nghĩa là vào chính bản thân mình; còn hạng người hướng ngoại tức là hạng người hướng sự chú ý của họ ra thế giới bên ngoài.

Tuy nhiên, các đạo gia cho rằng *Carl Jung* và những nhà tâm lý học khác đều không đưa ra những giải thích thỏa đáng về lý do nào đã khiến cho một người sinh ra đời lại có một tâm hồn khép chặt, và một người khác sinh ra lại có một tâm hồn cởi mở.

Ông *Carl Jung* và những nhà bác học khác cho rằng hai trạng thái tâm lý căn bản này là do những nguyên nhân về sinh lý. Tuy nhiên, về mặt tôn giáo thì những nguyên nhân sinh lý kể trên chỉ được xem là phụ thuộc; còn cách sinh hoạt cùng thái độ cử chỉ của một người trong một kiếp trước mới là nguyên nhân chính.

Những tập hồ sơ của ông *Cayce* có ghi chép rõ ràng nhiều trường hợp hướng nội, tức là của những tâm hồn khép chặt, có nguyên nhân xuất phát từ những

có kiến thức uyên bác về các ngành sinh học, động vật học, nhân văn học và khảo cổ học. Ông đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ giữa tâm lý học và đức tin trong tôn giáo.

kinh nghiệm trong kiếp trước. Xét kỹ những trường hợp này, người ta thấy rằng sự tác động dây chuyền luật nhân quả được biểu lộ một cách rõ ràng, và khiến cho khi chuyển từ kiếp sống này sang kiếp sống khác luôn có một vài thái độ hay trạng thái tâm lý của con người vẫn giữ nguyên không thay đổi. Dưới đây là một trường hợp như vậy.

Một nữ sinh viên hai mươi mốt tuổi có năng khiếu về âm nhạc, nhưng có tánh e lệ rụt rè một cách quá đáng. Mặc dầu cô ta có dung mạo đẹp đẽ, nhưng cô khó kết bạn với người khác và rất buồn khi không được nhận vào Câu lạc bộ của nhà trường. Người ta không biết gì về hoàn cảnh gia đình của cô trước khi cô vào trường, vì có thể đó là nguyên nhân gây ra nơi cô tính rụt rè nhút nhát. Tuy nhiên, một cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cho biết rằng điều này có nguyên nhân xa hơn ở một kiếp trước. Hồi đó, cô ta là một bà mệnh phụ trong triều đình nước Pháp, có tài hoa, sắc đẹp và rất lịch thiệp. Nhưng chồng bà vốn là một người ích kỷ, không muốn cho bà mở rộng mối quan hệ xã giao khéo léo và lịch sự với tất cả mọi người. Bởi đó, ông ta ngăn trở mọi sự giao tế xã hội của bà vợ bằng một sự áp chế lạnh lùng và khắc nghiệt, thậm chí có khi ông ta đánh đập vợ bằng roi vọt. Điều này làm cho bà vợ e dè sợ sệt, và sự sợ sệt đó hãy còn in sâu vào tiềm thức cho đến bây giờ.

Sau đây là một trường hợp cũng có sự áp chế tương tự, tuy rằng trong hoàn cảnh khác hẳn. Ông *Cayce* soi kiếp cho một thanh niên hai mươi tám tuổi. Đây là một anh chàng ham học và tâm tính khép chặt. Ông *Cayce* cho biết rằng trong một kiếp trước, anh ta từng bị khủng bố tàn nhẫn trong những vụ xử án các tay phù thủy ở *Salem*, thuộc tiểu bang *Massachusetts*, Hoa Kỳ. Kinh nghiệm đó đã bộc lộ bằng hai cách trong tâm tính của anh ta hiện nay. Trước hết, anh ta có sự căm ghét đối với mọi hình thức áp chế; và đồng thời anh ta có tánh rất ham học nhưng lại muốn giữ kín những điều hiểu biết riêng cho mình, không muốn chỉ bày cho ai. Đối với trường hợp của người thanh niên này, trong tiềm thức anh ta rõ ràng là vẫn còn in sâu một bản năng tự vệ khi bị khủng bố, khiến anh ta luôn có thái độ dè dặt đề phòng những người chung quanh, không chịu tiếp xúc và không chịu bày tỏ với ai những điều hiểu biết của mình.

Những tập hồ sơ của ông *Cayce* còn ghi lại nhiều trường hợp tương tự như trên về những vụ xử án các phù thủy ở *Salem*, mà kết quả là làm cho đương sự có một thái độ khép nép, kín đáo và dè dặt như thế.

Một vị bác sĩ có tính rất dè dặt kín đáo, không thích giao du, được biết nguyên nhân là vì trong một kiếp

trước, ông ta đã từng giữ giới tịnh khẩu theo tín điều của phái *Quaker*.

Một vị giám đốc thương vụ ở *New York* cũng có tính rụt rè, thiếu sự xã giao lịch thiệp. Trong một kiếp trước, ông ta là một nhà thám hiểm, sống một cuộc đời cô độc và tự lập ở miền nam châu Phi.

Một cô nữ sinh nhút nhát và tự ti mặc cảm, được cho biết rằng kiếp trước là một thổ dân da đỏ dưới thời đô hộ của thực dân da trắng ở Bắc Mỹ và hãy còn giữ lại thái độ nghi ngờ và phòng thủ đối với người khác.

Theo sự chứng minh của những trường hợp kể trên và nhiều trường hợp khác trong tập hồ sơ *Cayce*, thì tính rụt rè kín đáo thường kéo dài từ kiếp này sang kiếp khác, bắt đầu từ một kinh nghiệm đầu tiên khiến cho đương sự có một ấn tượng sâu đậm và nảy sinh thái độ đó.

Sự kéo dài liên tục này cũng xảy ra một cách tương tự trong trường hợp của những người có tánh tình cởi mở.

Đây là trường hợp một người đàn bà ngoài ba mươi tuổi, đã hai lần ly dị, có một tâm hồn cởi mở và vẫn còn nghĩ đến một cuộc tái giá lần thứ ba. Cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cho biết rằng thái độ hồn nhiên, yêu đời đó

được truy nguyên từ hai kiếp về trước. Trong một kiếp, cô ta làm huấn luyện viên khiêu vũ tại một vũ trường vào thời kỳ khai mở thuộc địa ở Bắc Mỹ. Trong một kiếp trước nữa dưới triều vua Louis thứ XV nước Pháp, cô là một ái phi của nhà vua. Trong kiếp đó, cô đã phát triển được những khả năng khôn khéo, lịch thiệp và quyến rũ, làm cho mọi người đều thương mến, từ nhà vua cho đến chị bếp trong cung cấm. Trong kiếp làm huấn luyện viên khiêu vũ, cô cũng đã sử dụng và phát triển thêm những khả năng trên đây.

Đây là một thí dụ lý thú khác nữa. Một nhà làm trò ảo thuật ở *New York* có một sức hấp dẫn rất mạnh, xã giao lịch thiệp, và đặc biệt có tài hài hước, được biết rằng những khả năng trên đây có nguyên nhân từ những kinh nghiệm trong hai kiếp trước. Cuộc soi kiếp cho biết là trong một kiếp trước, ông ta từng là một trong những người khai thác thuộc địa đầu tiên đến vùng thung lũng *Mohawk* ở Bắc Mỹ. Những đức tính mà ông ta đã phát triển trong kiếp đó và một kiếp trước nữa đã giúp cho ông ta có khả năng hấp dẫn và chỉ huy kẻ khác trong kiếp này. Sự khôn khéo lịch thiệp và tài lãnh đạo của ông ta được phát triển là do thời kỳ tranh đấu cho lý tưởng ở Bắc Mỹ vào thuở ban đầu. Sự nhanh trí và tinh thần hài hước của ông ta lại nảy sinh từ một kiếp khác khi làm hề dưới triều vua Henri VIII ở Anh quốc.

Nói tóm lại, tất cả những trường hợp của những người có tâm hồn cởi mở và xã giao lịch thiệp dường như đều là do kết quả của những hoạt động xã hội trong những kiếp trước.

Trong những tập hồ sơ *Cayce*, có nhiều trường hợp thành công hoặc thất bại trong sự giao tế và sống hòa hợp với hoàn cảnh xã hội bên ngoài. Một trường hợp là của một người đàn bà có tính chất cởi mở, hoạt bát và vị tha. Trước hết, cô có tham vọng trở thành một nữ diễn viên, nhưng hoàn cảnh gia đình và một thể xác lùn thấp không giúp cô được như ý nguyện, cô bèn xoay qua vấn đề kinh doanh. Cuộc soi kiếp cho biết rằng vào một kiếp trước trong thời kỳ Cách mạng ở Bắc Mỹ, cô đã hưởng thụ rất nhiều, có địa vị xã hội cao, sống một cuộc đời xa hoa lộng lẫy, nhưng thiếu lương tâm và khinh thường đạo lý. Khả năng lôi cuốn hấp dẫn kẻ khác, tinh thần hài hước và khoa ngôn ngữ của cô là do từ kiếp đó mà có; nhưng vì cô đã sử dụng khả năng ấy một cách thiếu đạo đức nên kiếp này cô phải bị thất bại trên trường đời.

Những trường hợp như trên chỉ ra cho ta thấy rằng, vấn đề nghề nghiệp vẫn luôn đi đôi với vấn đề đạo đức tâm linh. Người ta thường thấy rằng, trong rất nhiều trường hợp, sự thất bại về nghề nghiệp không phải chỉ do thiếu năng lực, mà còn vì thiếu tinh thần đạo đức.

Điều này thường không được nhận biết nếu tham vọng nghề nghiệp của một người được thỏa mãn một cách quá tốt đẹp, dễ dàng.

Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* đã khuyên người phụ nữ nói trên, lúc ấy mới có ba mươi hai tuổi, hãy theo đuổi nghề diễn viên hoặc săn sóc những trẻ em tàn tật hoặc mồ côi; nghĩa là, cô phải dùng những khả năng của mình vào những mục đích xây dựng và vị tha.

Đây là trường hợp khác của một người đàn bà bốn mươi chín tuổi, làm thư ký ở *Washington*, vì trong kiếp trước đã lạm dụng những đức tính lịch thiệp xã giao của mình vào những mục đích không tốt nên phải chịu những hậu quả trong kiếp này. Trong những bức thư, cô cho biết rằng trong bất cứ mọi giới mà cô cố gắng để tiếp xúc, cô đều cảm thấy không được mọi người hoan nghinh. Có lẽ đó là vì hồi thuở nhỏ, cô thường bị những người anh chị trong gia đình ruồng bỏ nên vẫn còn mang nặng cảm giác ấy khi ra tiếp xúc với đời. Cô viết như sau:

"Tôi lớn lên với một sự mặc cảm sợ sệt luôn luôn ám ảnh tôi. Khi tôi đi chơi với một nhóm bạn bè, tôi luôn luôn cảm thấy rằng sự có mặt của tôi không cần thiết, và tôi luôn tự hỏi rằng tôi phải nói gì và phải làm gì. Tôi muốn đi sâu hơn vào các vấn đề, nhưng không biết phải làm sao. Tôi luôn luôn có cảm giác rằng tôi phải

cố gắng làm nhiều hơn kẻ khác để làm cho họ vui lòng. Bởi đó, tôi luôn muốn hy sinh sức khỏe và thời giờ của tôi để làm một việc gì đó cho người khác. Tôi muốn rằng người ta cần đến tôi.”

Kế đó, cô thuật lại rằng đã ba lần cô bị thất vọng vì tình, trong đó có hai lần người yêu bỏ cô để đi cưới vợ khác. Trong cuộc soi kiếp, ông Cayce cho biết rằng người đàn bà này trong kiếp trước là một trong những người khai phá thuộc địa đầu tiên ở tiểu bang *Ohio*, Hoa Kỳ. Người ấy luôn đối xử với người khác một cách vui vẻ, lễ độ, nhưng chỉ vì mục đích ích kỷ, trục lợi. Ông *Cayce* nói:

- Người này tuy được thỏa mãn về sự thành công của mình, nhưng đã đem lại sự thất vọng cho nhiều người. Những người mà người ấy lợi dụng trước kia, ngày nay trở lại gây những sự lo âu phiền muộn cho cô ta trong kiếp này. Lợi dụng kẻ khác làm cái đà tiến thân cho mình tức là tạo nên nghiệp quả xấu, nên ngày nay phải trả. Luật nhân quả rất công bằng. *Nó trả lại cho ta một cách chính xác những gì của ta*.

Như một cái gương phản chiếu, những trạng thái tâm lý của người đàn bà này phản ảnh những gì bà ta đã gây ra cho kẻ khác. Trong kiếp trước, cô không bao giờ thật lòng mong muốn làm bạn với kẻ khác, trừ những khi nào cô có thể lợi dụng họ. Vì thế, trong kiếp

này, từ thuở nhỏ sống trong gia đình cô đã bị ngược đãi, cảm thấy bị ruồng bỏ. Bởi đó cô cảm thấy cuộc đời bấp bênh và tâm hồn trở nên khép chặt cho đến lúc trưởng thành.

Cô có một dung nhan khá đẹp và những đức tính đủ để hấp dẫn nhiều người, nhưng mặc dầu cô tưởng rằng sẽ được mọi người yêu mến, sau cùng cô luôn bị thất vọng. Cô nhìn nhận rằng cái cảm giác bị ruồng bỏ và tâm hồn khép chặt của cô đã làm cho cô thay đổi thái độ và cố gắng giúp đỡ kẻ khác để được mọi người yêu mến, và được mọi người cần đến mình. Và đó chính đó là cách chọn lựa hành động tốt nhất để sửa đổi nghiệp quả theo hướng tốt hơn. Sự xã giao khôn khéo mà cô đã lạm dụng do lòng ích kỷ và thiếu chân thật trong kiếp trước đã mang đến cho cô sự khó khăn trở ngại hiện nay, và cô chỉ có thể vượt qua được bằng những việc làm vị tha, với một sự chân thành giúp đỡ người khác.

Sự lợi dụng hay lường gạt tình cảm của người khác dường như là một thói xấu thông thường và sẽ mang lại quả báo trên bình diện tâm lý. Về điểm này, dưới đây là một đoạn trong cuộc soi kiếp của ông *Cayce* mà ông đã thốt ra với một giọng rõ ràng và thẳng thắn:

- Người này thường bị kẻ khác làm cho thất vọng. Điều đó có nguyên nhân của nó: Ai gieo giống nào sẽ gặt giống nấy. Kiếp trước cô đã phỉnh lừa, gạt gẫm kẻ

khác. Ngày nay, chính cô bị kẻ khác gạt gẫm, phỉnh lừa, làm cho cô bị thất vọng. Nhưng nếu cô biết thức tỉnh thì chính điều đó sẽ giúp cô rèn luyện tính nhẫn nhục, là đức tính cao quý nhất trong mọi đức tính.

Nói chung, luật nhân quả luôn tác động một cách khách quan và công bằng, nên đối với ai đã biết nhận ra lỗi lầm thì mọi quả báo xấu khi xảy đến cho họ đều có thể được xem là những bài học để giáo dục tâm hồn, sửa đổi tính tình, hoàn thiện tâm thức trong sự vươn lên hướng thượng. Mục đích cao nhất của mọi nỗ lực phải là sự quay đầu hướng thiện, và nhờ đó mà tương lai của mỗi người chắc chắn sẽ trở nên ngày càng tốt đẹp hơn.

CHƯƠNG 11

QUẢ BÁO TÂM LÝ

Chúng ta đã thấy rằng tánh kiêu căng - một thói xấu về mặt tinh thần - có thể gây nên những quả báo cụ thể về mặt vật chất qua hình thức những bệnh tật khốn khổ. Những tập hồ sơ của ông *Cayce* cũng chứa đựng nhiều trường hợp mà những tội lỗi trên địa hạt tinh thần gây nên quả báo về mặt tâm lý. Trong số đó có hai trường hợp đáng kể về quả báo khiến cho đương sự rơi vào tâm trạng lạc loài cô đơn mà nguyên nhân là thiếu sự khoan dung trong ứng xử.

Trường hợp thứ nhất là của một vị nữ tu trong một tu viện Pháp vào thời vua *Louis XIV*. Vị nữ tu này rất nghiêm khắc, lạnh lùng và thiếu đức khoan dung đối với những sự lầm lạc yếu đuối của người khác, vì bà hiểu Kinh Thánh một cách quá cứng nhắc, gò bó

theo từng chữ từng câu, và luôn có thái độ khinh bỉ những người nào vi phạm những lời răn dạy trong Kinh Thánh.

Hậu quả của thái độ khắc nghiệt đó biểu lộ trước hết trong kiếp này bằng một chứng bệnh đau hạch kéo dài không dứt, làm cho bệnh nhân bị hoại huyết quá nhiều trong lúc có kinh nguyệt. Chứng bệnh này làm cho cô không thể đi học đều đặn, mỗi tháng nằm liệt giường hết hai tuần lễ, và làm cho cô trở nên nhút nhát, thích sống cô đơn và luôn tránh xa các bạn bè đồng lứa tuổi. Những điều này có ảnh hưởng đến cá tính của cô về mọi mặt.

Về sau những chứng bệnh kể trên đã dần dần giảm bớt. Nhờ có một thân hình đẹp đẽ, cân đối, cô làm nghề người mẫu ở *New York* và lập gia đình. Tuy nhiên, cuộc tình duyên của cô không có hạnh phúc. Vợ chồng không ý hợp tâm đầu vì người chồng thì lạnh lùng và khắc khổ còn cô thì lại khao khát sự yêu đương. Khi Thế chiến thứ hai bùng nổ, người chồng phải vượt biển tùng chinh. Từ đó, cô bắt đầu sống một thời kỳ độc thân, và vì không thể chịu nổi cảnh đơn chiếc buồn tẻ nên cô phải dọn vào ở trong một trại nghỉ mát.

Tại đây, cô bắt đầu uống rượu và sống một cuộc đời bê tha. Lúc đầu, cô cảm thấy men rượu có thể giúp cho cô thoát khỏi sự ám ảnh nặng nề của cơn sầu khổ.

Nhưng khi đã trở nên nghiện ngập rồi, cô không thể ngưng lại được nữa; càng ngày càng uống rượu nhiều hơn và say sưa liên tục. Có khi cô uống luôn cả ngày đêm không dứt trong ba tuần liên tiếp, và ăn nằm với bất cứ người nào, lính thủy, lính tập hay phi công, tùy theo lúc cao hứng. Khi say rượu thì cô đánh mất cả mọi sự dè dặt trong hành vi, cử chỉ.

Sau cùng, sức khỏe của cô bắt đầu suy sụp dưới ảnh hưởng của chất men rượu nồng. Hai bàn tay cô bắt đầu run rẩy đến mức cô không thể ký tên vào những ngân phiếu để lãnh tiền của chồng cô gửi về. Trong những lúc tỉnh táo và đầy đủ trí khôn, cô quyết định rời khỏi trại nghỉ mát là trung tâm qui tụ hàng nửa chục căn cứ hải quân và đồn trại ở gần bên.

Những bức thư cuối cùng cho biết rằng nay cô đang làm thư ký với ít nhiều trách nhiệm; nhưng về sau cô vẫn tiếp tục chè chén bê tha, và sau cùng đã ly dị với chồng.

Dường như sự trụy lạc của cô trước hết là do thần kinh quá căng thẳng, mà điều này lại phát sinh từ chứng bệnh đau hạch mà ra. Chứng bệnh này lại là hậu quả trực tiếp của những hành vi phê phán quá khắc nghiệt của cô đối với người khác và sự thiếu lòng nhân từ của cô ở kiếp trước. Những sự lầm lạc yếu đuối của kẻ khác mà trước kia cô lên án một cách khắt khe,

nghiệt ngã, ngày nay đã trở nên những sự lầm lạc yếu đuối của chính bản thân cô.

Khi phải nhận lãnh quả báo như thế cô mới hiểu ra được rằng sự lầm lạc tội lỗi của người đời là đáng thương, và cần phải thông cảm, giúp đỡ, tìm cách chuyển hóa họ thay vì chỉ lên án và chê bai. Những kẻ thích thú trong việc chế nhạo, chỉ trích chê bai kẻ khác rồi phải nhận lãnh cái số phận của những kẻ mà chính họ đã lên án.

Trường hợp thứ nhì là của một người đàn bà có thói kiêu căng và nhiều thành kiến trong hai kiếp trước. Trong một kiếp rất lâu xa trước đây tại *Palestine*, cô là vợ của một vị giáo sĩ Do Thái. Với địa vị xã hội này, cô đã tỏ ra khắc nghiệt và khinh bỉ những người thanh niên phóng đãng, tự do, vô tín ngưỡng. Thời gian trôi qua cũng không làm phai mờ hay giảm bớt lòng kiêu căng tự phụ của cô. Trong một kiếp sau đó, cô tái sinh ở *Salem*, tiểu bang *Massachusetts*, Hoa Kỳ, nhưng vẫn không bỏ thói khắc nghiệt và lên án kẻ khác, mà dường như cô lại càng trở nên khó khăn nghiệt ngã hơn!

Cuộc soi kiếp cho biết rằng cô đã gặp phải rất nhiều người khó tính trong kiếp hiện tại. Những người này hết sức khắt khe, soi mói và sẵn sàng lên án kẻ khác. Trước kia cô đã gây nhiều đau khổ cho kẻ khác bởi

sự khắt khe quá đáng của mình. Khi người ta nhận chìm một số người xuống nước trong vụ xử án những phù thủy, cô đứng chứng kiến và vỗ tay hoan nghênh. Khi những người khác bị trừng phạt bằng roi vọt, cô cũng biểu đồng tình. Bởi vậy, vào những lúc thần kinh quá căng thẳng thì cô cũng thường nhớ lại những hình phạt đau khổ của kẻ khác mà cô đã chứng kiến trong quá khứ. Hiện thời, cô bị một chứng nội thương trong mạch máu và tủy sống, làm cho cô phải trải qua những giai đoạn đau đớn thể xác. Sự đau đớn thể xác này là điều mà cô bắt đầu chịu đựng từ năm ba mươi chín tuổi, và những cơn khủng hoảng thường tái phát nhiều lần trong suốt mười bốn năm kế đó.

Cô không lập gia đình nhưng có nhà ở một khu sang trọng tại *New York*. Sự kiện cô không làm nghề nghiệp gì dường như chứng tỏ rằng cô được thừa hưởng nhiều tài sản. Nhưng người ta cũng có thể cho rằng chính sự vô công rồi nghề này là một yếu tố quan trọng gây nên những cơn khủng hoảng tinh thần của cô. Nhưng đó chỉ là một nguyên nhân xét từ bên ngoài, có tính cách nhất thời mà thôi, chứ không phải nguyên nhân sâu xa. Trong thâm tâm của người đàn bà này có một sự khắt khe nghiệt ngã đối với người khác, một sự thản nhiên lạnh lùng trước những nguyện vọng và đau khổ của đồng loại.

Sự khắc nghiệt, thiếu khoan dung của cô đã làm cho nhiều người phải thất vọng đau khổ trong những kiếp trước. Bởi vậy, thật là công bình khi cô phải tự mình trải qua những kinh nghiệm thất vọng đau đớn đó trong kiếp này.

Người ta có thể tự hỏi rằng tại sao người đàn bà này không chịu quả báo sớm hơn về sự khắc nghiệt của cô hồi thời ở xứ *Palestine*. Câu hỏi này đã được xét đến trong một phần trước đây. Khi những điều kiện nhân duyên nhất định chưa hội đủ thì cho dù đương sự đã phạm vào những hành vi, tư tưởng xấu xa cũng không nhận lãnh quả báo một cách tức thời. Nhưng chính sự đòi hỏi phải kết hợp đầy đủ các điều kiện nhân duyên mới có thể kết thành các quả báo lại là một yếu tố quan trọng giúp cho chúng ta có thể làm thay đổi, chuyển hóa những quả xấu, làm cho chúng giảm nhẹ hoặc mất đi. Phương cách để làm được điều này đã được nhắc đến. Đó là sự nỗ lực tu dưỡng tinh thần và thực hành nhiều điều thiện, giúp đỡ mọi người với một tấm lòng vị tha chân thật.

Trong kiếp sống sau đó ở *Salem*, người đàn bà này đã có một cơ hội để chuộc lại lỗi lầm, làm thay đổi quả báo xấu. Nếu cô có thể làm một người khoan dung độ lượng, thay đổi những tính xấu trước đây của mình, thì kết quả đến với cô về sau chắc chắn đã thay đổi theo

hướng tốt hơn. Rõ ràng là cô đã có điều kiện để tùy ý chọn lựa và cải thiện tâm tính của mình. Nhưng cô đã thất bại trong sự hướng thiện đó; cô lại còn tăng thêm tánh khắc nghiệt trước đây thay vì sửa chữa, cải hối. Và vì thế chính cô đã tạo ra đầy đủ các điều kiện để quả báo chín muồi và cô phải lãnh chịu trong kiếp này.

Trong những thói xấu cùng loại với tánh hẹp hòi, thiếu khoan dung và nghiệt ngã còn có tánh hay chỉ trích người khác. Trường hợp sau đây là một thí dụ lý thú về quả báo gây nên bởi tánh hay chỉ trích.

Đó là một quân nhân hai mươi bảy tuổi, cấp bậc thiếu úy, có tánh tự ti mặc cảm và luôn luôn nghĩ rằng mình bất lực, không làm nên trò trống gì.

Chúng tôi không được biết những lý do nào đã làm trở ngại sự phát triển cá tính của anh ta trong thuở thiếu thời. Có thể rằng anh ta đã có một người cha hay người mẹ hay công kích một cách vô lý; hoặc vì anh ta có một khuôn mặt xấu xí, làm cho bè bạn trong lớp chế giễu nhạo báng. Trong cuộc soi kiếp cho anh ta, ông *Cayce* nói:

- Ai gieo nhân nào sẽ gặt quả nấy. Vì anh đã chỉ trích kẻ khác một cách gay gắt và vô lý nên ngày nay anh phải bị chỉ trích lại.

Cuộc soi kiếp cho biết rằng người thanh niên ấy trong kiếp trước là một nhà phê bình văn nghệ, thường có thói quen chỉ trích một cách gắt gao mọi tác phẩm mà anh ta không hài lòng, dĩ nhiên là thiếu sự khách quan và công bằng. Điều đó thường gieo sự ngờ vực hoang mang không đáng có trong lòng các tác giả, làm cho họ mất tin tưởng về năng lực sáng tác của chính họ. Ngày nay, quả báo tương ứng đã đến với anh ta, khiến anh ta tự nhiên mang lấy một tâm trạng tự ti mặc cảm mà không rõ nguyên do.

Chúng ta nhìn thấy ở đây một khía cạnh mới của luật nhân quả vô cùng phức tạp, một khía cạnh rất quan trọng về phần tinh thần, đáng để cho ta suy gẫm. Trong thực tế, những nhà phê bình chuyên môn có đủ năng lực chỉ gồm một số rất ít, nhưng trên thế giới hiện nay có vô số những nhà phê bình tài tử, nghĩa là không chuyên nghiệp, không có đủ trình độ chuyên môn.

Có lẽ không một nghề nghiệp nào khác trên thế gian này lại có nhiều người hành nghề tài tử như nghề này! Các nhà phê bình không chuyên dường như rất say mê và thích thú trong việc chỉ trích người khác, bất kể những điều họ nói ra có dựa trên lập luận chắc chắn và khách quan hay không, và cũng bất kể rằng những nạn nhân của họ sẽ phải chịu đựng những gì do sự phê phán bừa bãi không chuẩn xác của họ!

Đây là một nghề này không cần bỏ vốn và thật dễ làm! Ngoài ra, nó còn là một kiểu tiêu khiển thú vị của người đời, một trò chơi mà người ta có thể tham gia ngay trên đường phố hoặc trong quán cà phê, suốt cả năm này qua tháng nọ mà chỉ cần dùng có một công cụ duy nhất là cái lưỡi sắc bén! Chỉ cần hai hay ba người tụ họp lại là trò chơi phê bình, chỉ trích này đã có thể bắt đầu một cách thoải mái, và nạn nhân có thể là bất cứ ai trong những người quen biết của các "nhà phê bình" này!

Mặc dù sự chỉ trích là một trò tiêu khiển không tốn kém, nhưng nó có thể buộc người ta phải trả một cái giá đắt về sau. Theo những gì mà thần nhãn của ông *Cayce* nhìn thấy trong sự tác động của luật nhân quả trải qua dòng thời gian vô tận, ông thường đưa ra những lời cảnh cáo nghiêm khắc và rõ ràng cho những ai say mê theo tật xấu này.

Thí dụ sau đây, trong hàng trăm những thí dụ khác, là một bằng chứng hiển nhiên để ta suy gẫm. Hồ sơ ghi lại lời ông *Cayce* như sau:

- Tôi thấy rõ người này thường tỏ ra quá nghiêm khắc trong sự chỉ trích kẻ khác. Phải dừng bớt lại, vì những gì mà ta chỉ trích kẻ khác không xuất phát từ lòng chân thật muốn xây dựng, giúp đỡ người ấy, mà chỉ để thỏa mãn sự tự tôn, kiêu ngạo của bản thân

mình, sẽ mang đến cho ta những quả báo xấu dưới một hình thức tương ứng nào đó.

Đó là một lời tuyên bố rõ ràng về luật nhân quả. Theo đó, một nguyên nhân gây ra những khổ đau về mặt tâm lý cho người khác sẽ mang đến một hậu quả xấu với trạng thái tâm lý tương ứng. Điều này nhắc chúng ta nhớ lại một lời răn dạy trong Kinh Thánh. Đức Jesus có dạy rằng:

- Ta nói cho các ngươi biết, mỗi lời nói vô ích mà con người thốt ra, họ sẽ phải trả lời trong ngày phán xét cuối cùng.

Và kế đó là những lời răn:

- Không phải những gì chui vào lỗ miệng của một người làm cho người ấy bị ô nhiễm, nhơ bợn, mà chính là những gì từ trong lỗ miệng của người ấy chui ra!

- Ngươi chớ lên án nếu ngươi không muốn bị kẻ khác lên án. Vì ngươi lên án kẻ khác như thế nào, thì đến lượt ngươi cũng sẽ bị lên án như thế đó!

Những lời răn trên đây, đối chiếu với luật nhân quả mà chúng ta đã thấy có một ý nghĩa rất phù hợp và cũng vô cùng hợp lý trên phương diện thực tế, khiến người ta không thể xem thường.

Về những trường hợp kể trên, chúng ta nên nhớ rằng chính cái động cơ thúc đẩy và mục đích của mỗi hành

động mới là cái sức mạnh chuyển vận luật nhân quả. Không phải nghề phê bình văn nghệ làm cho người thanh niên kia bị sa đọa, mà chính cái thái độ thiếu khách quan của anh ta và sự hoang mang ngờ vực mà anh ta đã gieo trong lòng kẻ khác về tài năng của họ, chỉ vì những lời phê phán một cách cẩu thả, bừa bãi.

Người ta thấy có một sự tương tự như khi người lính La Mã ngược đãi những tín đồ đạo Gia Tô, đã kể ở chương 5. Nghiệp quả của anh ta gây ra không phải là vì anh ta thi hành nhiệm vụ của người một lính, mà chính vì thái độ tàn ác của anh ta đối với những người không đủ sức tự vệ đặt dưới quyền sinh sát của anh ta.

Ở đây cũng như trong mọi trường hợp khác, chính cái thái độ tinh thần đứng sau mỗi hành động mới là cái nguyên động lực tạo nên nghiệp quả. Trước đây, chúng ta thấy rằng những khuynh hướng độc tài chuyên chế có nguyên nhân xuất phát từ những kinh nghiệm chỉ huy trong kiếp trước. Khả năng lãnh đạo là một đức tính tốt, nhưng nó rất dễ biến đổi thành thói xấu là chuyên chế độc tài.

Trong lịch sử, ta thấy những người có chức vụ cao, nắm quyền thế trong tay thường lạm dụng quyền hành để thỏa mãn những tham vọng riêng của mình. Những trường hợp lạm dụng quyền thế một cách trắng trợn và quả báo gây ra do những hành động đó đều được thuật

lại rất nhiều trong những tập hồ sơ của ông *Cayce*. Thí dụ sau đây là trường hợp của một người có quyền thế trong thời kỳ các vụ án phù thủy ở *Salem*.

Người này là một trong những viên chức có trách nhiệm trừng trị và khủng bố những người đàn bà bị tố giác là hành nghề phù thủy. Tuy nhiên, trong khi thừa hành chức vụ đàn áp khủng bố những người theo tà đạo để giữ gìn thuần phong mỹ tục và bảo vệ tín ngưỡng Gia Tô, con người mô phạm và đạo đức giả này lại lạm dụng quyền hành của mình để thỏa mãn điều sắc dục. Những người phụ nữ bị giam cầm đều bị cưỡng bách phải thất tiết với y!

Những tập hồ sơ cho biết rằng kẻ đạo đức giả ấy đã đầu thai trở lại kiếp này. Hiện nay anh ta là một thiếu niên mười một tuổi, con của một người đàn bà nghèo khổ, bị chồng bỏ rơi. Anh ta thường bị chứng động kinh rất dữ dội. Trong lúc soi kiếp, anh ta đã bị bại liệt hết nửa người bên trái và câm không nói được. Anh ta không thể tự mình thay y phục hoặc ăn uống hay đi lại, tiểu tiện, nên lúc nào cũng phải có người dìu dắt. Hai vai của anh ta đã còng, và sau một cơn động kinh kéo dài suốt nhiều ngày, mỗi lần cách nhau khoảng nửa giờ, anh ta không thể giữ vững đầu mình nằm ngay ngắn trên cổ được nữa, và không thể ngồi dậy được nếu không có người nâng đỡ.

Theo ông *Cayce*, bệnh động kinh thường là quả báo của sự hoang dâm vô độ. Dầu sao, sự lạm dụng quyền hành trong trường hợp này là một yếu tố quan trọng. Sự nghèo khổ và địa vị thấp kém của người mẹ anh ta dường như là một sự đảo lộn địa vị giàu sang quyền thế của anh ta trong kiếp trước. Chứng động kinh là hậu quả của sự cưỡng hiếp, dâm dục khi anh ta lạm dụng quyền hành để thỏa mãn thú tính.

Trường hợp sau đây là một thí dụ lạm dụng quyền thế trong thời kỳ khủng bố đạo Gia Tô ở La Mã. Có một người tên *Romus*, là quân nhân trong đạo binh La Mã. Ngoài số tiền lương tháng không nhỏ, dựa vào cấp bậc khá cao của mình anh ta đã dùng thế lực để kiếm được những món tiền khổng lồ.

Cuộc soi kiếp không nói rõ anh ta đã dùng những phương cách nào, không biết là anh ta đã biển thủ công quỹ hay dọa nạt kẻ khác để làm tiền; nhưng nói chung là anh ta đã dùng phương tiện bất chính để mưu lợi, thâu được rất nhiều của cải vật chất. Tuy vậy, anh ta phải chịu mất mát nhiều về phương diện tâm linh.

Trong kiếp hiện tại, *Romus* bị nhiều đau khổ, sự nghèo đói, lầm than, không nhà cửa luôn bám theo anh ta suốt đời. Nghề thợ may không đủ sinh lợi để nuôi một vợ và năm con, anh ta phải nhờ vào sự giúp đỡ của cha mẹ mới có thể sống qua ngày một cách tạm bợ và bấp bênh ở một khu phố nghèo nàn tại Luân Đôn.

Trong trường hợp này cũng vậy, kẻ lạm dụng quyền hành đã phải chịu những quả báo tương ứng với hành vi xấu của mình trong quá khứ. Tình hình tài chánh tuyệt vọng của anh ta phản ảnh những nỗi lầm than khốn khổ mà anh ta đã gây ra cho kẻ khác trong kiếp trước.

Dưới đây là một trường hợp khác về sự lạm dụng quyền hành, cũng rất đáng cho ta ghi nhớ. Một người đàn bà thuộc giai cấp trưởng giả thời Cách mạng Pháp, đã tham gia cuộc nổi loạn chống giai cấp quí tộc. Với tấm lòng thành thật tranh đấu cho lý tưởng, bà đã thực hiện một sự tiến bộ lớn về đường tâm linh. Nhưng sau cuộc Cách mạng, khi dịp may đưa bà đạt tới một địa vị quan trọng trong chính phủ, bà liền trở nên độc tài và lạm dụng quyền thế không thua gì những người mà bà đã tranh đấu chống lại trước kia. Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* nói:

- Hậu quả đưa đến là trong kiếp hiện tại, người này phải chịu dưới quyền sai khiến của kẻ khác, tương ứng với sự độc tài và hách dịch trước kia.

Hiện thời, người đàn bà này sống một cuộc đời rất khó khăn. Vào lúc soi kiếp, bà đã bốn mươi tuổi, góa chồng mười năm và có một đứa con gái. Bà phải chiến đấu với nghịch cảnh để tự mưu sinh và nuôi con. Bà đã tìm được việc làm trong một cơ sở cứu trợ nạn nhân

thất nghiệp của chính phủ trong một thời gian, nhưng tình trạng của bà vẫn bấp bênh. Sự cô đơn và thiếu nguồn vui sống đã làm cho bà tuyệt vọng và chán nản. Tình trạng này không phải do sự ngẫu nhiên tình cờ, mà đó là hậu quả chính xác của những sự đè nén áp bức mà bà đã gây ra cho kẻ khác khi lạm dụng quyền hành trong tay.

Xét qua bề ngoài hiện nay thì bà là nạn nhân của một tình trạng kinh tế khủng hoảng và một số phận hẩm hiu; nhưng xét về luật nhân quả thì bà chỉ là nạn nhân của chính mình.

Những trường hợp kể trên có thể giúp cho ta một tiêu chuẩn quan trọng để tìm hiểu những nỗi khó khăn trắc trở của người đời cùng những nỗi đau khổ của họ, và tìm ra những nguyên nhân xa gần, căn cứ vào quả báo trong hiện tại.

Khi nhà hiền triết *Eschyle* cách đây hai ngàn năm ở Hy Lạp nói rằng: “Số mạng chính là hạnh kiểm”, ông ta đã nêu ra một mối quan hệ hoàn toàn chính xác theo cả hai chiều. Vì những trường hợp đã xét qua như trên dường như cho thấy rằng cái gọi là “số mạng” của một con người hiện nay chính là phản ảnh hạnh kiểm của người ấy trong quá khứ. Và ngược lại, hạnh kiểm trong hiện tại sẽ quyết định việc số phận một người trong tương lai có tốt đẹp hay không.

Đến đây, một vấn đề quan trọng được nêu ra, một vấn đề mà không ít người khi học hỏi nghiên cứu và suy gẫm về thuyết nhân quả thường nêu ra. Nếu như sự nghèo khổ là những quả báo xứng đáng dành cho những kẻ trước đây hung dữ, độc ác, bất công, thì tại sao ta cần phải cố gắng hoạt động trong những công việc cứu tế xã hội để làm gì? Phải chăng những cố gắng của ta để trợ giúp những kẻ bần cùng khốn khó chính là ngăn trở những tác động động của luật nhân quả?

Chúng ta nên hiểu rằng, trong thuyết nhân quả thì nhân và quả không phải là hai phần hoàn toàn tách biệt nhau. Ngược lại, chúng luôn gắn bó với nhau một cách chặt chẽ như một yếu tố duy nhất. Những gì ta nhìn thấy là quả báo của một người thì từ một góc độ khác cũng chính là cái nhân để tạo ra một quả báo khác. Vì thế, một thái độ nhắm mắt buông xuôi đối với những nhu cầu cấp bách của xã hội, những khó khăn khốn khổ của người khác, cho dù người đó là ai, thì tự thân nó đã phải bị xem là một hành vi không tốt đẹp và chắc chắn phải chiêu cảm một quả báo không tốt đẹp.

Mặt khác, tuy một người đã có những hành vi không tốt dẫn đến phải lãnh chịu một quả báo không tốt, nhưng sự giúp đỡ người ấy hoàn toàn không có nghĩa là tán thành những hành vi không tốt của người ấy trước đây, mà chính là một phương cách tích cực nhất

để giúp người ấy nhận ra sự không tốt của mình và ăn năn hối lỗi. Vì thế, đây là cách tốt nhất để chuyển hóa những khuynh hướng xấu thành những khuynh hướng tốt. Tương tự như khi ta đối xử khoan hồng và tốt đẹp với những tù nhân trong các trại giam, đó không phải là ta tán thành với những tội lỗi trước đây của họ, mà là chứng tỏ cho họ thấy lòng tốt thực sự của con người là như thế nào. Chính điều này mới có công năng chuyển hóa họ trở thành người tốt, chứ không phải chỉ riêng sự trừng phạt có thể làm được như vậy.

Thuyết nhân quả khi được nhận hiểu một cách đúng đắn sẽ không thể dùng để bào chữa cho những hành vi của kẻ thiếu đạo đức, dửng dưng trước sự khốn khó của đồng loại. Nền tảng của thuyết nhân quả trước hết là chú trọng về mặt tinh thần, vì tiêu chuẩn tự nhiên của một hành vi được gọi là hiền thiện tốt lành chính là khi nó giúp chuyển hóa tinh thần con người hướng đến sự toàn thiện.

Nhưng thuyết nhân quả cũng có ý nghĩa tích cực về mặt xã hội, bởi vì mục đích tối nhất của sự hoàn thiện tinh thần cũng chính là tình thương; và tình thương chính là cái mãnh lực mầu nhiệm làm tiêu tan mọi điều nghiệp chướng và quả báo xấu xa. Ý nghĩa tích cực của luật nhân quả nằm ở chỗ tình thương bao giờ cũng là nhân tố tích cực và thiết yếu nhất trong việc

xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, cho dù đó là một xã hội cổ sơ hay hiện đại, là nằm ở phương Đông hay phương Tây.

Luật nhân quả luôn khách quan và công bằng tuyệt đối, cũng ví như mực nước luôn giữ sự cân bằng trong các bình chứa. Dầu cho con người gặp phải hoàn cảnh nào, sống trong địa phương nào và dưới thời kỳ nào, điều đó không quan hệ, đó chỉ là những điều kiện bên ngoài làm bối cảnh cho luật nhân quả biểu lộ những tác động của nó mà thôi. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là trong bất cứ hoàn cảnh nào, mỗi người luôn có những cơ hội và khả năng để tự sửa mình và vươn lên hoàn thiện, sửa chữa những khuyết điểm và lỗi lầm đã qua. Xét từ khía cạnh đó thì việc tin nhận luật nhân quả luôn mang đến cho chúng ta một tín hiệu lạc quan đáng mừng giữa cuộc đời mênh mông đầy dẫy khổ đau này.

CHƯƠNG 12

NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TRẠNG THÁI TÂM LÝ LẠ LÙNG

Ngày nay, nhiều người đã quen thuộc với cái tên của bác sĩ *Freud* và danh từ tiềm thức. Tuy nhiên, nhiều người không biết rằng bác sĩ *Freud* đã khám phá ra khái niệm về tiềm thức trong khi ông theo đuổi những cuộc nghiên cứu về giấc ngủ thôi miên.

Vì những người ngủ mê trong giấc thôi miên có thể nhớ lại những sự việc xảy ra từ thuở nhỏ mà họ đã hoàn toàn quên hẳn trong lúc bình thường, nên ông *Freud* mới đưa ra giả thuyết rằng trạng thái tiềm thức là một kho ký ức lưu giữ những ấn tượng đã qua mà người ta không thể nhớ lại bằng bất cứ cách nào khác.

Về sau, ông *Freud* không dùng khoa thôi miên như một kỹ thuật chữa bệnh nữa, vì trong nhiều trường hợp nó không được hoàn mỹ. Nhưng ông vẫn tiếp tục

thí nghiệm những phương pháp khác để thám hiểm vực sâu thẳm của tiềm thức con người. Tuy thế, người ta cũng xem khoa thôi miên như là nguồn gốc của khoa Phân tâm học (*Psychanalyse*) do ông khởi xướng.

Trong lãnh vực tâm lý theo thuyết luân hồi, khoa thôi miên có thể có một vai trò tương tự. Thần nhãn của ông *Cayce* dường như cho thấy rằng một người trong giấc thôi miên có thể khám phá những kiếp trước của người khác. Một sự kiện quan trọng hơn nữa là dường như người ấy cũng có thể nhìn thấy và sống lại những tiền kiếp của chính mình.

Những kinh nghiệm lùi về quá khứ trong trạng thái thôi miên cho thấy rằng trong tiềm thức của một người có sự lưu giữ ký ức của tất cả sự việc đã từng xảy ra trong quá khứ. Khi một người trong trạng thái thôi miên được dẫn dụ lùi về quá khứ đến năm lên mười tuổi và được yêu cầu viết tên mình thì anh ta sẽ viết với tuồng chữ của tuổi thơ ấu vào năm lên mười. Khi người này lùi về đến năm sáu tuổi, anh ta sẽ viết với tuồng chữ còn non nớt hơn nữa; và khi anh ta lùi về đến năm lên ba, anh ta chỉ có thể cầm viết chì vẽ nguệch ngoạc những nét không có ý nghĩa gì cả!

Hiện tượng lùi về quá khứ trong trạng thái thôi miên như vừa nói trên thường được thí nghiệm trong những lớp giảng về khoa tâm lý ở các trường đại học,

và những sinh viên tâm lý học đã khá quen thuộc với hiện tượng ấy. Nhà bác học Pháp *De Rochas* vào thế kỷ 19 đã tuyên bố rằng với kỹ thuật lùi về dĩ vãng như trên, ông có thể nhớ lại những kỷ niệm đã qua trong quá khứ. Quyển sách của ông có nhan đề "*Những kiếp sống liên tục*" (*Les Vies Successives*) không được xem như một tác phẩm khoa học, nhưng có lẽ một ngày kia nó sẽ được hoan nghênh như một công trình tiền phong trên địa hạt tâm lý về thuyết luân hồi.

Những trạng thái tâm lý lạ lùng được xem xét bằng hiện tượng thần nhãn của ông *Cayce* giải thích tính chất của ký ức và tiềm thức, và có vẻ như xác nhận rằng tiềm thức con người thật ra còn thâm sâu hơn những gì mà các nhà phân tâm học hiện nay có thể hiểu được.

Một trong những trạng thái tâm lý lạ lùng nhất là sự sợ hãi. Những nhà phân tâm học định nghĩa điều này như là một "sự sợ hãi quá độ" mà nguồn gốc là do nhiều nguyên nhân phức tạp gây nên. Sự sợ hãi khác thường này làm cho con người sinh lòng thù nghịch, gây hấn, hoặc cảm thấy mình có tội lỗi rất nặng nề. Những cảm xúc ẩn tàng này về sau biểu lộ dưới hình thức một sự sợ hãi vô lý và bất thường đối với một vài sự vật ở ngoại cảnh, thí dụ như sợ những gian phòng kín, sợ trèo cao, sợ mèo hay sợ chuột, sợ giông mưa, sấm sét, sợ nước v.v...

Có nhiều trường hợp, những sự sợ hãi đó đã được truy nguyên từ một việc xảy ra trong kiếp trước, làm cho người ấy bị đau khổ hay thiệt mạng.

Một thí dụ lý thú là trường hợp của một người phụ nữ từ thuở thiếu thời đã sợ những gian phòng kín. Ngồi trong rạp hát, cô phải chọn một chỗ ngồi gần chỗ cửa ra. Ngồi trên xe buýt, nếu xe chật chỗ và quá đông người, cô bước xuống để đợi chuyến xe khác. Trong những khi đi nghỉ hè, dạo chơi ở miền núi, cô rất sợ chui vào những hang động, hầm hố hay bất cứ chỗ nào bốn bề khép kín, không nhìn thấy lối ra.

Người trong gia đình không ai hiểu lý do của thái độ lạ lùng này, vì không ai có thể nhớ lại thuở nhỏ đã xảy ra việc gì làm cho cô có sự sợ sệt như vậy. Cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cho biết rằng trong một kiếp trước cô từng chui vào một cái hang, thình lình hang bị sụp lở, đè bẹp cô dưới đống đất đá và cô phải chết ngộp. Ký ức về cái chết rùng rợn này ngày nay vẫn còn in sâu trong tiềm thức của cô.

Một thí dụ khác là trường hợp của một người đàn bà nọ có hai điều kinh sợ là sợ dao bén và sợ những loài thú có lông, nhất là những loài thú nhà. Cô nổi cơn hoảng sợ mỗi khi có một vật bén nhọn ở gần bên mình, hay khi thấy ai sử dụng dao bén. Cuộc soi kiếp của ông

Cayce cho biết là trong một kiếp trước ở Ba Tư, người đàn bà này bị giết vì một lưỡi gươm trong lúc chạy loạn.

Còn việc sợ thú có lông thì khó hiểu hơn, vì trong gia đình người nào cũng có nuôi chó hay nuôi mèo. Nhưng mỗi khi cô nhìn thấy con chó hay con mèo thì giật mình kinh sợ như người gặp phải rắn độc. Hơn nữa, cô không khi nào mặc áo choàng bằng da thú, hoặc có cổ áo may bằng lông thú.

Những nhà tâm lý học có thể tìm căn nguyên sự sợ sệt của cô trong những sự giao tế với người trong gia đình, thí dụ như lòng ganh ghét đố kỵ đối với người anh ưa nuôi thú chẳng hạn, và giải đáp vấn đề ấy như là sự biểu lộ lòng thù nghịch của cô. Tuy nhiên, những cuộc soi kiếp đã truy nguyên sự sợ sệt này từ một kiếp trước ở châu *Atlantide*, khi đó cô đã trải qua một kinh nghiệm khủng khiếp về những loài vật có hình thù ghê rợn.

Cuộc soi kiếp cũng giải thích nhiều tâm trạng sợ hãi lạ lùng khác và truy nguyên ra từ những kiếp trước. Sự sợ hãi bóng tối của một người nọ được giải thích rằng trong kiếp trước anh ta là một tù chính trị dưới thời vua *Louis XVI* và bị giam cầm trong một đài cao ở Pháp cho đến khi chết bỏ xác trong ngục tối. Một người khác sợ dao bén; đến lúc truy nguyên ra thì được biết

rằng kiếp trước anh ta đã trải qua kinh nghiệm rùng rợn trong một phòng tra tấn ở Pháp, và đã bị tra khảo bằng những thứ hình cụ khủng khiếp nhất.

Một người khác có những cơn hoảng sợ bất thần, dường như luôn cảm thấy rằng ngày tận thế sắp đến! Cuộc soi kiếp truy nguyên sự sợ sệt này ở một kiếp trước, vào thời kỳ một phần châu *Atlantide* bị sụp lở chìm xuống đáy biển. Trong khi đó anh ta đang ngồi một mình trên một ngọn đồi cao để xem sách, thình lình cơn động đất làm rung chuyển trọn cả vùng chung quanh như trời long đất lở và anh ta nhìn thấy nước biển dâng lên chung quanh ngọn đồi của anh ta.

Một người đàn bà kia sợ thú dữ một cách lạ thường. Nguyên nhân được biết là từ một kiếp trước ở La Mã, chồng bà có tội và bị buộc phải đấu sức với thú dữ trong đấu trường. Bà đã phải chứng kiến cảnh thú dữ xé xác chồng sau khi vật chết ông.

Hai người kia sợ nước một cách rất vô lý. Truy nguyên ra thì được biết rằng kiếp trước họ đi tắm sông bị dòng nước xoáy cuốn đi và chết đuối. Một người nữa cũng rất sợ nước, được biết rằng trạng thái sợ hãi này là do trong tiền kiếp vào thời đế quốc La Mã đã bị đắm tàu chết đuối trong một cơn bão giữa biển.

Khi chúng ta xét kỹ những trường hợp này theo quan điểm tâm lý thông thường, chúng ta có thể tự hỏi rằng phải chăng tất cả những thí dụ trên đây cũng có thể được giải thích một cách thỏa đáng bằng cách tìm ra một nguyên nhân trong kiếp hiện tại. Thí dụ, người đàn bà sợ ngồi trong phòng kín, có thể đã bị nhốt trong một phòng tối lúc lên bốn tuổi, nhưng ngày nay cô đã quên mất việc đó.

Do sự khêu gợi trong trạng thái thôi miên, người ta có thể đào xới việc ấy trong ký ức đã lãng quên từ lâu và nhà tâm lý học có thể căn cứ trên các yếu tố đó mà hiểu được những vấn đề xúc động thường gây nên các chứng rối loạn thần kinh.

Nhưng nhiều người đã có những kinh nghiệm cùng loại như trên, vì sao lại không có sự sợ hãi quá đáng một cách vô lý như vậy? Và tại sao có những người lại có sự thụ cảm quá đặc biệt so với những người khác? Nếu tất cả những người đã từng trải qua những cơn xúc động tình cảm đều sợ ngồi trong phòng kín, thì trên thế gian này những người như thế có lẽ sẽ nhiều đến nỗi người ta phải đóng cửa tất cả các phòng điện thoại công cộng, buồng ngủ, những gian phòng độc chiếc, và vài loại hộp đêm, như là những nơi đe dọa sự thăng bằng của tâm hồn, trí não và sức khỏe công cộng!

Theo tập hồ sơ *Cayce*, vấn đề này được giải đáp như sau: Sự kiện một đứa trẻ tỏ ra thụ cảm hơn một đứa trẻ khác trong một tình trạng xúc động tâm lý nhất định, có thể là do kinh nghiệm ở một kiếp trước. Hoàn cảnh tạo ra trong kiếp này chỉ là phương tiện làm khơi dậy cái ấn tượng kinh khủng đã bị vùi lấp trong ký ức.

Theo thuyết nhân quả chúng ta thấy rằng tiềm thức ví như một kho chứa sâu thẳm, thực sự sâu hơn những gì người ta nhận biết trong trạng thái bình thường.

Một vài nhà tâm lý học, đặc biệt là *Carl Jung*, tin rằng những lớp sâu thẳm trong tiềm thức cần được xem như những nguyên nhân sâu kín để giải thích những trạng thái tâm lý khác thường mà người ta không thể giải thích bằng cách nào khác.

Theo quan điểm của ông *Cayce*, mỗi người đều có những ký ức tiềm tàng đột khởi từ một quá khứ xa xăm, do những kinh nghiệm đã trải qua trong tiền kiếp.

Tất cả những sự sợ hãi, thù ghét, thương yêu và những tình cảm trong vô thức của một người đều là thành phần trong sản nghiệp tinh thần mà người ấy tự để lại cho mình, chẳng khác nào người ta tích lũy của cải hôm nay để dùng trong một ngày về sau.

Con người văn minh tân tiến hôm nay đã từng là con người dã man mọi rợ trải qua nhiều kiếp trong dĩ vãng, và vì thế, thật là một điều tự nhiên nếu thấy rằng vẫn còn một vài phần thú tính vẫn còn tồn tại trong con người. Trong cái dĩ vãng xa xăm đó, chính con người đã từng trải qua những sợ hãi khủng khiếp trong rừng rậm, và những sự tàn nhẫn độc ác của cuộc sinh tồn. Vậy cũng là điều tự nhiên nếu như ngày nay thỉnh thoảng một con người vẫn cảm thấy những cơn sợ hãi bất thường, vô lý và những nỗi lo âu phiền muộn vô căn cứ.

Khi một người đã từng thương yêu, ghét bỏ hay đố kỵ nhiều người khác mà người ấy tiếp xúc trong quá khứ, thì lẽ tự nhiên là ngày nay người ấy cũng cảm thấy đối với chính những người đó, đã cùng đầu thai lại trong kiếp này, những mối thiện cảm, thương yêu, hay thù hận, ghét bỏ một cách vô lý và không thể giải thích được lý do.

Những ký ức thuộc về tiền kiếp có thể biểu lộ trong kiếp này bằng những dấu hiệu khác hơn là những sự sợ hãi hay những trạng thái tâm lý khác thường.

Ông *Cayce* đã căn cứ vào thuyết luân hồi để giải thích hiện tượng về những giấc mộng tái diễn nhiều

lần. Một thí dụ lạ lùng về vấn đề này là của một người đàn bà đưa ra câu hỏi sau đây:

- Tại sao lúc nhỏ tôi thường nằm mộng thấy cảnh tận thế với mây đen bao phủ và hủy diệt toàn cõi thế gian?

Trong một cuộc soi kiếp, ông *Cayce* trả lời bà ấy rằng, trong một kiếp trước ở châu *Atlantide*, bà ấy là một giáo sĩ kiêm y sĩ, và đã chứng kiến trận thiên tai kinh khủng nhất làm chôn vùi cả châu này dưới lòng biển sâu. Ấn tượng rùng rợn đó vẫn còn in sâu trong tâm hồn bà đến nỗi nó thường xuất hiện trong những giấc ngủ.

Một trường hợp lý thú khác là của một bé gái bốn tuổi thường làm cho mẹ lo âu vì mỗi đêm đều giật mình thức giấc, khóc la bài hãi một cách vô cùng sợ sệt. Em bé này có sức khỏe tốt, không bệnh tật gì cả. Mẹ em vì lo lắng nên viết thư cho ông *Cayce* để xin ông giải thích về trạng thái kỳ lạ của em.

Cuộc soi kiếp em bé này cho biết rằng kiếp trước em đã chết bất đắc kỳ tử trong Thế chiến thứ hai ở Pháp. Nhưng chỉ chín tháng sau em đã đầu thai trở lại trong một gia đình ở Bắc Mỹ. Khoảng thời gian ngắn ngủi giữa hai kiếp sống không đủ để làm phai mờ những kỷ

niệm rùng rợn về chiến tranh trong ký ức của em và vì thế nó thường xuất hiện trong giấc ngủ.

Những trường hợp kể trên không khỏi làm cho chúng ta phải nêu ra câu hỏi về vấn đề trí nhớ. Nhiều người phản đối thuyết luân hồi thường đưa ra lập luận này: Nếu có luân hồi, tại sao chúng ta không nhớ lại được những kiếp trước?

Điều này mới nghe qua thì dường như lạ lùng, nhưng thật ra không lạ gì nếu chúng ta xét lại rằng, đừng nói là những kiếp trước, mà ngay trong kiếp này chúng ta cũng không nhớ được hết những việc đã xảy ra từ lúc còn thơ ấu hay thuở thiếu thời. Trí nhớ của con người là một cái gì rất mong manh, tinh tế, và những sự việc trôi qua trong đời ta chẳng khác nào như nước chảy giữa dòng. Cho nên khi nói rằng ta không nhớ một việc gì, không có nghĩa là việc ấy đã không xảy ra.

Nếu chúng ta hỏi ai đó một câu đại loại như là:

- Anh đã làm gì vào 10 giờ 26 phút sáng ngày 19 tháng 4 năm...?

Chúng ta có thể đem hết cả gia tài để đánh cuộc rằng người ấy không thể nào nhớ lại từng chi tiết rõ ràng như đã xảy ra vào đúng ngày hôm đó, chẳng hạn như anh ta đã mặc y phục như thế nào, nói những chuyện

gì với ai .v.v... Nhưng việc anh ta không nhớ rõ các sự việc đã xảy ra không có nghĩa là anh ta đã không trải qua những giờ phút đó.

Vì thế, sự phản bác thuyết luân hồi bằng lập luận như trên không thể đứng vững. Trước hết, sự lãng quên là một hiện tượng rất thông thường và tự nhiên của con người. Sau nữa, trí nhớ có một tính chất đặc biệt là rất chóng quên phần chi tiết mà chỉ giữ lại phần đại cương của sự việc. Chẳng hạn, những người có học thức đều biết rằng 7 lần 7 là 49, hoặc bình phương của 12 là 144. Nhưng người ấy không nhớ rằng anh ta đã trải qua những giờ mệt nhọc vất vả trong lớp học hồi thuở thiếu thời để học cách làm những bài toán đó. Nhưng khả năng suy tính và sự thông hiểu toán pháp vẫn còn tồn tại trong trí óc.

Những sự hiểu biết khác của con người cũng được giải thích bằng cách đó, chẳng hạn như sự cẩn thận đề phòng khi đứng gần lửa, sự dè dặt và sợ chó khi bước vào nhà người lạ, khả năng về âm nhạc, khiêu vũ, hay sự thông hiểu, khéo léo về bất cứ một ngành nào... Việc chúng ta biết đi biết đứng chứng tỏ rằng có một thời kỳ chúng ta đã tập đứng, tập đi, nhưng trong một vạn người, không có đến một người nhớ rõ những sự cố gắng vất vả khó khăn đã trải qua trong thuở ấu thơ để có thể đi đứng tự nhiên được như bây giờ!

Như vậy, sự lãng quên về phần chi tiết vẫn không làm mất đi trí nhớ về phần đại cương, và tất cả những khả năng và đức tính của con người trên phương diện luân lý, trí tuệ, đạo đức tâm linh, đều là sự tổng hợp tất cả những kinh nghiệm đã trải qua trong tiền kiếp mà ngày nay đã quên mất những chi tiết.

Lý luận thứ hai mà một số người dùng để phản đối thuyết luân hồi lại càng tế nhị hơn. Họ cho rằng thật vô lý khi buộc một cá nhân phải chịu trách nhiệm về những hành động mà một cá nhân khác đã làm. Họ cho rằng quả báo và sự trừng phạt chỉ có ý nghĩa khi kẻ phạm tội ý thức được và nhìn nhận tội lỗi của mình.

Trả lời cho lập luận này, ta có thể căn cứ vào sự liên quan giữa cá tính và tâm thức. Tâm thức là dòng tương tục nối liền giữa các kiếp sống của một chúng sinh, không hề bị mất đi khi xác thân tan rã. Vì thế, tuy một người không thể nhớ rõ quá khứ trong tiền kiếp, nhưng điều đó không có nghĩa là họ đánh mất đi sự liên quan giữa hai kiếp sống. Chính điều này giải thích việc lưu giữ những kinh nghiệm mà một người đã tích lũy được trong các kiếp trước. Tâm thức của mỗi người luôn chứa đựng toàn bộ ký ức về tất cả những sự việc đã xảy ra, nhưng do sự si mê che lấp và bị cuốn hút theo ngoại cảnh nên ta không thể nhớ lại được, trừ

phi ta áp dụng những phương pháp tu tập đặc biệt làm trong sạch và lắng đọng tâm thức thì ta mới có thể nhớ lại được những sự việc được lưu giữ trong cái kho ký ức vô tận của tâm thức.

Ngoài những thí dụ về những trạng thái sợ hãi vô lý và những giấc mộng tái diễn nhiều lần, người ta còn thấy trong những tập hồ sơ của ông *Cayce* những trạng thái tâm lý kỳ lạ khác nữa.

Chẳng hạn như những ảo ảnh ẩn hiện chập chờn, trong nhiều trường hợp thường được truy nguyên từ những ký ức bất thường từ kiếp trước.

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cho biết là trong nhiều trường hợp, một sự rối loạn thần kinh có thể có nguyên nhân hoàn toàn thuộc về thể chất và sẽ được chữa khỏi một cách dễ dàng bằng các phương tiện sinh lý. Chúng ta đã thấy trong chương 2 trường hợp của cô thiếu nữ được chữa khỏi bệnh loạn trí nhờ nhổ một cái răng cấm mọc ngược. Một thí dụ điển hình khác là trường hợp của một người thư ký bưu điện bỗng nhiên thay đổi tánh tình một cách khác thường, thình lình trở nên gây gỗ, buồn bực và hung bạo. Gia đình khuyên anh ta đi khám bệnh và vào bệnh viện để điều trị. Các y sĩ tuyên bố rằng anh ta bị chứng khủng hoảng thần kinh, cần phải cho nằm riêng trong một buồng kín.

Người vợ anh ta yêu cầu ông *Cayce* dành cho một cuộc khám nghiệm bằng thần nhãn. Kết quả khám nghiệm cho biết anh ta đã bị té ngã nặng từ nhiều năm về trước, chạm mạnh vào xương mông làm tổn thương tủy sống, và điều này gây ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thần kinh.

Ông *Cayce* khuyên người này điều trị bằng phương pháp nắn xương và chạy điện. Gia đình nghe theo lời. Trong sáu tuần lễ, bệnh nhân đã bình phục trở lại như thường và trở về nhà.

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp loạn trí khác, cuộc khám nghiệm mô tả rằng bệnh nhân bị ám ảnh do tà khí. Theo những niềm tin truyền thống, người ta cho rằng một vài chứng bệnh loạn thần kinh có nguyên nhân là vì *"ma nhập"*. Trong Kinh Thánh có kể lại chuyện đấng *Christ* đã đuổi tà ra khỏi xác của một người điên, và những người theo đạo Gia Tô giáo đều quen thuộc với việc các vị cố đạo Gia Tô thực hành phép đuổi tà (*exorcisme*).

Vấn đề này tự nhiên là hoàn toàn xa lạ đối với khoa tâm lý học hiện đại, và những nhà chữa bệnh thần kinh ngày nay xem đó như một điều dị đoan đã lỗi thời. Tuy nhiên, nếu người ta chấp nhận rằng tâm thức con người vẫn tồn tại sau khi chết ở một dạng vô hình thì

không có lý do gì mà không tin vào những sự ám ảnh, khuấy phá hay gây ảnh hưởng của một tâm thức đối với một tâm thức khác. Chính những tác động tiêu cực này đã tạo ra cho nạn nhân nhiều ảnh hưởng không tốt về thần trí, và ông Cayce gọi đó là "*tà khí*".

Để chữa những bệnh tà khí, ông *Cayce* thường dùng phép điều trị bằng nhân điện và khuyên bệnh nhân nên kết hợp với sự cầu nguyện và tu tập pháp tham thiền quán tưởng.

Có một trường hợp người bệnh được chữa khỏi trong khoảng vài tháng, chấm dứt hẳn sự ám ảnh của những giọng nói thì thầm bên tai đã từng làm cho người này sợ hãi đến phát bệnh. Trường hợp này là do quả báo gây nên, vì trong một kiếp trước bệnh nhân này đã dùng tà thuật để ám hại kẻ khác.

CHƯƠNG 13

QUẢ BÁO ĐỐI VỚI HÔN NHÂN

Vấn đề hôn nhân là một vấn đề phức tạp và khó khăn nhất trong đời người. Hôn nhân là một nguồn hạnh phúc vô tận nếu nó được thành tựu một cách mỹ mãn. Nhưng nếu thất bại thì sẽ là một nguồn đau khổ rất lớn. Hôn nhân đem đến cho đời người những cực điểm về vinh nhục, sướng khổ, và giữa hai cực điểm đó, có vô số những trạng thái trung gian, hoặc vừa khổ vừa sướng, hoặc vừa vinh vừa nhục.

Về phương diện pháp lý, hôn nhân là một hợp đồng sống chung dài hạn giữa hai người khác phái. Về phương diện nhân sinh, đó là một sự phối hợp giữa nam và nữ tính, do bản năng thúc đẩy của những nhu cầu sinh lý và tình cảm.

Hội Thánh Gia Tô xem hôn nhân như một nghi thức thiêng liêng. Khoa tâm lý học xem hôn nhân như một

vấn đề xử thế và sinh hoạt. Những kẻ nhạo đời xem hôn nhân như một cái bẫy mà chỉ những người ngu ngốc mới chui vào. Nhưng theo một định nghĩa rộng hơn căn cứ vào thuyết luân hồi thì những quan điểm kể trên đều chỉ đúng có một phần. Một nhà tâm lý học định nghĩa rằng hôn nhân là một "*sự phối hợp của hai cá nhân khiếm khuyết và bất toàn*" cùng góp sức với nhau để xây dựng nền hạnh phúc chung cho cả hai người. Định nghĩa này sẽ trở nên gần gũi hơn với quan điểm của nền minh triết cổ truyền nếu ta hiểu rằng việc xây dựng nền hạnh phúc cũng chính là cố gắng để tự vươn lên hoàn thiện bản thân. Theo quan điểm rộng rãi này thì hôn nhân là một cơ hội để hai tâm hồn bất toàn bổ khuyết và giúp đỡ cho nhau và cùng nhau thanh toán những món nợ nhân quả, rèn luyện những đức tính trên con đường vươn đến sự hoàn thiện về mặt tâm linh.

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* đã nhiều lần xác nhận rằng không có một mối liên hệ quan trọng nào trong đời người mà lại do sự ngẫu nhiên tình cờ. Vấn đề hôn nhân càng chứng minh cho điều này một cách triệt để. Không có một cuộc hôn nhân nào bắt đầu từ con số không, vì đó bao giờ cũng là sự nối tiếp của một câu chuyện dài đã bắt đầu từ quá khứ.

Các cuộc soi kiếp cho biết rằng, bằng cách này hay cách khác, những người kết hôn với nhau đều đã có nhân duyên trong các kiếp trước. Đó là một điều lý thú!

Trong những cuộc soi kiếp, ông *Cayce* xem vấn đề hôn nhân như một điều tự nhiên của con người, và ông thường nói:

- À! Hôn nhân là một việc tốt. Đối với mọi con người sống trên thế gian, điều đó luôn là một sinh hoạt tự nhiên.

Có người hỏi:

- Tôi có nên kết hôn trong lúc này hay không?

Ông *Cayce* đáp:

- Lúc nào cũng được cả, nếu anh nghĩ rằng mình đã chọn được người bạn trăm năm thích hợp. Điều đó tùy thuộc vào mục đích anh theo đuổi khi anh muốn kết hôn với người ấy.

Một gia đình ấm cúng, đó là hình ảnh của trạng thái hòa hợp hạnh phúc mà tất cả mọi người đều mong muốn. Về điều này, ông *Cayce* tuyên bố như sau với một người được ông soi kiếp:

- Sự thành công của anh phải là cái tổ ấm, vì trên đời không có sự thành công nào lớn hơn nữa.

Ít người được thành công về cả hai khía cạnh nghề nghiệp và hạnh phúc gia đình. Nhưng hạnh phúc gia đình mới là sự thành công lớn nhất, và người nào xem thường điều ấy sẽ tự tạo nên những trách nhiệm nặng nề về sau. Vì gia đình là biểu tượng gần nhất đối với nguyện vọng sống hạnh phúc của một người và đó cũng thường là nền tảng tất yếu cho một đời sống hạnh phúc giữa thế gian. Bởi vậy, có thể nói rằng một gia đình hạnh phúc chính là cõi thiên đàng ở giữa thế gian này!

Vì gia đình là nơi người ta cùng theo đuổi một mục đích chung với sự gắn kết của một mối tình thân ái, nên nó cũng là nơi thể hiện nhiều nhất những mối tương quan tốt đẹp giữa con người với con người. Mục đích của gia đình là sự sáng tạo khi mỗi thành viên trong đó đều hợp nhất với nhau trong một lẽ sống và một lý tưởng chung. Khi ấy, gia đình sẽ là cội nguồn tạo ra những đời sống hạnh phúc cũng như mang lại niềm hạnh phúc vô biên cho mỗi một thành viên của nó.

Những quan niệm trên đây không phải mới lạ gì. Tuy nhiên, điều khác biệt là những cuộc soi kiếp trình bày những quan điểm trên theo một cách vừa tự do vừa tân tiến đối với vai trò của người phụ nữ. Điều lý thú ở đây là vấn đề nam nữ bình quyền và quyền tự do của phụ nữ trong việc tự quyết định cuộc đời mình được xem như một vấn đề đương nhiên.

Ý niệm về sự đương nhiên này được biểu hiện rõ hơn trong những cuộc soi kiếp về các trường hợp mà đương sự phải chọn lựa một trong hai điều, đó là nghề nghiệp và hôn nhân. Thần nhãn của ông *Cayce* không chấp nhận quan niệm độc tài chuyên chế và xem vai trò của phụ nữ chỉ là ở trong gia đình, giới hạn trong việc chăm sóc cho chồng con.

Các cuộc khám bệnh thường đưa ra những phương pháp điều trị không theo một đường lối duy nhất. Tương tự như vậy, không hề có một phép xử thế nhất định cho tất cả mọi trường hợp về vấn đề hôn nhân.

Những nguyên tắc tâm lý và đạo đức bao giờ cũng dựa trên một nền tảng như nhau, nhưng sự biểu đạt cụ thể thành hành động luôn khác biệt nhau tùy theo từng trường hợp. Đối với một số phụ nữ, ông *Cayce* khuyên họ nên lập gia đình; nhưng đối với một số khác ông lại khuyên họ nên theo đuổi một nghề nghiệp. Có vài người, ông khuyên họ nên lo cho sự nghiệp trước, rồi sẽ lo việc lập gia đình sau. Với một số người khác thì ông khuyên họ nên chú trọng đồng thời cả hai việc lập gia đình và theo đuổi nghề nghiệp. Đối với những người khác nữa, ông khuyên họ hãy chọn một trong hai điều; vì họ không thể cùng lúc thành công trong cả hai lãnh vực.

Một thiếu nữ mười tám tuổi có tánh e lệ, rụt rè và nhiều bất mãn về cuộc đời, muốn biết xem cô có thể làm gì trong tương lai. Cuộc soi kiếp nhấn mạnh rằng trước khi nghĩ đến hôn nhân, cô nên làm một công việc từ thiện như săn sóc, giúp đỡ các trẻ em bất hạnh. Cuộc soi kiếp cho biết:

- Nếu người này tìm cách có được hạnh phúc theo con đường hôn nhân thì cô sẽ bị thất vọng đau đớn, trừ phi trước khi lấy chồng cô đã có làm những công tác trợ giúp xã hội và săn sóc trẻ em bất hạnh.

Cuộc soi kiếp nói thêm rằng, cô cũng có thể giúp việc săn sóc các em gái nhỏ trong trại mồ côi hay một tổ chức từ thiện tương tự. Một nhà tâm lý học sẽ nhìn nhận rằng lời khuyên đó rất lành mạnh, theo quan điểm thuần túy tâm lý. Dạy dỗ các thiếu niên nhi đồng là một phương tiện rất tốt để cởi mở và phát triển sớm thiên chức làm mẹ. Nhờ đó, cô gái này sẽ có được sự tự tin trước khi lập gia đình. Trong trường hợp của cô này, nếu không có đức tính ấy thì sẽ không có cơ hội xây dựng được hạnh phúc gia đình. Hôn nhân có thể sẽ hoàn toàn thất bại nếu cô ấy chọn một người bạn trăm năm không thích hợp, và sự lúng túng trong việc chăm sóc con cái vào buổi đầu có thể là nguyên nhân làm sụp đổ tất cả.

Mặt khác, cho dù cô có tìm được một người chồng thích hợp, sự thất bại vẫn có thể xảy đến nếu một trong hai người không có đủ sự hòa hợp cần thiết để đương đầu với những vấn đề do hoàn cảnh đưa đến và những căng thẳng mà cuộc sống hôn nhân tạo nên. Vì thế, trong trường hợp này thì phương pháp tốt nhất là hãy làm quen với một công tác xã hội và theo đuổi một nghề nghiệp trước khi lập gia đình.

Trong một trường hợp khác, một thiếu nữ có nhiều năng lực được khuyên là nên lập gia đình đồng thời với việc theo đuổi một nghề nghiệp, nhưng chỉ nên kết hôn với một người hoàn toàn thích hợp với cô mà thôi. Người thiếu nữ này những kiếp trước đã từng làm nhiều công việc khác nhau và có năng khiếu đặc biệt về các ngành điêu khắc, làm đồ gốm, dệt vải cũng như năng khiếu về âm nhạc và khiêu vũ .v.v... Với một năng khiếu đa dạng và phong phú như thế, cô có đủ điều kiện cần thiết để trở thành một nhà lãnh đạo. Sau khi đã nêu rõ các điểm nêu trên, ông Cayce cho biết thêm:

- Tôi thấy rằng người này nên lập gia đình đồng thời với việc theo đuổi nghề nghiệp yêu thích, với điều kiện là nghề nghiệp đó phải thích hợp cả với người chồng mà cô chọn lựa. Bởi vì nếu người chồng đó không phải là một người hoàn toàn thích hợp để có thể góp phần

xây dựng vào công việc mà cô theo đuổi thì sẽ có những bất đồng ý kiến và những sự thất vọng chua cay làm tổn thương sâu sắc tâm hồn cô.

Trái lại, dưới đây là một trường hợp lý thú khác của một nữ diễn viên trẻ đẹp và tài năng. Cô này yêu một người và muốn biết xem có thể tiếp tục làm nghề diễn viên sau khi kết hôn hay không?

Trong cuộc soi kiếp, ông Cayce trả lời rất rõ ràng rằng:

- Không thể được! Người này có những đức tính cần thiết để thành công trên sân khấu hoặc trong gia đình; nhưng cô không thể thành công trong cả hai lãnh vực. Vậy cô hãy tự mình chọn lựa!

Xem xét tỉ mỉ những cuộc soi kiếp kể trên, ta thấy rằng những lời khuyên luôn nhằm mục đích dìu dắt đương sự hướng về việc phát triển sự hoàn thiện tâm linh. Nếu một phụ nữ muốn theo đuổi một nghề nghiệp với những lý do ích kỷ như là tiền bạc, quần áo đẹp, địa vị cao sang, quyền lực, danh vọng cá nhân .v.v... thì ông Cayce luôn thấy rõ được tâm địa ấy và sẽ khuyên cô ta nên hướng về việc lập gia đình. Lời khuyên này được đưa ra không phải vì lý do tình cảm hay theo tục lệ truyền thống về tánh cách thiêng liêng của gia đình và vai trò của người phụ nữ. Nó được dựa trên quan

niệm rằng những động cơ thúc đẩy và mục đích hướng đến là những tiêu chuẩn để xét đoán mọi hành động của con người; rằng một hành vi ích kỷ bao giờ cũng bị đánh giá thấp hơn một hành động vị tha, và những trách nhiệm mà người ta phải gánh vác trong sự kết hôn và lập gia đình dễ đưa con người đến hành động vị tha hơn là những thú vui mà người ta tìm kiếm để thụ hưởng riêng trong một vài nghề nghiệp.

Bởi vậy, ông *Cayce* thường khuyên nhiều phụ nữ, dầu rằng có tài năng, nên tạo lập gia đình và tập trung vào việc chăm sóc, nuôi dạy con cái; vì đó là khuôn thước tốt nhất để giúp họ khai mở những đức tánh tâm linh còn thiếu sót, để kiềm chế bớt lòng ích kỷ, dù họ có ý thức được việc đó hay không, trong khi theo đuổi con đường sự nghiệp.

Mặt khác, một vài phụ nữ có tài năng có thể thành thật muốn đem khả năng của mình để phụng sự nhân loại. Đối với một phụ nữ thuộc về loại này thì một tổ ấm, một người chồng, một gia đình có thể là những chướng ngại cho sự phát triển tối đa những khả năng của họ. Bởi vậy, ông *Cayce* thường khuyên họ hãy trì hỗn việc lập gia đình một thời gian hoặc nên phối hợp hôn nhân với sự nghiệp cùng một lúc.

Mục đích cao nhất đối với những người độc thân cũng như có gia đình, đều là sự phát triển hoàn thiện

tâm linh; và dầu là đàn ông hay đàn bà đều có quyền chọn lựa để xây dựng một gia đình thích hợp nhất, có thể giúp họ theo đuổi sự phát triển hoàn thiện tâm linh.

Ông *Cayce* xem quyền tự do chọn lựa và xây dựng cuộc đời của mỗi người không chỉ là một quyền hạn trên địa hạt xã hội mà còn là một quyền tất yếu về mặt tâm linh. Nói theo danh từ triết học thì đó gọi là quyền tự do ý chí (*libre arbitre*), đã từng là một đầu đề tranh luận gay go sôi nổi trải qua nhiều thế kỷ.

Một trong những điểm quan trọng nhất của thuyết luân hồi là nó nhấn mạnh về sự hiện hữu của quyền tự do ý chí. Một điều lầm lạc rất thông thường của những người tin tưởng ở thuyết luân hồi và nhân quả là họ cho rằng số mạng con người đã được định sẵn từ trước. Một sự tin tưởng sai lầm như thế có những hậu quả rất tai hại về mặt tâm lý và đạo đức tâm linh, vì nó làm cho tinh thần con người trở nên yếu đuối, thụ động và làm tê liệt ý chí tiến thủ của con người. Khi một người hiểu về luật nhân quả theo cách đó, họ sẽ có một thái độ buông xuôi, thụ động vì cho rằng mọi việc đều đã được định sẵn và con người không thể thay đổi được gì. Thật ra, những người như thế được gọi là tin theo thuyết tiền định, hoàn toàn không liên quan gì đến thuyết nhân quả.

Thuyết nhân quả chỉ ra rằng mỗi một "*nhân*" mà chúng ta tạo ra bằng hành vi hay tư tưởng đều chắc chắn phải tạo thành "*quả*" trong tương lai khi kết hợp đủ các điều kiện hay các "*duyên*". Như vậy, khi đã tạo nhân thì chắc chắn phải nhận quả, nhưng điều này không có nghĩa là mọi việc đều đã được định sẵn bởi các nhân trong quá khứ. Quá trình tương tác giữa các nhân, quả và duyên là một quá trình liên tục và phức tạp. Một nhân của quá khứ tạo thành một quả trong tương lai, nhưng chính cái nhân đó cũng có thể là một phần quả của một nhân khác từ trong quá khứ lâu xa hơn nữa. Hơn nữa, kết quả của một sự việc này cũng có thể làm duyên cho sự hình thành kết quả của một sự việc khác. Và trong bất cứ thời điểm nào, sự chọn lựa bằng tự do ý chí của mỗi cá nhân đều góp phần quyết định vào sự hình thành các sự việc. Đây là lý do giải thích sự đề cao vai trò quyết định của mỗi cá nhân trong việc hình thành chuỗi nhân quả phức tạp trong cuộc đời. Sự thật là phần nhiều những chi tiết của cuộc đời chúng ta đều hoàn toàn do chính chúng ta định đoạt bằng những tư tưởng và hành vi ngay trong giây phút hiện tại.

Thật ra, tất cả những sự việc xảy ra trong đời chúng ta, từ việc quan trọng như hôn nhân đến việc nhỏ mọn như ăn một cây kem chẳng hạn, đều do chính chúng

ta định đoạt. Những khó khăn trắc trở đè nặng lên vai chúng ta bây giờ đều là kết quả của những lỗi lầm mà chúng ta đã gây ra trong quá khứ do sự định đoạt của chính mình, nhưng ngay trong hiện tại ta vẫn luôn có cơ hội để tích cực sửa chữa sai lầm và nhận được những kết quả tốt đẹp hơn. Những quả báo xấu dường như đến với chúng ta một cách tình cờ, bởi vì ta đã quên đi những hành động của ta trong quá khứ nên không thể thấy được sự liên quan giữa những hành động đã qua với cuộc đời chúng ta trong hiện tại. Tuy nhiên, việc quả báo xấu ấy xảy ra như thế nào, với mức độ nào thì phần lớn lại được quyết định do chính những hành vi và tư tưởng ngay trong hiện tại của chúng ta.

Như thế, nếu chúng ta hiểu đúng về luật nhân quả thì sự mâu thuẫn giữa hai vấn đề tự do ý chí và định mệnh xem như đã được giải quyết. Cái gọi là "định mệnh" thật ra chính là sự chi phối, là kết quả những hành vi trong quá khứ của chính chúng ta, và ta không có sự lựa chọn nào khác hơn là đón nhận nó. Cũng như một người đã làm xong mọi thủ tục mua hàng và bây giờ hàng hóa đang trên đường được chuyển đến. Anh ta không có lựa chọn nào khác hơn là nhận lấy số hàng hóa mà chính mình đã đặt mua. Mặc dù vậy, vì mỗi cá nhân đều có quyền tự do ý chí nên ta hoàn toàn có thể chọn lựa cách thức đón nhận những quả báo xảy

đến cho ta; và quả báo ấy xảy ra như thế nào cũng có một phần do những hành vi và tư tưởng trong hiện tại của chúng ta quyết định. Tương tự như người đặt mua hàng kia tuy không thể từ chối việc nhận hàng, nhưng có thể chọn lựa cách thức giao nhận hàng hoặc sử dụng số hàng đó như thế nào.

Nói một cách khác, chúng ta được hoàn toàn tự do trong sự quyết định mọi hành vi, tư tưởng của mình, và mỗi hành vi, tư tưởng của ta đều góp phần quyết định sự việc sẽ xảy ra.

Như thế, tuy luật nhân quả quyết định những sự kiện xảy ra trong đời người, nhưng trong từng giây phút hiện tại chúng ta vẫn luôn được hoàn toàn tự do chọn lựa hành vi tư tưởng của mình để góp phần làm thay đổi mỗi sự kiện theo hướng tốt hơn hoặc xấu hơn.

Vấn đề tự do ý chí này luôn gợi sự chú ý của những người khảo cứu các tập hồ sơ soi kiếp của ông *Cayce* về vấn đề hôn nhân và nhất là những trường hợp có thắc mắc về người bạn trăm năm sau này. Các cuộc soi kiếp luôn cho biết rằng mọi cuộc hôn nhân đều do những sợi dây duyên nghiệp tạo nên, có nghĩa là những người đến với nhau trong hôn nhân đều là những người quen nhau từ kiếp trước và ngày nay gặp lại nhau để cùng thanh toán những mối duyên nghiệp nợ nần giữa hai người.

Tuy nhiên, trong vấn đề hôn nhân cũng như trong tất cả mọi vấn đề khác, mỗi người luôn vẫn có quyền tự do ý chí và tự do chọn lựa. Dầu cho giữa hai người có một sợi dây duyên nghiệp tạo ra một sự hấp dẫn mãnh liệt, thì sự kết hợp của họ trong hiện tại vẫn không phải là điều không thể thay đổi. Điều đó tùy thuộc vào sự chọn lựa và quyết định của cả hai người. Hơn nữa, không phải bao giờ điều đó cũng là cần thiết hoặc đáng khuyến khích.

Dưới đây là hai cuộc vấn đáp ngắn liên quan đến nhận xét vừa nêu trên:

Hỏi: Tôi có nên kết hôn với chàng trai đang tỏ tình với tôi lúc này chăng?

Đáp: Hai người vốn có duyên nghiệp với nhau từ trước. Nhưng tốt hơn cô không nên kết hôn với anh ta.

Hỏi: Cuộc hôn nhân của tôi với F. S. có thể giúp cho sự phát triển chung của chúng tôi chăng?

Đáp: Có thể được, nhưng tôi thấy có nhiều người khác mà cô có thể kết hợp để cùng nhau phát triển một cách hài hòa và tốt đẹp hơn nữa. Đó là những người mà kiếp trước cô đã có tạo nghiệp duyên vào thời kỳ văn minh cổ Ai Cập. Dầu sao, sự chọn lựa là ở nơi cô. Thật ra, cô có một món nợ nghiệp duyên với F.S. cần

phải trả dứt, nhưng việc kết hôn với anh ta là giải pháp kém nhất!

Khi ông *Cayce* ngăn cản một cuộc hôn nhân, dù là xét thấy giữa hai người có duyên nghiệp với nhau, ta có thể hiểu điều đó bằng nhiều cách. Trước hết, có thể rằng ông nhận thấy giữa những người ấy có những vấn đề khác còn quan trọng hơn sự liên hệ giữa vợ chồng. Hoặc cũng có thể ông thấy rằng một trong hai người, hoặc cả hai, chưa chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc sống hôn nhân.

Những cuộc soi kiếp thường không nói rõ lý do vì sao trong mỗi trường hợp đương sự nên hay không nên đi đến hôn nhân. Dẫu cho trong những trường hợp mà hôn nhân được coi như một giải pháp tốt đẹp, ông *Cayce* cũng để cho đương sự tự quyết định lấy. Ông ít khi nào đưa ra một quyết định thay cho người trong cuộc. Thái độ căn bản đó thể hiện rõ ràng trong trường hợp dưới đây của một cặp uyên ương đến hỏi ý kiến ông về việc họ có nên kết hôn với nhau hay chăng?

Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* cho biết rằng họ đã trải qua hai lần kinh nghiệm kết hôn với nhau, một lần ở Ba Tư và một lần nữa ở Ai Cập. Đó là lý do của sự hấp dẫn mãnh liệt hiện nay thu hút hai người lại đến với nhau.

Về cuộc hôn nhân của họ, ông *Cayce* không nói một cách dứt khoát mà chỉ cho biết rằng:

- Nếu giữa hai người có một sự hòa hợp về lý tưởng và mục đích thì hôn nhân có thể là một kinh nghiệm tốt đẹp.

Người thiếu nữ liền hỏi ông câu này:

- Mỗi người trong chúng tôi có thể kết hôn với một người nào khác mà có được hạnh phúc hơn là trường hợp chúng tôi kết hôn với nhau hay chăng?

Ông *Cayce* đáp:

- Nếu cô hỏi như thế, tôi có thể trả lời bằng cách đưa ra cho cô danh sách của hai mươi lăm hay ba mươi người khác. Còn đi đến hôn nhân hay không, thì đó là vấn đề mà cô hãy tự quyết định lấy!

Trong vài trường hợp, lời khuyên được đưa ra một cách dứt khoát như sau:

Hỏi: Tôi có nên lập gia đình với người đàn ông đã đính hôn với tôi chăng?

Đáp: Không nên!

Tuy nhiên, trong phần nhiều trường hợp, cuộc soi kiếp vẫn để cho đương sự được hoàn toàn tự do chọn lựa. Nhưng đồng thời, ông *Cayce* cũng đưa ra những tiêu chuẩn để dẫn dắt đương sự trong sự chọn lựa đó. Một người đàn ông hỏi:

- Cô M. L. có thể là người vợ hiền và thích hợp với tôi chăng?

Ông *Cayce* đáp:

- Điều đó phải tự ông quyết định chứ không phải tôi! Ngoài sự thích hợp với nhau về phần trí não tri thức và thể chất, còn phải xem giữa hai người có sự hòa hợp về khía cạnh tâm linh hay không? Hai người có cùng chung một lý tưởng, một mục đích hay không? Nếu không thì phải cẩn thận đấy!

Trong thí dụ sau đây, một người đàn bà hỏi rằng, trong bốn người đàn ông muốn thành hôn với cô, cô nên chọn lựa người nào? Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* cho biết:

- Điều đó tùy nơi lý tưởng mà cô đang theo đuổi. Mỗi người trong số bốn người đó đều đã có liên hệ với cô trong quá khứ, có người thì giúp đỡ nhưng có người lại làm chướng ngại cho cô. Nếu tôi khuyên cô nên tránh người nọ hoặc nên chọn người kia thì sẽ đặt cô vào một vị trí sai lầm, và cũng đặt cả những người kia vào vị trí sai lầm. Chính cô phải tự chọn lựa, và tiêu chuẩn chọn lựa phải là hướng về một cuộc đời phụng sự. Cô hãy nhớ rằng, tất cả mọi người đều có quyền tự do chọn lựa.

Căn cứ vào những tài liệu kể trên, người ta có thể suy diễn ra nguyên tắc chọn lựa người bạn trăm năm của mình. Người ta có thể nói rằng phần nhiều những

cuộc hôn nhân đều căn cứ trên sắc đẹp và sự hấp dẫn của thể xác. Theo quan điểm đưa ra trong những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* thì sự hấp dẫn của thể xác phải đi đôi với sự hấp dẫn về phần tri thức và sự hòa hợp tinh thần. Một cuộc hôn nhân có hạnh phúc phải căn cứ trên nền tảng bao gồm đủ ba khía cạnh đó, cũng như ba cái chân vạc vững chắc. Nếu một trong ba khía cạnh đó bị thiếu sót thì cuộc hôn nhân ấy sẽ có nguy cơ không đứng vững!

Lý tưởng của một người phải tương xứng, hoặc ít nhất cũng là thuận chiều với lý tưởng của người bạn trăm năm, trên mỗi phần của ba phương diện nói trên; nếu không thì nguy cơ tan vỡ và thất bại chua cay là khó tránh khỏi.

Việc kết hôn một cách vội vàng cẩu thả, không suy nghĩ chín chắn về những điều quan trọng kể trên tức là tự chuốc lấy tai họa và mọi sự khó khăn trắc trở. Khi chúng ta cảm thấy một sự hấp dẫn mãnh liệt đối với một người khác phái, chúng ta hãy cẩn thận đề phòng. Cẩn thận tức là phải nhìn thấy xa để khỏi lầm tưởng rằng một sự hấp dẫn của thể chất và dục tình sẽ trở nên một cuộc hôn nhân hạnh phúc, và không vô tình châm lửa vào cái ngòi thuốc súng của một tình trạng quả báo sắp nổ bùng!

CHƯƠNG 14

NHỮNG THIẾU PHỤ CÔ ĐƠN

Khi người ta xét vấn đề hôn nhân theo quan điểm luân hồi và nhân quả, nghiệp duyên từ những kiếp quá khứ xa xôi, người ta không khỏi tự hỏi rằng tại sao lại có những người sống cô đơn không lập gia đình? Có nhiều phụ nữ, mặc dầu có một dung nhan khá đẹp và tính nết bình thường, nhưng cơ hội kết hôn dường như không bao giờ đến với họ!

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* đã giải thích vấn đề này như thế nào? Có một câu tục ngữ Pháp nói về vấn đề hôn nhân như sau:

"Hôn nhân ví như một thành trì bị bao vây, những người ở ngoài thì cố sức vào, còn những người ở trong thì muốn chạy ra!"

Câu này dường như đã nói lên một sự thật quá phũ phàng. Hôn nhân đã làm cho nhiều người đau khổ đến nỗi người ta phải ngạc nhiên mà thấy rằng vẫn còn

rất nhiều kẻ khác muốn lọt vào vòng, không màng đến những đe dọa của nó đối với sự yên tĩnh của tâm hồn, và chỉ nhìn thấy những điều vui sướng mà nó hứa hẹn!

Mặc dầu người ta đã biết rằng hôn nhân có những sự khó khăn đau khổ như thế, nhưng những người độc thân nói chung thường cảm thấy rằng họ thiếu mất một cái gì quí báu, và cảm thấy đời sống khô khan, vô vị vì họ đã bỏ lỡ một cuộc đời!

Điều tất nhiên là trong tình trạng đó, yếu tố dục tình đóng một vai trò quan trọng. Sống độc thân, ít nhất là ở những xứ gọi là "*văn minh*", có nghĩa là hoàn toàn tiết dục, hay ít nhất cũng là hạn chế hoạt động tình dục, dù đó là phụ nữ hay đàn ông.

Ở xã hội Tây phương ngày nay, việc sống độc thân, nhất là đối với phụ nữ, được xem là một sự "bất hạnh". Những trường hợp kể ra dưới đây đều là những trường hợp của phụ nữ, vì trong các tập hồ sơ *Cayce*, phụ nữ tỏ ra băn khoăn thắc mắc về vấn đề này nhiều hơn đàn ông, và những trường hợp đau khổ của họ cũng bộc lộ rõ rệt hơn. Cô đơn! Có một cái gì tẻ lạnh ở trong danh từ này, một cái gì buồn thảm không thể nói ra cho xiết. Cũng vậy, khi một phụ nữ thốt ra câu "Tôi sống độc thân" thì có lẽ đó là câu nói buồn thảm nhất về hoàn cảnh hiện thời của cô ta.

Nếu không có một sự soi sáng tâm linh để giải đáp cho vấn đề này thì sự độc thân có lẽ là một trong những vấn đề khó khăn, tẻ lạnh nhất của đời người. Dưới đây là trường hợp của một người phụ nữ luôn cảm thấy khổ sở vì phải sống một cuộc đời quạnh hiu, đơn chiếc.

Cô là một người Na Uy rất đẹp và duyên dáng, làm thư ký ở New York. Cô đã trải qua hai đời chồng. Người chồng trước qua đời sau khi thành hôn một thời gian rất ngắn. Sau đó cô tái giá với một người khác lớn tuổi hơn cô nhiều, nhưng cuộc hôn nhân này lại không có hạnh phúc, và cuộc ly dị đã đến rất mau. Cô không có con, tất cả những người thân trong gia đình đều đã qua đời và cô chỉ còn trơ trọi có một mình. Công việc của một thư ký giúp cô có cơ hội tiếp xúc với nhiều người, nhưng đó chỉ là những giao tiếp bề ngoài. Cô ước mong tái giá lần nữa, nhưng dịp may mãi không thấy đến và cho đến nay cô vẫn sống cô đơn.

Khi yêu cầu ông *Cayce* soi kiếp, những câu hỏi của cô biểu lộ một tâm sự buồn thảm và đau thương:

- Tại sao tôi lại bị cô đơn tẻ lạnh như thế này? Có một lý do đặc biệt nào khiến tôi không thể tìm thấy một bạn tri kỷ trong hôn nhân? Tại sao tôi lại thất bại như thế này?

Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* cho biết rằng tình trạng cô độc này có một nguyên nhân rất sâu xa. Hai kiếp về trước ở Na Uy, cô đã làm một việc lầm lạc tai hại gây nên tình trạng bi đát hiện nay. Đó là cô đã tự tử trong một cơn thất chí! Trong kiếp đó, cô là mẹ của hai đứa con nhỏ và chồng cô vì một lý do nào đó đã bị trục xuất khỏi làng. Sau khi sinh đứa con thứ hai, cô quá thất vọng và nhảy xuống vực sâu tự tử. Ông *Cayce* nói:

- Bởi đó mà trong kiếp này cô phải chịu những lúc quạnh hiu, sầu thảm, hầu như không thể chịu nổi!

Quả báo trong trường hợp này thật là rõ rệt. Trong một lúc thất vọng, người đàn bà này đã tự tử, làm cho chồng con bị thiếu mất đi cái tình trìu mến săn sóc mà họ cần nơi người vợ và người mẹ. Cô đã không đếm xỉa đến bổn phận gia đình và trách nhiệm đối với chồng con, và bởi đó cô tạo nên cái hoàn cảnh bơ vơ lạc loài trong kiếp này.

Chỉ khi nào người ta bị thiếu thốn tình thương thì người ta mới biết quí trọng cái giá trị của nó. Đó là một trường hợp đáng cho ta suy gẫm.

Điều này cho thấy là mỗi người chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi của mình, kể cả việc tự mình chấm dứt sự sống của mình, vì điều đó gây ra

những ảnh hưởng tiêu cực cho người khác. Mọi cử chỉ lãnh đạm, thản nhiên, thờ ơ hay khinh bạc, mọi sự lạm dụng và những hành vi trái đạo trong đời sống hằng ngày đều phải nhận chịu những quả báo tương ứng.

Trường hợp cô đơn dưới đây cũng gần giống như trường hợp trên, tuy rằng với những chi tiết khác hẳn. Đó là một phụ nữ người Anh dạy học ở một trường mẫu giáo và rất mong muốn lập gia đình. Cha mẹ đã qua đời từ khi cô còn nhỏ; cô được các bà dì nuôi nấng trong một bầu không khí lãnh đạm, khô khan và nghiêm khắc, kết quả là biến cô thành một con người không thể hòa hợp với những người đồng lứa tuổi. Suốt đời cô luôn cảm thấy cô độc đơn chiếc, cách biệt với mọi người, và những khuynh hướng của một tâm hồn khép chặt đã biểu lộ nơi cô.

Cô đã trải qua một cuộc tình duyên, nhưng đó chỉ là một sự hấp dẫn về thể chất, và mối tình này đã chấm dứt khi sự khác biệt về tâm tính với người yêu của cô ngày càng bộc lộ rõ rệt. Từ đó trở đi, cô cảm thấy cuộc đời dường như trống rỗng và vô vị. Cô làm việc sốt sắng và thành công về phương diện nghề nghiệp; thông minh lanh lợi và biết giúp đỡ người khác. Tuy nhiên, thỉnh thoảng có những lúc cô đắm chìm trong một cơn thất vọng sầu thảm kéo dài nhiều tuần lễ và khó nguôi.

Trong những cơn khủng hoảng đó, cô thường nghĩ đến sự tự vẫn. Người ta không thể tưởng tượng rằng một người đàn bà vừa có nhan sắc vừa khôn ngoan lại có thể bị những cơn thất chí buồn bực sâu xa đến như thế!

Cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cho biết rằng trong bốn kiếp về trước cô sống ở Ba Tư và đã tự tử khi những bộ lạc Ả Rập tấn công xứ này. Trong kiếp đó, cô là con gái của người tù trưởng trong xứ, và bị bắt làm tù binh của vị quốc vương Ả Rập, cùng lúc với nhiều người khác. Sau đó, cô bị đem gả làm hầu thiếp cho một viên phó tướng Ả Rập, sinh hạ một đứa con gái, và sau đó ít lâu vì thất chí nên tự vẫn. Đứa con gái nhỏ sống vất vưởng không người săn sóc giữa bọn tướng giặc, cho đến ngày kia có một vị giáo sĩ đi hành hương thấy vậy động lòng trắc ẩn và đem em bé ấy về nuôi cho đến khi trưởng thành.

Cuộc soi kiếp cho biết rằng người mẹ đã tự tử chỉ vì không thể chịu khuất phục theo ý muốn của người khác; và chỉ vì muốn thỏa mãn lòng tự kiêu của mình chứ không phải vì lý do tự vệ để bảo tồn trinh tiết, hay giữ gìn lý tưởng.

Cuộc soi kiếp không cho biết thêm chi tiết nào khác, nhưng người ta có thể hiểu rằng người đàn bà này có tâm địa kiêu căng, ngã mạn, tự tôn, và thà rằng cô tự

hủy mình chớ không chịu bị đè nén, khuất phục, mặc dầu cô còn có một trách nhiệm với đứa con gái nhỏ mới sinh ra. Xét về tâm tính của cô trong kiếp này, nó biểu lộ dưới những cử chỉ tự do và hiên ngang như đàn ông, người ta sẽ hiểu rằng có lẽ thói tự kiêu của cô trong kiếp sống ở Ba Tư, chính là điều chướng ngại ngăn cách cô với phái nam trong kiếp sống hiện tại. Chính sự thiếu mềm dẻo, tế nhị, sự cứng cỏi ương ngạnh của cô làm cho những người đàn ông đều tránh xa và không muốn làm thân với cô.

Điều lạ lùng là trong kiếp này, cô luôn mong muốn có con. Nếu các bà dì của cô không ngăn cản thì có lẽ cô đã nuôi một đứa con nuôi từ lâu. Có một điều cô mang theo từ kiếp trước là cô thường nghĩ đến sự tự vẫn.

Từ khi có cuộc soi kiếp đưa đến những giải thích về tình trạng của cô, cô không còn nghĩ đến sự tự vẫn như một lối thoát nữa, vì hiểu rằng những gì mà cô muốn trốn tránh trong hiện tại sẽ trở lại với cô trong tương lai.

Tuy thế, trong một cuộc soi kiếp nữa, cô được cho biết rằng cô còn có thể hy vọng một cuộc hôn nhân trong kiếp này, nhưng vào lúc đã quá tuổi xuân; và trong khi chờ đợi, cô nên giúp đỡ bằng mọi cách những người mà cô tiếp xúc trong đời sống hằng ngày.

Khi được hỏi rằng còn bao lâu nữa cô mới có hạnh phúc đó thì ông *Cayce* trả lời rằng:

- Khi nào cô tỏ ra xứng đáng thì điều đó sẽ đến.

Khi cô hỏi:

- Tại sao trong khoảng năm năm qua tôi không gặp được một người đàn ông nào cả?

Thì câu trả lời là:

- Đó là sự thử thách tâm tính và mục đích sống của cô trong kiếp sống hiện tại.

Trên đây là hai trường hợp mà sự tự tử và bỏ con cái bơ vơ trong kiếp trước đã gây nên quả báo cô đơn tẻ lạnh và thất vọng trong sự mong ước thành lập gia đình trong kiếp này. Trong những tập hồ sơ *Cayce*, còn có một trường hợp thứ ba. Đó là của một nữ giáo sư âm nhạc ở tiểu bang *Texas*, Hoa Kỳ. Bà này cũng ở trong một tình trạng tương tự với những lý do giống nhau là đã tự tử trong kiếp trước dưới thời kỳ quân chủ ở nước Pháp.

Tuy nhiên, người ta không thể căn cứ vào ba trường hợp để đi đến một kết luận chung về quả báo của những người bị sống trong cảnh cô đơn, độc chiếc, mà sự tự tử có lẽ là nguyên nhân gây ra trong kiếp trước. Ông *Manly Hall*, tác giả quyển "*Luân hồi: sự tuần hoàn cần thiết của đời người*", nói rằng quả báo của sự tự vẫn là

trong kiếp sau, đương sự sẽ bị chết vào lúc mà người ấy ham muốn sống và yêu đời nhất.

Trong các hồ sơ *Cayce*, không thấy có trường hợp nào xác nhận điều đó, dù rằng nghe ra thì có vẻ như rất hợp lý.

Tuy nhiên, sự cô đơn và không chồng trong kiếp hiện tại có thể có nhiều nguyên nhân khác. Thí dụ như trường hợp dưới đây cho ta thấy một lý do khác hẳn. Xét về trường hợp này, người ta nghĩ đến câu nói của ông *Oscar Wilde*:

- Trong đời chỉ có hai điều khổ, điều thứ nhất là muốn mà không được; và điều thứ hai là được như ý muốn!

Câu nói mâu thuẫn lạ kỳ này căn cứ trên sự kiện rằng con người vì bởi vô minh nên thường xét đoán sai lầm giá trị của cuộc đời. Trong kho tàng cổ tích có chuyện một bà tiên cho người kia được đưa ra ba điều ước nguyện và sẽ được như ý muốn. Câu chuyện ấy chỉ cho chúng ta thấy rằng con người thường có những ước vọng dại dột điên rồ, và phải gánh chịu lấy hậu quả tai hại của sự dại dột ấy. Câu chuyện có một ý nghĩa tượng trưng rất sâu sắc về hai sự kiện này: Một là phần đông người đời không biết rõ họ muốn gì; và hai là sự đau khổ của con người là phần nhiều do những sự ước vọng sai lầm vì sự thiển cận và thiếu óc sáng suốt.

Trường hợp sau đây đã xảy ra từ thời kỳ ở châu *Atlantide* và đương sự hãy còn chịu quả báo ở kiếp này. Đó là một người đàn bà độ bốn mươi tuổi, có một thân hình nặng nề và thô kệch, nhưng điều này phần lớn là do bởi sự thiếu thể dục và sinh hoạt cẩu thả. Bà không bao giờ dùng đồ trang sức; quần áo cũng rất xuề xòa, không chạy theo thời trang. Bà chọn y phục theo tiêu chuẩn tiết kiệm hơn là để chưng diện và làm đẹp. Bà có nét mặt đều đặn và nếu được săn sóc ở mỹ viện thì cũng có thể trở thành một phụ nữ rất đẹp. Ngoài ra bà cũng có những cử chỉ duyên dáng, mặn mà, dễ thương. Trình độ văn hóa chỉ đến mức Tiểu học; bà làm việc trong các nhà máy và làm việc thủ công để nuôi thân.

Trong một cuộc trắc nghiệm tâm lý, bà có điểm cao nhất về mặt giao tế xã hội và tôn giáo, vì những thích thú lớn nhất của đời bà là đọc các sách Thánh Kinh tôn giáo và làm việc cứu tế xã hội dưới một hình thức nào đó. Tuy vậy, bà vẫn sống một cuộc đời cô độc, đơn chiếc. Những người trong gia đình không ai cùng chia sẻ những quan niệm của bà về tôn giáo. Trong đời bà, bà không hề biết có gì gọi là hương vị ái tình hay tình yêu lãng mạn.

Nói về quan điểm tâm lý, người đàn bà này thuộc về một trường hợp rõ rệt của sự "phản ứng nam tính" (*protestation masculine*), nghĩa là từ chối hay phủ nhận

vai trò nữ tính của mình. Sự phản ứng này biểu lộ rõ rệt trong cái thái độ hiếu chiến và chống đối những gì thuộc về nữ tính của bà; thí dụ như việc không chịu trang điểm hay làm đẹp để hấp dẫn đàn ông. Khoa tâm lý học có thể đưa ra một giải thích về thái độ đó, nhưng sự giải thích này vẫn còn rất thiếu sót.

Cuộc soi kiếp bằng thần nhãn của ông *Cayce* đã đưa ra sự giải đáp cho vấn đề này. Trong một kiếp sống trước, bà là thân nhân của Thánh *Jean Baptiste*, và nhờ đó bà sinh trưởng trong một bầu không khí đạo đức thâm nghiêm. Điều đó cũng là cái nguyên nhân làm cho bà có khuynh hướng tín ngưỡng tôn giáo trong kiếp này. Trong tiền kiếp trước đó, bà sinh làm một người đàn ông ở xứ *Palestine* thời cổ, tại đây người này làm nghề thợ mộc và thợ đồng; điều này dường như đã để lại cho bà những quan niệm thực tế và những khả năng về máy móc trong kiếp hiện tại. Trong kiếp trước đó nữa, bà là một phụ nữ có địa vị cao ở châu *Atlantide*. Tại đây, một mối tình dang dở trong đời đã đem đến cho bà một sự xáo trộn tinh thần và nhiều đau khổ. Kết quả là bà "quyết định từ nay về sau sẽ không bao giờ yêu một người nào có thể làm cho bà bị thất vọng và gây cho bà những vết thương lòng". Và đó là cái nguyên nhân làm cho bà quyết định sống tự do ngoài vòng trói buộc và đau khổ của tình trường.

Bởi đó, tình trạng độc thân và đơn chiếc của người phụ nữ này không phải là do quả báo gây ra. Trong trường hợp này không có sự liên hệ về nhân quả như trong những trường hợp tự tử đã kể trên, mà chỉ có sự ảnh hưởng của một dòng tâm thức liên tục, do sức mạnh ý chí của chính bà trong quá khứ. Ngày xưa, bà đã quyết định một thái độ là sẽ không bao giờ yêu ai, nhất là không để cho tình cảm lôi cuốn bà đến gần đàn ông. Bà có quyết định này, không phải do một điều ước nguyện tâm linh hay do lòng bác ái; mà là do ý muốn của bản ngã, quyết không bao giờ để cho bị ảnh hưởng bởi tình yêu dành cho kẻ khác. Trong nhiều giai đoạn của các kiếp sống theo sau đó, bà không bao giờ tìm thấy có lý do nào để thay đổi thái độ đó. Và ngày nay, bà phải chịu những hậu quả tương ứng của cái quyết định đó, cho đến khi nào bà có thể thay đổi ý định và có thái độ xử thế khác hơn về vấn đề này.

Cuộc soi kiếp không cho biết rõ rằng bà có hy vọng thành hôn hay không trong kiếp này. Nhưng ít nhất, bà đã cố gắng để có thể đem sự săn sóc và tình thương cho kẻ khác. Vì thiếu tình yêu, bà mới nhận thấy cái giá trị của nó. Trong sự cô đơn, bà đã thấy sự chai lòng, sắt đá của mình xưa kia là một điều sai lầm cần phải sửa đổi.

Nhà tâm lý học *Carl Jung* nói rằng mỗi người đều có đủ hai phần nam tính và nữ tính trong bản chất của mình, nhưng cái nọ có phần trội hơn cái kia, tùy theo trường hợp riêng của mỗi người. Tâm thức con người hàm chứa những khả năng tiềm tàng chưa khai mở thuộc về đối tượng khác phái. Sự kiện tâm lý này ông *Carl Jung* đã khám phá sau nhiều năm khảo cứu tìm tòi, và tỏ ra hoàn toàn phù hợp với quan niệm trong những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* về nguyên nhân và sự tiến hóa tâm lý của con người.

Nam và nữ đều có những đặc tính riêng; đại khái như uy lực, cương cường, tranh đấu, hung bạo, thuộc về nam tính; sự hiền từ, dịu dàng, mềm mỏng, thụ động, thuộc về nữ tính. Người thuần nam tính là một người rất thiếu sót và bất toàn. Bởi đó, anh ta cần được bổ khuyết bằng những đức tính thuộc về phái nữ. Trong hôn nhân, hai cá tính nam và nữ đều hỗ trợ cho nhau đến một mức độ nào đó, do sự kết hợp của những đức tính tương phản nhau.

Trong một cặp vợ chồng, mỗi người đều có sự dung hòa, bổ khuyết, sửa đổi cho người kia. Nhưng sự sửa đổi này vẫn còn bất toàn. Trong một kiếp sống ở thế gian, một người trội hơn về phần nam tính không đủ dung hòa bằng những đặc điểm nữ tính của người vợ anh ta, và ngược lại. Nhưng nhiều kiếp sống liên tục sẽ làm

cho đàn ông và đàn bà có những kinh nghiệm dung hòa lẫn nhau. Một lần nữa, thuyết luân hồi đưa đến cho ta một giải đáp về các vấn đề khó khăn là chính do nhiều kiếp luân hồi mà con người mới có thể phát triển tâm linh một cách hoàn toàn.

Bất luận rằng những nguyên nhân của sự cô đơn hiu quạnh là như thế nào, dầu cho đó là sự tự vẫn, sự quyết định không yêu ai, hay một lý do nào khác, người ta cũng phải nhìn nhận rằng tình trạng độc thân và cảm giác cô độc có thể xem là một cơ hội để tu dưỡng về phần nội tâm. Vì muốn có bạn, ta phải tỏ ra sự thiện chí và tình thân hữu; vì muốn được yêu thương, ta phải biết dành tình thương cho người khác. Bằng cách trau dồi tình thương và lòng bác ái để đáp ứng được nguyện vọng của mình, những kẻ cô đơn hiu quạnh có ngày cũng sẽ thoát được ra khỏi tình trạng buồn chán trong hiện tại và đạt được hạnh phúc của tình yêu.

CHƯƠNG 15

THẮC MẮC VỀ VẤN ĐỀ HÔN NHÂN

Khi hai người đã quyết định làm bạn trăm năm với nhau, họ tạo nên một sự phối hợp và cùng chịu những tác động chung về mặt tâm lý. Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* về vấn đề hôn nhân đưa đến cho ta một số ý niệm tổng quát về việc chọn lựa bạn trăm năm, cùng những sự liên hệ của hôn nhân trong quá khứ và tương lai.

Chúng ta có thể nói rằng trong vấn đề hôn nhân, cũng như mọi vấn đề khác, mỗi người đều có quyền tự do ý chí trong việc chọn lựa bạn trăm năm. Sự chọn lựa này chẳng khác nào như một người chọn tuyến xe buýt. Mặc dù người ấy có toàn quyền quyết định trong việc chọn lên tuyến xe nào, nhưng một khi đã chọn và bước lên xe, người ấy phải đi theo một lộ trình nhất

định, một chiều hướng đã định sẵn, khác hẳn với lộ trình và chiều hướng của những tuyến xe khác. Ngoài ra, những hoàn cảnh và tiện nghi trên xe có thể không hoàn toàn đúng với sở thích của người ấy. Người tài xế có thể là một người cộc cằn thô lỗ, không khí trong xe có thể quá nóng nực, những cánh cửa sổ rất khó mở, hoặc người ngồi bên cạnh nói chuyện quá nhiều! Nói chung, có những sự việc bất ngờ có thể xảy ra trên chiếc xe này mà không xảy ra trên một chiếc xe khác. Nhưng thái độ và cách cư xử của chúng ta trong chuyến đi đều tùy nơi chính bản thân ta, và dầu cho hoàn cảnh chung quanh có diễn ra như thế nào, rốt cuộc chúng ta vẫn phải chịu trách nhiệm về thái độ và cách xử thế của mình.

Có nhiều trường hợp hôn nhân mà những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cho biết rằng do nghiệp quả gây nên. Trong trường hợp lạ lùng sau đây, thật không có một bi kịch nào đau thương hơn nữa, và những ảnh hưởng của luật nhân quả thật rất công bằng và vô cùng mầu nhiệm.

Đó là trường hợp của một thiếu phụ rất đẹp, thành hôn vào năm hai mươi ba tuổi. Nàng có đôi mắt xanh đẹp, một mái tóc vàng dợn sóng xõa xuống tận vai, một vóc người tầm thước, và một dung nhan mỹ lệ như một nữ diễn viên điện ảnh. Dầu cho vào năm bốn mươi tuổi

là lúc nàng được ông *Cayce* soi kiếp, nàng vẫn còn có một vẻ đẹp tuyệt trần làm cho mọi người phải quay đầu nhìn và trầm trồ khen ngợi mỗi khi nàng bước vào chỗ đông người. Những bạn trai giàu có sang trọng có lẽ phải lấy làm ngạc nhiên nếu họ biết được cuộc đời tư của nàng. Trong mười tám năm kết tình chồng vợ với một nhà kinh doanh thương mãi rất có thanh thế và tiếng tăm, nàng đã trải qua một kinh nghiệm rất khó khăn và thất vọng về phương diện tình ái. Chồng nàng bị chứng bệnh bất lực. Người ta thấy ở đời cũng có những người đàn bà không hề cảm thấy dục tình và không bao giờ ham muốn những sự luyến ái trong khuê phòng; và đối với những người ấy thì tình trạng bất lực của người chồng không phải là một điều chướng ngại quan trọng lắm. Nhưng đối với người thiếu phụ kể trên, đẹp đẽ, duyên dáng, lãng mạn đa tình và tràn đầy nhựa sống, thì đó là một thảm trạng thật sự!

Thảm trạng này có thể giải quyết bằng một cuộc ly dị và sẽ chấm dứt dễ dàng, nhưng người thiếu phụ này lại không thể dùng cái biện pháp dứt khoát đó. Nàng vẫn yêu chồng và không muốn làm cho chồng đau khổ. Trong những năm đầu tiên, có một thời kỳ nàng đâm ra dan díu với những người đàn ông khác, không phải vì muốn phản bội chồng, nhưng chỉ là để thỏa mãn nhu cầu về sinh lý và tình cảm. Nhưng lần lần, nàng chế

ngự được dục tình, một phần lớn là nhờ sự học hỏi đạo lý và tập tham thiền quán tưởng. Và cuộc đời nàng cứ trôi qua một cách bình thản như thế từ mười tám năm nay, trước khi cơn khủng hoảng xảy đến. Một trong những người yêu cũ của nàng trước kia lại xuất hiện trên bước đường đời của nàng.

Trong bức thơ gởi cho ông *Cayce*, nàng kể chuyện như sau:

> *"Khi chúng tôi gặp lại nhau, ngọn lửa tình lại nhen nhúm mãnh liệt trong lòng anh ấy, và tôi cũng đáp lại mối tình đó. Nhưng sức khỏe của tôi lại giảm sút trở lại như hồi trước khi tôi bắt đầu học hỏi đạo lý. Có lẽ tôi sẽ không ngần ngại mà tư tình với anh ta nếu như anh ta không có gia đình. Tôi không muốn bỏ chồng vì những lý do mà ông có thể hiểu, và cũng vì chồng tôi đã tiến bộ rất nhiều về sự cải hóa tánh tình... Có thể rằng những cảm tình của tôi đối với người đàn ông kia không phải là ái tình, mà là do tình trạng đặc biệt của gia đình tôi gây nên. Dầu sao anh ta cũng là một người có tính nết khá tốt. Anh ta yêu tôi từ thuở nhỏ, nhưng tôi không hay biết gì cả và chỉ nghe mẹ tôi nói lại. Anh*

ta không tỏ tình với tôi vì tự thấy còn chưa đủ sức lập gia đình. Nhưng về sau thì đã quá trễ, vì tôi đã đính hôn với chồng tôi. Tất cả những hoàn cảnh cho tôi thấy sự hành động của luật nhân quả, dường như có thể truy nguyên từ ba kiếp về trước của chúng tôi. Thỉnh thoảng, tôi đã cùng chung chăn gối với anh ta, một lẽ là vì anh ta quá yêu đương và có thể thất vọng đến hủy mình. Sau nữa, tôi hy vọng rằng làm như vậy giúp anh ta được thỏa mãn dục tình và thoát khỏi sự cuồng vọng của yêu đương... Nhưng sau cùng tôi đã đoạn tuyệt với anh ta vì tôi không muốn đóng trò giả dối với vợ anh ta và gây sự rối rắm trong gia đình họ. Tôi quen biết và cũng có cảm tình với vợ anh ta. Xã hội sẽ lên án những mối tình vụng trộm như thế. Tôi thì không muốn làm khổ một người nào. Anh ta cũng không có ác cảm với vợ, mặc dầu vợ anh ta thường giày vò đay nghiến anh ta suốt nhiều tuần không dứt. Người vợ ấy có thể sẽ làm to chuyện nếu biết được câu chuyện ngoại tình này. Chồng tôi có biết việc tôi thỉnh cầu sự giúp đỡ của ông, nhưng ông ấy không hay biết chi cả về chuyện này."

Đó là bức thư của người thiếu phụ để giải bày tâm sự thắc mắc trong cuộc đời của cô. Câu chuyện cũng khá bi ai; nhưng cuộc soi kiếp còn tiết lộ nhiều điều bí ẩn trong cuộc đời quá khứ của người thiếu phụ, đã tạo nên tình trạng hiện nay, và cho ta thấy rằng tác động của luật nhân quả thật vô cùng chính xác và mầu nhiệm.

Trong hai kiếp về trước ở Pháp, hồi thời kỳ xảy ra cuộc Thánh chiến (*Croisades*), người thiếu phụ này tên là *Suzanne Merceilieu*, cũng là vợ của người chồng hiện nay. Ông *Merceilieu*, chồng cô trong kiếp đó, là một trong những người có óc phiêu lưu, và cuộc Thánh chiến ở vùng Cận Đông xa xôi càng nung nấu chí giang hồ của ông. Và cũng như nhiều người khác có lòng tín ngưỡng nhiệt thành, cuộc đời tư của ông lại hoàn toàn cách biệt hẳn với những nguyên tắc đạo đức mà ông tin tưởng và đề cao! Theo quan niệm của ông, thì Thánh địa *Jérusalem*, nơi an nghỉ cuối cùng của Đấng Cứu Thế, phải được giải phóng khỏi sự xâm lăng của những người "ngoại đạo." Nhưng còn vấn đề áp dụng tình bác ái mà Đấng Cứu Thế đã dạy đối với vợ ông, thì dường như ông không bao giờ nghĩ đến!

Bởi đó, khi ông sửa soạn lên đường tham gia cuộc Thánh chiến để bảo vệ tôn giáo Gia Tô chống những kẻ

"ngoại đạo", thì đồng thời ông cũng muốn bảo vệ một chuyện khác, đó là sự trinh tiết của vợ ông. E rằng lòng tín ngưỡng tôn giáo của vợ ông không đủ nhiệt thành để giúp cho bà ấy có một sự hy sinh tuyệt đối, cũng như lòng hy sinh của chính ông, và thay vì tự an ủi bằng cách nương mình theo cửa Đạo, bà ta lại tự an ủi bằng cách nương mình trong hai cánh tay khỏe mạnh của một gã đàn ông khác, ông ta bèn dùng những biện pháp cần thiết để làm cho một sự "an ủi" như thế không thể thực hiện được. Hồi thế kỷ thứ mười hai ở Âu Châu có một dụng cụ rất hiệu quả để làm việc đó, gọi là cái đai trinh tiết mà về sau người ta cũng được biết ở Pháp vào năm 1935 và ở New York năm 1931, khi ở đây xảy ra hai vụ án về việc những người đàn bà bị chồng bắt buộc đeo cái đai trinh tiết này. Đai này gồm có những mảnh sắt và da kết lại, bao bọc phần dưới thân mình của người đàn bà, và được khóa lại bằng một ống khóa với một chìa khóa riêng, để cho người đàn bà không thể giao hợp với người đàn ông nào khác.

Chính bằng cách đó mà ông *Merceilieu* muốn bảo đảm cho vợ ông khỏi ngoại tình trong khi ông đi vắng. Cuộc soi kiếp của ông *Cayce* nói về vấn đề này như sau:

- Người này đã bị chồng nghi kỵ và bị bắt buộc phải mang một dụng cụ chướng ngại làm cho đương sự rất khổ sở bực bội.

Hai chữ "bắt buộc" hàm ý rằng bà *Merceilieu* không thỏa thuận về việc này từ lúc đầu. Câu sau đó cho thấy rằng về sau bà ấy còn đau khổ hơn nhiều và "quyết định sẽ trả thù khi có dịp thuận tiện".

Sự cưỡng ép phải giữ gìn trinh tiết làm cho bà ta có những quyết định tai hại; và chính những quyết định này đã gây ra cho bà ta cái tình trạng hiện nay theo sự tác động của luật nhân quả.

Bây giờ chúng ta hãy phân tách để tìm hiểu những ảnh hưởng công bằng của luật nhân quả trong trường hợp này. Người đàn ông trong kiếp trước đã dùng một dụng cụ để gây sự chướng ngại khó khăn về tình dục cho vợ, và phải chịu quả báo bị bệnh bất lực trong kiếp này. Thật không có quả báo nào tương xứng hơn nữa.

Nhưng mới nghe qua thì hình như có sự bất công khi một người đàn bà bị áp chế một cách tàn nhẫn như thế lại phải chịu thiệt thòi về phương diện sinh lý đến hai lần. Nhưng sự bất công đó chỉ là ở bề ngoài, vì tội lỗi con người gây ra không phải chỉ là do những hành động bên ngoài mà thôi, mà còn do những ý tưởng, âm mưu, ác ý và tâm trạng tiêu cực. Người đàn bà này đã bị chồng cưỡng ép một cách bất công. Phản ứng của nàng đối với sự nghi kỵ và cách đối xử tàn nhẫn đó là một lòng căm hờn và ý nghĩ trả thù. Theo chỗ chúng ta

thấy, thì lòng căm thù đó không biểu lộ ra ngoài bằng cử chỉ, nhưng quyết định trả thù vẫn có. Trong một trường hợp trước đây, chúng ta đã thấy rằng một quyết định có thể tồn tại qua nhiều kiếp sống. Quyết định trả thù sẽ tạo ra một cơ hội thuận tiện cho nàng thi hành ý định ấy.

Trong kiếp này, người thiếu phụ ấy có một sắc đẹp lộng lẫy, yêu kiều, và vô cùng hấp dẫn. Nàng kết hôn với một người đã làm khổ mình trong kiếp trước, và lần này có đủ mọi yếu tố cần thiết để làm cho chồng nàng phải phát điên lên vì ghen tuông, để hạ nhục chồng trước những bạn bè thân thuộc, hoặc gây sự đau khổ cho chồng bằng một cuộc ly dị. Nàng còn muốn gì hơn nữa? Còn cơ hội nào thuận tiện hơn nữa để trả thù một cách hoàn toàn đích đáng? Nhưng điều khác biệt lúc này là nàng đã có sự tiến bộ về phương diện đạo đức, tâm linh, và không còn nuôi ác cảm đối với bất cứ một người nào nữa.

Những bức thư của nàng từ đầu đến cuối đều biểu lộ một sự đa cảm. Nàng có thể ngoại tình, dan díu với tình nhân cũ, một sự ngoại tình mà nàng có thể che giấu chồng một cách dễ dàng. Nhưng nàng không thể chịu nổi cái ý tưởng làm khổ người vợ kia, khi người này biết được câu chuyện tình vụng trộm ấy. Bởi đó, nàng cố giữ mình. Về thể chất và tình cảm, nàng cần

có sự thỏa mãn sinh lý nhưng vẫn yêu chồng và không đòi ly dị. Nàng hy sinh sự đòi hỏi của dục tình, sắc đẹp và nhựa sống của thời son trẻ để giữ một tấm lòng son sắt và trung thành.

Theo lời lẽ bí ẩn nhưng rất có ý nghĩa sâu sắc trong cuộc soi kiếp thì "*nàng đã gặp lại chính mình*". Thật vậy, trong tình trạng hiện tại, nàng đã gặp lại quyết định cũ thuở xưa của chính mình và đã chuộc lại lỗi cũ. Nàng đã thành công trong sự thử thách tự đặt ra cho mình từ kiếp sống trước. Kinh Thánh có nhắc lời Chúa như sau:

- Sự báo thù là ở trong tay Ta: Ta sẽ trả đủ, vì mọi sự vay trả đều phải được thanh toán sòng phẳng.

Và:

- Tai họa sẽ đến với kẻ nào chưa thanh toán xong những món nợ cũ!

Hai câu trong Kinh Thánh trên đây hàm ý rằng người ta có thể tin cậy vào luật nhân quả để trừng phạt kẻ tội lỗi; rằng người ta không cần phải băn khoăn về sự báo thù kẻ đồng loại bằng chính bàn tay của mình.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là xã hội không cần chống lại những kẻ sát nhân. Sự lên án kẻ vi phạm luật pháp là một hành động hợp lý của xã hội để duy

trì nền an ninh công cộng và hạnh phúc của số đông người. Đó chỉ là sự áp dụng luật pháp một cách vô tư; và hành động lên án đó không phải là một cử chỉ báo thù.

Trong tập hồ sơ *Cayce* còn có một trường hợp khác về thảm kịch gia đình do việc dùng đai trinh tiết trong một kiếp của đôi vợ chồng nọ cũng vào thời kỳ Thánh chiến. Trong trường hợp này, luật nhân quả đã tác động có hơi khác hơn một chút. Theo lời tường thuật của người vợ thì chồng nàng là một người rất kiên nhẫn, hòa nhã và biết cảm thông. Tuy nhiên, sau tám năm chung sống gia đình, người đàn bà ấy vừa được ba mươi hai tuổi, vẫn luôn sợ hãi sự chung chăn gối với chồng. Người ta có thể hiểu rằng chỉ một sự kiện ấy cũng đủ làm cho tình trạng trở nên khó khăn; nhưng nó còn phức tạp hơn vì người vợ lại thầm yêu trộm nhớ và say mê một chàng ca sĩ người Ý, bạn của gia đình nàng.

Cuộc soi kiếp giải thích lý do sự sợ hãi chung chạ với chồng là do kiếp trước người đàn bà này bị chồng cưỡng ép dùng đai trinh tiết trong thời kỳ người chồng phải tùng chinh trong trận Thánh chiến. Quả báo của hành động này là người đàn ông phải có một người vợ đáp ứng thấp về mặt tình dục và rất sợ không muốn ngủ chung với ông ta!

Sự kiện người vợ chịu khổ sở vì những rối rắm trong gia đình gây nên bởi sự khủng hoảng tình dục kể trên cũng là một quả báo của cô ta. Đối với việc bị cưỡng ép mang đai trinh tiết hồi kiếp trước thì phản ứng của nàng là lòng căm thù. Và lòng căm thù tạo nên dây oan nghiệt. Cuộc soi kiếp cho biết:

- Những sự nghi nan và sợ sệt trong kiếp này là do lòng thù hận nung nấu tiềm tàng ở kiếp trước. Cái nhân xấu đó phải được tiêu trừ bằng sự thông cảm và lòng ưu ái ở kiếp này. Cô phải biết tha thứ nếu cô muốn được tha thứ. Sự say mê chàng ca sĩ có nguyên nhân là do một kinh nghiệm khác. Người ca sĩ này đã là tình nhân của nàng trong một kiếp trước ở Đông Dương.

Đáp lại câu hỏi: "Bây giờ tôi phải làm gì?", ông *Cayce* nói:

- Cô hãy làm những gì phù hợp với cái lý tưởng mà cô đã lựa chọn.

Một lần khác, người ta lại thấy có yếu tố sợ hãi trong một trường hợp với nguyên nhân khác hẳn. Xét về sự đau khổ do quả báo đưa đến thì câu chuyện này thật là bi đát; nhưng theo quan điểm phân tách tâm lý thì trường hợp sau đây trình bày những tài liệu rất hay

để giúp ta nghiên cứu những mối tương quan của luật nhân quả, sự di truyền và ảnh hưởng của hoàn cảnh.

Hồi đó vào năm 1926, một người đàn bà đã viết thư cho ông Cayce như sau:

"Tôi quá đau khổ đến nỗi tôi sắp sửa phát điên và tự tử. Tôi là người đàn bà vô phước nhất đời, và để làm dịu bớt đau khổ, tôi phải dùng đến chất ma túy. Mẹ tôi là người đã chịu đau đớn vô ngần vì đẻ khó hết sáu lần. Suốt đời, tôi đã từng nghe mẹ tôi nói về sự dau đớn khi sinh đẻ. Vì vậy khi tôi có chồng cách mười tám năm nay đến giờ, tôi sợ mang thai đến nỗi tôi phải ở xa người chồng yêu quý của tôi, vì tôi không thể gần gũi được với anh ấy. Tôi đã cầu nguyện; tôi đã áp dụng thử khoa tâm lý, khoa chữa bệnh thần kinh v.v... nhưng không kết quả. Ông hãy xem tôi còn có hy vọng nào chăng? Tôi muốn có con và tôi vẫn yêu chồng, nhưng sự chung chăn gối làm cho tôi sợ hãi, và bây giờ thì tệ hơn bao giờ hết, vì như tôi đã nói, tôi sẵn sàng tự tử. Tôi vừa muốn tự vẫn trong tuần này, thì nghe nói về công việc của ông...

Cuộc soi kiếp truy nguyên tấn thảm kịch của người đàn bà này ở hai kiếp về trước. Trong kiếp đó, nàng sống một cách ích kỷ, xa hoa và say mê thú vui vật chất dưới vương triều nước Pháp. Đó là một cuộc đời

nhộn nhịp vui tươi, nhưng nàng đã gieo hạt giống cho tấn thảm kịch nối liền theo sau, cùng với những nhà khai thác thuộc địa đầu tiên đến Bắc Mỹ, nàng sinh hạ được sáu đứa con và về sau nhìn thấy tất cả sáu đứa con ấy đều bị thiêu sống.

Cuộc soi kiếp nói tiếp:

- Người này đã sợ sệt không dứt suốt cuộc đời kể từ khi đó. Nàng đã đánh mất hoàn toàn đức tin và nuôi lòng oán hận Chúa Trời vì không che chở cho nàng và cho các con. Bởi đó, trong kiếp này nàng sợ có con, và chịu mọi hậu quả của sự sợ sệt đó.

Tấn thảm kịch xảy ra hồi thời kỳ khai thác thuộc địa ở Bắc Mỹ có thể hiểu được. Vì chúng ta biết rằng chỉ khi thất bại về vật chất người ta mới thường quay trở về những vấn đề tâm linh. Nhưng trong khi nàng đang phải nhận lãnh quả báo thì lại gây thêm nghiệp quả mới. Dầu cho đối với một người đàn bà ích kỷ, việc phải nhìn thấy sáu đứa con chết thiêu là một sự đau khổ rất lớn. Trong cơn đau khổ đó, thay vì nuôi dưỡng một tình thương nảy nở dồi dào, nàng đã ôm lấy sự sợ hãi với tấm lòng đầy oán hận. Chính sự oán hận ấy đã tạo thành quả báo ngày nay mà nàng phải nhận chịu.

Điều mà mỗi chúng ta cần nhận biết là, một tình thương chân thật sẽ có năng lực xua đuổi sự sợ sệt.

Người phụ nữ này không hiểu được điều đó, không hiểu rằng nàng phải dứt bỏ cái quan niệm ích kỷ đối với cuộc đời; phải tập mở rộng lòng thương yêu người khác, trong đó có chồng nàng. Vì không nuôi dưỡng được tình thương, nên nàng phải tiếp tục sống trong nỗi sợ hãi về sự đau đớn thể xác ám ảnh và không thể làm vợ, làm mẹ như mong muốn.

CHƯƠNG 16

NGOẠI TÌNH VÀ LY DỊ

Trong tất cả những xứ theo chế độ một vợ một chồng thì sự ngoại tình là việc vẫn thường xảy ra. Sự giải thích căn bản của hiện tượng này có lẽ là vì lý do sinh lý. Nhưng trong những nguyên nhân của vấn đề ngoại tình, ngoài yếu tố sinh lý lẽ tất nhiên còn có những yếu tố xã hội và tâm lý nữa.

Nhưng nếu người ta áp dụng thuyết luân hồi thì thật là một điều lý thú để tìm hiểu xem sự ngoại tình có thể là do nhân quả hay không? Những tập hồ sơ *Cayce* có ghi chép ba trường hợp đáng kể mà sự ngoại tình dường như do nhân quả gây nên.

Trường hợp thứ nhất là của một thiếu phụ có hai con mà người chồng đã ngoại tình với một người đàn

bà khác trong tám năm. Người vợ chỉ biết được việc ấy trong hai năm sau cùng.

Trong cuộc soi kiếp, nàng hỏi tại sao phải chịu đựng một sự phụ bạc đau đớn như thế? Câu trả lời là:

- Đó là vì trong kiếp trước chính bà đã ngoại tình với một người đàn ông khác.

Trường hợp thứ hai là của một thiếu phụ đã phản bội chồng một cách trắng trợn trong kiếp trước, dưới vương triều nước Pháp. Hiện nay nàng đã có những hành vi tương tự với người chồng nàng bây giờ, và người này lại chính là tình nhân của nàng trong kiếp trước.

Trường hợp thứ ba là của một người đàn bà mà người chồng trong năm đầu tiên sau khi thành hôn đã bắt đầu chè chén say sưa và chơi bời đàng điếm. Có nhiều lần anh ta đưa cả một người đàn bà khác về nhà. Người vợ vẫn trung thành và sống chung với chồng, khi chồng nàng không đem tình nhân về nhà. Rốt cuộc nàng lại mắc phải bệnh phong tình do người chồng lây sang.

Cuộc soi kiếp truy nguyên cái thảm trạng của người đàn bà này ở kiếp trước. Trong kiếp đó, nàng là đứa con hoang của một một thủy thủ Mỹ và một người đàn bà Nhật. Có lẽ sự kiện này gây cho nàng cái ý niệm rằng

nàng là một kẻ ngoài vòng pháp luật. Khi lớn lên, nàng tự buông thả theo một cuộc đời chơi bời trụy lạc. Không bao lâu, nàng dã gieo rắc bệnh phong tình cho nhiều người đàn ông khác. Cuộc soi kiếp nói:

- Bởi những nghiệp xấu gây ra đã đem lại quả báo cho đương sự trong kiếp này.

Nói tóm lại, những trường hợp kể trên dường như chỉ ra rằng sự phản bội của một người chồng hay người vợ có thể là do nhân quả gây nên. Nhưng những thí dụ đó không phải để chứng minh rằng tất cả mọi trường hợp ngoại tình đều là do quả báo. Việc một người phản bội vợ có thể do quả báo mà người vợ ấy phải chịu vì cô ta đã phản bội một người khác trong kiếp trước; nhưng dầu sao thì sự ngoại tình của người chồng cũng có thể do những khiếm khuyết trong tâm tính của người vợ.

Sự ngoại tình rất có thể chỉ là một phản ứng nhất thời đối với một tình trạng hiện tại. Muốn biết xem một trường hợp ngoại tình có phải là do nhân quả hay không, nếu ta không có thần nhãn để nhìn xem quá khứ, thì ta cần phải xét cả những yếu tố lỗi lầm hay khuyết điểm của người vợ hay người chồng trong hiện tại, có thể là nguyên nhân làm cho đương sự đi tìm nguồn an ủi ở một người tình nhân khác.

Theo luật nhân quả, nếu một người đã ngoại tình trong quá khứ thì phải chịu quả báo tương ứng trong hiện tại. Nhưng vì muốn giúp mọi người phát triển những đức tánh trung thành và tình thương đối với kẻ khác nên trong những cuộc soi kiếp ông *Cayce* thường khuyên không nên ly dị. Nếu một cuộc hôn nhân đau khổ là quả báo do những lỗi lầm trong quá khứ, thì sự đoạn tuyệt và trốn tránh cũng không có ích gì, vì sớm muộn gì người ấy cũng phải trả xong món nợ đó mà thôi. Vì thế, giải pháp tốt hơn là phải tự mình rèn luyện một sức mạnh tinh thần cần thiết để đối phó và vượt qua được nghịch cảnh đó.

Tuy nhiên, những cuộc soi kiếp cũng không ngăn cấm sự ly dị một cách tuyệt đối, mà có nhiều trường hợp lại tán thành quyết định này. Những tiêu chuẩn để xét đoán xem một trường hợp ly dị là nên hay không nên, dường như có hai loại, đó là bổn phận đối với những đứa con và bổn phận giữa hai vợ chồng.

Những trường hợp mà ông *Cayce* khuyên nên ly dị một cách rõ rệt thường là những trường hợp mà hai vợ chồng không có con. Hoặc nếu có, thì đó là những trường hợp mà sự ly dị sẽ có lợi cho những đứa con; hay là những trường hợp mà một trong hai vợ chồng không đối phó nổi với hoàn cảnh và lôi cuốn cả người kia xuống vực sâu.

Trường hợp điển hình là của một người đàn bà ở tiểu bang *New Jersey*, bốn mươi chín tuổi, không có con và trong hôn nhân không có hạnh phúc. Cuộc soi kiếp khuyên nàng nên ly dị chồng và nên dùng khả năng của mình để đi dạy học.

Cuộc soi kiếp nói:

- Hôn nhân là một việc tốt, đó là một đời sống tự nhiên cho mọi người trên thế gian. Nhưng khi đời sống giữa vợ chồng thiếu sự hòa hợp đến nỗi làm ngăn trở sự thực hiện những mục đích căn bản của cuộc đời, và nếu sự bất hòa ấy quá rõ rệt, không thể sửa đổi được nữa, thì tốt hơn là hai người nên chia tay nhau.

Một thí dụ trái ngược hẳn với thí dụ trên là trường hợp của một người đàn bà lớn hơn chồng đến hai mươi tuổi. Giữa hai người có một sự bất hòa rất lớn; người chồng say sưa chè chén quá độ, đánh đập vợ con và có một cách cư xử rất thô bỉ. Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* không nói đến vấn đề quả báo trong trường hợp này, nhưng không khuyên hai người ly dị. Ông nói:

- Giữa hai người đã xảy ra những xung đột và bất đồng ý kiến. Hai người đừng tìm cách tránh xa nhau mà hãy có một thái độ thản nhiên, ôn hòa với nhau. Đừng để ý quá nhiều đến những sự khinh rẻ hay trách móc, giận hờn; mà hãy biết rằng thật ra bà chỉ đang

gặt hái những gì bà đã gieo. Vậy bà hãy cố gắng săn sóc giúp đỡ chồng trong mọi trường hợp và làm cho người chồng tất cả những gì mà bà muốn rằng chồng bà sẽ làm cho bà...

Người ta có thể nghĩ rằng trong trường hợp này, sự gắn bó giữa hai người có lẽ là một món nợ quả báo cần phải trả.

Vì không có đủ bằng chứng soi xét bằng thần nhãn về những sự việc xảy ra trong các kiếp trước, người ta phải thừa nhận rằng thật không dễ gì mà biết được những trường hợp nào là nên đoạn tuyệt và ly dị. Tuy nhiên, sự chấp nhận những khó khăn, trắc trở trong đời sống vợ chồng với một tinh thần hy sinh và chấp nhận những đắng cay, thử thách thường là cơ hội để tu dưỡng và phát triển nhiều đức tính. Xét vì người bạn trăm năm đến với ta do những sợi dây nhân duyên đã có từ trước, không phải do sự ngẫu nhiên tình cờ, nên dầu cho hôn nhân có là một hoàn cảnh khó khăn trắc trở, ta vẫn nên xem đó như một cơ hội để tu dưỡng bằng sự hy sinh quên mình và hành động vị tha. Từ nhận thức đó thì sự ly dị dường như bao giờ cũng là một quyết định thiếu sót.

Trái lại nếu chúng ta cho rằng không ai có quyền cưỡng ép bất cứ một người nào sống trong sự giam hãm trói buộc, là nguồn gốc của mọi sự xung đột, bất hòa

và trái hẳn với tâm tình tánh chất của người ấy;, thì chúng ta sẽ tán thành sự ly dị như một biện pháp hợp lý và lành mạnh, cũng như ta hủy bỏ một bản hợp đồng hay khế ước không có lợi chẳng hạn.

Trong cả hai trường hợp, mỗi bên đều có sự cực đoan của nó và chắc chắn sẽ không thích hợp với một số trường hợp. Như thế, tốt nhất là chúng ta nên trở về với sự quân bình, phán xét mọi việc một cách hoàn toàn khách quan và tuân theo cái luật lệ vàng của con đường trung đạo.

CHƯƠNG 17

NGHIỆP QUẢ GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI

Trải qua nhiều thế kỷ, gia đình vẫn là một cấu trúc đặc biệt độc lập trong mọi xã hội, với vai trò gia trưởng của người cha, hay người mẹ theo phong tục ở một vài xứ Theo một quan niệm xưa kia, người ta xem con cái như là vật sở hữu của cha mẹ, vì chúng được sinh ra bởi sự mang nặng đẻ đau và hy sinh của người mẹ, được nuôi dưỡng bởi sự khó nhọc vất vả của người cha.

Về phương diện thể chất, những người làm cha và mẹ có một thể chất khỏe mạnh hơn, nhiều kinh nghiệm sống hơn con cái; vì lẽ đó, đương nhiên họ giữ quyền quyết định mọi việc trong gia đình.

Nhưng về phương diện tâm linh thì chưa hẳn cha mẹ đã là tuyệt đối cao cả hơn con cái. Tất cả chúng sinh đều là những thực thể bình đẳng trong vũ trụ. Hơn nữa, về mặt tâm linh thì cha mẹ không có quyền sở hữu con cái, thậm chí cũng không được xem là những người tạo ra con cái. Sự ra đời của một con người là sự kết hợp của rất nhiều yếu tố, mà trong đó cha mẹ chỉ

là những yếu tố biểu hiện rõ nét nhất. Ngoài ra còn có những yếu tố ẩn tàng nhưng không kém phần quan trọng, chẳng hạn như những điều kiện nhân duyên, nghiệp quả... dẫn đến sự ra đời trong kiếp sống này của một chúng sinh nào đó.

Vì thế, với một nhận thức toàn diện và chính xác hơn thì người ta không xem con cái là "thuộc quyền sở hữu" của cha mẹ. Nếu cha mẹ thực sự có giữ quyền quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến con cái, thì điều đó phải là xuất phát từ tình thương yêu vô bờ bến mà họ dành cho con cái, cũng như trách nhiệm thiêng liêng là mang lại cuộc sống tốt đẹp và hạnh phúc cho tất cả đứa con mà mình đã sinh ra.

Cho nên, những bậc cha mẹ mẫu mực thường không có một thái độ áp chế của kẻ bề trên hoặc ghét bỏ đối với con cái. Họ luôn giữ một thái độ bình thản ôn hòa đối với con cái, và đôi khi cũng cần thiết phải che giấu đi sự thương yêu nồng nhiệt trong lòng mình để sự giáo dục con cái được tốt đẹp hơn. Ngoài lòng thương yêu, họ còn nhận biết là mình có bổn phận phải nuôi dưỡng chăm nom con cái thật tốt, cũng như cha mẹ họ trước đây đã làm với họ.

Thái độ yêu thương và trân trọng đối với con cái thường chỉ có được khi các bậc cha mẹ luôn nhận thức được rằng, là "Tất cả chúng sinh đều bình đẳng như nhau."

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cho biết rằng mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái không phải do sự ngẫu nhiên tình cờ. Những sợi dây liên hệ quan trọng này đã có sẵn từ những kiếp trước giữa người con với người mẹ hay người cha, thường là theo chiều hướng tốt đẹp, quyến luyến với nhau. Trong những trường hợp rất hiếm khi sự liên hệ này có chiều hướng rất xấu, chẳng hạn như một mối oan khiên nặng nề nào đó đã cuốn hút những chúng sinh này đến với nhau trong một gia đình để cùng nhau "thanh toán" món nợ cũ, thì tình trạng gia đình khi ấy sẽ trở thành một hoàn cảnh thích hợp để những nghiệp quả chín muồi sớm kết thành quả báo.

Những hồ sơ *Cayce* cho biết rằng duyên nghiệp của một đứa con đối với người cha có thể theo một chiều hướng khác với người mẹ, hoặc ngược lại. Điều này giải thích vì sao có những trường hợp mà con cái có khuynh hướng dửng dưng hoặc lạnh nhạt với người cha hoặc người mẹ, trong khi vẫn có được tình cảm tốt đẹp đối với người kia.

Những trường hợp dưới đây chỉ cho ta thấy một cách đặc biệt nhiều mối liên hệ khác nhau giữa cha mẹ và con cái. Hai mẹ con người kia có một tình mẫu tử rất khắn khít và họ đã từng có quan hệ mẹ con trong một kiếp trước. Hai cha con người kia cũng có một tình

phụ tử nồng nàn và trong một kiếp trước họ đã là hai anh em trong một gia đình. Một người mẹ không hợp tính với con gái của bà và được biết là họ đã từng có nhiều hiềm khích với nhau trong kiếp trước. Giữa một người con gái kia với người mẹ của cô ấy chỉ có một sự dửng dưng lạnh nhạt và cuộc soi kiếp cho biết rằng kiếp trước hai người là chị em ruột nhưng lại có một mối bất hòa rất sâu sắc, thường xung đột cãi vả lẫn nhau và vẫn chưa bao giờ hòa thuận trở lại. Hai cha con người kia kiếp trước đã từng là hai vợ chồng. Một người mẹ và cô con gái thường xung đột lẫn nhau và được biết rằng trong kiếp trước họ từng là hai bạn gái cùng tranh nhau một người đàn ông. Trong hai mẹ con người kia, người con trai hay lấn át người mẹ và được biết là trong kiếp trước họ từng là hai cha con, với mối liên hệ gia đình trái ngược lại.

Những trường hợp đó chỉ ra rằng sự hấp dẫn của con cái đến với cha mẹ có thể do tác động của rất nhiều yếu tố khác nhau. Những yếu tố đó phần nhiều đều không nhìn thấy được bằng mắt thường.

Những hồ sơ *Cayce* giúp ta có được những tài liệu để suy gẫm, nhưng không có đầy đủ chi tiết để ta có thể diễn dịch ra thành những định luật hay nguyên tắc nhất định. Tuy nhiên, có vẻ như theo luật hấp dẫn trong tự nhiên thì những người đồng thanh khí và

giống nhau về tâm tình, tánh chất thường có khuynh hướng đến gần nhau hơn, do đó rất dễ sinh ra trong cùng một gia đình. Nhưng đồng thời, do tác động của luật nhân quả, những kẻ thù oán nhau và có "nợ nần" với nhau cũng có khuynh hướng đến gần nhau. Điều này cũng tương tự như khi một người nuôi lòng oán hận ai đó thì lúc nào trong tâm trí anh ta cũng luôn lởn vởn hình bóng của người kia.

Một thí dụ điển hình là trường hợp đứa trẻ kia được ông *Cayce* soi kiếp khi mới lên năm tuổi. Cuộc soi kiếp cho biết những cá tính nổi bật của đứa trẻ này là thói ích kỷ, sự thờ ơ lãnh đạm với người khác và ngoan cố không chịu phục thiện khi có lỗi. Nhưng nó có những năng khiếu tiềm tàng của một nhà khảo cứu khoa học. Trong một kiếp trước, nó từng là một nhà nghiên cứu về khả năng sử dụng hơi nước để tạo ra năng lượng. Trong một kiếp trước đó, nó từng là một chuyên viên hóa học chế tạo các loại chất nổ; trong kiếp trước nữa nó là một chuyên viên ngành cơ khí; và đi lùi về quá khứ thêm một kiếp nữa, nó là một kỹ sư điện khí ở châu *Atlantide.* Bốn kiếp sống với sự hoạt động tích cực trong các ngành khoa học thực dụng đã làm cho đương sự phát triển những khả năng đặc biệt, nhưng lại quá thiên về giá trị của khoa học vật chất mà khinh rẻ giá trị của tình thương và sự hòa hợp nhất tâm linh

giữa muôn loài. Bởi đó, nó sinh ra sẵn có một thái độ thản nhiên lạnh lùng đối với mọi người chung quanh.

Cuộc soi kiếp còn cho biết rằng đứa trẻ ấy sẽ thành công vẻ vang trong kiếp này nếu nó theo đuổi ngành kỹ thuật điện khí hay cơ khí. Lời tiên tri đã tỏ ra hoàn toàn đúng. Đứa trẻ ấy bây giờ đã trở thành một kỹ sư điện khí rất giỏi và những điểm chính trong tánh tình của anh ta đều giống như cuộc soi kiếp đã tiết lộ, tuy rằng đã có một vài sự thay đổi tốt hơn nhờ ảnh hưởng của hoàn cảnh gia đình trong kiếp sống hiện tại.

Nếu xét theo luật tương ứng thì những người có tâm tính giống nhau sẽ có khuynh hướng đến gần nhau, nhưng trong trường hợp này thì đứa trẻ đã không sinh ra trong một gia đình khoa học có tri thức tương ứng, chẳng hạn như với một người cha là kỹ sư và người mẹ là giáo sư đại học. Trái lại, nó đã thực sự sinh ra trong một gia đình gồm toàn những người nuôi lý tưởng vị tha, không xem trọng những giá trị vật chất. Người cha đứa bé có óc tín ngưỡng tôn giáo và thích những hoạt động từ thiện xã hội; người mẹ tuy kém năng lực xã giao nhưng cũng có khuynh hướng hoạt động từ thiện xã hội do ảnh hưởng của người cha. Người anh cả của đứa trẻ cũng là một người có lý tưởng vị tha và hoạt động chính của anh ta là giúp đỡ kẻ khác.

Xét về bề ngoài, thì sự ra đời của một đứa trẻ như thế trong gia đình này là có phần nghịch lý. Tuy nhiên, chính những sự tương phản này lại có một tác dụng vô cùng tích cực. Chính nhờ sinh trong một gia đình có lý tưởng vị tha giúp đời mà đứa trẻ này đã có cơ hội phát triển tình thương và đức tính vị tha trong tâm tính của nó. Nhờ có dịp tiếp xúc thường xuyên trong gia đình với những người nuôi lý tưởng phụng sự kẻ khác nên tâm tính của đứa trẻ đã được chuyển hóa theo chiều hướng tích cực hơn. Óc thực tế và khoa học của đứa trẻ thường ảnh hưởng đến những người khác trong gia đình một cách lành mạnh, và lý tưởng vị tha của họ hằng ngày luôn nhắc nhở cho nó biết rằng ngoài những giá trị vật chất của cuộc đời còn có những giá trị đạo đức tâm linh cao cả hơn. Tuy rằng kinh nghiệm đó không đưa đến một sự thay đổi hoàn toàn cá tính căn bản của đứa trẻ là óc khoa học thực dụng, nhưng cũng đã ảnh hưởng tích cực đến con người của nó và làm cho nó giảm bớt sự ích kỷ khô khan cũng như trở nên cởi mở hồn nhiên hơn về mặt giao tế xã hội.

Như thế, hoàn cảnh đầu thai dường như có quan hệ đến nhiều yếu tố phức tạp chứ không chỉ đơn thuần tuân theo một vài nguyên tắc mà người ta thường nhắc đến. Những tài liệu hồ sơ *Cayce* cho thấy rằng sự tái sinh của một tâm thức dường như cũng có ít nhiều sự tự do chọn lựa hoàn cảnh và gia đình trong một số

trường hợp, nhưng trong hầu hết các trường hợp khác thì điều đó phụ thuộc vào các điều kiện nhân duyên và nghiệp quả là chính.

Có một vài bằng chứng cho thấy rằng đối với những tâm thức nào có trình độ tâm linh cao, nghĩa là đã qua sự dày công tu dưỡng, thì khả năng tự do chọn lựa ấy càng được gia tăng, còn đối với những người bình thường thì hầu như khả năng ấy rất hạn chế.

Thật không dễ gì hiểu được những lý do khiến cho một người sinh ra trong một căn nhà ổ chuột tối tăm với cha mẹ bần cùng khốn khó, hoặc với một thể xác yếu đuối bệnh tật và những hoàn cảnh bất lợi khác; trong khi một người khác lại sinh ra trong một gia đình giàu có sung túc hoặc quyền thế hơn người. Nhìn thoáng qua sự việc thì dường như chỉ là những sự tình cờ may rủi; nhưng nếu xét theo luật nhân quả thì có thể thấy rằng tất cả những điều ấy đều có những nguyên do sâu xa của nó.

Một điểm lý thú khác được tìm thấy trong những tập hồ sơ *Cayce* là ảnh hưởng quan trọng của người mẹ trong suốt thời gian đứa trẻ còn nằm trong bụng mẹ. Những cuộc soi kiếp thường khuyên các bà mẹ đang mang thai hãy thận trọng giữ gìn tránh những tư tưởng xấu và cố gắng rèn luyện, nuôi dưỡng những tư tưởng cao thượng, vị tha trong suốt thời kỳ thai nghén, vì những tư tưởng của người mẹ ảnh hưởng rất lớn đến

bào thai và quyết định một phần nào tâm tính của đứa con về sau này.

Dưới đây là một đoạn vấn đáp trong tập hồ sơ *Cayce* về vấn đề này:

Hỏi: Tôi đang mang thai, tôi nên có một thái độ tinh thần như thế nào trong những tháng sắp tới?

Đáp: Điều đó tùy thuộc vào sự mong muốn của bà đối với đứa con sau này. Nếu bà muốn con bà là một nghệ sĩ hay nhạc sĩ, bà hãy dành nhiều thời gian suy nghĩ và tiếp xúc với âm nhạc, nghệ thuật. Nếu bà muốn con bà sẽ giỏi về máy móc, kỹ thuật, bà hãy nghĩ nhiều đến những điều ấy. Bà đừng tưởng rằng những điều ấy không có ảnh hưởng gì!

Đây là một điều mà các bà mẹ đều nên biết: tâm trạng của người mẹ trong khi thai nghén có ảnh hưởng rất nhiều đến tánh tình của đứa trẻ sau này.

Tóm lại, sự ra đời của một con người không phải là một sự tình cờ, và việc một đứa trẻ lọt lòng mẹ chào đời không phải là một điều giản dị như nhiều người lầm tưởng. Mối quan hệ giữa các bậc cha mẹ với con cái rõ ràng là rất đa dạng và phức tạp, luôn bắt nguồn từ những liên hệ sâu xa trong quá khứ và cần được xác lập trên nền tảng của những mục đích tinh thần cao quý hơn là những giá trị vật chất thô thiển nhìn thấy được.

CHƯƠNG 18

VÀI LOẠI NGHIỆP QUẢ GIA ĐÌNH

Một trong những điều buồn thảm nhất của các bậc cha mẹ là sinh ra một đứa con tàn tật. Về phương diện thể chất, điều này là một gánh nặng về phí tổn tiền bạc và công lao chăm sóc cho đứa trẻ. Về phương diện kinh tế xã hội, đó là một gánh nặng của toàn xã hội vì phải nuôi dưỡng một phế nhân có thụ hưởng mà không sản xuất. Về phương diện tâm linh, điều này có thể gây cho con người một sự hoài nghi về lòng nhân từ của Thượng Đế, và một sự băn khoăn lo ngại cho hạnh phúc tương lai của đứa trẻ.

Nhưng đối với những người cha mẹ đau khổ đó, niềm tin vào luật nhân quả có thể mang đến cho họ lòng can đảm và nghị lực.

Trước hết, theo luật nhân quả thì tất cả mọi sự tai ương, tật ách hay đau khổ của con người đều có những nguyên nhân nhất định, do chính ta đã tạo ra trong

quá khứ. Hơn nữa, sự liên hệ giữa cha mẹ và đứa con bị phế tật cũng phải hiểu là do nhân quả. Và khi tin hiểu được như thế, cho dù phải khổ đau hoặc vất vả rất nhiều khi có một đứa con dị tật, những người cha mẹ vẫn có thể chấp nhận sự thật đó mà không sinh lòng oán hận hay chán nản.

Những cuộc soi kiếp cho những đứa trẻ bị câm điếc hoặc những khuyết tật khác luôn cho biết rằng:

- Quả báo xấu này vừa là của cha mẹ, vừa là của bản thân đứa trẻ.

Một trong những thí dụ điển hình về loại quả báo này là trường hợp của một cô gái nhỏ người Do Thái mới mười hai tuổi, bị chứng động kinh từ thuở sơ sinh. Chứng bệnh này không những rất đáng sợ khi cô bị lên cơn, mà còn là một trở ngại rất lớn cho sự phát triển cá tính của cô.

Theo cuộc soi kiếp thì người cha, người mẹ và cô gái, cả ba người đã từng sum họp với nhau trong kiếp trước trong một gia đình ở Bắc Mỹ, hồi thời kỳ khởi nghĩa giành độc lập. Trong kiếp sống đó, cha mẹ cô gái nhận thấy rằng việc đi theo chế độ cũ của người Anh có lợi về vật chất hơn là theo phe khởi nghĩa, nên họ hoạt động để cung cấp tài liệu tin tức cho người Anh. Cô gái khi đó là một thiếu nữ đẹp và thông minh, và điều này là những yếu tố có thể giúp ích cho những mưu toan đen

tối của cha mẹ cô. Thay vì giữ cô trong nhà, cha mẹ cô lại khuyến khích cô dùng sắc đẹp và sự quyến rũ kia vào những mục đích chính trị có lợi cho gia đình họ.

Mặc dầu cuộc soi kiếp không nói gì về kết quả tấn tuồng ám muội kia, nhưng nó đã vạch rõ những hậu quả xấu của hành động ấy trong kiếp hiện tại. Xem xét những hậu quả này, chúng ta mới thấy rằng luật nhân quả luôn tác động một cách mầu nhiệm và chính xác vô cùng, không hề sai lệch. Cuộc soi kiếp cho cô gái bắt đầu như sau:

- Những người cha mẹ trong trường hợp này nên suy xét những kinh nghiệm đã qua bằng một cuộc soi kiếp cho chính họ để thấy được những bổn phận và trách nhiệm của họ đối với con cái.

Bất cứ người nào nhìn thấy sự đau khổ hiện tại của cô gái này đều phải nhận rõ sự kiện "*nhân nào quả nấy*", vì quả thật là "ai gieo giống nào sẽ gặt giống nấy". Cuộc sống phóng đãng trụy lạc của cô gái này trong kiếp trước đã để lại hậu quả cho cơ thể của cô trong hiện tại, vì ai gieo gió ắt sẽ gặt bão. Nhưng cha mẹ cô cũng phải chịu trách nhiệm một phần lớn về cuộc đời ô trược của của cô, vì họ đã thúc đẩy điều đó nhằm mục đích trục lợi. Bởi đó, chính họ là người phải chịu gánh lấy hậu quả xấu trong kiếp này.

Bản thân người con gái ấy bị chứng động kinh trong hiện tại là quả báo về sự dâm đãng phóng túng trong kiếp trước. Và chính cha mẹ cô chứ không phải ai khác phải tiếp tục có trách nhiệm nuôi dưỡng săn sóc người con bệnh tật này, vì sự sa đọa của cô trước đây phần lớn là do lỗi lầm của họ.

Một trường hợp lý thú khác là của một thiếu nữ ở *New York* bị mù mắt từ khi lọt lòng mẹ. Nhìn qua các tấm ảnh của cô ta thì thấy cũng khá đẹp. Người mẹ đã yêu cầu ông *Cayce* khám bệnh cho cô ấy, nhưng vì không có một cuộc soi kiếp nên không rõ sự mù lòa này có nguyên nhân từ đâu. Tuy nhiên, người mẹ có yêu cầu một cuộc soi kiếp cho chính bà ấy, và nhờ đó người ta mới thấy rõ mối liên hệ về nhân quả giữa hai mẹ con.

Trong một kiếp trước, người mẹ đã từng làm một giáo sư. Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* nói:

- Người này đã lợi dụng một cơ hội để làm tiền và gieo sự rối rắm vào cuộc đời của một người đàn bà khác. Vì thế, trong kiếp này hai vợ chồng người ấy phải chịu quả báo vì thuở xưa đã hành động theo những mục đích ích kỷ mà không kể đến sự tổn hại gây ra cho người khác.

Người ta chỉ có thể phỏng đoán về tánh chất thật sự của tấn bi kịch này, trong đó hình như người cha cũng

đóng một vai trò quan trọng. Tất cả những gì xảy ra đã được biết là vị giáo sư nói trên đã lợi dụng một người đàn bà để làm lợi riêng cho mình, khiến cho người đàn bà ấy phải buồn rầu và chịu nhiều đau khổ. Bản thân người đàn bà ấy cũng có một nghiệp ác từ trước dẫn đến quả báo là sự mù lòa. Kết quả của sự tương hợp này là cô đầu thai làm con gái của vị giáo sư trước kia.

Như vậy, việc người mẹ hiện nay (là vị giáo sư trước kia) sinh ra đứa con mù lòa chính là quả báo của hành vi xấu ác trong kiếp trước, nhưng đồng thời bản thân đứa con chịu mù lòa cũng là do ác nghiệp của chính nó.

Trường hợp thứ ba là một trường hợp rất lý thú về sự mất trí khôn của người con vì tội lỗi của một người mẹ. Trong một kiếp trước ở *Palestine*, người đàn bà này đã chế nhạo những kẻ tàn tật, bởi đó cô gây ra nhiều nghiệp ác dẫn đến việc cô sinh ra một đứa con thiếu trí khôn trong kiếp này.

Trong một trường hợp khác, đương sự là một thiếu nữ bị chứng to đầu vì trong não có nước, một chứng bệnh rất kỳ lạ và ít có. Người mẹ đã chết chỉ vài ngày sau khi sinh con, và người cha đã gửi đứa con vào một nhà từ thiện Công giáo. Khi đứa con lên bốn tuổi, người cha đến xin ông *Cayce* soi kiếp cho nó. Cuộc soi kiếp nói:

- Em bé này rất thông minh, hiểu biết hết mọi chuyện, biết gọi tên từng người và có thể theo dõi một cuộc nói chuyện lý thú. Nhưng em không thể đi đứng bình thường vì đầu em quá nặng và em phải luôn chú ý giữ cho đầu không bị nghiêng.

Ông *Cayce* không cho biết rõ lý do của căn bệnh ấy. Tuy thế, khi ông soi kiếp cho người cha, vì người này muốn biết sự liên hệ giữa ông với đứa con gái trong kiếp trước là như thế nào, thì chúng ta có thể qua đó để hiểu được phần nào câu chuyện. Nhưng câu trả lời của ông khá vắn tắt và khô khan:

- Trong kiếp trước, ông có phương tiện giúp đỡ kẻ khác nhưng ông đã làm ngơ không chịu giúp ai cả! Vậy trong kiếp này ông nên nuôi dưỡng lòng thương người.

Cuộc soi kiếp không nói ra đầy đủ chi tiết để ta biết rõ tánh ích kỷ của người này là như thế nào. Chỉ biết rằng trong kiếp trước ông ta là một người lái buôn ở *Fort Dearborn*, thâu gom được rất nhiều của cải vật chất nhưng lại rất kém cỏi về phương diện tâm linh.

Xét theo trường hợp này, ta thấy rằng nếu thản nhiên và làm ngơ trước sự đau khổ của kẻ khác thì chính ta rồi sẽ phải trải qua những đau khổ đó.

Một người nào đó có thể không quá độc ác đến mức cố ý gây thương tổn cho kẻ khác, nhưng người ấy lại

thờ ơ không chịu làm bất cứ việc lành nào. Một thái độ thản nhiên trước sự đau khổ của đồng loại có thể không phải là một tội ác lớn để gây nên một nghiệp quả tàn tật xác thân. Nhưng xét từ một góc độ khác thì đó là một thái độ hoàn toàn thiếu thiện chí và sự thông cảm. Bằng cách này hay cách khác, nếu người ta không biết lưu tâm đến những sự lầm than khốn khổ của người khác, không có lòng nhân từ và thương xót kẻ khác thì điều tất nhiên là họ không dựa vào đâu để có thể làm sinh khởi và nuôi dưỡng tâm hướng thiện.

Cho nên, sự thờ ơ lãnh đạm trước nỗi đau của người khác không thể không chiêu cảm những quả báo không tốt đẹp. Kết quả những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* cho thấy là trong trường hợp này thì quả báo ấy chính là nhận lấy cái kinh nghiệm đau thương của một người cha sinh ra một đứa con tàn phế! Do sự đau khổ nhìn thấy đứa con bị phế tật, mà người cha ấy mới có dịp cảm thông với sự đau khổ của những người khác.

Những trường hợp vừa kể trên cho chúng ta thấy rằng giữa cha mẹ và con cái luôn có những nhân duyên và nghiệp quả ràng buộc lẫn nhau. Ngoài ra cũng có những sợi dây duyên nghiệp giữa anh chị em trong một gia đình. Trong những hồ sơ của ông *Cayce*, có một trường hợp lạ lùng về sự thù nghịch giữa hai chị em nhà kia có thể minh chứng cho điều này.

Kể từ thuở còn thơ ấu, giữa hai chị em này đã có sự ganh ghét, đố kỵ và thù hằn lẫn nhau. Giữa hai chị em luôn xảy ra những cuộc xung đột cãi vã, thường khi chỉ vì những duyên cớ nhỏ nhặt không đâu. Sự thù nghịch đó không hề xảy ra giữa những người anh em khác trong gia đình.

Xét theo quan điểm tâm lý của *Freud* thì sự thù nghịch giữa hai chị em nhà này có thể truy nguyên ra bởi sự tranh giành tình thương của người cha. Nhưng theo sự quan sát bằng thần nhãn của ông *Cayce* thì giữa hai người có một sự ghen tuông sâu xa về tình cảm, vì trong một kiếp trước, người chị đã có sự hiểu lầm về mối quan hệ giữa người em gái mình với chồng của cô.

Khi thực hiện một cuộc soi kiếp cho cô em, ông *Cayce* đã cho biết về những mối liên hệ trong kiếp trước giữa cô với người chồng và người chị của cô hiện nay. thank

Trong kiếp trước, ba người cũng có mối quan hệ gia đình với nhau. Người chồng của cô bây giờ trong kiếp đó lại là chồng của người chị. Một ngày kia, người chồng đau nặng và vợ anh ta lại vắng nhà vì phải đi xa. Người em vợ, tức cô gái đang được soi kiếp, khi ấy lại là một nữ y tá và đã hết lòng chăm sóc cho anh rể. Người chồng nhanh chóng khỏi bệnh và phục hồi sức

khỏe. Mặc dù sự chăm sóc của cô em vợ không hề vượt quá giới hạn của một nữ y tá đối với bệnh nhân, nhưng sự chăm nom tận tụy của cô không khỏi làm cho người anh rể phải bày tỏ một sự cảm kích và biết ơn sâu sắc. Mối quan hệ trong sáng giữa hai người không ngờ lại làm cho người chị hiểu lầm và đem lòng ghen tức. Sự ghen tuông vô lý ấy không bao lâu sau đã được nuôi lớn dần thành một sự thù ghét, hằn học, và sự căm hờn uất hận đó đã để lại ảnh hưởng sâu xa trong tâm hồn người đàn bà khó tính ấy đến nỗi cho đến kiếp này nó vẫn còn biểu lộ rõ nét trong tánh tình của cô ta.

Dưới đây là một trường hợp thứ hai về nghiệp quả ràng buộc giữa người anh và một cô em gái, hai anh em cùng sinh ra tại Anh quốc.

Trong Thế chiến thứ hai, hai người được một người phụ nữ Mỹ săn sóc. Bà này khi đó đang làm hiệu trưởng một trường học ở tiểu bang *New England*. Người anh lên mười tuổi, còn cô em mới lên năm tuổi. Bà mẹ nuôi của hai em là người biết rõ tâm lý trẻ con, nhờ có học qua về phần lý thuyết cũng như đã từng thực nghiệm trong đời làm nghề dạy học. Bà bắt đầu nhận thấy thái độ thù nghịch rõ rệt giữa hai anh em này, và đặc biệt là người anh tỏ ra luôn lấn lướt, "ăn hiếp" em mình.

Bà hiệu trưởng liền yêu cầu ông *Cayce* soi kiếp cho cả hai đứa bé. Cuộc soi kiếp đã tiết lộ cho biết một sự kiện rất lý thú:

- Hai đứa trẻ này trong kiếp trước là người thuộc hai bộ lạc đối nghịch ở xứ *Ecosse*. Hai bộ lạc này đã từng chia rẽ và thù nghịch nhau vì một sự tranh chấp từ lâu đời và đã từng đánh nhau nhiều trận ác liệt. Sự thù nghịch ấy tồn tại trong tâm thức của những người dân thuộc hai bộ lạc và biểu lộ trong kiếp này qua sự thù nghịch giữa hai đứa bé!

Hai thí dụ trên đây có thể chứng minh cho thuyết luân hồi nhân quả và đưa ra lời giải đáp những sự thù nghịch hay hờn ghen vô căn cứ giữa những người trong cùng một gia đình, làm cho họ bị giày vò khổ sở mà không hiểu được nguyên do.

Mọi gia đình đều có những xung đột do sự đụng chạm nhất thời. Tuy nhiên, những sự đụng chạm nhất thời đó thường không tạo thành một khuynh hướng thù nghịch rõ rệt. Và một khi có sự xuất hiện của những khuynh hướng thù nghịch không rõ nguyên nhân thì điều đó rất thường có thể do những nguyên nhân từ nhiều kiếp về trước.

Việc tìm ra nguyên nhân ở một kiếp trước về sự thù nghịch giữa hai người không đủ để làm tiêu tan sự thù

nghịch ấy. Nếu hai người ấy không muốn kéo dài sự thù nghịch từ kiếp này sang kiếp khác thì trong kiếp này họ phải cố gắng nhẫn nại thay thế sự căm thù ấy bằng tình thương, và thay đổi sự đố kỵ chia rẽ bằng một lòng ưu ái và thiện cảm.

Lời khuyên trên đây không những áp dụng cho những anh em trong một nhà mà thôi, nó còn áp dụng cho mọi sự giao tế ngoài xã hội, cùng mọi sợi dây liên hệ ràng buộc chúng ta với tất cả mọi người trong cuộc đời.

Xét cho cùng, những sự thay đổi vị trí quan hệ trong một gia đình qua nhiều kiếp sống khác nhau cho thấy rằng thật ra mỗi chúng ta không bao giờ thuộc về một gia đình riêng biệt nhất định nào cả. Hay nói đúng hơn, hết thảy những mối quan hệ giữa cuộc sống thế gian này đều chỉ có giá trị nhất thời, tạm bợ, không bền chắc. Chỉ có một giá trị duy nhất luôn tồn tại qua mọi kiếp sống là tình thương chân thật vô điều kiện mà chúng ta đã dành cho người khác.

CHƯƠNG 19

NHÂN QUẢ ĐỐI VỚI NGHỀ NGHIỆP

Tất cả chúng ta đều mang trong người vô số những sở trường và sở đoản, những đức tính và thói hư tật xấu, những cái hay và cái dở, ưu điểm và khuyết điểm... được huân tập, tích lũy từ lâu đời. Điều này được biểu hiện rõ ràng trong những cuộc soi kiếp đặc biệt của ông *Cayce*, nhằm mục đích giúp đỡ trong việc hướng nghiệp cho một số người.

Trước đây, ta đã thấy những ảnh hưởng năng khiếu từ tiền kiếp có thể lưu lại đến kiếp sống này như thế nào, và chính điều đó đã tạo ra những khả năng, năng khiếu đặc biệt quan trọng trong cuộc đời mỗi người.

Một thí dụ điển hình là trường hợp của một thiếu phụ làm nghề sửa sắc đẹp ở *New York*. Cô làm chủ một thẩm mỹ viện hạng sang, chuyên sửa sắc đẹp cho phụ nữ, từ việc uốn tóc, chải đầu... cho đến tư vấn, hướng

dẫn về cung cách ăn nói, dáng điệu... Bản thân cô cũng là một người có sắc đẹp và dáng vẻ rất thùy mị, đáng yêu...

Cuộc soi kiếp cho cô gái này tiết lộ rằng trong ba kiếp trước đây chỉ có hai kiếp là có ảnh hưởng trực tiếp đến khuynh hướng nghề nghiệp của cô bây giờ. Một kiếp diễn ra dưới triều đại vua *Louis* XV ở Pháp. Khi ấy cô có một ảnh hưởng lớn đối với nhà vua và hoàng triều. Trong kiếp đó, cô là một chuyên gia về ngành giao tế, lễ nghi cùng phép xã giao lịch sự, nghệ thuật trang sức và những bí quyết chỉnh sửa sắc đẹp. Trong kiếp trước nữa, cô sống dưới thời Đế quốc La Mã, và là một trong những người đầu tiên trong hàng quí tộc theo đạo Gia Tô. Lùi xa hơn về dĩ vãng, cô đã sống ở xứ cổ Ai Cập vào khoảng 13.000 năm trước Công nguyên và đã từng làm việc công quả trong một ngôi đền.

Trong kiếp sống ở Pháp, cô đã thâu thập được những kinh nghiệm về đời sống lộng lẫy xa hoa; cô đã phát triển những khả năng đặc biệt về giao tế và phép lịch sự trong đời sống xã hội. Nhưng những kinh nghiệm mà cô đã thâu thập được trong một ngôi đền thời cổ Ai Cập cần được giải thích rõ ràng hơn. Dường như thời kỳ đó ở Ai Cập có hai ngôi đền lớn, gọi là đền Mỹ Lệ và đền Hy Sinh. Người ta thấy rải rác trong vài chục cuộc soi kiếp những mô tả về hai ngôi đền này, và do sự

góp nhặt những tài liệu đó, người ta có một ý niệm khá hoàn chỉnh về những gì đã xảy ra ở đó.

Ngôi đền Mỹ Lệ là một kiểu trường đại học, nhưng không chỉ đào luyện về mặt trí dục không thôi mà còn hướng đến việc đào tạo nhân cách toàn diện cho người học. Tất cả những nghệ thuật và khoa học đều được sử dụng để đào tạo nên mộttâm hồn cao thượng và một thể xác kiện toàn cho các học viên, để chuẩn bị cho họ trở nên những người công dân có khả năng, tích cực hoạt động cho xứ sở.

Ngôi đền này còn là trường huấn luyện về mặt tôn giáo và đạo đức tâm linh. Ngôi đền này có bảy trung tâm đào tạo có kỷ luật, theo qui mô của bảy luân xa hay bí huyệt trong cơ thể con người. Điều này cho ta thấy rằng chương trình học tập và kiến trúc của ngôi đền được quan niệm dựa trên sự hiểu biết sâu xa về khoa huyền môn thời cổ.

Một trong những ngành hoạt động của ngôi đền Mỹ Lệ là vấn đề hướng nghiệp căn cứ trên nền tảng tâm linh. Nhiều người trong kiếp này chú trọng đến vấn đề hướng thiện, phát triển nhân cách, hoặc đào tạo nhân phẩm bằng nghệ thuật và tôn giáo, khi truy nguyên ra thì được biết rằng trong kiếp trước, họ là những giáo sư hay sinh viên đã từng theo học ở ngôi đền Mỹ Lệ hồi thời cổ Ai Cập.

Còn đền Hy Sinh thì giống như một bệnh viện, trong đó người ta áp dụng nhiều kỹ thuật cao để giải phẫu và chữa bệnh (có lẽ do người *Atlante* truyền lại). Phép chữa bệnh này theo một nguyên tắc chính là kiện toàn thể xác và cải tiến giống nòi. Người ta xem trung tâm y khoa này là một ngôi đền vì có ý nhấn mạnh một sự hướng dẫn tâm linh.

Dưới đây là trường hợp của một vị y sĩ chuyên môn chữa bệnh đau khớp xương. Cuộc soi kiếp cho biết rõ bốn tiền kiếp của ông, mà có ba kiếp ảnh hưởng đến phương diện nghề nghiệp của ông trong kiếp này. Ông đã từng làm y sĩ ở châu Mỹ từ giai đoạn ban sơ và có giao thiệp nhiều với thổ dân xứ ấy, nhờ đó mà học được phép chữa bệnh theo lối tự nhiên và bằng các loại thảo dược.

Trong các cuộc soi kiếp, nếu người nào trước kia đã từng có tiếp xúc chặt chẽ với thổ dân châu Mỹ, hoặc chính họ là thổ dân da đỏ trong kiếp trước, đều tỏ ra có khuynh hướng sống một đời sống tự nhiên nơi những chốn rừng cây, ưa thích cảnh trí thiên nhiên, thích làm những công việc lao động tay chân và dùng cách chữa bệnh theo phương pháp tự nhiên.

Trong kiếp thứ hai, vị y sĩ nói trên trông coi các nhà tắm công cộng và chuyên về phép thoa bóp ở La Mã dưới thời kỳ đầu Công nguyên. Trong kiếp thứ ba, ông

ta sống ở Ba Tư và trong kiếp thứ tư trước đó ông làm nghề ướp xác bằng đầu thơm ở xứ cổ Ai Cập, khoảng 13.000 năm trước Công nguyên. Có lẽ kinh nghiệm của ông trong kiếp đó đã giúp cho ông có sự hiểu biết sâu xa về những bộ phận bên trong cơ thể con người cùng ảnh hưởng của các chất hương liệu và cỏ thơm đối với con người.

Trường hợp sau đây là của một nghệ nhân ở *Hollywood*, làm giám đốc chuyên môn về màu sắc trong một hãng phim. Cuộc soi kiếp cho biết ông đã từng sống với ngành mỹ thuật trong ba kiếp trước. Tất cả có bốn tiền kiếp đã được soi thấu. Trong một kiếp, ông làm người trang hoàng nhà cửa vào cuối thời kỳ khai mở thuộc địa ở Bắc Mỹ. Trong kiếp kế đó, ông làm sĩ quan trong quân đội kỵ binh ở Nga. Trong kiếp kế đó nữa ông làm nhà trang trí mỹ thuật cho một bà hoàng ở Đông Dương. Và trong kiếp xa xưa nhất, ông làm người trang hoàng bên trong của ngôi Đền Lớn ở xứ cổ Ai Cập.

Người ta có cảm tưởng rằng nhờ kinh nghiệm trong kiếp làm sĩ quan kỵ binh mà kiếp này ông phát triển những đức tánh linh hoạt, tỉ mỉ, cẩn thận và năng động, cùng với tánh thích chưng diện và lòng háo thắng. Như vậy, nhiều điểm trong tánh tình đã giúp cho công việc làm của ông ở kiếp này có thêm phần

sinh khí và linh động, dường như có nguyên nhân từ những kinh nghiệm ở kiếp làm sĩ quan kỵ binh, cho dù nghề quân nhân không có liên quan gì đến mỹ thuật. Còn những kỹ năng sắc sảo về phương diện nghệ thuật thì lại có nguyên nhân từ ba kiếp đã từng hoạt động trong ngành nghệ thuật.

Một nhà soạn nhạc tiếng tăm ở *New York* cũng đã có những kinh nghiệm về ngành này trong nhiều tiền kiếp. Trong một kiếp trước, hồi thời kỳ khai thác thuộc địa ở Bắc Mỹ, ông đảm nhiệm những lớp dạy âm nhạc và dạy hát trong các trường. Một kiếp khác, ông là người Đức, làm nghề chế tạo các loại đàn dây. Trong kiếp thứ ba, ông là nghệ nhân hài trong triều vua *Nabuchodonosor* ở xứ *Chaldee*. Kiếp cuối cùng lui về quá khứ, ông là một người dân *Atlante* đến xứ Ai Cập và lãnh trách nhiệm coi sóc phần âm nhạc trong những cuộc tế lễ ở các đền thờ. Sự thích thú của ông về âm nhạc trong kiếp này dường như là do bởi kinh nghiệm của ông trong kiếp làm nghề chế tạo đàn. Tánh hài hước và óc linh hoạt của ông được truy nguyên ra từ kiếp làm diễn viên hài; và những khả năng về âm nhạc của ông được truyền lại từ hai kiếp làm nhạc sĩ.

Đôi khi, những thú vui tiêu khiển ngoài vòng hoạt động nghề nghiệp của một người cũng có nguyên nhân từ những tiền kiếp. Chẳng hạn như trường hợp của

một viên giám đốc ngân hàng, từ thuở nhỏ đã tỏ ra ham thích các môn thể thao, nhất là môn quần vợt. Khi vị mục sư nhà thờ *Baptiste*, mà ông là một tín đồ, quở trách việc ông chơi đánh banh vào ngày chúa nhật thì ông tức khắc rời khỏi giáo hội! Ngân hàng đã trở nên ngành hoạt động nghề nghiệp của ông và nhờ đó ông đã gầy dựng được một sản nghiệp lớn. Nhưng ông thường dùng thời giờ rảnh để tham gia một câu lạc bộ quần vợt.

Chúng ta hãy thử xét những nghề nghiệp của ông trong các tiền kiếp. Trước hết, ông là một trong những người khai thác thuộc địa đầu tiên, làm nghề xuất nhập khẩu ở Bắc Mỹ. Trong kiếp kế đó, ông là người La Mã, đảm nhiệm việc tổ chức các trò giải trí công cộng tại các vũ trường. Một kiếp nữa, ông là tù trưởng của một bộ lạc du mục ở Ba Tư, chuyên tổ chức những trung tâm trao đổi hàng hóa. Trong kiếp thứ tư, ông là quan thủ kho của triều đình xứ Ai Cập thời cổ.

Người ta nhận thấy rằng ba kiếp trong số đó đã trực tiếp ảnh hưởng đến nghề nghiệp và ngành ngân hàng của ông bây giờ. Kiếp thứ hai làm nhà tổ chức các cuộc giải trí ở La Mã đã giúp cho ông có khả năng lãnh đạo, nhờ đó có thể tiến lên địa vị giám đốc ngân hàng. Đồng thời, kinh nghiệm ở kiếp đó cũng là nguyên nhân sự thích thú của ông về các môn điền kinh, thể dục ở kiếp này.

Trong các cuộc soi kiếp về vấn đề hướng nghiệp, ông *Cayce* thường khuyên một số người nên theo đuổi môn học này hay môn học khác, tùy theo những gì ông nhận biết về tiền kiếp của người đó.

Môn chữa bệnh bằng điện ngày nay đã khá phổ biến, và những lời khuyên của ông *Cayce* đối với một số người về ngành học này thường dựa trên những kinh nghiệm trong tiền kiếp của họ ở Ai Cập hay ở châu *Atlantide*. Dường như vào khoảng mười ngàn năm trước Tây lịch, vào thời kỳ tai biến cuối cùng trong ba cơn thiên tai lớn đã tiêu diệt châu *Atlantide*, có nhiều người *Atlante* đã kịp di cư sang Ai Cập. Họ đã đem theo những kiến thức và sự tiến bộ của họ về nghệ thuật và khoa học. Tuy họ không thể xây dựng lại nền văn minh của họ một cách hoàn chỉnh như trước, nhưng những gì còn sót lại về khoa học và kiến thức của họ đã hỗn hợp với nền văn minh Ai Cập. Trong tất cả những trường hợp mà ông *Cayce* khuyên đương sự nên theo đuổi ngành chữa bệnh bằng điện đều có một điểm lý thú chung là, tuy ngành này còn khá mới mẻ với con người hiện nay, nhưng đây lại là một ngành học thuật rất cổ mà con người xưa kia đã từng am hiểu.

Trong nhiều trường hợp, khi các đương sự tỏ ra thích thú say mê ngành hàng không, điện tử, vô tuyến điện, thôi miên, nguyên tử lực .v.v... thì những sự thích

thú này đều được truy nguyên từ những kinh nghiệm của đương sự trong một kiếp trước ở châu *Atlantide.*

Từ đó, người ta có thể kết luận rằng khi một người có khuynh hướng hoặc tài năng rõ rệt về một môn học hay một ngành hoạt động nào, thì chắc chắn rằng trong một hay nhiều kiếp trước, người ấy đã từng theo đuổi và thực hành những môn ấy, hoặc ít ra cũng là một ngành hoạt động tương tự.

Nhiều trường hợp khác đưa đến kết luận rằng sự thay đổi nghề nghiệp chưa hẳn đã là một sự thất bại, nếu sự thích thú đối với nghề nghiệp mới chọn có căn cứ chắc chắn trong dĩ vãng, và những khả năng về nghề nghiệp này đã được phát triển trong tiền kiếp.

Thí dụ dưới đây là trường hợp của một người ba mươi mốt tuổi, mặc dầu đã có gia đình nhưng lại quyết định bắt đầu theo đuổi việc học y khoa. Vì những lý do nào đó, ông đã không thể theo học ngành y từ trước đó, mặc dầu cha ông là một bác sĩ.

Ông yêu cầu ông *Cayce* dành cho một cuộc soi kiếp. Ông muốn biết xem quyết định của ông có thể thực hiện được không, và sau cùng ông có thành công trong ngành y khoa hay không.

Cuộc soi kiếp xác nhận những điều ông mong muốn, và cho biết rằng sự thích thú của ông về ngành y có

nguyên nhân từ thời kỳ khởi nghĩa ở Mỹ quốc. Trong tiền kiếp đó, ông là một người lính hầu, làm công việc đưa thư tín trong quân đội. Dường như nhờ thiện chí và khả năng thông cảm nên ông được cấp trên giao cho công tác đi phủ dụ và nâng đỡ tinh thần binh sĩ. Chính trong lúc đó, ông nảy sinh ý muốn trở nên một y sĩ. Cảnh tượng đau khổ của những thương binh ngoài mặt trận làm cho ông muốn có sự hiểu biết và phương tiện nghề nghiệp của một y sĩ để xoa dịu những đau khổ đó.

Chính sự mong muốn này đã khiến ông sinh ra trong một gia đình có người cha làm y sĩ trong kiếp này. Điều này hẳn là một hoàn cảnh thuận tiện để cho ông bước vào ngành y khoa. Tuy rằng người ta không biết rõ lý do vì sao ông quyết định hơi trễ trong việc theo học ngành này, nhưng có lẽ đó là vì ông ta đã lập gia đình hơi sớm. Có thể rằng giữa hai vợ chồng ông ta có một sự hấp dẫn mãnh liệt do duyên nghiệp tạo nên từ kiếp trước, và sự theo đuổi cuộc hôn nhân đó đã làm cho ông tạm gác lại các mục đích khác.

Nhưng điều quan trọng là cuộc soi kiếp đã tiên đoán trước sự thành công của ông trong một ngành mà ông mới bắt đầu theo đuổi khá muộn màng.

Nói tóm lại, việc truy nguyên các năng khiếu nghề nghiệp của một người thường chỉ ra rằng các khả năng đó đã được huân tập từ một hay nhiều kiếp trước đó,

vì đương sự đã từng có kinh nghiệm về nghề nghiệp đó hay một nghề tương tự. Một sự thích thú say mê một ngành hoạt động nào đó thường có nghĩa là trong một kiếp trước ngành hoạt động đó là nghề nghiệp chính của đương sự.

Điều đáng nói là, nhiều ngành nghề chỉ mới xuất hiện trên thế giới hiện nay trong thời gian gần đây nhưng thật ra chính là những nghệ thuật và khoa học của nhân loại từ thời cổ đã bị thất truyền, có thể là từ thời đại *Atlantide* và Ai Cập cổ đại.

Cũng có một số người chỉ mới bước vào một ngành hoạt động nào đó lần đầu tiên, và điều đó cho thấy khả năng thành công của họ trong ngành nghề đó chưa thể nắm chắc. Ngược lại, nếu trong quá khứ họ đã từng say mê và phát triển những khả năng về một ngành nghề nào thì sự thành công trong ngành nghề đó ở kiếp này sẽ là một điều chắc chắn hơn.

CHƯƠNG 20

PHƯƠNG CHÂM TRONG VIỆC CHỌN NGHỀ

Những câu chuyện về các khuynh hướng nghề nghiệp trong các tập hồ sơ *Cayce* có thể làm cho người sưu tầm khảo cứu không khỏi nêu ra nhiều câu hỏi. Trước hết, sự khởi đầu nghề nghiệp của một cá nhân là một vấn đề làm cho người ta phải thắc mắc khi cố gắng tìm hiểu cho đến tận những động cơ thúc đẩy ban đầu. Điều đó có nghĩa là, nếu quả thật có các tiền kiếp, thì khi một con người lần đầu tiên đến với một nghề nghiệp nào đó, họ đã chịu sự thúc đẩy của những động lực nào? Tại sao họ lại chọn một ngành hoạt động này mà không phải là một ngành hoạt động khác? Nếu tất cả mọi con người đều có bản chất bình đẳng như nhau thì tại sao có người lại hướng về nông nghiệp, có người lại chọn ngành thương mại, người khác lại hướng về âm nhạc, và người khác nữa lại chọn ngành toán học? Như vậy, phải chăng trong

mỗi con người đều có một động lực tế nhị thuộc về cá tính, đã thúc đẩy họ chọn lựa những ngành hoạt động khác nhau? Và nếu quả như thế thì nguyên nhân tối sơ nào đã tạo ra cái cá tính đó, và nó biểu lộ ra bằng cách nào?

Trong những hồ sơ *Cayce*, không có sự giải đáp rõ ràng những câu hỏi nêu trên, nhưng lại có những tài liệu khá hoàn chỉnh về một điểm khác là nguyên nhân nào làm cho một người phải thay đổi từ một nghề nghiệp này sang một nghề nghiệp khác.

Người ta tìm thấy trong các hồ sơ *Cayce* có nhiều trường hợp thay nghề đổi nghiệp như vậy, và sự phân tách các tài liệu đó chỉ ra rằng sự thay đổi ấy thường căn cứ trên hai yếu tố căn bản là do lòng ham thích hoặc do luật nhân quả.

Trong nhiều trường hợp đã kể trên, chúng ta thấy rằng lòng ham thích cũng có một sức mạnh đáng kể trong việc gây nhân tạo quả. Một người có thể bắt đầu nảy sinh ý muốn có một khả năng hay một đức tính vào khi họ tiếp xúc với một người khác có cái khả năng hay đức tính đó. Sức mạnh của ý muốn đó thúc đẩy một cá nhân luôn có sự cố gắng trải qua nhiều kiếp để phát triển khả năng hoặc đức tính mà mình mong muốn.

Đôi khi, lòng ham muốn không phải do ảnh hưởng của một người nào, mà vì đương sự cảm thấy bất lực

trước một tình trạng nguy cấp mà vì thiếu khả năng cần thiết nên không thể giải cứu người khác hay làm được điều mình muốn làm.

Cho dù với nguyên nhân sinh khởi như thế nào, lòng ham muốn dường như vẫn luôn là một yếu tố quan trọng quyết định khuynh hướng của mỗi con người. Lòng ham muốn đó thường tăng trưởng dần dần và nhắm đến những mục đích ngày càng rõ rệt hơn cho đến khi đủ để bắt đầu phát triển một khía cạnh mới trong những năng khiếu tự nhiên của một cá nhân.

Có lẽ phải trải qua rất nhiều kiếp sống con người mới có thể hoàn toàn thực hiện một sự thay đổi từ một nghề này sang nghề khác do sự thúc đẩy của ý muốn. Nhưng nếu điều này là đúng thì đó là một tín hiệu khuyến khích quí báu cho những ai tự thấy mình quá kém cỏi trong nghề nghiệp hiện tại. Có thể rằng lý do sự kém cỏi của một cá nhân so với tài năng của những người khác là vì cá nhân ấy chỉ mới bắt đầu ngành hoạt động này chưa bao lâu, và chưa đủ thời gian để phát triển tài năng của mình.

Ngoài lòng ham muốn, nghiệp quả cũng là một yếu tố quan trọng trong việc quyết định sự thay đổi nghề nghiệp. Chẳng hạn, một quả báo tàn tật về thể xác khi đến lúc chín muồi và xuất hiện có thể làm gián đoạn danh vọng đang lên của một võ sư nổi tiếng, một sự

nghiệp mà ông này đã dày công rèn luyện đến mức hoàn thiện trải qua nhiều tiền kiếp. Một quả báo làm gián đoạn một sự nghiệp như thế, tự nhiên là đưa đến sự thay đổi qua một nghề nghiệp khác, và có thể làm khơi dậy một khả năng tiềm tàng khác đã bị chôn vùi và quên lãng từ lâu.

Đó là trường hợp của một thiếu nữ bị bệnh lao xương như đã kể trong chương 5. Sau khi mắc phải chứng bệnh này một thời gian rất lâu, thiếu nữ ấy đã yêu cầu ông *Cayce* soi kiếp và cho biết xem cô có thể làm nghề gì để trở nên hữu ích cho xã hội. Ông *Cayce* khuyên cô nên học đàn, và cho biết thêm rằng cô có thiên tư về âm nhạc, vì trong một kiếp trước ở xứ cổ Ai Cập cô đã từng là một nghệ sĩ chuyên về loại đàn dây. Người thiếu nữ nghe theo và nhận thấy rằng mình quả có một năng khiếu đặc biệt về đàn dây, mặc dù trước kia cô chưa học đàn bao giờ. Sau một thời gian ngắn, cô đã có thể biểu diễn trước công chúng, và cho dù tài nghệ của cô chưa đủ để được nổi tiếng nhưng ít nhất cô đã làm được một nghề hữu ích để tìm thấy lẽ sống cùng hạnh phúc trong cuộc đời.

Trong những kiếp trước gần đây, cô đã làm những nghề nghiệp khác. Như vậy, trong trường hợp này, một quả báo xác thân đã xuất hiện thình lình để làm gián đoạn một sự nghiệp, nhưng lại làm sống lại một tài năng khác đã bị quên lãng.

Một vấn đề khác được nêu ra là người ta có thể có kinh nghiệm cùng lúc về nhiều nghề nghiệp khác nhau hay chăng? Thật ra, trong dòng chảy tự nhiên của nhiều kiếp sống, mỗi con người đều phải trải qua rất nhiều kinh nghiệm khác nhau. Vì thế, hầu như không thể có một con người nào có thể được xem như chỉ có kinh nghiệm hoàn toàn về nghệ thuật chẳng hạn, và không biết gì cả về ngành cơ khí, y học, hay xã hội học. Người ta có thể hình dung rằng mỗi con người đều phải trải qua ít nhiều những hiểu biết và kinh nghiệm về tất cả mọi ngành hoạt động khác nhau, chỉ có điều là họ sẽ chọn lấy theo ý muốn sự phát triển vượt trội của một trong các ngành đó qua nhiều kiếp sống của mình.

Trong rất nhiều trường hợp, có một sự liên hệ chặt chẽ giữa vấn đề nghề nghiệp và vấn đề tâm linh. Nói một cách khác, một sự khó khăn về nghề nghiệp có thể có nguyên nhân từ một sự khuyết điểm về tánh tình, cần phải được sửa chữa.

Đó là trường hợp của một người đàn ông độc thân, bốn mươi tám tuổi, làm nhân viên địa ốc, vì tánh tình khó khăn nên càng ngày càng bị lúng túng trong việc hành nghề. Ông đã yêu cầu ông *Cayce* soi kiếp để biết xem có nên đổi qua nghề khác hay chăng, và nghề nào sẽ thích hợp?

Ông *Cayce* cho biết rằng trong một kiếp trước ông đã làm nghề dạy học, nhưng ông có một tánh chất hung

bạo, cộc cằn và độc đoán. Ông đã mang theo tánh chất cứng rắn và bạo ngược đó trong kiếp này, và nó làm cho ông khó hòa mình trong sự giao tế xã hội.

Ông *Cayce* khuyên người này không nên đổi nghề mặc dầu ông ta đang bị nhiều nỗi khó khăn trong nghề nghiệp. Trong cuộc soi kiếp, ông *Cayce* nói:

- Mặc dầu điều đó không phải dễ làm, nhưng nếu cố gắng thì ông sẽ học được những bài học cần thiết.

Có nhiều trường hợp tương tự như thế trong các tập hồ sơ *Cayce*, làm cho người ta nhớ lại một tư tưởng của *Tolstoy*. Nhà văn hào này nói rằng những hoàn cảnh trong đời người giống như những giàn giáo dùng để cất nhà. Những giàn giáo này được dựng lên để làm cái sườn chung quanh, nhờ đó mà một ngôi nhà cao tầng được xây dựng ở phía trong. Nhưng cái giàn giáo đó vốn không hề có một giá trị lâu dài. Khi ngôi nhà đã xây xong thì người ta phải dẹp bỏ nó. Có lẽ những sinh hoạt nghề nghiệp của con người cũng cần được hiểu theo cách đó, vì chúng chỉ là những phương tiện và điều kiện cần thiết cho sự tu dưỡng tâm tánh và tiến hóa tâm linh mà thôi.

Những tập hồ sơ *Cayce* chứa đựng nhiều tài liệu về cuộc đời của một số người có những năng khiếu đã bị quên lãng từ lâu và chôn vùi trong những chỗ thâm

sâu kín đáo của tiềm thức. Những cuộc soi kiếp thường nhắc nhở đương sự chú ý đến những khả năng tiềm tàng đó, và trong rất nhiều trường hợp, những khả năng ấy một khi đã được khơi dậy liền có thể phát triển rất mau chóng để trở thành một thiên tư đặc biệt về nghề nghiệp.

Người ta có thể truy nguyên những khả năng đặc biệt này từ những kinh nghiệm mà đương sự đã tích lũy được trong những tiền kiếp. Biết được điều này tức là biết rằng mỗi người trong chúng ta có thể đang chất chứa trong tiềm thức một số vốn kiến thức hay khả năng chưa được dùng đến. Những sự say mê thích thú của ta về một ngành nào đó đều có thể truy nguyên từ những hoạt động của ta trong những kiếp trước về ngành ấy.

Có người chỉ thích thú đặc biệt những sự vật của xứ Tây Ban Nha; hoặc có người chỉ ưa thích những sự vật của Trung Hoa, hay Nhật Bản chẳng hạn; điều đó cho thấy là họ đã từng sống một kiếp trước ở những xứ ấy. Nếu những người ấy biết trau dồi khuynh hướng của họ bằng cách học tiếng Tây Ban Nha, hoặc khảo cứu về lịch sử và văn hóa Trung Hoa hay Nhật Bản... họ có thể làm khơi dậy những ký ức sâu xa trong tiềm thức và những khả năng đã tích lũy được trong kiếp trước ở những xứ ấy. Nhờ đó, họ cũng có thể tiếp xúc với những

người mà họ đã từng có dây liên lạc mật thiết trong những kiếp đó.

Sự gặp gỡ với những người mà chúng ta đã có nhân duyên cũ từ kiếp trước có thể hoàn toàn làm thay đổi cuộc đời của chúng ta bằng cách mở cửa cho chúng ta bước vào những địa hạt hoạt động mà ta không hề nghĩ đến.

Việc làm trước tiên trong vấn đề hướng nghiệp là kiểm điểm lại những khả năng của mình và chọn lấy một khả năng nào trội nhất. Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* đều đồng ý với các nhà chuyên môn về vấn đề hướng nghiệp và thường nêu ra những khả năng trội nhất của đương sự. Nhưng trong những trường hợp khả nghi không quyết đoán, hoặc khi cần đưa ra cho đương sự những cảnh báo đặc biệt nào đó thì ông *Cayce* thường đưa ra những nguyên tắc đại cương làm tiêu chuẩn cho sự quyết định của họ. Những nguyên tắc đó thường được lặp lại nhiều lần, đến nỗi người ta có thể xem đó như những nguyên tắc căn bản cho việc chọn lựa nghề nghiệp. Dưới đây là một vài nguyên tắc như thế:

Nguyên tắc thứ nhất:

Hãy xác định và nêu cao một lý tưởng.

Điều này có nghĩa là, ta cần phải định rõ mục đích sâu xa của cuộc đời mình và tìm mọi cách nỗ lực thực

hiện lý tưởng đó. Sự nêu cao lý tưởng là một điều quan trọng trong vấn đề hướng nghiệp. Những cuộc soi kiếp đều nhấn mạnh rằng ta nên biết rõ về cái lý tưởng mà mình muốn thực hiện. Và lý tưởng đó đối với ta còn cách bao xa?

Ông *Cayce* cũng nhìn nhận rằng những lý tưởng của một người thường là phức tạp nhưng chúng ta chỉ có thể đi đúng con đường của mình khi nào chúng ta nêu được rõ ràng cái mục đích mà mình muốn đi tới. Sự chọn lựa nghề nghiệp phải căn cứ trên vấn đề xác định và nêu cao lý tưởng trước nhất.

Nguyên tắc thứ hai:

Hãy cố gắng giúp đỡ và phụng sự người khác.

Bằng cách nào ta có thể phụng sự nhân loại một cách hiệu quả nhất? Đó là tiêu chuẩn quan trọng trong việc chọn lựa một nghề nghiệp. Nếu xét thấy một nghề nghiệp nào mà qua đó ta có thể giúp đỡ mọi người quanh ta một cách hiệu quả nhất thì đó chính là nghề nghiệp mà ta nên theo đuổi. Ta đừng bao giờ quên rằng mình là một phần tử của nhân loại. "Giúp đỡ kẻ khác là việc làm cao cả nhất." Đó là một câu thường được lặp lại nhiều lần trong các cuộc soi kiếp.

Đi kèm với phương châm này, ông *Cayce* còn nói rằng vấn đề tiền bạc, danh vọng ở đời phải đặt sau

lý tưởng phụng sự người khác, và chỉ nên xem đó là những vấn đề phụ thuộc mà thôi.

Một đứa trẻ mười ba tuổi có năng khiếu đặc biệt về nhiều ngành khác nhau và chưa biết nên theo học về ngành nào, đã đặt câu hỏi:

- Tôi phải phát triển khả năng nào để đến lúc trưởng thành tôi có thể kiếm được nhiều tiền bạc nhất?

Câu trả lời của ông *Cayce* là:

- Em hãy quên đi vấn đề tiền bạc, mà chỉ nên nghĩ đến việc em có thể giúp đỡ người khác bằng cách nào để làm cho cõi đời này trở nên tốt đẹp hơn. Đừng nên lãng phí công lao cố gắng chỉ vì vấn đề tiền bạc. Tiền bạc sẽ tự đến với ta khi ta dùng khả năng của mình để phụng sự tốt cho nhân loại.

Một người khác hỏi:

- Tôi nên theo đuổi ngành hoạt động nào để có thể kiếm được nhiều tiền nhất?

Câu trả lời cho ông vẫn là:

- Anh hãy gác lại vấn đề tiền bạc. Vấn đề tiền bạc phải là kết quả tất nhiên của sự cố gắng giúp đỡ kẻ khác. Sự thịnh vượng về vật chất phải đi sau lý tưởng phụng sự con người.

Một nhà buôn xuất nhập khẩu cũng nhận được lời khuyên sau đây:

- Phương châm của ông phải là: Tôi muốn phụng sự nhân loại, và tiền tài danh vọng sẽ đến với tôi như những kết quả tất nhiên của một cuộc đời tốt lành và phụng sự. Đừng bao giờ xem tiền bạc như những miếng mồi thơm, rồi vì nó mà ta phải hành động trái với lương tâm để chiếm đoạt.

Nguyên tắc thứ ba:

Hãy sử dụng những gì mình đang có trong tay.

Hãy bắt đầu từ vị trí hiện tại của mình. Câu này dường như hơi thừa, vì đó là một lẽ rất hiển nhiên. Tuy vậy, cũng như nhiều sự thật hiển nhiên khác, nó cần được lặp lại và nhấn mạnh, vì người ta vốn có thói quen khinh thường những điều giản dị và gần gũi để luôn hướng đến tìm kiếm những chuyện xa vời, khó khăn.

Có nhiều người muốn phụng sự nhân loại, nhưng lại nêu ra một lý tưởng quá viễn vông, không thiết thực, hoặc không phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Trong khi họ chọn cho mình một mục đích cao cả để theo đuổi, thì trong thực tế lại mắc kẹt trong một cuộc đời phức tạp không thể nào thoát ra khỏi. Những trách nhiệm gia đình hay trở lực về tài chánh làm ngăn trở sự thực hiện lý tưởng của họ.

Đối với hạng người này, những cuộc soi kiếp thường khuyên rằng:

- Người ta chỉ có thể sử dụng tốt những gì hiện có trong lúc này. Cuộc hành trình muôn dặm cũng bắt đầu bằng chỉ một bước chân.

Bước chân đầu tiên đó, người ta phải thực hiện ngay từ vị trí hiện tại của mình. Một người đàn bà bốn mươi chín tuổi hỏi ông *Cayce*:

- Tôi nên làm những công việc gì trong đời?

Câu trả lời là:

- Bà hãy giúp đỡ những kẻ yếu đuối và những kẻ vấp ngã; giúp thêm sức mạnh và can đảm cho những kẻ thất bại.

Bà ấy lại hỏi:

- Bằng cách nào tôi có thể làm công việc đó?

Ông Cayce đáp:

- Bà hãy bắt đầu ngay từ những cơ hội hiện tại. Hãy sử dụng những gì bà đang có và bắt đầu ngay từ vị trí của bà hiện nay.

Một người đàn bà khác cũng có sự thắc mắc tương tự. Bà ấy đã sáu mươi mốt tuổi, vợ của một vị lãnh sự ở một xứ Bắc Âu. Bà đã từng đi du lịch nhiều nơi ở miền Trung Đông và có nhiều kiến thức sâu rộng. Bà ấy hỏi:

- Tôi phải làm gì để phụng sự nhân loại một cách hữu hiệu nhất?

Câu trả lời cũng giống như trong trường hợp kể trên:

- Bà hãy làm bất cứ việc gì đến với bà hằng ngày. Không phải người làm nên những kỳ công hiển hách, vang dội mới là những kẻ làm được nhiều việc nhất; mà chính những ai biết đón nhận lấy mọi cơ hội phụng sự trong cuộc sống hằng ngày.

Khi những cơ hội hằng ngày luôn được tận dụng triệt để thì những cơ hội tốt lành hơn sẽ có đủ điều kiện để xuất hiện nhiều hơn, và những công việc phụng sự lớn lao sẽ đến ta. Đó là vì khi ta dùng những phương tiện đang có sẵn để phụng sự kẻ khác thì những phương tiện ấy sẽ không bao giờ mất đi, mà tự nó sẽ tiếp tục phát triển một cách dồi dào hơn trước nữa.

Một người khác cũng nhận được lời khuyên tương tự:

- Anh hãy bắt đầu từ vị trí hiện tại của anh. Và khi anh đã làm xong bổn phận, chắc chắn anh sẽ gặp được những cơ hội tốt đẹp và lớn lao hơn nữa!

Lời khuyên đầy tính triết lý này tuy nghe có vẻ rất trừu tượng nhưng lại vô cùng chính xác trong thực tế, và những ai đã tuân theo đều phải thừa nhận nó như một sự thật vô cùng cụ thể. Lời khuyên này không

những áp dụng cho những người có ý muốn phụng sự nhân loại, mà cũng được áp dụng như một phương thức hữu hiệu dành cho những ai muốn làm nên sự nghiệp to lớn, vang dội tiếng tăm, cho dù là trên bất cứ lãnh vực hoạt động nào.

Dường như sự lặp lại nhiều lần trong các cuộc soi kiếp về việc "cần phải sử dụng những gì mình đang có và bắt đầu từ vị trí hiện tại" là để chống lại hai khuynh hướng cực đoan thường tình của người đời. Đó là, người ta có thể trở nên hoàn toàn thụ động vì thấy rằng kiến thức của mình quá hẹp hòi nông cạn; hoặc vì có một tầm kiến thức quá bao quát rộng lớn.

Có nhiều người biết rõ mục đích mà họ muốn thực hiện trên các địa hạt nghệ thuật, văn hóa, khoa học hay chính trị. Nhưng vì một sự tính toán sai lầm, họ bỏ dở nửa chừng và không làm gì cả, mục đích của họ dường như không thể thực hiện được. Vì họ không biết rõ về tính liên tục của mọi cố gắng và sinh hoạt trong đời sống con người, nên họ không nhận thức được rằng thời gian không phải là yếu tố giới hạn, vì những gì đã bắt đầu trong kiếp này sẽ đem lại kết quả trong kiếp sau.

Vì lầm tưởng rằng đời sống chỉ giới hạn trong một kiếp sống duy nhất ngắn ngủi nên họ cho rằng mình không thể thực hiện được mục đích vì không đủ thời

gian. Họ trở nên hoàn toàn thụ động, tê liệt cả ý chí tiến thủ, và bỏ dở mọi việc. Vì thế, thay vì tích cực thực hiện được phần nào mục tiêu đề ra, họ lại đứng giậm chân tại chỗ không tiến thêm được nữa, và trong những kiếp sau họ lại phải khởi sự từ đầu!

Nhưng nếu người ta biết áp dụng lời khuyên đầy minh triết của ông *Cayce* là "hãy bắt đầu từ vị trí hiện tại" và "sử dụng những gì hiện có", thì sự thụ động kia sẽ không còn nữa, và họ sẽ dùng hết nghị lực để hoạt động theo đúng đường lối, với nhiều triển vọng tốt đẹp và tin tưởng nơi sự thành công trong tương lai.

Ngoài ra, có những người nhờ tin vào thuyết luân hồi nhân quả mà hé mở được tầm nhìn vào tương lai, với một viễn ảnh xán lạn huy hoàng, nhưng họ lại không thể hiện được cái đức tin đó ra thành những hành động xử thế hằng ngày.

Nhiều nhà triết học và khoa học mãi đắm chìm trong việc học hỏi khảo cứu các định luật thiên nhiên ảnh hưởng đến sự tiến hóa của nhân loại, nhưng hoàn toàn không biết rằng sự tiến bộ của con người không chỉ được thực hiện bằng sự học hỏi suông. Họ chẳng khác nào người du khách mãi lo nghiên cứu lộ trình trên tấm bản đồ một cách chăm chú và say sưa nhưng lại chưa bao giờ cất bước ra đi!

Những người ấy luôn mải mê chạy theo với những vấn đề trừu tượng siêu hình đến nỗi khi cần phải thực hiện một sự thay đổi tâm tính hay làm một việc hữu ích để giúp đỡ nhân loại thì họ lại thờ ơ chểnh mảng và hoàn toàn bất lực.

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* luôn luôn nhắc nhở cho chúng ta biết rằng, dù ta sống trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều có thể làm cho hoàn cảnh ấy trở nên thích hợp với những nỗ lực hướng thiện của ta trong hiện tại. Dù cho gặp phải những hoàn cảnh khó khăn trái nghịch, chúng ta cũng nên xem đó như những cơ hội giúp ta rèn luyện và tu dưỡng tâm tính, chứ không nên xem đó như là những chướng ngại.

Khi ta biết vượt qua những hoàn cảnh khó khăn trở ngại thì chúng ta mới xứng đáng bước vào những hoàn cảnh tốt lành và thuận tiện hơn.

Trong một cuộc soi kiếp, ông *Cayce* có đưa ra lời khuyên như sau:

- Anh hãy nhớ rằng, dù anh sống trong hoàn cảnh nào, điều đó cũng là cần thiết cho sự tiếp xúc hằng ngày với mọi người, và chính nhờ sự cải thiện trong từng ngày, từng giờ, từng phút đó mà anh thực hiện được sự tu dưỡng một cách hiệu quả và vươn đến sự hoàn thiện trong tương lai.

Chính nhờ kiên nhẫn xây lắp từng viên gạch nhỏ mà người ta mới hoàn tất được những ngôi nhà đồ sộ. Khi một người đã phát khởi ý nguyện sẵn sàng phụng sự nhân loại, sự cố gắng không ngừng trong từng giờ từng phút là điều kiện cần thiết cho sự hoàn thành tâm nguyện đó, và từ đó anh ta sẽ gặp được những hoàn cảnh, những cơ hội thuận tiện hơn. Mỗi người chúng ta hãy xây dựng tương lai của chính mình với những gì đang sẵn có trong tay, và phải khởi sự một cách kiên nhẫn ngay từ những việc làm vô cùng nhỏ nhặt. Đó là những viên gạch nhỏ không thể thiếu nếu ta muốn xây dựng một tòa nhà tương lai thật đồ sộ và kiên cố.

CHƯƠNG 21

BÍ QUYẾT ĐÀO TẠO KHẢ NĂNG

Những tiết lộ của ông *Cayce* về khả năng của con người và sự phát triển khả năng một cách liên tục từ kiếp này sang kiếp khác có ảnh hưởng rất sâu xa về phương diện thực tế. Trước hết, điều này cho ta thấy được những triển vọng vô hạn về sự nỗ lực vươn lên của con người và vai trò chủ động của mỗi cá nhân trong sự hoàn thiện chính mình.

Theo cách nhận thức này thì điều tất nhiên là năng lực và đức tánh của mỗi người đều hoàn toàn tùy thuộc vào những cố gắng mà người ấy đã thực hiện trong quá khứ và đã tích lũy trong kho tàng tâm thức. Nhưng điều này cũng đúng với những khả năng của mỗi người trong tương lai. Vì cũng như những khả năng của chúng ta bây giờ là do sự cố gắng tích lũy từ quá khứ, thì những khả năng mà ta sẽ có trong tương lai cũng phải là do những cố gắng trau giồi, tu dưỡng của ta trong hiện tại.

Vì thế, những công sức, thời gian và sự khó nhọc mà chúng ta đang bỏ ra hôm nay sẽ không bao giờ mất đi, mà chắc chắn sẽ mang lại kết quả tương xứng cho ta trong những kiếp tương lai.

Trên thế gian này luôn có hàng trăm nghìn người dành suốt cuộc đời để âm thầm cố gắng theo đuổi một chí hướng nào đó, mặc dầu biết chắc rằng không thực hiện được. Xét theo lối thường tình thì đó thật là một việc đáng buồn và vô ích. Nhưng sự cố gắng của họ thật ra không phải là hoài công vô ích nếu ta nhìn vấn đề từ góc độ của thuyết nhân quả luân hồi.

Một ông lão cố gắng vun trồng những khóm hoa trong vườn nhà, có lẽ không mong ước chiếm giải quán quân về một cuộc thi trồng hoa đẹp; hoặc sẽ được khen tặng và biểu dương trên những tạp chí nông nghiệp. Tuy nhiên trong lúc hiện tại, ông ta đang xây đắp mầm mống cho sự hiểu biết về ngành thực vật học, để rồi trong một kiếp tương lai, nó sẽ đâm chồi nẩy lộc thành những kiến thức sâu rộng về ngành này và giúp ông ta trở thành một nhà trồng trọt trứ danh hay một nhà thực vật học uyên bác.

Những cố gắng thô thiển và vụng về của một người đàn bà đứng tuổi đang tập vẽ tranh, không chỉ là đề tài chế giễu của bạn bè thân quyến trong gia đình như

người ta nhìn thấy, mà chính là những bước đầu tiên trên con đường hướng đến một trình độ nghệ thuật cao hơn và chắc chắn sẽ giúp cô trở thành một họa sĩ tài danh vào một kiếp nào đó trong tương lai.

Ông giáo sư âm nhạc trải qua nhiều năm tận tụy với nghề dạy đàn dương cầm, vẫn cố gắng hành nghề một cách âm thầm, không tên tuổi. Với thời gian trôi qua, năm tàn tháng lụn, ông không còn nuôi hy vọng trở thành một nhạc sĩ tài danh nữa, nhưng có lẽ ông ta sẽ tự an ủi nếu biết rằng mình đang dấn bước trên con đường sự nghiệp vẻ vang trong những kiếp tương lai.

Nói tóm lại, theo thuyết luân hồi nhân quả thì không có một sự cố gắng nào là mất đi. Nếu luật nhân quả luôn tác động một cách khách quan và chính xác để hình thành những quả báo tương xứng cho những hành vi bất chính, thì nó cũng mang lại phần thưởng xứng đáng cho những ai biết nỗ lực xây dựng.

Nếu chúng ta thật sự tin tưởng nơi điều rất quan trọng này thì chúng ta sẽ không bao giờ bị thất vọng trên đường đời. Mỗi giờ phút trôi qua, chúng ta đều đang tạo dựng tương lai của chính mình. Cái tương lai đó được tốt đẹp hay không là tùy nơi những cố gắng tốt lành của ta trong hiện tại, và nếu chúng ta lãng phí thời giờ vô ích để tìm những thú vui vật chất phù du

giả tạm của cuộc đời trần thế thì chắc chắn ta sẽ không thể mong đợi có một tương lai huy hoàn xán lạn.

Hiểu như thế, người ta sẽ không còn cho rằng giai đoạn cuối cùng của đời người là một giai đoạn bất lực và vô dụng, chỉ có thể nghỉ ngơi, an phận và không làm được gì cả. "Tuổi già" hiểu như thế là một sự bi quan và tiêu cực.

Theo các cuộc soi kiếp của ông *Cayce*, ở xứ cổ Ai Cập cách đây độ mười ngàn năm, đời sống trung bình của con người là trên một trăm tuổi. Sự ăn uống tiết độ, đúng phép vệ sinh, và bí quyết giữ cho tư tưởng được lành mạnh trong sạch giúp cho con người sống rất lâu, và thậm chí khi tuổi già họ cũng không đến nỗi run rẩy lụm cụm.

Khoa học hiện đại cũng đã chứng minh điều này. Khoa Tâm bệnh học (*Psychosomatique*) cũng khám phá rằng sự già nua một phần lớn do bởi một bệnh trạng tâm lý của đương sự, theo đó người ta tự nghĩ rằng mình đã là một người vô ích, vô dụng cho xã hội, và đã đến lúc cần phải được thay thế bởi những người trẻ. Sở dĩ họ có thái độ đó là bởi vì họ quan niệm theo "chiều ngang" về cuộc đời, tức là một thói quen hay so sánh mình với những kẻ khác trên cùng bình diện thời gian và không gian.

Nhưng theo thuyết luân hồi nhân quả thì quan niệm đúng thật về cuộc đời phải là một quan niệm theo "chiều dọc". Tự so sánh mình với những người trẻ tuổi hơn không những là một điều vô lý, mà còn là vô ích vì chúng ta chỉ hoạt động để tự vươn mình và hoàn thiện chính mình, sự tiến bộ của chúng ta không phải là sự tương đối so với kẻ khác, mà là sự so sánh với chính bản thân mình qua từng thời điểm.

Hiểu như thế, ta sẽ không còn thắc mắc ganh tị với những người ở vào một hoàn cảnh tốt lành và thuận tiện hơn hoàn cảnh của ta trong hiện tại. Sự ganh tỵ chỉ là một ảo tưởng vật chất. Trên phương diện tâm linh, ta không ganh tỵ với ai cả. Mỗi người đều tự chịu trách nhiệm về những gì mình làm và không liên quan gì đến sự tốt đẹp hay xấu xa của người khác.

Dầu sao, nói một cách tích cực thì người già không bao giờ nên tự xem mình như một phế nhân bên lề xã hội. Trái lại, chính trong sự lắng đọng và tĩnh lặng của độ tuổi xế chiều mà ta càng nên dành tất cả thời gian còn lại để trau dồi và tu dưỡng tâm tính, như sự chuẩn bị tích cực nhất trước khi bước sang một đời sống khác, và nỗ lực học hỏi những điều cao cả trong đời sống mà trước kia vì bận rộn công việc hoặc vì bổn phận gia đình mà ta đã không có thời gian để theo đuổi một cách tận tâm và trọn vẹn.

Nếu một người già có thể ý thức và thực hiện được như vậy, người ấy sẽ xây đắp nền tảng cho sự tiến bộ tâm linh của mình trong kiếp sau, thay vì chỉ sống những tháng ngày tẻ nhạt và vô vị cuối cùng trước khi chấm dứt đời sống. Chỉ xét riêng về điểm này không thôi, rõ ràng quan điểm luân hồi nhân quả đã có thể mang lại cho ta một sức sống mới và một niềm vui sống vô biên trong lúc tuổi già mà những ai có cái nhìn giới hạn đời sống trong một kiếp này thôi sẽ không có được.

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* thường nói rằng, chúng ta nên sống một cách tích cực và nỗ lực xây dựng cho đến giây phút cuối cùng của đời ta. Dưới đây là một vài đoạn rất có ý nghĩa đã được ghi lại:

- Anh hãy sống điều độ trong tất cả mọi việc, không nên làm bất cứ điều gì thái quá. Được như vậy, anh sẽ sống đến trăm tuổi một cách dễ dàng. Nhưng điều quan trọng hơn là anh sẽ phải sống cách nào để xứng đáng với tuổi thọ đó. Anh làm được những gì cho người khác? Nếu anh không làm được gì để giúp đỡ người khác, thì sự sống của anh chẳng có ý nghĩa gì khác hơn là chỉ làm chật đất!

Hỏi: Tôi phải làm sao để tự chuẩn bị cho lúc tuổi già?

Đáp: Cô hãy tự chuẩn bị ngay từ lúc này, rồi tuổi già sẽ giúp cho cô khôn ngoan già dặn hơn nữa. Hãy tỏ

ra dịu dàng, khả ái và biết thương yêu mọi người. Như thế, tâm hồn cô sẽ được trẻ trung mãi mãi...

Hỏi: Tôi phải làm gì để không cảm thấy cô đơn khi tuổi già sắp đến?

Đáp: Anh hãy bắt tay ngay vào một việc gì đó để giúp đỡ người khác. Hãy làm cho người khác được vui vẻ hạnh phúc, và hãy tự quên mình để giúp đỡ mọi người quanh ta. Mối liên hệ được tạo ra giữa cá nhân và cộng đồng sẽ giúp anh không còn sợ sệt lo âu về những gì có thể xảy đến cho mình và sẽ không cảm thấy buồn chán, cô đơn.

Hỏi: Tôi phải làm gì để được yên ổn trong lòng và tìm thấy sự an tịnh?

Đáp: Anh hãy tận tình giúp đỡ người khác. Hãy quyết định mỗi ngày phải làm một điều thiện nào đó, cho dù rất nhỏ, hoặc nâng đỡ cho những ai cần đến mình, cho dù đó là người chưa quen biết. Chẳng hạn, anh có thể viếng thăm một người bệnh và trò chuyện an ủi họ. Sự quan tâm thực sự đến người khác sẽ giúp anh thấy trong lòng yên ổn, không có gì cần phải thắc mắc, nghĩ ngợi, lo âu.

Như vậy đời sống của chúng ta mới trở nên thực sự có ý nghĩa và bất cứ lúc nào ta cũng biết chắc rằng mình đang tích lũy được một điều gì đó tốt đẹp hơn

cho những kiếp sống tương lai. Hiểu được chân lý đó, người ta sẽ không còn có sự ganh tị đối với kẻ khác, vì sự ganh tị là một điều vô ích, không mang đến cho ta bất cứ kết quả tốt đẹp nào.

Triết gia *Emerson* nói: “*Sẽ có lúc người ta nhận định rằng thói ganh tị là do sự ngu dốt mà ra.*”

Điều ấy rất đúng, nhưng nó chỉ được hiểu rõ nhất khi ta hiểu và tin vào luật nhân quả. Những kẻ ganh tị là những người không biết rằng bất cứ điều gì người khác làm được ta cũng có thể làm được; tất cả những gì người khác có được, như sắc đẹp, tài năng, danh vọng, giàu sang, đức hạnh, v.v... ta cũng có thể có được, chỉ cần ta thực sự cố gắng làm những việc tốt lành để gieo nhân mà thôi. Kết quả tốt đẹp chắc chắn sẽ tự nó tìm đến.

Một thái độ xử thế thích nghi về điểm này đã được diễn tả trong cuộc đời của nhạc sĩ trứ danh *Paganini*. Người ta thuật lại rằng nhạc sĩ này có lần bị hai năm tù vì mắc nợ không trả được. Trong khi bị giam, hằng ngày ông vẫn chơi một cây đàn vĩ cầm cũ, chỉ có ba dây. Sau khi được ra tù, ông trình diễn đàn vĩ cầm trước công chúng với một ngón đàn tuyệt diệu hơn trước, làm cho cử tọa phải ngạc nhiên về tài nghệ xuất chúng của ông.

Ngón đàn đặc biệt của ông là mỗi khi đến những đoạn nhạc khó khăn nhất thì ông bèn cắt đứt sợi dây dưới của cây đàn vĩ cầm và tiếp tục kéo đàn chỉ có ba dây! Ngón đàn tuyệt luân này, ông đã học được trong thời gian hai năm ngồi tù. Việc bị giam cầm là một điều chướng ngại khó khăn và là một nghịch cảnh, nhưng *Paganini* đã phản ứng một cách tích cực chứ không thối chí hay thất vọng.

Ngày nào con người còn sống giữa thế gian thì chắc chắn vẫn còn có những nghịch cảnh do quả báo đưa đến. Nhưng chúng ta không nên để cho nghịch cảnh đè bẹp hoặc làm cho ta điêu đứng khổ sở; mà trái lại, ngay trong những nghịch cảnh chúng ta cũng vẫn có thể vui sống với một niềm hy vọng và lạc quan.

Khi nghịch cảnh xảy đến không thể tránh khỏi, chúng ta có thể chấp nhận nó một cách kiên nhẫn, can đảm và vui vẻ; và như thế chính là ta đang xây đắp nền tảng cho sự thành công vẻ vang trong tương lai.

CHƯƠNG 22

TIỀM NĂNG CỦA CON NGƯỜI

Như trên, chúng ta đã thấy rằng luật nhân quả mang tính liên tục và luôn có sự tương tác, kết hợp giữa nhiều yếu tố phức tạp với nhau. Nói về tính chất liên tục của luật nhân quả thì mỗi một sự việc ta đã làm trong quá khứ đều tạo ra một nghiệp nhân nhất định và liên tục tiến đến gần hơn thời điểm kết quả của nó. Đồng thời, mỗi một hành vi ta đang làm trong hiện tại lại tiếp tục tạo ra nghiệp nhân để hình thành những kết quả trong tương lai. Và như vậy, dòng nhân quả cứ trôi chảy tương tục không có bất cứ một thời điểm nào gián đoạn. Mỗi một thời điểm bất kỳ trong đời sống của chúng ta đều là thời điểm gieo nhân và gặt quả. Hay nói cách khác, khi ta vẫn còn trong vòng sinh tử luân hồi thì mọi tư tưởng, hành vi của ta đều không thể ra ngoài sự chi phối liên tục của luật nhân quả.

Chính điều này đã dẫn đến việc có nhiều khuynh hướng trái ngược nhau có thể đồng thời xuất hiện và tạo nên một sự xung đột bên trong tâm hồn của một người.

Trong những cuộc soi kiếp của ông *Cayce*, những khuynh hướng về năng khiếu hay tánh tình của một người có thể truy nguyên từ những kinh nghiệm trong kiếp trước. Chẳng hạn như một người kia có những khuynh hướng về âm nhạc đã được tích lũy trong một kiếp trước, nhưng đồng thời cũng có khuynh hướng về ngành sư phạm từ một kiếp trước nữa. Thế là người này có cả hai khuynh hướng về hai ngành khác nhau là âm nhạc và giáo dục.

Những khuynh hướng khác biệt này gây ra một sự xung đột trong tâm hồn, khi người này buộc phải chọn lấy một nghề duy nhất. Ông sẽ làm nhạc sĩ hay giáo sư? Trong nhiều năm, ông bị giày vò bởi một sự lưỡng lự phân vân, không biết chọn lấy nghề nào. Sau cùng sự xung đột ngấm ngầm này phải được giải quyết bằng cách dung hòa cả hai khuynh hướng, hoặc phải từ bỏ một nghề và chỉ chọn lấy một nghề. Sự chọn lựa này đôi khi có thể là tùy theo ý muốn của đương sự, nhưng đôi khi cũng phải phụ thuộc vào hoàn cảnh hay các điều kiện cụ thể, chẳng hạn như nhu cầu tài chánh.

Còn có một sự xung đột khó khăn hơn nữa là khi đương sự chưa trừ bỏ được một tật xấu cũ. Chẳng hạn, một người có thói khinh ngạo từ kiếp trước, và trong kiếp sống đó đã từng lạm dụng quyền thế một cách độc tài đối với người khác. Trong một kiếp sau đó, người

này phải đầu thai làm một đứa trẻ tàn tật sống trong một túp lều nghèo nàn. Thói khinh ngạo của ông đã phải nhận lãnh quả báo, và ông đã bắt đầu có thái độ khoan dung, ôn hòa hơn đối với mọi người. Nhưng thói khinh ngạo trong quá khứ vẫn chưa trừ bỏ hoàn toàn và hãy còn biểu lộ một phần nào. Bởi đó trong kiếp này, ông có hai khuynh hướng trái ngược nhau trong tâm tính. Khi thì ông có thái độ khinh ngạo, khi thì có lòng khoan dung.

Chính đương sự cũng biết rõ điều này, và mỗi khi ông nghĩ đến tình thương nhân loại thì ông cố gắng diệt trừ thói khinh ngạo còn tiềm ẩn trong lòng.

Nhưng phần nhiều, người ta không ý thức được vấn đề này. Các tập hồ sơ *Cayce* có chứa đựng rất nhiều trường hợp như trên, mà dưới đây là một trường hợp rõ rệt nhất.

Một người kia có hai khuynh hướng trái ngược nhau, khi thì khép chặt, cách biệt, lạnh lùng; khi thì lại rất hồn nhiên, cởi mở. Theo một cuộc soi kiếp cho người này thì điều đó có nguyên nhân từ hai loại kinh nghiệm khác hẳn nhau trong quá khứ. Trong một kiếp trước, ông là một tu sĩ thuộc một dòng tu kín của Anh quốc, và chính kiếp sống này đã tạo cho ông một tâm hồn khép chặt và cách biệt. Trong một kiếp trước nữa, ông là người tình nguyện tùng chinh trong cuộc Thánh

chiến thời Trung Cổ; và kiếp đó đã giúp ông có tâm hồn cởi mở, yêu đời.

Sự trái ngược đó thường làm cho mọi người xa lánh ông, vì họ thấy khó hiểu được vì sao một người lại có tính khí thất thường như thế; mới hôm qua vừa vui vẻ hồn nhiên, nay đã tỏ ra thật lạnh lùng cách biệt!

Ông *Aldous Huxley* có thuật chuyện một tu sĩ người Ý hồi thế kỷ 17 tên là *Pierre Claver*, đã hy sinh tận tụy suốt đời để phụng sự những nô lệ da đen bị mua về từ châu Phi, thường bị dân bản địa ngược đãi và đối xử tàn nhẫn. Vị tu sĩ này thường khuyên những người da đen hãy nhẫn nhịn và cố gắng làm nhiều việc tốt để có một tương lai tốt đẹp hơn. Ông *Huxley* nói:

- Lời khuyên đó có vẻ như không đúng chỗ, nhưng biết đâu vị tu sĩ ấy có lý, vì cho dù ở vào hoàn cảnh nào con người cũng luôn cần phải biết chuộc lại những lỗi lầm trong quá khứ và hướng đến xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn.

Những sự ngược đãi, hung ác, bất công của người khác đối với ta tuy là quả báo xấu của những hành vi bất thiện trong quá khứ, nhưng cũng có thể được xem như những cơ hội nhắc nhở chúng ta phải biết tránh xa những hành vi xấu ác và cố gắng nhiều hơn trong việc thực hiện các điều thiện.

Ông *Huxley* còn nêu ra một vấn đề rất quan trọng là đừng bao giờ nuôi cái ảo tưởng rằng ta là người hoàn toàn trong sạch và vô tội. Đa số chúng ta khi lâm vào những nghịch cảnh hay phải chịu đựng những nỗi đau khổ bất công thường nghĩ rằng mình là oan ức, vô tội và phải chịu thiệt thòi, chứ không nghĩ rằng đó là do ta đã từng gây ra những nỗi bất công và đau khổ cho kẻ khác. Chúng ta luôn tưởng rằng mình tốt lành và vô tội. Có lẽ là do thói kiêu căng vốn có từ nhiều kiếp trong mỗi con người.

Nhưng còn một lý do khác nữa, đó là sự lãng quên, một định luật tự nhiên đã khiến ta quên đi mọi sai lầm và tội lỗi trong quá khứ. Một người đàn bà nọ phàn nàn:

- Tôi luôn đối xử tốt lành với tất cả mọi người; nhưng người khác đối xử với tôi quá tệ bạc. Con người thật là bạc bẽo và vô ơn!

Ông Cayce đã trả lời bà ấy rằng:

- Phải, bà đã hết sức tốt lành và lương thiện, nhưng đó là những biểu hiện trong kiếp này, bởi vì bà nhận thấy rằng về phần thể chất bà không tốt đẹp; và bà chỉ có thể thâu phục được lòng người bằng những hành động tốt lành và vị tha. Nhưng đó chỉ là một đức tánh mà bà mới có đây thôi. Trong một kiếp trước, bà là người có một sắc đẹp duyên dáng, sắc xảo, mặn mà

nhưng tâm địa rất độc ác! Cho nên, ngày nay bà chỉ gặt hái đúng những gì bà đã gieo trồng trong kiếp trước. Việc bà bị đối xử độc ác và bất công không phải là vô cớ, mà chính là quả báo của những hành vi độc ác mà bà đã gây ra đối với kẻ khác. Bà đã trồng hoa thơm quả ngọt suốt đời, nhưng bà chỉ hái lấy gai nhọn và trái đắng là những thứ mà bà đã gieo trồng trong kiếp trước. Mùa gặt sau sẽ đem lại cho bà những hoa thơm trái ngọt mà bà đã gieo trồng trong kiếp này. Trong khi chờ đợi, bà hãy vui lòng nhận lãnh những quả đắng và gai nhọn, nhưng đừng nên thối chí và hãy tiếp tục làm điều thiện một cách can đảm và đầy tin tưởng...

Những sự khổ đau và nghịch cảnh trong đời đều có thể xem như những cơ hội thử thách và rèn luyện tánh tình, cho dù đó là những tai ách bên ngoài như chiến tranh, dịch lệ, động đất, bão lụt... hoặc là những mối xung đột ngấm ngầm trong tâm hồn.

Chỉ khi nào khoa tâm lý học nhìn nhận rằng tất cả mọi sự đau khổ đắng cay, tai ương và nghịch cảnh của người đời đều có một ý nghĩa nhất định trong việc giúp con người tiến bộ nhiều hơn trên con đường hướng thượng thì ngành học thuật này mới có thể được xem là đã tiến được một bước tiến lớn.

CHƯƠNG 23

NHỮNG KHÍA CẠNH CỦA LUẬT NHÂN QUẢ

Trước đây, chúng ta đã thấy trường hợp của người nhạc sĩ mù do kiếp trước khi sống trong một bộ lạc ở Ba Tư đã lấy dùi sắt nhọn nung đỏ chọc vào mắt những tù binh để hành tội.

Trong trường hợp này, người ta sẽ đặt câu hỏi: "Tại sao người này phải chịu trách nhiệm về một việc làm tuân theo những tục lệ địa phương thời đó? Xét cho cùng, ông ta không thể làm khác hơn những gì xã hội đương thời đòi hỏi, vậy tại sao ông phải chịu quả báo trong khi ông chỉ thừa hành một công việc mà xã hội bắt buộc ông phải làm?

Chẳng hạn như vào thời nước Pháp còn dùng những quân đao phủ để thi hành các bản án tử hình. Người đao phủ ấy chỉ là một nhân viên thừa hành và không thể làm gì khác hơn được. Có thể nào người ấy phải chịu quả báo khi thực hiện một công việc do luật pháp đã phán định hay chăng? Nhưng nếu là không, thì tại

sao người của bộ lạc nước Ba Tư thời cổ khi lấy dùi sắt nung đỏ chọc vào mắt tù binh lại phải chịu quả báo?

Trước đây chúng ta đã thấy rằng không chỉ riêng hành động gây nên nghiệp quả, mà chính những tư tưởng làm động lực thúc đẩy trong lòng người, làm cơ sở biểu lộ ra hành động ấy mới là yếu tố quan trọng hơn trong việc tạo nên nghiệp quả.

Ngoài ra, còn có vấn đề trách nhiệm chung, hay cộng nghiệp. Nếu mọi người trong một xã hội cùng tán thành và thực hiện những tập quán xấu xa, độc ác, gây đau khổ cho nhiều người, thì tất cả những người thuộc về cộng đồng xã hội đó đều phải chia sẻ trách nhiệm và nhận lãnh quả báo xấu.

Theo ý nghĩa của nền luân lý thông thường, nếu những hành vi tàn bạo như sát phạt, giết chóc, gây thương tích cho kẻ khác là những điều xấu ác, thì tất cả những thành viên của xã hội tàn bạo đó đều có thể xem là phạm tội, nếu không trực tiếp thì cũng là gián tiếp.

Tội ác đó sẽ càng tăng thêm nếu một người biết rằng những tập tục đó là độc ác mà vẫn tán thành và không làm gì để trừ bỏ đi. Và nếu họ trực tiếp nhúng tay vào những hành động hung dữ ấy thì tội ác sẽ càng tăng hơn thêm.

Lấy dùi sắt nhọn chọc thủng mắt người khác chỉ vì họ là tù binh của một bộ lạc cừu địch, dĩ nhiên là một hành động hung ác bạo tàn. Nếu người hành hình đó tự trong lòng mình có sự chống đối, không tán thành việc làm hung bạo này, và chỉ thực hiện công việc vì bị bắt buộc thì có lẽ nghiệp ác tạo ra sẽ được giảm nhẹ. Nhưng nếu trong khi thực hiện công việc ấy mà tự trong lòng ông tán thành việc làm hung ác này, nghĩa là ông cũng nuôi trong lòng một sự hung ác tương đương với tập tục xấu ác đó, thì chắc chắn là quả báo sẽ phải nặng nề hơn.

Nếu người nhạc sĩ nói trên trước đây chỉ thực hiện công việc với một tinh thần trong sạch, hoàn toàn không vì thỏa mãn dục vọng riêng tư, không có lòng hung dữ bạo tàn và đàn áp kẻ khác, thì ác nghiệp tạo ra sẽ được giảm nhẹ.

Cũng theo lập luận đó nên khi thấy rằng người ấy đã chịu quả báo mù lòa trong kiếp này thì ta có thể kết luận ngay rằng ông ta trước đây đã nuôi lòng hung ác trong khi thực hiện công việc hành tội người khác.

Trong chương 11, chúng ta đã thấy rằng một nhận thức không toàn diện về luật nhân quả có thể làm cho người ta phải băn khoăn lưỡng lự trước một vài vấn đề xã hội và không biết phải hành động như thế nào cho hợp lẽ.

Chẳng hạn, chúng ta đã thấy rằng trong nhiều trường hợp, sự lạm dụng quyền năng trong những kiếp quá khứ đã đưa đến cảnh nghèo khổ khốn khó trong kiếp hiện tại. Và nếu những sự khốn khổ của con người đều do những việc làm xấu ác của họ gây nên trong quá khứ thì ta phải đối xử thế nào với những kẻ hoạn nạn khốn cùng? Ta phải có thái độ như thế nào đối với hoàn cảnh khó khăn đau khổ của kẻ khác? Ta có nên ngoảnh mặt làm ngơ và nói như thế này chăng:

- Này ông bạn, ông bạn đau khổ vì quả báo do ông bạn tự gây ra chứ không phải oan uổng gì đâu. Tôi không thể giúp gì cho ông bạn, vì tôi không muốn can thiệp vào luật nhân quả.

Và ta có nên nghĩ rằng thiện cảm dành cho những "tội nhân" ấy là một thái độ sai lầm, và lòng nhân từ đối với họ là một điều đặt không đúng chỗ trước những tác động hoàn toàn khách quan của luật nhân quả hay chăng?

Như đã nói, sự thật thì những thắc mắc như trên đều là xuất phát từ một nhận thức không toàn diện về luật nhân quả. Nhưng có lẽ ta cũng không nên giải đáp những câu hỏi này một cách hấp tấp vội vàng, và với một sự chủ quan bồng bột.

Chúng ta biết rằng một kẻ sát nhân nguy hiểm sẽ không thể không chịu hình phạt xứng đáng. Nếu vì lòng nhân hậu mà người ta để cho kẻ ấy được tự do sau một thời gian giam cầm ngắn ngủi, thì rất có thể một tội ác tiếp theo đó sẽ xảy ra. Chúng ta cũng biết rằng, một người học trò kém cỏi không thể cố gắng học hết chương trình nếu vị thầy dạy quá dễ dãi và không xử phạt nghiêm khắc những lần trốn học. Chúng ta cũng biết rằng một đứa trẻ không thể biết vâng lời nếu người mẹ luôn bênh vực không để nó phải chịu sự giáo huấn nghiêm khắc của người cha.

Tuy thế, sự thờ ơ trước những khổ đau của những người khác không bao giờ có thể xem là một việc nên làm. Do tính chất phức hợp của luật nhân quả nên bản thân việc này cũng là một nhân xấu sẽ mang lại quả xấu cho ta trong tương lai. Trong thực tế, vào bất kỳ thời điểm nào ta cũng thấy có những người luôn cố gắng hoạt động trong các công trình cứu tế từ thiện để làm dịu bớt sự đau khổ của nhân loại. Những người này thường không có sự suy tính hơn thiệt, mà họ hành động vì sự thúc đẩy của lòng nhân ái. Chúng ta không thể phán xét rằng những người này đang chống lại luật nhân quả khi họ nỗ lực giúp đỡ những người chịu quả báo xấu. Một phán xét như vậy là phiến diện và sai lầm, xuất phát từ sự không hiểu biết đầy đủ về luật nhân quả.

Trở lại với những thí dụ minh họa mà ta vừa nêu ra ở trên. Vị quan tòa phán xử nghiêm khắc một tội nhân không phải do lòng ác độc, mà vì luật pháp của một xã hội đã được soạn thảo theo cách cố gắng bảo vệ tất cả mọi người trong xã hội đó một cách công bằng. Vì thế, vị quan tòa có bổn phận phải tuân theo luật pháp. Và khi ông làm đúng như vậy thì điều đó không thể xem là thiếu lòng nhân ái. Trong thực tế, tất cả những vị quan tòa cương trực, nghiêm khắc thật ra đều là những người tốt, biết gạt bỏ mọi sự tư lợi để luôn hành động theo lẽ phải, vì lợi ích của tất cả mọi người.

Tương tự như thế, một thầy giáo nghiêm khắc không phải là người thiếu tình thương đối với học trò, mà thật ra chính vì yêu thương và mong muốn cho người học trò của mình thành đạt nên ông mới hết lòng quan tâm đến việc học của anh ta cũng như thực hiện mọi biện pháp kỷ luật cần thiết để răn dạy. Một người học trò khi thực sự thành đạt chỉ có thể hết lòng biết ơn về sự dạy dỗ nghiêm khắc của thầy chứ không thể xem đó là những biểu hiện của sự thiếu tình yêu thương.

Cũng vậy, một người cha có thể tỏ ra nghiêm khắc với con cái khi cần thiết, bởi trong lòng ông luôn muốn dành cho con mình một sự giáo dục tốt nhất, chứ không phải vì ông không thương con bằng người mẹ.

So sánh với cả ba trường hợp kể trên thì sự thương yêu giúp đỡ những người khốn khổ trong xã hội hoàn toàn không giống với việc cản trở quan tòa thi hành pháp luật hay ngăn cản người thầy, người cha trong việc dạy dỗ... Bởi vì sự giúp đỡ và an ủi một người khi họ đang rơi vào hoàn cảnh khốn khổ là xuất phát từ tấm lòng chân thật và hướng thiện của ta, còn quả báo mà người ấy đang nhận lãnh là xuất phát từ những tư tưởng và hành vi không tốt của họ trong quá khứ. Hai điều này có thể tương tác với nhau nhưng không hề cản trở, mâu thuẫn nhau. Ta có thể giúp giảm nhẹ nỗi đau khổ của một người nhưng không thể ngăn cản quả báo xấu đến với họ, cho dù ta có muốn làm như thế. Nhưng sự giúp đỡ an ủi của ta có thể cảm hóa phần nào những tính xấu có thể đang còn tồn tại nơi người ấy, và điều đó sẽ có tác dụng rất tích cực trong việc giúp giảm nhẹ quả báo mà họ đang hứng chịu.

Mặt khác, khi ta biết thương yêu giúp đỡ người khác là ta đang xây dựng tương lai tốt đẹp cho chính mình. Và nếu tất cả mọi người đều biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau thì một cộng đồng xã hội như vậy chắc chắn sẽ là một môi trường tốt đẹp và lý tưởng cho tất cả mọi người. Vì thế, ta không thể vì những lỗi lầm trong quá khứ của một người mà quay lưng với người ấy, khiến cho bản thân mình lại trở thành một kẻ lãnh đạm, thờ

ơ, khô khan tình cảm. Ngay cả sự khoan hồng đối với tội nhân cũng luôn được thực hiện ở nhiều xã hội khác nhau, và không ai cho đó là một sai lầm. Vì chính sự khoan dung và tha thứ có tác dụng chuyển hóa còn mạnh mẽ hơn cả những hình phạt nghiêm khắc nhất. Trong một số trường hợp, sự trừng phạt có thể tạo ra tâm trạng oán hận và có tác dụng ngược lại, trong khi sự khoan hồng bao giờ cũng mang đến sự biết ơn và cảm hóa.

Cuộc đời của ông *Edgar Cayce* có thể xem là một tấm gương vị tha và tích cực giúp đỡ người khác. Những người đến với ông trong cơn khốn khổ đều được ông giúp đỡ, chỉ bảo tận tình để giúp họ giảm nhẹ mọi nỗi đau khổ, cho dù hơn ai hết ông luôn nhìn thấu mọi tội lỗi, sai lầm của họ trong quá khứ. Trong suốt bốn mươi năm, ông đã hoạt động với một tấm lòng nhiệt thành và nhân ái để cứu giúp những người đau khổ từ thể xác đến tinh thần.

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* đều xác nhận rõ ràng là con người luôn chịu sự chi phối của luật nhân quả mà phương Đông đã biết rõ từ lâu đời. Đồng thời những cuộc soi kiếp đó cũng xác nhận rằng lòng thương yêu và lý tưởng phụng sự bao giờ cũng là nền tảng dẫn đến mọi điều tốt đẹp.

Vì thế, bất kể rằng tội lỗi của một người khác là như thế nào trong những kiếp quá khứ, ta vẫn nên cố gắng giúp đỡ họ, và đừng bao giờ lầm tưởng rằng làm như thế là có thể can thiệp vào tác động của luật nhân quả.

Ngoài ra, chúng ta nên nhớ rằng sự thờ ơ lãnh đạm trước sự đau khổ của kẻ khác cũng là một điều xấu ác sẽ đưa đến quả báo xấu về sau này.

Một khía cạnh khác của vấn đề tế nhị này là con người luôn có quyền tự do ý chí trong mọi hành động và không phải tất cả mọi việc trong cuộc đời đều đã được định sẵn từng chi tiết một cách bất di bất dịch. Mỗi một sự cố gắng của chúng ta để giúp đỡ một người đang khổ đau hoạn nạn không chỉ là một kinh nghiệm bản thân cần thiết cho ta để tự hoàn thiện tâm hồn mình, mà còn là một nhân tố tích cực có thể làm thay đổi cả thái độ tinh thần và cuộc đời của đương sự.

Xét cho cùng, ta nên hiểu rằng nghiệp quả đều là do tư tưởng và hành vi tạo nên. Những hành vi sai trái, những cung cách xử thế sai lầm, đều có nguyên nhân từ sự lầm lạc trong tư tưởng. Vì thế, người ta chỉ có thể thay đổi thái độ đối với cuộc đời theo hướng tốt đẹp hơn bằng cách hoàn thiện phần tư tưởng.

Những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* đã tuyên bố xác định rằng tư tưởng chính là sức mạnh sáng tạo, và nếu

không có sự thay đổi tư tưởng theo hướng tốt đẹp hơn thì người ta không thể sửa đổi lại những nghiệp quả xấu ác đã gây ra từ trước.

Luật nhân quả quyết định một cách chắc chắn rằng mỗi con người tự tạo nên cái thân phận sang hèn, may rủi, tốt xấu, vui buồn của chính mình. Luật nhân quả không áp đặt bất cứ điều gì lên sự tự do ý chí của con người, nhưng đảm bảo một cách chính xác rằng mỗi một hành vi hay tư tưởng của chúng ta trong hiện tại đều sẽ mang đến những kết quả tương xứng trong tương lai. Và điều này thúc đẩy mọi người phải hết sức nỗ lực để tự tu dưỡng bản thân, hướng đến một tương lai ngày càng tốt đẹp hơn nữa.

Chính vì hiểu rõ luật nhân quả nên người Phật tử luôn giữ thái độ hồn nhiên, thanh thoát trước mọi nghịch cảnh, mọi nỗi thăng trầm của cuộc đời. Điều mà họ quan tâm nhất không phải là hoàn cảnh trong hiện tại tốt hay xấu, mà chính là việc mình đã làm được những gì để tích lũy cho tương lai. Và quan điểm sống đó bao giờ cũng giúp họ tích cực vươn lên trong cuộc sống, cho dù có gặp phải nhiều khổ đau và bất hạnh.

CHƯƠNG 24

MỘT PHƯƠNG CHÂM XỬ THẾ

Trong thời gian chữa bệnh giúp đời, ông *Cayce* đã nhận được nhiều thư tín từ khắp nơi trên thế giới. Đọc những bức thư đó, người ta không khỏi lấy làm buồn tủi nghẹn ngào và động lòng trắc ẩn trước bao nhiêu nỗi đoạn trường, đau khổ, lầm than của nhân loại. Ông *Cayce* đã không quản công lao khó nhọc, làm việc không tiếc thân mình, bất kể ngày đêm, để giúp đỡ tất cả mọi người bằng những cuộc soi kiếp, giúp đỡ và chỉ bày các phương pháp chữa trị bệnh tật, cùng phương pháp giải quyết những nỗi khó khăn đau khổ trong cuộc đời của mỗi người.

Có thư trình bày những nỗi thắc mắc, băn khoăn của đương sự, chẳng hạn như của một thiếu phụ viết như sau:

- Tôi tự hỏi không biết ông có thể dành cho tôi một cuộc soi kiếp để giúp ý kiến về đời sống tình cảm của

tôi chăng? Tôi thật không còn biết phải làm sao nữa? Chồng tôi đã mất, tôi muốn tái giá và hy vọng có được một gia đình ấm cúng, hạnh phúc, nhưng tôi e ngại không biết có lấy được người chồng vừa ý hay không, hay là có lẽ tôi không nên nghĩ đến việc tái giá nữa?Một người đàn bà khác viết:

- Tôi không biết phải làm cách nào để chồng tôi thay đổi tính tình, để gia đình tôi được sống trong bầu không khí yên vui và hạnh phúc?

Những người viết thư bày tỏ tâm sự, dầu là thông minh hay dốt nát, giàu sang hay nghèo khó, sang quý hay hèn mạt, tất cả đều tiết lộ cho ta thấy những nỗi thắc mắc băn khoăn và nguyện vọng chung của toàn nhân loại. Cho dù họ là những người nhút nhát, tánh tình khép chặt, cô đơn, bệnh tật, thất bại trên đường đời hoặc gia đình rối rắm, họ đều có một nguyện vọng chung, là cải tiến tình trạng hiện tại để làm cho số phận trở nên tốt lành hơn.

Trong hầu hết mọi trường hợp, họ đều được cho biết rằng nguyên nhân tình trạng đau khổ của họ là do chính họ tự gây ra. Đó là điểm đầu tiên mà đương sự phải nhìn nhận. Xét cho cùng, mỗi người tự tạo lấy những khó khăn đau khổ cho mình, và bởi đó chính họ phải tự giải quyết những nỗi khó khăn đau khổ đó.

Bất luận sự khó khăn trắc trở đó là như thế nào, như khổ về sự cô đơn; hoặc vì người chồng tánh tình xung khắc, không thể cùng nhau hòa hợp; vì một đứa con hư hỏng; hoặc một hoàn cảnh sống chật hẹp tù túng chẳng hạn; chúng ta chỉ có thể vượt qua được sự khó khăn bằng cách tự sửa đổi tâm tánh của chính mình. Nói cách khác, điều cần phải sửa đổi trước hết không phải là hoàn cảnh sống quanh ta mà chính là cái thái độ tinh thần và cách ứng xử hằng ngày của chúng ta.

Hãy dẹp bỏ những tánh xấu như thích chỉ trích, chê bai, sẵn sàng lên án những người chung quanh, tánh thù vặt, kiêu căng ngã mạn hoặc dửng dưng lạnh lùng với người khác. Hãy từ bỏ thói ích kỷ, khinh mạn và đố kỵ... Khi ta biết tu sửa tánh tình, những khó khăn chướng ngại của ta sẽ tự nó có thể được giải quyết một cách thật tự nhiên.

Nhiều người phương Tây không chấp nhận quan niệm của những tôn giáo phương Đông về vũ Trụ và nhân sinh, nhưng quan niệm này đã được những cuộc soi kiếp của ông *Cayce* xác nhận. Nhưng cho dù họ không thể chấp nhận quan niệm đó vì cho rằng thiếu bằng chứng khoa học xác đáng, chặt chẽ hơn là những bằng chứng được ghi trong hồ sơ *Cayce*, họ cũng không thể phủ nhận một cách dễ dàng tánh cách đúng đắn, hợp lý của thuyết luân hồi nhân quả. Mặt khác, vì đó

là một định luật tự nhiên nên dù họ có chấp nhận hay không thì chính bản thân họ cũng không thể thoát ra khỏi sự chi phối của nó. Cũng giống như trước thời Newton thì những quả táo vẫn rơi xuống không khác gì so với sau khi ông phát biểu định luật tự nhiên về sự kiện ấy.

Nhưng đối với những ai có thể nhận hiểu và đặt niềm tin vào thuyết nhân quả thì thuyết này có thể đem lại cho họ một lẽ sống mới, một kim chỉ nam để soi hướng và dìu dắt họ trên đường đời, và một sự tin tưởng chắc chắn rằng họ sẽ không bị lạc bước trong những cám dỗ của cuộc đời, luôn đẩy họ vào chỗ tối tăm, cuồng loạn và không mục đích.

CHƯƠNG 25

KẾT LUẬN

Trong sách này, chúng ta đã cùng nhau đi qua một quãng đường dài, bắt đầu từ câu chuyện xảy ra trong một căn phòng khách sạn ở Dayton, Ohio, Hoa Kỳ, khi ông *Edgar Cayce* dùng thần nhãn trong giấc thôi miên để lần đầu tiên xác nhận rằng thuyết luân hồi là một điều có thật.

Câu chuyện ấy và những chuyện tương tự khác nối tiếp theo sau về vấn đề luân hồi nhân quả có vẻ như chỉ là một nền tảng chưa đủ vững chắc để xây dựng trên đó cả một tòa lâu đài tâm lý và triết học mà ta đã xét qua những nét đại cương trong sách này. Tuy nhiên, xét về lịch sử khoa học ta vẫn thường thấy những phát minh lớn lao làm đảo lộn cả một thế hệ cũng dường như chỉ luôn bắt đầu từ những chuyện rất nhỏ nhặt. Một cái đùi ếch bị điện giật và một mẩu bánh mì mốc meo dường như là những sự vật quá nhỏ mọn không đủ để phát minh ra bình ắc-quy điện và thuốc trụ sinh *Penicilline*, nhưng sự thật thì đó chính là những nguyên nhân đầu tiên đưa đến hai sự phát minh kỳ diệu kể trên. Một

ngọn đèn lồng đưa lủng lẳng trong một nhà thờ cổ ở một làng nhỏ thuộc nước Ý đã đưa ông *Galilée* đến việc phát minh ra một đồng hồ thiên văn. Một bồn nước tràn đã giúp cho ông *Archimede* tìm ra một định luật quan trọng về sức đẩy của nước.

Lịch sử đã đưa đến cho ta nhiều thí dụ tương tự. Chúng ta phải nhìn nhận rằng sự thật có thể tìm ra được từ những khởi đầu giản dị tầm thường, và chúng ta sẽ không ngạc nhiên mà thấy một người học thức ít oi, không tài ba, thiếu văn hóa, khi rơi vào giấc ngủ thôi miên lại có thể đưa ra những bằng chứng quan trọng để chứng minh cho một lý thuyết căn bản về kiếp sống con người.

Bây giờ, chúng ta hãy tóm lại những gì đã được chứng minh qua những cuộc soi kiếp của ông *Cayce*, ngoài những bằng chứng hiển nhiên khác về sự thật của hiện tượng thần nhãn.

Có tất cả bảy điểm chính sau đây:

1. *Sự phân tách tâm lý và diễn tả hoàn cảnh bên ngoài của những người hoàn toàn xa lạ ở cách xa hàng trăm cây số; và trong hàng ngàn trường hợp, đã được xác nhận là đúng với sự thật.*

2. *Sự tiên đoán về những thiên tư, khả năng và nhiều điểm khác của đương sự đã được chứng*

thực trong nhiều năm về sau, không những đối với những người lớn mà cả với những trẻ sơ sinh.

3. *Những đặc điểm về tánh tình của đương sự được truy nguyên một cách hợp lý từ những kinh nghiệm thâu thập ở các kiếp trước.*

4. *Những lời tiên đoán đưa ra trong giấc thôi miên của ông Cayce đều chính xác và không hề trái ngược nhau, không những trên nguyên tắc đại cương mà cả trong từng chi tiết nhỏ nhặt, trong hàng trăm cuộc soi kiếp khác nhau vào những thời kỳ khác nhau.*

5. *Những tài liệu lịch sử chưa rõ ràng đã được kiểm chứng lại bằng cách tra cứu các văn khố; tên tuổi của các nhân vật đã được tìm thấy tại những địa điểm mà các cuộc soi kiếp nêu ra.*

6. *Những cuộc soi kiếp cùng những lời khuyên mà đương sự đã chấp nhận và nghe theo đã giúp cho nhiều người thay đổi cuộc đời về phương diện tâm lý, nghề nghiệp cũng như sức khỏe, thể chất.*

7. *Những lời khuyên nhủ và răn dạy có tính cách triết lý và tâm lý trong các cuộc soi kiếp đều phù hợp với những đạo lý cổ truyền đã từng được giảng dạy ở Ấn Độ từ nhiều thế kỷ trước.*

Nói tóm lại, đó là bảy điều quan trọng chứng minh cho những cuộc soi kiếp bằng thần nhãn của ông *Cayce*, và xác nhận sự thật về thuyết luân hồi nhân quả.

Những người khắt khe có thể cho rằng bấy nhiêu đó chưa đủ là những bằng chứng cụ thể và tuyệt đối chắc chắn, nhưng họ vẫn không thể phủ nhận rằng chúng có một giá trị xác tín nhất định.

Xét cho cùng, vào những thời điểm đầu tiên khi khoa học chứng minh rằng trái đất tròn, thì người ta cũng chỉ dựa vào sự lập luận là chính chứ chưa thể tận mắt nhìn thấy hình tròn của trái đất như quả cam trong lòng bàn tay. Tương tự, những hiểu biết nguyên tử cũng được hình thành ban đầu từ sự suy luận chứ không ai có thể nhìn thấy tận mắt các hạt nguyên tử. Tuy vậy, căn cứ trên niềm tin vào những sự suy luận đó, người ta mới dần dần phát triển những kiến thức này, và đã có thể vạch ra những lộ trình cụ thể đi vòng quanh trái đất, cũng như đã chế tạo thành công bom nguyên tử và sử dụng năng lượng hạt nhân vào đời sống.

Những sự thật này không ai có thể phủ nhận được nữa! Như vậy, thật không phải là một điều quá đáng khi nói rằng người ta nên bắt đầu có những cuộc sưu tầm và nghiên cứu thật cụ thể về thuyết luân hồi nhân

quả, với khởi điểm ban đầu là kết quả những cuộc soi kiếp bằng thần nhãn của ông *Cayce*.

Trong thực tế, cho dù thuyết nhân quả có được chứng minh cụ thể bằng những bằng chứng khoa học hay không, điều đó cũng không quan trọng. Chỉ cần chúng ta nhận hiểu và đặt niềm tin vào thuyết này, thì mọi tư tưởng, hành vi của ta chắc chắn sẽ lập tức được thay đổi theo hướng ngày một tốt đẹp hơn. Và điều này thì chắc chắn không một ai có thể phê phán hay phản đối. Khi mỗi người đều sống với thuyết nhân quả, luôn cư xử và hành động với sự cân nhắc về kết quả việc làm của mình, không chỉ trong hiện tại mà cả trong tương lai lâu dài, thì điều chắc chắn là những sự tự xét mình đó sẽ giúp cho xã hội ngày càng trở nên tốt đẹp và hoàn thiện hơn.

MỤC LỤC